

Thích Như Điển
Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt

PHẬT NÓI LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ VIỆC THÀNH LẬP THẾ GIỚI



Hội Giáo Dục Từ Thiện Sariputra ấn tống
PL. 2549 - DL. 2006 (Bính Tuất)

PHẬT NÓI LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ VIỆC THÀNH LẬP THẾ GIỚI

Mục Lục	Trang
----------------	--------------

QUYỂN THỨ NHẤT

PHẨM ĐỊA ĐỘNG Thứ nhất	10
NAM DIỆM PHÙ ĐỀ Phẩm Thứ Hai	19
Phẩm SÁU NƯỚC LỚN Thứ Ba	23
Phẩm THẦN DẠ XOA Thứ Tư	28

QUYỂN THỨ HAI

Phẩm LẬU XÀ KỶ LỢI TƯỢNG VƯƠNG thứ 5	38
Phẩm TỨ THIÊN HẠ Thứ Sáu	44
Phẩm SỐ LƯỢNG Thứ Bảy	50
Phẩm THIÊN TRỤ XỨ Thứ Tám	54

QUYỂN THỨ BA

Phẩm VƯỜN HOA HỮ Thứ 9	72
Phẩm XE TRONG VƯỜN Thứ 10	76
Phẩm VƯỜN ÁC KHẨU Thứ 11	80
Phẩm VƯỜN LẤN LỘN (Tạp nhập) Thứ 12	84
Phẩm VƯỜN BA LỢI DẠ ĐA Thứ 13	88

QUYỂN THỨ TƯ

Phẩm Thành Đề Đầu Lại Tra thứ 14	100
Phẩm Thành Tỳ Lưu Lạc Xa thứ 15	105
Phẩm Thành Tỳ Lưu Bát Xoa thứ 16	109
Phẩm Thành Tỳ Sa Môn thứ 17	113

QUYỂN THỨ NĂM

Phẩm Thiên và Phi Thiên chiến đấu với nhau thứ 18	118
Phẩm Nhựt Nguyệt Hành thứ 19	125

QUYỂN THỨ SÁU

Phẩm Vì Sao thứ 20	138
---------------------------	------------

QUYỂN THỨ BẢY

Phẩm Thọ Sanh thứ 21	164
Phẩm THỌ LƯỢNG Thứ 22	183

QUYỂN THỨ TÁM

Phẩm ĐỊA NGỤC Thứ 23	190
Phẩm Tiện Sanh Địa Ngục - Cứu Cánh Địa Ngục Hắc Thăng thứ hai	194
Hắc Thăng Địa Ngục Phẩm Cứu Cánh	198
Phẩm Tụ Khái Địa Ngục Thứ ba	202
Phẩm Địa Ngục Khiếu Hoán Thứ tư	205
Phẩm Địa Ngục Đại Khiếu Hoán Thứ năm	206
Phẩm Địa Ngục Thiêu Chính Thứ Sáu	209
Phẩm Địa Ngục Đại Thiêu Chính Thứ Bảy	211
Phẩm A Tỳ Chỉ Địa Ngục Thứ Tám	213
Phẩm Vườn Ngoài Ngăn Cách Địa Ngục Thứ Chín	216
Phẩm Địa Ngục Diêm La Thứ Mười	224

QUYỂN THỨ CHÍN

Phẩm Tiêu Tam Tai và bệnh tật thứ 24	236
Phẩm Tiêu Tam Tai về Đạo Binh thứ hai	245
Phẩm Tiêu Tam Tai về đói khát thứ ba	254

QUYỂN THỨ MƯỜI

Đại Tam Tai - Phẩm Hỏa Tai thứ 25	264
--	------------

Phật nói LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ VIỆC THÀNH LẬP THẾ GIỚI



QUYỂN THỨ NHẤT

- *Thứ tự kinh văn số 1644*
- *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Từ trang 173 đến trang 226.*
- *Trần, Tây Ấn Độ, Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt. Bắt đầu dịch ngày 1 tháng 6 năm 2005 nhân mùa An Cư Kiết Hạ Phật lịch 2549 - 2005 (Ất Dậu) tại chùa Viên Giác, Đức quốc.*



PHẨM ĐỊA ĐỘNG

Thứ nhất

Như Phật Sa Già Bà nói cùng với các vị A La Hán rằng: Ta nghe như thế này: Một thời Đức Phật Thế Tôn ở tại thành Xá Vệ, nơi Tịnh Xá của Lộc Tử Mẫu Tỳ Xá Khư Ưu Bà Di, gần hồ sen cùng với Đại Chúng Tỳ Kheo, tất cả đều là các vị A La Hán, các lậu đã hết, đã được lợi rồi. Các kiết sử đã hết, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, xả bỏ những việc lớn, chánh tri giải thoát. Chỉ trừ Ngài A Nan. Lúc ấy đại địa chấn động, thì Ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử (Mãn Tử Tử) ở trong Đại Chúng liền từ chỗ ngồi trạch áo bày vai mặt, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn: Vì nhân duyên gì mà đại địa chấn động ?

Phật bảo: Phú Lô Na Tỳ Kheo rằng: Ngươi hãy một lòng lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì ngươi mà phân biệt giải nói. Có 2 nhân duyên làm cho đại địa chấn động. Những gì là hai?

Này các Tỳ Kheo! Đó là thế giới này nằm trên nước. Còn nước thì nằm trên gió, mà gió thì nằm nơi không trung. Tỳ Kheo nên biết rằng: Có lúc gió lớn thổi làm động mặt nước. Khi mặt nước động, tức thời đất bị động. Đây là nhân duyên thứ nhất. Cho nên đại địa chấn động.

Này các Tỳ Kheo! Lại cũng có đại thần thông uy đức của chư Thiên; nếu muốn làm chấn động đại địa, tức thời có

thể làm cho chấn động. Nếu các Tỳ Kheo có đại thần thông và đại uy đức quán xem tướng của đất nhỏ lại, tướng của nước làm cho lớn ra, muốn làm cho đất chấn động lại có thể chấn động. Đây gọi tên là nhân duyên thứ hai. Cho nên làm cho đất chấn động. Lúc ấy Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Nước do gió lay động
 Đất động do ở nước
 Đây là nhơn thứ nhất
 Gọi thật là như vậy
 Chư Thiên và Tỳ Kheo
 Đại uy thần hay động
 Đây nhơn động thứ hai
 Điều phục người ác vậy.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử rằng: Có gió tên là Tỳ Lam Bà; gió này thường hay thổi tắt cả đèn động, chẳng dừng nghỉ. Ngọn gió càng thổi lớn thì cũng có gió thổi nhỏ thấp. Lại có gió thổi một bên; có ngọn gió thổi ngang chuyển đều tương tục, dày đến 9 ức 6 vạn do tuần. Chiều rộng đến 12 ức 3.450 do tuần. Gió vòng độ 36 ức 1 vạn 350 do tuần. Gió này khi thổi lên thì mặt nước trên dưới lập tức đình chỉ ở yên, chẳng có phân tán. Bề dày độ 4 ức 8 vạn do tuần. Rộng độ 12 ức 3.450 do tuần. Gió vòng độ 36 ức 1 vạn 350 do tuần. Khi mặt nước bị thổi, làm cho đất tức thời trên dưới trong ngoài thay đổi hoàn toàn, an trụ bất động. Chiều dày độ 2 ức 4 vạn do tuần; rộng độ 12 ức 3.450 do tuần. Gió vòng độ 36 ức 1 vạn 350 do tuần. Như thế Đức Phật Thế Tôn đã nói:

Này các Tỳ Kheo! Lại có đại địa ngục tên là Hắc Ám. Mỗi mỗi thế giới bên ngoài đều có, tắt cả chẳng thể che khuất. Ở trong đó chúng sanh tự chống đỡ với tay của mình, mắt chẳng thể thấy. Tuy có mặt trời, mặt trăng đều có thần

lực lớn, có ánh sáng lớn; nhưng chẳng thể chiếu sáng đến kia. Phật bảo: Như thế Hắc Âm địa ngục ở tại nơi nào? Cứ mỗi 2 thế giới ở bên ngoài 2 vòng sắt, tên gọi là Giới Ngoại, lại có địa ngục lạnh. Một tên là Át Phù Đà; hai tên là Niết Phù Đà; ba tên là A Ba Ba; bốn tên là A Ngật Ngật; năm tên là Ưu Khổng Khổng; sáu tên là Trước Ba Lũ; bảy tên là Câu Vật Đầu; tám tên là Tô Kiện Đà Cố; chín tên là Phân Đà Lợi Cố; mười tên là Ba Đầu Ma.

Phật bảo Phú Lô Na và các Tỳ Kheo rằng: Như nước Ma Già Đà (Ma Kiệt Đà) sánh 10 cây gai Ba Ha Ma, một cây Ba Ha với 20 cây Khư Lợi. Như thế so sánh cây gai ở tại một chỗ. Giả sử có một người cứ một trăm năm lại nhổ đi một cây gai.

Này Tỳ Kheo! Như thế đám gai kia có thể dễ hết mà lời ta chưa nói hết về sự thọ mạng cùng tận của địa ngục Át Phù Đà.

Này các Tỳ Kheo! Gấp 10 lần địa ngục Át Phù Đà kia là thọ mạng nơi Niết Phù Đà. Gấp 10 lần địa ngục Niết Phù Đà kia là thọ mạng ở địa ngục A Ba Ba, Cho đến Ba Đầu Ma địa ngục, lại cũng như thế ấy.

Này các Tỳ Kheo! Đây là Cù Đà Ly Tỳ Kheo ở nơi Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên mà sanh ác tâm chẳng tin. Do tâm ấy mà đọa vào địa ngục Ba Đầu Ma. Lúc ấy Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Phàm người ở thế gian
 Búa tự miệng sanh ra
 Là do nói lời ác
 Do vậy tự giết mình
 Hay chửi mà tán thán
 Hay khen cùng chửi bới
 Ra khỏi miệng chẳng đúng
 Sai quấy chẳng thọ vui

Nếu bỏ nhà mất vật
 Cả vật cùng tự thân
 Người này tội còn nhẹ
 Nếu nơi Tu Già Đà
 Sanh ác chẳng tín tâm
 Tội này nặng hơn kia
 Trăm ngàn Niết Phù Đà
 Át Phù Đà ba ức
 Sáu vạn và năm ngàn
 Nếu phỉ báng Thánh Nhơn
 Tạo lời ác tâm ác
 Như ví đọa địa ngục
 Cù Đà Ly Tỳ Kheo
 Đọa Ba Đầu Ma ngục
 Phỉ báng Đại Thanh Văn
 Xá Lợi và Mục Liên

Ở trong ấy chúng sanh qua lại suy nghĩ giống như ở trong cung mà bên ngoài bao bọc bằng sắt; chỉ có qua lại, thân này sánh với Át Đa Đại. Nhơn đó gió lạnh tạt vào làm cho thân này bị phá nát ra. Giống như chiếc áo nóng, như tre trắng trong rừng bị thiêu đốt, nghe tiếng xào xạc. Như thể chúng sanh bị gió lạnh thổi tạt, xương bị gãy, nghe tiếng kêu răng rắc. Nhơn nghe tiếng ấy mà được biết tướng. Có các chúng sanh ở trong này thọ sanh; hoặc lúc đến đi lại gặp nhau; nhơn sự gặp này mà sanh tướng biết. Lại có các chúng sanh, ở trong đây thọ sanh, mà lúc ấy chư Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời. Lúc ấy ánh sáng lớn chiếu qua các cõi trời, uy lực thần thông chiếu vào cõi ấy. Nhơn ánh sáng đó mà có tướng thấy, tác ý tư duy. Lại có các chúng sanh thọ sanh vào nơi đây. Nếu có chúng sanh đời trong thời gian này mà chết thì đa phần được vãng sanh. Ở nơi địa ngục nước lạnh, bên ngoài có vòng sắt; nếu ở thế giới khác có chúng sanh chết phải sanh vào địa ngục nước lạnh thì đa phần sanh vào thế

giới bên ngoài vòng sắt. Ở giữa hai thế giới ấy thật là chật hẹp, 8 vạn do tuần, ở dưới không đáy; bên trên chẳng có chỗ che. Chỗ rộng ấy độ 16 do tuần.

Lúc ấy Tịnh Mệnh A Nan ở nơi Đại Chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy trạch áo bày vai phải, chân phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Con từ nơi Đức Thế Tôn đã từng nghe pháp và con đã từ nơi miệng của Đức Thế Tôn nghe nghĩa của Tỳ Kheo để thọ trì. Về quá khứ có Phật tên là Thi Khí có người đệ tử có thần thông uy dũng đệ nhất. Tên là A Tỳ Khổng. Đây là vị Tỳ Kheo ngồi tại đệ tứ thiên phạm, dùng một tòa ánh sáng chiếu đến một ngàn thế giới, dùng một âm thanh để thuyết pháp; nơi một ngàn thế giới ấy đều được giải thích ý nghĩa chơn chánh.

Bạch Đức Thế Tôn! Đệ tử của Phật ấy có uy thần như vậy thì đối với chư Như Lai so sánh được như thế nào? A Nan hỏi rồi, lúc ấy Đức Phật đáp rằng:

Này A Nan! Tỳ Kheo A Tỳ Khổng này ở ngôi vị đệ tử của các Phật Thế Tôn như thế thật khó tính đếm được.

Điều thứ hai Ngài Tịnh Mệnh A Nan lại bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Con từ nơi miệng Phật được nghe các bài pháp. Con từ Thế Tôn thọ trì nghĩa lý đúng như thế. Ở vào thời quá khứ có Phật tên là Thi Khí, có vị đệ tử thần thông đệ nhất, tên là A Tỳ Khổng. Vị Tỳ Kheo này trú tại tứ thiên, dùng một tia hào quang chiếu đến một ngàn thế giới; cùng một âm thanh thuyết pháp ở ngàn thế giới ấy đều được hiểu rõ nghĩa chơn chánh.

Kính bạch Thế Tôn! Đệ tử của chư Phật có uy thần như thế thì với các Đức Như Lai điều này so sánh được như thế nào?

Sau khi A Nan hỏi rồi, lúc ấy Phật liền đáp rằng:

Này A Nan! Vị Tỳ Kheo A Tỳ Không này ở ngôi vị đệ tử của chư Phật Thế Tôn như thế thật khó tính đếm được. Cho đến lần thứ 3 Phật cũng lại đáp như thế. Lần thứ tư hỏi rồi, Phật dạy A Nan rằng:

Nếu có mặt trời, mặt trăng vây chặt xứ nào thì gọi đó là một thế giới. Từ một cho đến ngàn. Ở trong ấy có một ngàn mặt trời, mặt trăng. Một ngàn Vua núi Tu Di, một ngàn Tứ Đại Thiên Vương, một ngàn Đao Lợi Thiên, một ngàn Dạ Ma Thiên, một ngàn Đâu Suất Đà Thiên, một ngàn Hóa Lạc Thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại Thiên, một ngàn Phạm Phụ Thiên, một ngàn Phạm Chúng Thiên. Nơi ấy có Đại Phạm Vương vì 1.000 thế giới làm chủ. Lãnh vực của Vua tự tại, chẳng lệ thuộc ai. Biết được kia rồi, sơ thiên thượng thượng phẩm, cho nên được tự tại. Đại Phạm Thiên Vương trụ ở nơi này được xưng là đệ nhất.

Này A Nan! Đây là ranh giới của Phạm Vương, có 4.000 đại châu, 4.000 cây lớn, 4.000 Long Cung lớn, 4.000 chim cánh vàng nơi vua ở, 7.000 sông lớn, 9.000 núi cao, 8.000 rừng lớn, 8.000 địa ngục lớn; 1.000 Phiệt La Vương địa ngục, 2.000 biển lớn, 16.000 vườn địa ngục. Đây gọi là một Tiểu Thiên thế giới. Lại gấp ngàn như thế, gọi là một Trung Thiên thế giới. Lại gấp ngàn lần như thế gọi là Đại Thiên thế giới.

Này A Nan! Nếu Như Lai tác ý muốn chiếu sáng, muốn thuyết pháp ở nơi Đại Thiên thế giới thì ánh sáng kia sẽ chiếu cùng khắp để nói pháp; tất cả đều thông hiểu. Nếu muốn hơn Đại Thiên thế giới kia thì tùy theo ý của Như Lai

và những chúng sanh trong ấy chưa thể thấy nghe được việc phóng quang và thuyết pháp.

Này A Nan! Nếu Như Lai muốn phóng quang, nói pháp, ngồi nơi cõi A Ca Ni Tra Phạm Thiên, hoặc một Đại Thiên, hoặc hơn một Đại Thiên thì ánh sáng ấy chiếu khắp, mà tám phần phạm tinh, thuyết pháp câu nghĩa, biến ra được lãnh hội rõ ràng.

Này A Nan! Đây là ánh sáng của Như Lai và âm thanh nói pháp, chẳng có chúng sanh nào chẳng thấy, chẳng nghe. Lúc ấy chẳng có chúng sanh nào chẳng đầy đủ căn tánh.

Này A Nan! Như Lai tại cõi trời A Ca Ni Tra (Akansttha = Sắc cứu cánh) nói âm thanh này và tuyên nói câu này:

Các người học nơi Phật
 Siêng cung kính chánh đáng
 Quán tu sống trong đó
 Xa lìa ba cõi nạn
 Trừ diệt chết vua quân
 Như voi phá nhà tranh
 Nếu trong luật Phật Pháp
 Ở mà chẳng phóng dật
 Người này xả sanh tử
 Cho đến tận khổ tế.

Lúc ấy A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy trạch áo bày vai phải, chân phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính đánh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Con nay hy hữu lợi dưỡng. Con nay lành được lợi ích hy hữu. Con được Đại Sư đầy đủ thần thông rộng lớn uy đức. Lúc ấy có vị Tịnh Mệnh tên là

Ưu Đà Di ở trong Đại Chúng cách Phật chẳng xa. Lúc ấy Tỳ Kheo Ưu Đà Di hỏi A Nan rằng:

Nếu Đại Sư của người có đủ uy đức đại thần thông thì người được gì?

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Tỳ Kheo Ưu Đà Di rằng:

Người đừng tác ý sai với tâm của A Nan. Nếu ta trước đây đã chẳng thọ ký cho A Nan thì đời này được quả A La Hán. Nhơn đây mà tín tâm ấy lại là chỗ sanh ra nghiệp báo sẽ 36 lần hơn, làm Vua ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên. Cho đến 36 lần hơn làm Thiên Chủ ở cõi Đao Lợi, hà huống làm Chuyển Luân Thánh Vương, Sát Lợi Vương. Thọ lễ quán đảnh cho đến làm vua trong 4 châu thiên hạ.

Này Ưu Đà Di! Tỳ Kheo A Nan ở nơi ta từ xưa đến nay đã thọ ký rồi. Ta nói ở trong cõi dục giới chúng sanh rất nhiều, nương vào nước sanh nhiều còn ở nơi đất sanh ít. Kẻ sanh ở đất thì súc sanh sanh nhiều, sanh vào làm người lại ít. Ở trong cõi người, kẻ phá giới nhiều, kẻ trì giới ít. Ở trong kẻ trì giới kia thì kẻ phạm phụ nhiều, mà Thánh Đệ Tử lại ít. Ở trong Thánh Đệ Tử đó, kẻ hữu học nhiều mà kẻ vô học (A La Hán) ít. Ở trong vô học ấy thì giải thoát nhiều mà chẳng muốn giải thoát lại ít. Như thế chẳng phải giải thoát A La Hán ở thế gian khó được. Ta đã thọ ký cho A Nan được ở nơi này, có các ngoại đạo cũng nói như vậy. Đây là cõi đất đã qua chẳng còn, liền đáp lời rằng: Việc này không phải như vậy. Nếu thật như người nói như có người treo ở trước thì vật lại rơi phía sau. Lại cũng có ngoại đạo nói: Đây là cõi đất thường hay lún xuống; nên đáp lời rằng: Việc này chẳng phải nếu thật như người nói: Như treo ở phía trên thì chẳng rơi xuống đất. Lại cũng có ngoại đạo nói rằng: Mặt trời, mặt trăng, ngôi sao buổi sáng thường ở, chẳng di động mà quả đất tự xoay chuyển. Nghi ấy quá trời. Điều này nên đáp lại rằng: Điều này chẳng đúng. Nếu là như thế thì bản chẳng đến

nơi. Lại có ngoại đạo cũng nói như thế này: Cõi đất hay nổi, tùy theo gió mà đến. Nên đáp như thế này: Điều ấy chẳng đúng. Nếu thật như người nói thì đất thường hay lay động. Nếu chẳng như vậy thì đất là tướng gì? Đất ở đây mà chẳng động. Như thế ý nghĩa chư Phật Thế Tôn đã nói rồi. Như vậy con đã nghe.

NAM DIÊM PHÙ ĐỀ

Phẩm Thứ Hai

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Có cây tên là Phù Đề; như cây gọi tên; gọi đất của châu ấy là Diêm Phù Đề. Cây này sanh trưởng ở đất phía bắc Cõi Diêm Phù Đề; nằm về phía nam của sông Nê Thị Đà La. Thân cây này nằm ở chính giữa châu. Từ ở giữa cây bấu ấy cho đến các phía đông tây đều cao 1.000 do tuần. Cây này sanh trưởng đầy đủ hình dung khả ái, cành lá che rợp, lá nhiều và dày. Sống lâu chẳng chết. Tất cả gió mưa đều chẳng thể xâm nhập.

Này các Tỳ Kheo! Giống như vị Thầy có hoa được trang sức mượt mà. Hoa trang sức mượt mà ấy trang nghiêm cho đến trên lỗ tai. Cây này có hình tướng khả ái như thế đó. Bên trên như một chùm hoa, lần lượt phủ lên cao 100 do tuần, dưới gốc lớn, ngay; thật chẳng có gì sánh. Cứ 50 do tuần lại có một cành. Thân cây to lớn, rộng 5 do tuần. Vòng chung quanh 15 do tuần. Ở mỗi cành ấy, ngang ra 50 do tuần, khoảng giữa độ 100 do tuần. Chu vi 300 do tuần. Khi quả chín rồi thì những chất ngon ngọt khác không thể so sánh được, giống như mật ong ngọt, mùi thơm khó tả. Vị của trái cây như thế. Quả ấy thật lớn như cái mâm; hạt thật nhỏ, cũng giống như hạt của trái Diêm Phù của thế gian. Trên cây này có hình chim chóc. Như có điện lớn của khi, hoặc voi 60 tuổi. Cả chim thú này hay ăn quả này. Cành phía đông có

quả, đa phần rơi xuống đất Diêm Phù Đề; ít trôi trên nước. Cành phía tây có quả, đa phần rơi xuống đất Diêm Phù Đề, ít rơi trên nước. Cành phía nam có quả, lại cũng rơi nơi đất Diêm Phù Đề. Cành phía bắc có quả, tất cả đều rơi xuống sông, làm mồi cho cá ăn. Gốc của cây toàn bao bằng chất cát vàng. Khi mưa xuân, chẳng thể thấm xuống dưới. Mùa hạ không nóng, mùa đông chẳng có gió lạnh. Có Càn Thát Bà và thân Dược Xoa nương vào dưới cây để ở. Những việc như thế sao lại biết được ?

Ngày xưa ở thành Vương Xá có 2 vị Tỳ Kheo đều có thần lực, họ là bạn bè. Chính từ miệng Phật, họ nghe tướng của cây Diêm Phù như thế và cả 2 vị Tỳ Kheo này đều cùng nghĩ rằng: Chúng ta nên đến đó để xem cây Diêm Phù Đề. Mỗi mỗi ra đi đến chỗ cây kia, thấy cây trái đầy dẫy đào đất tự phá. Còn một vị Tỳ Kheo khác thì che mũi, lấy tay cùng vai, dùng ngón tay để lấy mà chẳng đến được quả, liền rút lấy tay ra. Vì quả mà nhiễm, cánh tay đều đỏ. Giống như nhiễm ô nước màu đỏ Chiên Đàn. Hương khí của quả này nhiễm vào tâm người. Lúc ấy vị Tỳ Kheo mũi hôi mùi hương của quả. Vị Tỳ Kheo thứ 2 mới hỏi rằng: Ngươi muốn ăn không Trường Lão? Ta không thích ăn. Việc này thật hy hữu, bất khả tư nghì. Đây là kết quả ly dục, tối vi rộng rãi. Vì sao vậy? Nếu người chưa lìa được mùi thối, tức sanh tâm sân si cho đến phát sanh điên cuồng. Có những kẻ ngoại đạo ly dục, nếu gặp được mùi thối liền thối thất chỗ ly dục. Đó là vị Tỳ Kheo thứ hai, khi trở lại Vương Xá Thành nói lại như trên.

Lúc ấy có một người tên là Trường Hĩnh, gốc vua chúa, tánh là Câu Lợi, tức nghiệp quả báo được có thần thông. Người này có tướng mạo rất oai vệ. Nếu đi trên nước thì chân trước chưa rời thì chân sau đã dời khỏi. Nếu đi trên cỏ; cỏ tuy chưa chạm, liền được cách xa. Nếu đi trên cây;

cây lá chưa rụng, chân sau đã rời khỏi; giày dép một nơi, cũng chẳng lấy làm khó. Đây là người Trường Hinh (chân dài) từ Phật mà nghe Cây Diêm Phù Đề như thế như thế tức liền bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Con nay có thể đi đến nơi cây Diêm Phù ấy chăng?

Đáp rằng: Được

Rồi người ấy đánh lễ dưới chân Phật, đi bên phải 3 vòng. Mặt hướng ngay về phía Bắc, phát xuất từ đây mà đi. Đi qua một cái núi tên là Tiểu Hắc Sơn, cái thứ hai tên là Đại Hắc Sơn; cái thứ ba tên là Đa Vũ Ngu Sơn. Cái thứ tư tên là Nhựt Quang Sơn. Cái thứ năm tên là Ngân Sơn; cái thứ sáu tên là Hương Thủy Sơn. Cái thứ bảy tên là Kim Biên Sơn. Người này khi lên trên đỉnh của Kim Biên Sơn thì xoay mặt về hướng Bắc, thân rung động xa rời. Chỉ thấy màu đen sợ hãi mà lui.

Đoạn Phật hỏi người đã đến cây Diêm Phù chưa?

Đáp rằng: Chưa đến.

Phật hỏi: Người đã thấy gì?

Người này đáp rằng: Chỉ thấy màu đen.

Phật bảo: Màu đen ấy, chính là cây Diêm Phù.

Người này liền lễ dưới chân Phật, rồi đi nhiều bên phải 3 vòng, liền hướng về phía Bắc mà đi. Qua khỏi 7 núi. Núi thứ nhất tên là Chu La Ca La; thứ 2 tên là Ma Ha Ca La; thứ 3 tên là Cù Hán Sơn; thứ 4 tên là Thủ La Sơn; thứ 5 tên là Khế La Sơn; thứ 6 tên là Càn Đà Sơn và thứ 7 tên là Tu Bạt Cơ Sơn. Lại trải qua 6 nước lớn. Một là nước Cưu Lưu; hai là nước Cao Tì Bi; ba là nước Tì Đề Ha; bốn là nước Ma Ha Tì Đề Ha; năm là nước Tước Đa La Mạn Đà và sáu là nước Sa Cơ Ma La Giả. Đây là tên của 6 nước. Lại phải trải qua 6 rừng cây lớn; giữa rừng có sông: Qua khỏi 7 con sông lại qua rừng cây A Ma La và rừng cây Ma Lê Lạc cho đến cảnh cây phía nam của cây Diêm Phù Đề. Từ bên trên cảnh cây phía

nam đi đến cành cây phía bắc người này cúi xuống dòm thấy phía dưới có tướng nước và nước hay di động, thật là sạch sẽ mát mẻ. Dưới đây thật trong, không có một trở vật nào.

Người này thấy rồi liền nghĩ rằng: Ta có thần thông, nay ở xứ này có thể thành tựu chăng? Nhơn đó mới lội chân xuống nước, tay vịn cành cây. Chân tiếp với nước, như đá liền chìm. Đối với thần thông này chẳng thể thành tựu. Đây là nước loại gì vậy? Rất nhẹ rất mỏng. Nếu là nước kia, như nước không gian; như sữa, như dầu nổi trên mặt nước. Lại bởi nước ấy, ném vào nước ấy, liền chìm như đá.

Người này từ cây Diêm Phù Đề bứt lấy một quả rồi trở lại thành Vương Xá, dâng lên Đức Thế Tôn.

Phật thọ nhận quả ấy rồi bẻ ra nhiều mảnh, đem cho đại chúng và nước của trái kia dính nơi tay Phật. Lúc ấy Đức Phật lấy tay này đánh vào núi đá và cho đến bây giờ màu đỏ ấy vẫn còn như xưa không khác. Hay ướt chẳng khô. Dầu ấy rõ ràng. Nhơn ngày xưa chia quả ấy ra nhiều mảnh vậy. Nhơn đó mà đá này có tên ấy. Vì rã ra từng mảnh nhỏ. Lúc ấy Phật hóa ra Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp lấy cây Diêm Phù Đề này đem cho Ngài Ca Diếp.

Ngài Ca Diếp bảo: Người ăn quả này? Rồi Ca Diếp hỏi Phật. Sa Môn Đại Cồ Đàm sao được quả này?

Phật bảo Ca Diếp rằng: Cây này tên là Diêm Phù quả này từ cây kia mà có.

Ca Diếp hỏi: Con chẳng thể ăn quả này. Sa Môn chỉ tự lấy ăn. Lúc ấy chư thiên thần lại gọi cây Diêm Phù đến cúng dường Đức Phật nơi thành Xá Vệ hoặc thành Vương Xá, nước Ca Tỳ La Vệ v.v... Khi Phật thọ nhận rồi, phân ra cho Đại Chúng. Còn những Tỳ Kheo khác ở nơi Diêm Phù trở lại nước này nói. Ngài Tỳ Kheo Mục Liên cũng chưa qua đó, trở lại nơi này, lần lượt vì các Tỳ Kheo mà nói. Đây là nhân duyên. Việc này nên biết.

Phẩm SÁU NƯỚC LỚN

Thứ Ba

Ngoài cây Diêm Phù còn có 2 rừng, hình như bán nguyệt vây quanh cây này. Trong đó có rừng; tên là Ha Lê Lặc; ngoài ra tên là A Ma Lặc. Quả A Ma Lặc khi chín thì vị thật đặc biệt, không chua, không đắng, ngọt lịm như mật ong. Quả hình lớn nhỏ như 2 cái học (đồ đựng lúa). Hạt này như tự tánh của hạt A Ma Lặc. Quả Ha Lê Lặc khi chín thì mùi vị đặc biệt, chẳng chua, chẳng đắng, như mật ong; quả hình lớn nhỏ. Gấp đôi quả trước, hạt lại cũng như vậy.

Ở phía nam rừng A Ma Lặc lại có 7 cánh rừng khác, 7 sông liên tục. Rừng ở phía Bắc tên là Ám La. Tên kế là Phù Đề; tên thứ ba là Bà La; tên thứ tư là Đa La; tên thứ 5 là rừng người; tên thứ 6 là rừng Thạch Lựu; tên thứ 7 là rừng Lặc Tốt Tha; như thế các quả lúc chín thì chẳng chua chẳng đắng; ngọt như mật ong. Rừng người có quả giống như hình người; giống như loại người Vua Chúa ở cõi Diêm Phù Đề. Tánh là Câu Lê. Khi người nam 16 tuổi; nữ 15 tuổi trang nghiêm đầy đủ lại đi lấy chồng. Quả của rừng người cũng dễ thương như thế. Quả này có hình thù như búi tóc của người. Kẻ chưa ly dục mà thấy quả này liền sanh tâm yêu mến.

Các ngoại đạo có người ly dục nếu thấy quả này thì xa rời thiên định. Tâm dục liền sanh. Khi quả này chín, tuy chim có ăn và khi chim ăn còn dư, sót lại rớt xuống đất. Như

rừng Thi Đà thật nhiều việc ác. Những người xa rời thiên định thấy tướng này rồi, liền sanh xa lìa và trở về lại định cũ.

Rừng thứ 2 rộng 50 do tuần; đông tây đều giáp biển. Mỗi bên đều có sông, rộng 50 do tuần; đông tây giáp biển; rừng và sông tương tục, gần cạnh với đất Diêm Phù Đề; cây rừng che khuất 700 do tuần. Rừng Lạc Tốt Tha này phía nam có 6 nước lớn. Nước phía nam tên là Cao Lưu. Kế tiếp là Cụ Lạp Bà. Thứ ba tên là Tỳ Đề Ha. Thứ tư tên Ma Ha Tỳ Đề Ha; thứ năm tên Tước Đa La Mạn Đà. Phía cực bắc tên là Xá Hỉ Ma La Gia. Trong 6 nước này mọi người đều trình lành; giữ 10 pháp lành. Tự chẳng sát sanh, chẳng bảo người khác giết. Những con thú muốn chết, tự đến nơi người, liền tự tử, rồi sau đó mới lấy thịt. Xứ ấy có bò nhiều vô số, da bò dùng lợp nhà. Đất này sanh lúa mạch; chẳng cần cày cấy, lúa mạch tự lên, chẳng cần chăm sóc. Người nước này ăn đồ nấu chín, lấy lúa mạch làm đồ ăn, mùi vị ngon ngọt; giống như mật ong.

Vì sao mà biết được ?

Vì trong quá khứ lâu xa có một vị Vua xuất gia. Phu nhơn của vua cũng lại xuất gia. Quốc sư Bà La Môn lại tùy theo sự xuất gia ấy tức thời cũng xuất gia. Các tướng xa lìa, vào núi học đạo. Lúc ấy phu nhơn của vua có kinh; khi có kinh xong liền đến chỗ Vua cùng với Vua gặp gỡ; tức liền nói với Vua rằng:

Đại Vương! Nay thiếp đang có kinh, mà từ xưa đến nay người muốn có con, mà Vua muốn bỏ đi, chẳng phải ý của hậu. Suy nghĩ sự việc lại sợ chẳng thể; nên cùng hòa hợp để có một đứa con phước đức. Nam nữ hai người lúc ấy đều thác thai rồi phu nhân bỏ vua mà đi. Trải qua ngày tháng, sau đó bụng lớn. Trong làng cho đến những quận huyện và các châu, người người đều mạ lỵ rằng: Người đàn bà ấy thật vô

đạo, đã xuất gia mà còn phá giới. Hoàng hậu nghe được lời này thật sanh thẹn lòng và hối hận.

Lúc ấy thì Quốc sư Bà La Môn đã thành một vị Tiên nonh có được ngũ thông ở nơi một rừng nọ. Lúc ấy Hoàng hậu nghe vị Bà La Môn ở tại rừng kia cho nên đến đó để tìm. Khi thấy Quốc sư rồi, sau đó hỏi Hoàng hậu rằng:

Sự chữa mang này ai chủ động ?

Hoàng hậu đáp rằng: Do nhà vua làm.

Lúc ấy Tiên nonh nhớ lại vua ngày xưa và liền đi khỏi và làm một cái nhà lá và liền nói với Hoàng hậu rằng:

Bà nên dừng nghỉ lại đây, tôi bây giờ sẽ đi tìm củ cây, rau quả để dâng cho.

Hoàng hậu y lời vào ở nơi đó.

Đối với Tiên nonh như pháp mà nhật ra, hái quả rồi cung cấp cho Hoàng hậu. Hoàng hậu hoài thai nguyệt mãn hạ sanh 2 con; một nam và một nữ cho đến dứt sữa rồi liền đuổi Hoàng hậu; người bây giờ nên xa đi, ta sẽ tùy theo đó mà lo rau quả để nuôi 2 trẻ.

Hoàng hậu bỏ 2 con rồi, y theo lời ấy mà đi.

Tiên nonh tùy theo đó mà lo rau quả để nuôi dưỡng 2 trẻ này. Hai trẻ lớn khôn, lắm nhiều hiểu biết. Lúc ấy Tiên nonh đi lấy những quả sống và chín để dạy cho 2 đứa trẻ. Tạo cho 2 trẻ có khả năng tự phân biệt. Chín muồi có nghĩa là dùng được. Sống nghĩa là bỏ đi. Tiên nonh liền suy nghĩ. Nay thì các bé đã lớn khôn, tâm đã biết ý thức, có thể phân biệt giữa quả sống và quả chín. Ta nay phải ở nước nào mà nơi đó giàu có an ổn để lập nghiệp. Do có ngũ thông nên đã thấy được nơi trồng lúa mạch, tức thời dùng thần lực để đưa 2 trẻ đi, bay lên hư không để đến, cho ở yên nơi đất ấy và dạy cho chúng rằng:

Loại cỏ này gọi là lúa mạch. Lúc ấy Tiên nhờn tự cắt lúa rồi nấu để ăn. Dạy nhiều điều khác nữa. Các con từ bây giờ trở đi phải y theo phương pháp này mà làm tư lương. Con ở nơi này, chớ sanh sầu não, ta sẽ nhiều lần đến thăm các con.

Từ đó cả 2 đứa bé sống nơi đất này. Tiên nhờn sau đó đã có nhiều lần đến thăm. Hai đứa trẻ này theo ngày tháng mà lớn lên, nam nữ các căn mỗi mỗi thành tựu và chúng kết thành vợ chồng, rồi sanh ra con cháu, tạo thành 6 nước.

Lúc ấy Đại Vương sau khi học đạo rồi, bỏ thân làm người, vãng sanh về thiên giới, xả bỏ thân thiên giới lại trở lại làm thân người. Thọ thân người rồi, nương vào nơi Phật nói vô thượng chánh pháp rồi xuất gia học đạo cho đến được vô ngại sáu pháp thần thông. Vì có 6 phép thần thông nên đã xem lại túc mạng đời trước của mình, thấy 6 nước lớn nên mới tác ý suy nghĩ rằng sáu nước này đều là con cháu của ta, vì đó mà yêu thương người dân của 6 nước này, đến đó để ăn uống, dùng riêng lúa mạch và trở về. Chẳng hỏi các vị Tỳ Kheo trước khi ăn, mà khi tiếp xúc lúc ăn thì các Tỳ Kheo gọi tên Tỳ Kheo này mà mạ nhục lớn.

Này Trưởng Lão kia! Thật là keo kiệt đáo đẽ, hãy đuổi lão ác nhờn đã được lúa mạch để ăn kia đi. Chẳng hỏi các vị Tỳ Kheo mà tự mình ăn riêng một mình.

Tỳ Kheo đáp rằng:

Ta chẳng có gì làm xấu hổ cả mà không bố thí cho các ông. Vì sao vậy? Như thức ăn đây, kẻ chưa ly dục thì chẳng thể ăn được.

Lúc ấy vị Tỳ Kheo đã 3 lần rửa bát, lần thứ hai thì quên, cuối cùng chỉ còn nước rồi lấy một ít để thí cho các Tỳ Kheo. Cho nên Diêm Phù Đề chẳng có một mùi vị sánh với mùi vị này được. Đối với vị Tỳ Kheo này, vì các Tỳ Kheo khác mà nói về nhờn duyên lần lượt của mùi vị món ăn này.

Sáu nước lớn kia vốn là con cháu của ta, cho nên làm lợi ích cho người của nước kia vậy; đến đó để xin ăn và ngoài ra cũng có Tỳ Kheo khác đến đó khát thực. Ngài Đại Mục Kiền Liên cũng đến đó khát thực. Đức Phật Thế Tôn vì nhơn duyên ấy mà lần lượt nói cho các vị Tỳ Kheo nghe về sáu nước này; cho nên được biết về việc của sáu nước lớn ấy và vật thực cứu cánh của sáu nước lớn ấy.

Phẩm THẦN DẠ XOA

Thứ Tư

Thườ ầy ở nơi Diêm Phù Đề có 2 núi. Một tên là núi Bà Đa Kỳ Lợi nằm phía nam sông Hằng và phía bắc sông Hằng có núi Ê Ma Phạt Đa. Ở giữa núi Bà Đa Kỳ Lợi lại có những núi lớn. Một tên là Tát Xà; hai tên Tần Ha; ba tên Mạt Quân; bốn tên Huệ Xa Bà; năm tên Gian Ha Kỳ lợi; sáu tên Ba Lợi Gia Đa La. Trong núi Ê Ma Phạt Đa lại có những núi lớn khác như: Một tên là Chu La Ca La; hai tên là Ma Ha Ca; ba tên là Cù Ha Na; bốn tên là Tu La Bà Kế; năm tên là Kê La; sáu tên là Càn Đà Ma Đà; bảy tên là Tu Bàn Na Bàn Sa. Tất cả các Thần đều ở tại sông phía nam của núi. Tất cả đều có tên là Thần Bà Đa Kỳ Lợi. Nếu ở sông tại núi phía bắc thì tất cả thần đều có tên là Ê Ma Phạt Đa. Thần Bà Đa Kỳ Lợi này là thủ lãnh các thần ở sông phía nam. Cho nên gọi là Vua. Còn Ê Ma Phạt Đa thần là thống lãnh các thần ở sông phía bắc nên cũng gọi là Vua. Vì sao biết được ?

Có một Vương thần tên là Ê Ma Bàn, sống ở núi Ê Ma Phạt Đa; vị vương thần này là Trưởng Lão cao nhất, già nhất và địa vị cao nhất khi bị bệnh khốn khổ thì thần kia chết đi. Có một Thái Tử tên là Ê Ma Phạt Đa gọi đến để chỉ bảo, liền nói với con rằng:

Cha đã được nghe từ xưa Thần Dọa Xoa là Trưởng Lão tối cao đã gặp Phật quá khứ, chưa gặp Phật Ca Diếp và nghe nói Phật Thích Ca Mâu Ni sắp xuất hiện ở đời, như ta xem tướng và ta thấy biết được nhân duyên thì Đức Phật Thích Ca này chẳng bao lâu nữa sẽ giáng trần. Cha vì thế ở giữa đây bỏ mạng mà chẳng gặp Phật và con nên quyết tâm đến để được gặp Phật. Khi con thấy được Phật rồi thì quyết định sẽ được nhiều lợi ích.

Thái Tử hỏi rằng: Thế nào mà con biết được Phật ra đời ?

Người cha trả lời: Nơi nhà của con chưa từng có châu báu xuất hiện. Nên biết rằng lúc Như Lai xuất hiện thì có thần vương tên là Bà Đa Kỳ Lợi, sống ở trong nước Ma Già Đà. Con nên cùng với gia đình kết thành bạn bè, cùng lập thế nguyện ta cùng người ở chung một nơi và khi thấy được những kỳ bảo hữu xuất hiện thì chưa vội báo.

Sau khi phụ vương dạy cho con rồi, tức liền xả mạng. Lúc ấy Thái Tử lo cung phụng thân của cha và giữ gìn tôn trọng sự dặn bảo của cha; như đi qua sông, đến gặp Thần vương Bà Đa Kỳ Lợi. Đến nơi thần rồi, đôi diện nói năng cùng nhau hòa hợp tương kính, đồng ngồi một chỗ. Đoạn Thần Ê Ma Phật Đa bảo vua Bà Đa Kỳ lợi rằng:

Thưa Ngài! Khi cha ta mất có nói như trên, như đi qua rồi. Cho nên ta nay nói cho người biết việc đó, khi nào thấy trong nhà có vật quý xuất hiện thì phải nói cho biết.

Bà Đa Kỳ Lợi đáp rằng: Được. Được.

Sau khi hai người đã lập thế với nhau rồi, mỗi người trở về lại chỗ của mình. Sau đó nơi chỗ ở của vua Ê Ma Phật Đa có kỳ bảo xuất hiện liên hoa ngàn cánh, lớn như bánh xe, lá toàn màu vàng, toàn những cửa báu vây quanh. Lúc ấy có một vị Thần thấy hoa sen, qua đó thưa với vua:

Vua có biết không! Thật là trân bảo dị kỳ trong đời chưa từng có, mà nay xuất hiện hoa sen ngàn cánh, lớn như bánh xe, lá toàn màu vàng, của báu vây quanh. Đây là vật báu của trời. Xin vua đến xem.

Lúc ấy Thần vương nghe rồi liền đến nơi hồ kia thấy hoa sen đầy đủ nghìn cánh, lớn như bánh xe đều gồm những vật báu tạo thành, trang nghiêm đẹp đẽ. Sau khi xem việc ấy rồi; tâm sinh kinh động, chân lông dựng đứng rồi tự xuống dưới ao cung kính chấp tay đánh lễ 3 lần và đi nhiễu chung quanh 3 lần rồi liền suy nghĩ. Ta từ xưa nay chưa gặp bạn lành mà bảo ta nói - người ở nơi này, nếu có vật quý, nên cho ta biết. Do đó mà bảo Sứ giả qua báo cho Thần vương Bà Đa Kỳ Lợi và nói:

Thưa Ngài! Nay nơi trụ xứ của ta có vật hy hữu đã xuất hiện rồi, đầy đủ tướng đẹp. Người nên cùng ta đến đó để xem.

Lúc ấy Đức Thế Tôn đã xuất hiện nơi đời và chánh pháp đã được tuyên thuyết, một lòng hướng đến nơi tịch tịnh và bây giờ đang Niết Bàn, hướng đến Bồ Đề, Tu Già Đà đã dạy.

Lúc ấy vua Bà Đa Kỳ Lợi nhớ lại việc này liền suy nghĩ rằng: Ta xưa đã từng có bạn lành đến báo cho ta rằng: Người ở nơi đây, chư Phật Thế Tôn đắc đạo. Nếu Phật xuất thế rồi, người nên báo cho ta. Đây là điều mong ước. Cho nên ta sẽ báo.

Vua Bà Đa Kỳ Lợi liền sai Sứ đi và nói với Vua rằng:

Thưa Ngài! Có một hoa sen, làm lợi ích gì. Nhẫn trăm hay ngàn lại được lợi ích gì. Nơi đất nước của ta chưa từng có vật quý. Bây giờ đã xuất hiện kẻ nào tên quý. Đó là Đa

Đà A Già Độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà đã xuất thế. Người bây giờ nên đến với việc quý báu ấy.

Ê Ma Phật Đa ngày 15 tháng 9 nhân lúc Bồ Tát có 500 vị Thần cùng vây quanh, giữ lấy hoa sen, mặt hướng phía nam mà đi, liền khuất vào không trung mà chạy, đến nơi Vua Bà Đa Kỳ Lợi. Vua kia lại gặp 500 chúng Thần cùng vây chung quanh đến tiếp vua nơi phía nam sông Hằng và cùng nhau tụ tập. Sau khi gặp gỡ rồi Vua Ê Ma Phật Đa nói kệ hỏi Thần kia rằng:

Nay mười lăm ngày tịnh
Bốn Vua lại đến đây
Ai là Thầy chúng ta
Người tin A La Ha

Lúc ấy Vua Bà Đa Kỳ Lợi liền nói kệ đáp rằng:
Đó là Phật Thế Tôn
Ở thành Ma Già Đà
Vì diệt tất cả khổ
Thuyết pháp tất cả trí
Các khổ và nguyên nhân
Khổ diệt lại chẳng sanh
Tám phần, khổ, diệt, đạo
Vô não hướng Niết Bàn
Cho nên người và ta
Nên đến gặp người này
Tất cả chẳng thể sánh
Nên ta tin La Ha

Lúc bấy giờ Ê Ma Phật Đa nghe kệ ấy rồi tâm rất sợ hãi, chân lông đều dựng đứng, hoài nghi chẳng tin, ba lần biện luận.

Thưa Ngài! Người đã nói Thế Tôn đang xuất hiện phải không?

Đáp rằng: Thưa Ngài! Tôi nói Phật bảo đã ra đời.
Sau 2, 3 lần hỏi và đều được đáp như thế.

Lúc ấy vị Thần Vương núi phía bắc liền dùng sức lực suy nghĩ để qua nơi Phật, theo uy nghi cảnh giới của 4 pháp, rồi hỏi Thần vương ở núi phía nam và liền hỏi bằng kệ rằng:

Phật tâm nơi chúng sanh
Lành được an lập chẳng
Hằng yêu và tư duy
Đã được tận diệt chẳng

Lúc ấy Thần Vương ở núi phía Nam nói kệ đáp lại rằng:

Phật tâm nơi chúng sanh
Chơn thật được an lập
Hằng yêu và tư duy
Diệt tận quyết chẳng còn

Thần Vương phía núi Bắc liền hỏi lại bằng kệ rằng:
Phật có nói dối chẳng
Vô não lời nói kia
Chẳng nói chia lia sao
Nói có không như vậy

Thần Vương núi phía Nam lấy kệ đáp lại rằng:
Phật chẳng nói vọng ngữ
Lại chẳng khổ, nói suông
Chẳng nói lời ly gián
Nói như nghĩa lời nói

Thần Vương núi phía Bắc lại hỏi bằng kệ rằng:
Phật chẳng lấy của kia
Chẳng làm tổn hại kia
Xa rời buông lung chẳng

Chẳng hại thiên định chẳng

Thần Vương núi phía Nam nói kệ đáp rằng:

Phật chẳng lấy của cải
Cho nên gìn mạng kia
Xa rời các phóng dật
Chẳng tổn sâu thiên định.

Thần Vương núi phía Bắc lại hỏi kệ rằng:

Phật không nhiễm ái dục
Tâm tịnh không dơ chẳng
Trải qua dòng vô minh
Được pháp nhãn tịnh chẳng

Thần Vương núi phía Nam đáp lại kệ rằng:

Chẳng đắm nơi dục trần
Tâm địa thật thanh tịnh
Trải qua dòng vô minh
Nơi pháp được mắt tịnh

Thần Vương núi phía Bắc lại hỏi rằng:

Phật sáng Cụ Túc chẳng
Pháp đủ thanh tịnh chẳng
Bốn lưu đã dứt chẳng
Sanh sau đã hết chẳng

Thần Vương núi phía Nam lại đáp rằng:

Phật sáng đã đầy đủ
Pháp đủ lâu thanh tịnh
Bốn lưu đã đoạn diệt
Cho nên chẳng sanh lại

Lúc ấy Thần Vương Bắc Sơn nghe rồi tâm sanh hoan hỷ, liền nói kệ tán thán:

Trí giả y thành tựu
 Tất cả việc qua rồi
 Và thân miệng thanh tịnh
 Tán thán đều đủ sáng

Thần Vương núi phía Nam tâm miệng hoan hỷ nói kệ
 tán thán rằng:

Phật tâm tịch thanh tịnh
 Thân khẩu hay lợi người
 Thập lực chẳng thể sánh
 Nay tùy hỷ với người
 Trí giả tâm thành tựu
 Cùng với thân khẩu nghiệp
 CỤ TÚC MINH PHÁP TÚC
 Liên cùng người qua xem
 Nay mười lăm BỐ TÁT
 Lúc Tứ Vương du tuần
 Tâm giải thoát chẳng dính
 Ta cùng người lễ bái

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn ở nơi thành Vương Xá, dưới
 cây Nặc Cù Đề, hai Thần Vương có ngàn thân vây quanh
 đến nơi Đức Phật. Khi đến trước Phật rồi liền trạch áo bày
 vai phải; chân phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính, đảnh lễ
 dưới chân Phật, liền ngồi một bên. Lúc ấy Vua núi Bắc dùng
 kệ để hỏi rằng:

Hay nói lại hay làm
 Độ lưu quyết không nghĩ
 Đi bộ như Sư Tử
 Phật chẳng nhiễm thế pháp
 Độ tất cả qua bờ
 Mong đợi nên đến hỏi
 Chúng sanh sanh nơi nào
 Số số ở chỗ nào

Chấp giữ vào vật gì
Mà thọ khổ nơi đâu

Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng kệ để đáp lại Thần Vương Ê
Ma Phạt Đa rằng:

Chúng sanh sanh sáu nơi
Số số đều đủ sáu
Chấp trì sáu loại pháp
Sáu xứ thọ khổ nào

Thần Vương núi phía Bắc lại hỏi Phật, kệ rằng:
Giữ ấy tên là gì
Mà làm chúng sanh khổ
Nguyện đáp lia nghi vấn
Làm sao giải thoát khổ

Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng kệ để đáp lại Thần Vương Ê
Ma Phạt Đa rằng:

Thế gian có ngũ trần
Ta nói tâm thứ sáu
Nơi ấy lia dục nhiễm
Giải thoát khổ như thế
Chúng sanh được xa rời
Nói rồi như lý sánh
Ngươi nay liền có hỏi
Cho nên đáp xuất ly

Thần Vương núi phía Bắc lại hỏi Phật thêm rằng:
Ai hay qua sanh tử
Ngày đêm chẳng mệt nhọc
Chẳng cuối cũng chẳng còn
Nơi sâu ai chẳng chìm

Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lại Thần Vương Ê
Ma Phạt Đa rằng:

Thường giữ giới thanh tịnh
Tinh tấn chẳng tán tâm
Suy nghĩ trong chánh niệm
Do trí qua khó qua
Dục tướng chẳng có dục
Lại diệt cảnh trói buộc
Đoạn diệt vui yêu riêng
Người này quyết chẳng chìm

Lúc ấy Nam Bắc cả hai vua đồng thời nói kệ đề tán
thần Phạt rằng:

Chúng con nay lành thấy
Đã đến nơi sáng rõ
Chúng con gặp Chánh Giác
Diễn nói đạo Cam Lộ
Tên chẳng diệt mất, thấy nghĩa thật
Thường vui hỏi khó, chẳng chỗ dính
Cùng trí huệ rồi, liền giải thoát
Hành nơi đường Thánh, đại tiên non
Hơn ngàn chúng Dạ Xoa
Nghe tên và uy thần
Tất cả quy y Phật
Là vô Thượng Sư ta.

Lúc đó 3 Dạ Xoa đều ngồi 3 góc. Cho nên đến bây giờ
con đường ấy tên là Lăng Giác (hình củ ấu). Lúc ấy Đức Thế
Tôn ở dưới gốc cây. Cho nên cây này gọi tên là Cù Nặc Đàm
Cù Đề. Đây là nguyên nhân của 2 Dạ Xoa. Cho nên biết rằng
Nam Bắc 2 núi có cứu cánh Dạ Xoa thần chú.

Lập Thế A Tỳ Đàm
Hết quyển một

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ
VIỆC THÀNH LẬP
THẾ GIỚI



Quyển thứ hai

Trần, Tây Ấn Độ Tam Tạng, Chơn Đế dịch



Phẩm LẬU XÀ KỲ **LỢI TƯỢNG VƯƠNG** **thứ năm**

Núi Chu La Ca La cao một Già Phù Đa rưỡi. Bề rộng cũng lại như vậy. Ở giữa cũng như thế.

Núi Ma Ha Ca La cao 3 Già Phù Đa. Chiều rộng cũng như vậy; ở giữa lại cũng như thế. Núi Cù Ha Na cao một do tuần rưỡi, bề rộng và ở giữa lại cũng như vậy.

Núi Tu La Bà Ha cao 3 do tuần; chiều rộng và ở giữa cũng như vậy.

Núi Kê La Bà cao 6 do tuần; chiều rộng và ở giữa lại cũng như vậy.

Núi Càn Đà Ma Đà cao 12 do tuần; bề rộng và ở giữa cũng lại như vậy.

Núi Tu Bàn Na Bàn Bà cao 24 do tuần; bề rộng và ở giữa cũng lại như vậy.

Núi Tu Bàn Na Bàn Bà đối với thời tiết trăng thu thì trời xanh lồng lộng. Ánh sáng chói chang. Lại cũng có nhiều người sống ở gần núi tuyết này. Cả 4 tháng là cao điểm chỗ gặp gỡ, gọi nhau đến xem trời cao trên đỉnh núi Ma Ha Ca La. Hướng mặt về phía bắc thì trông thấy núi kia. Ánh sáng chói lòa. Nhon đây mà nói đây là núi Tu Di. Ta nay đã thấy trời rồi. Đó là núi Tu Bàn Na Bàn Na ở phía bắc, là nơi tối cao; lại có ao lớn; tên là ao Mạn Đà Cơ Ni. Chiều dài 50 Do

Tuần; bề ngang 10 Do tuần; nước ở đây trong mát, lạnh ngọt, nhu nhuyễn. Ở trong hồ hoa sen mọc đầy dầy. Bờ ao đều bằng vàng trắng, vàng ròng, thủy tinh, lưu ly gồm 4 chất báu làm thành. Bờ lũy của ao cũng toàn bằng vàng vây bọc chung quanh; nước trong và cùng một màu. Ao này bốn bên đều có đường đi thông đến dưới đáy hồ và 4 bảo thành. Cạnh phía Đông Nam của hồ ngay đến núi. Núi này toàn đá, tên là Nan Đà; chiều dài 50 do tuần; ngang 10 do tuần; đá này đều bằng lưu ly, trông thật xinh xắn; trông giống như phòng ốc của cung điện. Màu sắc không giống nhau, nhiều hình tướng khác nhau, tự nhiên tạo thành như đệm chen nhau ở phía bắc, người, thú, cỏ, cây, không thiếu thứ gì. Màu sắc của đá này lại cũng như thế. Như lỗ tai người có đeo 7 thứ báu vật. Đất đai ở đây lại cũng như thế; tất cả đều bằng lưu ly, trông rất đẹp mắt, có nhiều màu sắc lạ. Nếu giẫm đạp lên tức thời chìm xuống. Lúc đỡ chân lên, lại trở lại như cũ. Như vãi vốc lụa là, mịn màng nhu nhuyễn lại cũng như thế. Đây là núi đá Nan Đà. Lúc đạp xuống thì lún chân; đỡ chân lên trở lại như cũ. Ở trong điện đường, số này chẳng phải một; hoặc có điện bằng vàng; hoặc có điện bằng bạc; hoặc đẹp như màu lưu ly cũng lại như thế; hoặc có 4 loại châu báu hợp thành. Những điện đường này đều là chỗ ở của các con voi chúa. Ở giữa ao đá là nơi đặc biệt; có cây Nặc Cù Đề Vương; gọi tên là Thiện Lập; gốc rễ cành lá đều đầy đủ; hình tướng thật đẹp. Lá dày che khuất; sống lâu chẳng chết; gió mưa chẳng xâm nhập; như vậy trang sức toàn là những đồ tinh xảo như đồ đẹp đeo tai. Lại có dù che trên dưới. Hình tướng của cây này lại cũng như thế, cao một do tuần. Cành cây như cột, gồm cả 8.000, đâm thẳng xuống đất. Cho nên tên là Thiện Lập.

Ở bên ngoài ao phía Tây Nam có những cảnh đẹp. Có cây Bà La Vương; tên gọi Thiện Kiến; cành lá rễ đều đầy đủ; hình tướng thật dễ thương; có lá che kín; sống lâu chẳng chết; gió mưa chẳng xâm nhập, như những đồ tinh xảo trong

đời dùng để trang sức gồm những thứ quý đeo tai, lại như dù che kín trên dưới. Cây này hình tướng lại cũng như vậy. Cao 1 do tuần; thân dưới to lớn, một nửa do tuần, lại có cành lá sánh với thân này có đường kính 5 tằm. Chu vi 15 tằm. Bề ngang của cành là 4 xuất; mỗi mỗi nửa do tuần. Ngoài cây này ra còn có cả rừng cây Bà La, cao thấp lần lượt, bảy lần vây quanh; cành lá che khít bên ngoài nhìn vào chỉ thấy một. Phía sau của cây đo được 13 tằm; như thế lần lượt giảm đi một tằm. Phía ngoài cùng có cây 7 tằm vây bọc chung quanh. Phía bên trong thật cao; phía bên ngoài thấp dần. Cây này hình tướng, gốc rễ, cành lá đều đầy đủ; lại rất dễ nhìn; lá che rậm rạp; sống lâu chẳng chết; gió mưa chẳng vào, như được trang sức bằng những chùm hoa quý tinh xảo trong cuộc đời, như ngọc đeo tai; lại như dù che trên dưới phủ kín. Cây này hình tướng lại cũng như thế. Khi lá cành khô, lúc rơi xuống thì cây lại mọc lá. Nếu rơi ra ngoài rừng thì bốn bên đều rơi vào hang, giống như có cửa. Cây này ở dưới đất che khuất cát vàng; nước hoa rải khắp; đốt lên các danh hương rồi rải các thứ hoa, quần các y báu rồi ở dưới gốc cây này. Hoa Bà La cùng với những hoa khác lại rơi trên mặt đất, thật là vui đẹp.

Đây chính là nơi Phù Xà Kỳ Lợi Tượng Vương ở; thân voi trắng tinh; bảy chân sát đất; 6 ngà đầy đủ; tùy ý biến hóa; có đại thần thông và đại uy đức. Cứ mỗi con như vậy có 8.000 voi khác. Một là voi thật trắng; hai là voi trắng hung; ba là voi màu vàng; bốn là voi vàng hung; năm là voi màu đỏ; sáu là màu đỏ hung; bảy là voi màu xanh và tám là voi màu xanh đậm. Ngoài ra voi màu đen thì chẳng có nơi đây. Như thế Tượng vương muốn đến nơi ao Mạn Đà Cơ Ni để tự tắm rửa thì những con voi đen phải đi nơi khác, phải giữ đường và chỗ tắm. Lúc ấy các voi khác vây quanh Tượng vương rồi đến nơi hồ. Con voi màu trắng hung vây quanh Tượng vương, rồi Tượng vương vào hồ tắm rửa, lấy nước

của hồ để kỳ cọ rửa ráy cho Tượng vương; hoặc lại rửa mặt; hoặc lại rửa tai, rồi khắp thân tất đều như vậy.

Lúc Tượng vương tắm thì những con voi khác đem các loại hoa làm thành từng bó để phụng hiến cho Tượng vương. Hoặc đeo vào tai; hoặc đeo vào cổ, gồm nhiều màu sắc khác nhau, trang trí thân của Tượng vương. Liền khi tắm rửa xong, từ ao lên bờ, đến dưới cây Nặc Cù Đề hóng mát cho thân khô ráo. Trong quá khứ chỗ này là nơi của người thợ săn đã giết Tượng vương. Nhon đây mà trong kinh Bốn Sanh đã nhắc rõ về chuyện xưa của Bồ Tát.

Lúc đó các voi tùy theo màu sắc mà lần lượt cùng nhau vào hồ để tắm. Sau khi tắm xong, liền đến dưới cây, vây quanh Tượng vương là con voi màu đen vào tắm sau cùng, ngâm lấy một gốc cây sen và dùng cây để tắm rửa kỳ cọ; sau đó đến dưới gốc cây và con voi đen này nhập cùng với voi đen khác, nhưng con voi đen này lại nhập vào đàn voi xanh và voi xanh lại nhập vào voi xanh đậm; xanh đậm lại nhập vào voi đỏ; voi đỏ lại nhập vào đàn voi đỏ hung. Voi đỏ hung lại nhập vào voi màu vàng. Voi màu vàng lại nhập vào đàn với voi màu vàng đậm. Vàng đậm lại nhập vào màu trắng; màu trắng lại nhập vào màu trắng đậm; màu trắng đậm lại nhập vào Tượng vương; lại cho Tượng vương ăn. Tượng vương ăn xong lại thấy ngó sen còn lại lần lượt trả lại chỗ cũ và phân chia ra cho những con voi khác. Duy trừ voi đen, nếu ăn không đủ thì bắt voi đen phải đến ao kia mà lấy cho được đầy đủ. Lúc ấy voi đen tuy ăn ở ao và những con voi khác ăn ngó sen xong thì chia ra bảy phần. Nếu ăn cỏ cây hoa lá thì thành ra phần giải. Những con voi này đều cho ra phân tiểu cũng giống voi đen rồi cùng voi đen cũng cho đồ ăn ra như vậy.

Tượng vương trắng này 4 tháng thì ở tại núi Nan Đà; Xuân Đông 8 tháng thì ở dưới cây Bà La Vương Thiện Kiến.

Sau đó Tượng vương lại cũng ở tại núi Nan Đà này; ban ngày thì đi qua ở tại cây Bà La Vương Thiện Kiến, tắm rồi lại ăn; tất cả đều ở dưới cây Nặc Cù Đề.

Vì sao mà biết được điều này ?

Xưa kia lúc Ngài Tịnh Mệnh Đại Trí Xá Lợi Phất thân mang bệnh gió. Y sư bảo rằng: Bệnh này của Đại Đức chỉ có thể trị bằng ngó sen. Lúc ấy có Tịnh Mệnh Thần Thông Mục Liên với chỗ xa xưa đã thấy ngó sen này rồi, liền nói với Đại Đức như thế này.

Ta sẽ qua đó để lấy ngó sen đem về đây vậy. Mục Liên tức thời dùng thần thông đi qua bên núi vàng và suy nghĩ rằng: Tượng vương này có đại thần thông và uy đức lớn; có tâm kiêu mạn; cho nên quyết làm cho Tượng vương sợ hãi.

Mục Liên liền hóa thân như một voi lớn, thân cao và dài gấp đôi con kia và vây quanh bên Tượng vương. Từ trên không bay xuống, lúc ấy Tượng vương trắng thấy sự việc này rồi, tâm hoài nghi sợ hãi; lông lá đều dựng ngược, rồi liền nghĩ rằng: Lại có Tượng vương khác chăng? Tại xứ nào đến? Mà thần thông uy đức thân hình vạm vỡ như vậy? Tất đều hơn ta. Bây giờ sẽ chiếm đoạt nơi ở của ta. Ngay lúc ấy Ngài Mục Liên biết được sự sợ hãi này, thấy tướng khác thường, liền xả thần thông và hiện lại như cũ rồi ngồi kiết già ở một nơi riêng.

Lúc ấy Tượng vương trắng thấy việc ấy rồi liền suy nghĩ rằng: Chẳng có Tượng vương nào khác hết, mà đó là một vị Đại Tỳ Kheo. Lúc ấy Tượng vương tự hóa thân của mình làm một Đồng Tử cõi trời, có của báu cõi trời trang sức nơi hai cánh tay; đội mũ trời, đeo hoa tai, toàn là những trân bảo anh lạc nơi thân. Trong lúc Mục Liên đang ngồi tĩnh tọa thì Thiên Đồng Tử yên lặng chấp tay, ngũ thể đầu địa, kính lễ Đại Đức.

Lúc ấy Mục Kiền Liên nói với Tượng vương rằng: Trương Lão Tượng Vương! Ngươi thật có thần thông uy đức.

Tượng vương đáp rằng: Này Đại Đức! Tôi là súc sanh, có thần lực gì đâu, lại chẳng có uy đức. Ngài đã đến đây là ý muốn gì?

Mục Kiền Liên đáp rằng: Ta muốn có được ngó sen.

Liền lúc ấy Tượng vương bảo voi đen rằng: Ngươi hãy đi lấy ngó sen theo như ý của Đại Đức.

Lúc ấy voi đen liền vào ao lấy ngó sen, rửa sạch, rồi dùng một con voi chở ngó sen lên lưng theo Mục Kiền Liên bay lên hư không mà biến. Khi Mục Kiền Liên đến rồi thì Tỳ Kheo kia liền được ngó sen này. Từ xưa đến bây giờ do ở nơi này gọi tên là nơi voi hạ xuống. Lại cũng có tên là nơi giao lại ngó sen. Lại cũng có tên là nơi nhận ngó sen.

Đại Đức Xá Lợi Phất ăn ngó sen này rồi bịnh liền tiêu trừ. Khi Ngài Xá Lợi Phất đã hết bịnh rồi, cho đến Niết Bàn thân chẳng bịnh nào. Những Tỳ Kheo đã ăn ngó sen này rồi diễn tả là ngó sen có hình dễ thương; vị nó nhiều nước ngọt, không chua đắng; giống như mật ong; thân tròn dài, lớn độ một xích (một thước). Mỗi mỗi như thế, một giọt nước kia làm đầy bình bát.

Hữu Dư Tỳ Kheo dùng thần thông để đến bên cạnh núi vàng kia đã thấy sự việc như vậy, liền trở lại hỏi.

Lúc ấy Đức Thế Tôn đã vì các vị Tỳ Kheo mà nói nhân duyên này; cho nên được biết sự việc như thế.

Phẩm TỨ THIÊN HẠ Thứ Sáu

Lúc ấy Đức Phật nói rằng: Thiên Hạ có 4: Một là Diêm Phù Đề; hai là Tây Cù Già Ni; ba là Đông Phát Vu Đãi và bốn là Bắc Uất Đơn Việt. Lúc ấy có Tỳ Kheo bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Nơi Diêm Phù Đề này đất đai có to lớn không?

Phật bảo Tỳ Kheo rằng: Diêm Phù Đề thật lớn. Biên giới phía Đông 2.000 do tuần; phía Tây Bắc lại cũng 2.000 do tuần. Biên giới phía Nam chỉ 3 do tuần. Chu vi 6.003 do tuần. Mặt bằng như xe và tất cả chúng sanh ở nơi ấy mặt giống với mặt đất. Nơi Diêm Phù Đề có đầy đủ sông núi. Ở giữa núi sông là các quốc gia.

Lúc ấy vị Tỳ Kheo mới bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Tây Cù Già Ni hình thể cũng lớn như thế chăng?

Phật bảo Tỳ Kheo: Tây Cù Già Ni thật lớn. Rộng 2.333 do tuần. Lại mỗi do tuần chia ra một phần ba. Chu vi 7.000 do tuần. Địa hình tròn đầy không có núi mà có sông. Ở giữa sông này là các quốc gia; nhân dân giàu có, chẳng có trộm cướp. Tất cả đều là người lành đầy khắp nơi ấy.

Lúc ấy vị Tỳ Kheo kia lại bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Đông Phát Tỳ Đề địa hình lớn nhỏ?

Đức Phật bảo Tỳ Kheo rằng: Đông Phát Tỳ Đề rất lớn. Rộng độ 2.333 do tuần. Lại mỗi do tuần chia một phần ba. Chu vi 7.000 do tuần. Địa hình tròn đầy giống như mặt trăng, có rất nhiều núi; chỉ có một con sông. Ở giữa núi ấy là các quốc gia; nhân dân giàu có, chẳng có trộm cướp, đều là người lành, đầy dẫy nơi nước này. Tất cả các núi đều có vàng bạc. Những dụng cụ làm ruộng đều bằng những kim loại quý toàn bằng vàng. Một con sông ấy tên là Tát Xà. Bờ sông trông rất đẹp mắt. Ngài Tịnh Mệnh Tân Đầu Lô ở nơi bờ sông ấy, lập Tăng Già Lam tại đó. Vì sao mà biết được sự việc này ?

Tích xưa kể rằng tại nước Ba La Nại có một Tỳ Kheo và một Sa Di đều có thần thông. Từ Ba La Nại qua phía đông của Tỳ Đề hạ xuống. Lúc ấy Sa Di này lấy một hòn đá muốn nấu thành kim, liền mang đá ấy về lại Ba La Nại đặt ở trong chùa; liền trong đêm đó phóng ra ánh sáng lớn.

Lúc ấy vị Tỳ Kheo hỏi vị Sa Di rằng:

- Con lấy vật kia đem về đây chẳng ?

Bạch Thầy! Con mang đá ấy về để ở đây và muốn làm một con dao để cắt tóc.

Vị Tỳ Kheo ấy liền nói với Sa Di rằng:

- Ngươi hãy lấy đá kia đem lại chỗ cũ.

Lúc ấy Sa Di nghe vị Tỳ Kheo nói, liền quăng hòn đá ấy vào trong nước của sông tại Ba La Nại. Dòng sông kia lại phóng ra ánh sáng lớn. Tất cả rùa cá đều nổi lên. Nhân dân của nước này đến xem đầy dẫy không có chỗ vào cửa được. Tất cả đều nghĩ là rồng hiện thân thông.

Lúc ấy vị Tỳ Kheo cùng với Sa Di buổi sáng sớm đi vào thành để khất thực thì thấy người ta tụ tập vô số bên bờ sông, cửa thành bít lối, thật khó vượt qua, bèn hỏi Sa Di rằng:

- Con trước đây mang hòn đá bỏ nơi nào?

Vị Sa Di đáp: Bạch Thầy! Con đã quăng hòn đá ấy vào sông sâu rồi.

Vị Tỳ Kheo lại bảo Sa Di rằng:

- Người hãy lấy hòn đá ấy đem trả lại chôn cũ.

Lúc ấy vị Sa Di liền theo lời dạy và đến trước mọi người xem rồi lặn sâu xuống nước mà lấy hòn đá ấy. Áo quần chẳng ướt rồi phóng lên hư không, bay đi, mang trở lại chỗ cũ. Các vị Tỳ Kheo trở lại nước của mình số ấy rất nhiều rồi nói như thế. Lúc ấy Đức Thế Tôn vì các vị Tỳ Kheo mà nói nhân duyên này. Cho nên được biết.

Lúc ấy vị Tỳ Kheo mới bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn: Bắc Uất Đôn Việt quốc độ lớn nhỏ ?

Phật bảo Tỳ Kheo rằng: Bắc Uất Đôn Việt rất lớn. Biên giới phía Đông là 2.000 do tuần; phía Tây cũng 2.000 do tuần. Phía Nam Bắc cũng lại như thế. Chu vi 4 bên là 8.000 do tuần. Chung quanh có thành núi bằng vàng bao bọc và đất toàn bằng vàng ròng. Ngày đêm thường sáng sủa. Tại Uất Đôn Việt Địa này có 4 công đức: Một là bình đẳng; hai là tịch tĩnh; ba là tinh khiết và bốn là không có việc gì đáng chê trách.

Ý nghĩa của việc bình đẳng là ở nước kia chẳng có hàm hố, lại cũng chẳng có hang động; cũng lại chẳng có chỗ đáng chê; không có chỗ nào cao thấp; lại chẳng có đất lầy lội; cho nên gọi là bình đẳng.

Thứ đến tịch tĩnh nghĩa là ở nước kia chẳng có sư tử, hổ báo, beo chồn, rắn độc, ong bướm để hại người. Cho nên gọi là tịch tĩnh.

Sự tinh khiết nghĩa là ở nơi nước kia chẳng có tử thi của người, xác chết của rắn, xác chết của chó là những vật bất tịnh, mà ngay cả nhân dân ở đó họ đi đại tiểu tiện lên mặt đất nứt ra, rồi chôn xuống; nên có tên là tinh khiết.

Nơi đó không có việc gì đáng chê nghĩa là nước kia không có chặt cây, chẳng có cây hôi; cho nên tên gọi như thế. Nơi đó có cỏ. Tên gọi là Xa Tì; màu sắc thật xanh; hình thù thật dễ thương: giống như lông con chim Khổng Tước; chạm đến thì mịn màng, giống như áo Ca Chơn Lân. Ca Chơn Lân nghĩa là áo chẳng thể nhiễm ô; mùa hạ mát, mùa đông ấm. Lại như áo A Thời Na khi nóng không bị đốt cháy. Cỏ ấy mềm mại cũng giống như vậy. Ở đây toàn là cỏ Xa Tì phủ khắp mặt đất; bốn mùa chẳng sanh trưởng dài hơn 4 tấc.

Nước này cũng có những con sông gồm nước tám công đức. Bờ và đáy toàn là cát vàng bao bọc. Nước này hằng lưu chuyển mà chẳng tăng giảm. Toàn vàng kiên cố, không bao giờ rơi đổ. Phật nói như vậy.

Lúc ấy Phật bảo vị Tỳ Kheo kia rằng: Chim Ca Lô La cũng ở nơi bốn châu. Ở giữa 2 châu Đông Phất Tì Đề và Nam Diêm Phù Đề thì có châu Ca Lô La. Giữa Nam Diêm Phù Đề và Tây Cù Già Ni có châu Già Lô La. Ở giữa châu Cù Già Ni và Bắc Uất Đan Việt có châu Già Lô La. Phía Tây Cù Già Ni và phía Bắc Uất Đan Việt có châu Già Lô La. Phía Bắc Uất Đan Việt và phía Đông Phất Tì Đề có châu Già Lô La; là những châu có chim chóc, chu vi cả một ngàn do tuần. Châu này hình tròn. Tất cả đều là rừng già trôi nổi và có chim Già Lô La ở tại rừng này. Ngoài châu ấy là nước, nơi rỗng ở. Rỗng ở nước cũng giống như chim kia ở rừng. Chim chóc tụ lại để ăn uống, không có sự đói khát.

Chim Ca Lô La có 4 loại: Một là hóa sanh; hai là thấp sanh; ba là noãn sanh và bốn là thai sanh. Tất cả loài rỗng cũng lại có 4 loại sanh như thế gồm: Hóa sanh Ca Lô La có thể ăn 4 loại rỗng. Thấp sanh Ca Lô La, trừ rỗng hóa sanh và ăn 3 loại khác. Noãn sanh Ca Lô La ăn hai loại sau. Thai sanh Ca Lô La ăn 1 loại sau. Khi những con chim ăn thì cánh xòe ra và nước chảy xuống đến 50 do tuần. Nhon đó

mà loài rồng nổi lên ăn những trái cây mà chim ăn còn sót lại, giống như xương voi và trên mặt đất thì có dấu của khí; cho nên 4 châu ấy có mùi hôi.

Giữa 2 châu Đông Phí Tì Đề và Nam Thiệm Bộ Châu có chim Ca Lâu La ở nơi ấy và có cây tên là Khúc Thâm Phù Lưu, gốc rễ cành lá đều lớn và rậm rạp, hình tướng dễ thương; lá cây rậm rạp, sống lâu chẳng tàn, mưa gió không xâm nhập vào. Cũng giống như những đồ trang sức tinh xảo ở đời đẹp như lợn hoa và các đồ đeo tai. Như những cây dù che từ cao đến thấp cũng lại như vậy, cao 100 do tuần, gốc cây to lớn 50 do tuần; cho đến các cành lá che rợp cả 100 do tuần. Ở gốc cây này độ 5 do tuần và 4 bên là 15 do tuần.

Vua Ca Lâu La tên là Bi Na Đệ Gia ở trên cây này và Đại Long Vương tên là Ma Na Tư muốn cùng Vua Chim đùa giỡn thì liền hiện ra. Lúc ấy Vua Chim bắt lấy rồng này và để trên cành cây mà hình tướng của Long Vương thì quá lớn; nên liền biến hóa có thể làm cho thân dài ra và Điều Vương lại nắm lấy rồng bắt trở lại cây. Thân rồng thật dài, bao khắp cả cây và lần lượt che luôn cả thân cây, cho nên rồng thì nặng và cây gãy ra từng khúc. Lúc ấy Điều Vương biết sự việc lại thả rồng ra và liền suy nghĩ: Con rồng Ma Na Tư này làm hư chỗ ta ở, cho nên Điều Vương Bi Na Đệ Gia khởi tâm sân hận, đến ở một nơi khác và luôn luôn sầu não. Rồng Ma Na Tư liền phỉnh gạt ta.

Lúc ấy Long Vương lại biến thành một Thiên Đồng Tử, dùng của quý cõi thiên trang sức nơi 2 tay; đội mũ trời, đeo hoa tai toàn là đồ Anh Lạc và trang sức toàn thân, đến nơi Điều Vương ở mà nói lời rằng:

Thiện Hữu! Người có việc gì mà ưu não khôn khổ thế mà ở riêng một mình vậy? Lại chẳng an tâm?

Điều Vương trả lời: Ta bị chọc tức vì rồng Ma Na Tử, làm hư chỗ ở của ta.

Đồng Tử đáp rằng: Thiện Hữu! Ngươi lại có thể ăn thịt rồng ấy chẳng? Ma khiến cho hư chỗ ở? Mà lại ưu não với rồng, làm mất đi chỗ thân thiện như thế? Và sự khổ này vì sao mà ngươi lại phục thù rồng? Thôi thì trụ xứ chẳng nên thành lập.

Rồi thì 2 vua Rồng - Điều cùng lập lời thề rằng: Chẳng làm tổn hại nhau, vĩnh viễn là bạn lành. Vì nhơn duyên như vậy nên cây này tên là Khúc Thâm Phù Lưu. Ở trong 4 cõi thiên hạ thì có 4 châu có chim và đất này thì thật rộng lớn. Cho nên mới nói rằng mỗi mỗi châu có 8 châu bao vây chung quanh như Ngưu Châu, Dương Châu, Bang Tử Châu, Bảo Châu, Thần Châu, Hầu Châu, Tượng Châu và Nữ Châu. Ngoài 7 châu kia lại cũng như thế. Ý nghĩa này Đức Phật Thế Tôn đã nói như thế.

Phẩm SỐ LƯỢNG Thứ Bảy

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Tỳ Kheo Phú Lô Na rằng:

Đất đai ở thế giới này hình tướng tròn đầy như cục đồng tròn trịa, như đồ sành hình tròn. Thế giới này cũng giống như thế, giống như ngọn đuốc có hình tròn nhô lên, ở giữa là núi Thiết Vi, lại cũng như thế, giống như ở giữa ngọn đuốc ấy bộc khởi lên. Ở giữa thế giới này có Tu Di Sơn Vương. Lại cũng như thế, Tu Di Sơn Vương này có 7 thứ báu hợp thành; hình thù khả ái, bốn bên ngay ngắn. Lại giống như người thợ mộc giỏi dùng dây để trói chặt những hòn đá vào trụ gỗ. Hình thù ngay ngắn. Đấy, núi Tu Di cũng lại như vậy. Phân nửa chìm vào trong nước 8 vạn do tuần và phân nửa nằm ngoài nước cũng 8 vạn do tuần. Chung quanh 4 phía này mỗi bên 8 vạn do tuần. Chu vi 32 vạn do tuần. Chung quanh được bao bọc bởi biển lớn gọi là biển Tu Di. Biển này sâu 8 vạn do tuần; rộng 4 vạn do tuần; mỗi bên dài 16 vạn do tuần. Chu vi 64 vạn do tuần.

Ngoài biển có núi, tên gọi là Càn Đà; núi này ngậm vào biển 4 vạn do tuần và nhô khỏi mặt nước cũng chừng ấy. Bề rộng cũng thế 4 vạn do tuần; một cạnh núi kia dài 24 vạn do tuần. Chu vi là 96 vạn do tuần. Phía bên ngoài biển này lại cũng có núi tên là Càn Đà; sâu 4 vạn do tuần; rộng lại

cũng như thế; một bên dài 36 vạn do tuần. Chu vi 128 vạn do tuần.

Ngoài biển có núi, tên là Y Sa Đà; ngấm sâu vào biển 2 vạn do tuần và nhô lên khỏi mặt biển cũng lại như vậy. Bề rộng cũng thế; một bên dài 36 vạn do tuần. Chu vi 144 vạn do tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên là Y Sa Đà. Chiều sâu 2 vạn do tuần; chiều rộng cũng như vậy. Mỗi bên dài 40 vạn do tuần. Chu vi 160 vạn do tuần.

Ngoài biển lại có núi; tên là Ha La Trí; nằm sâu trong nước 1 vạn do tuần và nhô khỏi nước cũng thế. Chiều rộng cũng lại như vậy. Mỗi bên dài 44 vạn do tuần. Chu vi 176 vạn do tuần.

Ngoài núi lại có biển, cũng có tên là Ha La Trí; chiều sâu 1 vạn do tuần; bề rộng lại cũng như vậy. Mỗi cạnh dài 36 vạn do tuần. Chu vi 184 vạn do tuần.

Ngoài biển lại có núi, tên là Tu Đẳng Bà, sâu vào nước 5.000 do tuần, nhô lên khỏi mặt nước cũng như vậy. Chiều rộng lại cũng như thế. Mỗi bên dài 46 vạn do tuần. Chu vi 188 vạn do tuần.

Ngoài núi lại có biển; lại cũng tên là Tu Đẳng Bà; chiều sâu 5.000 do tuần; bề rộng lại cũng như thế. Mỗi bên dài 48 vạn do tuần. Chu vi là 192 vạn do tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là A Sa Can Na; sâu vào nước 2.500 do tuần và nhô ra khỏi biển cũng như thế. Bề rộng lại cũng như vậy. Mỗi bên dài 48 vạn 5 ngàn do tuần. Chu vi 194 vạn do tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên là A Sa Can Na. Sâu 2.500 do tuần. Bề rộng cũng lại như thế; mỗi bên dài 49 vạn do tuần. Chu vi 196 vạn do tuần.

Ngoài biển lại có núi, tên là Tỳ Na Đa; sâu vào nước 1.250 do tuần, nhô ra khỏi nước cũng như vậy. Bề rộng cũng thế, mỗi bên dài 49 vạn 2.500 do tuần. Chu vi 197 vạn do tuần.

Ngoài núi lại có biển, lại cũng tên là Tỳ Na Đa, sâu 1.250 do tuần; bề rộng lại cũng như thế; mỗi bên dài 49 vạn 5 ngàn do tuần. Chu vi 198 vạn do tuần.

Ngoài biển lại có núi, tên là Ni Dân Đà; sâu vào nước 625 do tuần; cao hơn mặt nước cũng như vậy. Bề rộng lại cũng như thế. Mỗi bên dài 49 vạn 6.250 do tuần. Chu vi 198 vạn 5.000 do tuần.

Ngoài núi lại có biển, lại có tên là Ni Dân Đà; chiều sâu 625 do tuần. Chiều rộng lại cũng như vậy. Mỗi bên dài 49 vạn 7.500 do tuần. Chu vi 199 vạn do tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là Thiết Vi; sâu vào nước 312 do tuần rưỡi. Nhô ra khỏi mặt nước cũng như vậy. Bề rộng cũng như thế. Chu vi 36 ức 1 vạn 350 do tuần.

Từ phía núi Ni Dân Đà cho đến Thiết Vi sơn là 3 ức 6 vạn 3.200 do tuần. Từ biển Ni Dân Đà đến núi Thiết Vi là 3 ức 6 vạn 2.663 do tuần. Từ phía Nam Diêm Phù Đề đến núi Thiết Vi là 3 ức 6 vạn 613 do tuần. Từ giữa Diêm Phù Đề đến phía Tây Cù Già Ni là 3 ức 6 vạn 6 ngàn do tuần. Từ Nam Diêm Phù Đề đến phía Bắc và Bắc của Uất Đan Việt là 4 ức 7 vạn 7.500 do tuần. Từ phía cực Tây của núi Thiết Vi có nước bao bọc độ 12 ức 2.825 do tuần. Nước chung quanh núi Thiết Vi chu vi là 46 ức 8.475 do tuần. Từ trên đánh núi Tu Di này đến bên kia đánh Tu Di là 12 ức 3.450 do tuần. Từ ở giữa núi Tu Di này đến ở giữa núi Tu Di kia là 12 ức 8 vạn 3.450 do tuần. Từ dưới chân núi Tu Di này đến chân núi Tu Di kia là 12 ức 3.015 do tuần.

Đó là ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã nói và tôi (Ngài A Nan) đã nghe như vậy.

***Giải thích chữ Do Tuần** (Yojana): Tây Vực Ký:

"Tên gọi của số lượng là Du Thiện Na. Cũ dịch là Do Tuần: Còn dịch âm là Du Xã Na; hoặc gọi là Do Diên. Đó là

cách phiên âm sai và gọi tắt sai. Du Thiện Na bằng sức đi một ngày của bậc Thánh Vương đời xưa. Cự truyền một Du Thiện Na bằng 40 dặm. Tục nước Ấn Độ chỉ có 30 dặm. Thánh giáo ghi lại chỉ có 16 dặm. Xét cho đến cùng các số nhỏ hơn thì chia một Du Thiện Na ra làm 8 Câu Lư Xá. Câu Lư Xá là tầm nghe thấy tiếng trâu lớn rống từ xa. Một Câu Lư Xá chia làm 500 cung. Mỗi cung là 4 trửu, mỗi trửu là 24 chỉ, mỗi chỉ tiết lại chia thành 7 túc mạch".

Phẩm THIÊN TRỤ XỨ Thứ Tám

Phật bảo với các Tỳ Kheo rằng: Núi Tu Di Sơn Vương này gồm Đông Tây Nam Bắc đều có 4 phía.

Phía Đông được tạo nên bằng vàng ròng; phía Tây toàn là bạch ngân; phía Bắc toàn bằng lưu ly; phía Nam toàn bằng pha lê. Ở mỗi bên như thế đều có những vật báu bao bọc. Núi Tu Di có 7 đức tánh tối ưu. Ở trên đỉnh núi, ngay giữa thì bằng phẳng, là chỗ tối thắng. Từ cõi trời Đao Lợi có thể thấy thành lớn ở đây. Chu vi 4 phía là 10.000 do tuần, toàn bằng vàng tạo thành và bao bọc chung quanh cao 1 do tuần. Trên thành có dựng bia, cao nửa do tuần. Cửa ngõ cao 2 do tuần. Cửa ngoài cao 1 do tuần rưỡi. Mỗi mỗi 10 do tuần và mỗi nơi đều có cửa riêng.

Mặt của 4 bờ thành có cả hàng ngàn cửa. Những cửa thành này được làm toàn bằng những chất báu. Đều dùng ma-ni để trang sức. Ví như đất phía bắc thì giống như tấm thảm dệt, toàn hình người, phi nhơn, rồng, thú, cỏ cây và các loại hoa thật đầy đủ. Lại như những loại đeo tai, toàn là những đồ quý giá dùng để trang sức đầy cả. Hoặc có tất cả tướng chúng sanh và các loại cây cỏ, tạp hoa trang nghiêm ở phía ngoài. Ở bên bờ cửa thành thì trang nghiêm những bày voi, bày ngựa, xe cộ, quân lính. Ở tại cửa thành lại có các thiên tử trang nghiêm những cây gậy. Họ tụ tập ở giữa để giữ nước.

Muốn đi thăm viếng những chỗ trang sức đẹp đẽ này ở 4 phía ngoài thành bằng 7 thứ báu này; hoặc đi quanh phía sau thì thấy toàn bằng vàng làm nên. Sau đó mới dùng bằng bạch ngân (bạc trắng). Thứ ba là bằng lưu ly; thứ tư là pha-lê. Phía bên ngoài có 3 lớp cũng gồm những cửa báu hợp thành. Phía bên ngoài là 7 hàng cây Đa La; 7 bên bao bọc. Cây cuối cùng lấy vàng làm gốc.

Kế đến là bạch ngân; thứ ba là lưu ly; thứ tư pha-lê. Ngoài 3 lớp này, toàn làm bằng đồ quý giá. Kim Đa La nghĩa là bạch kim, lưu ly, pha-lê toàn những thứ báu tạo thành hoa quả và phần phụ thuộc cũng như vậy. Ngân Đa La gồm toàn vàng ròng, lưu ly, pha-lê toàn những chất báu tạo thành hoa quả. Phần phụ thuộc cũng như thế. Lưu ly Đa La gồm kim, ngân, pha-lê làm hoa lá. Pha-lê Đa La gồm kim, ngân, lưu ly làm hoa quả.

Ba loại hoa quả ấy toàn những đồ quý tạo thành cây Đa La. Khi gió thổi đến, phát ra những âm thanh vi diệu có thể làm cho chúng sanh khởi lên 5 sự trói buộc.

Một là sanh tâm cảm thọ; 2 là khởi lên sự trói buộc; 3 là khởi lên sự mê loạn; 4 là sanh chấp trước; 5 là chẳng xa lìa. Giống như 5 loại âm nhạc, như nhạc sư tinh luyện thổi lên nhạc ngũ âm, khiến cho chúng sanh khởi 5 loại tâm tham dục. Âm thanh của cây này lại cũng như thế. Giữa 7 hàng cây ấy nơi nơi đều có những ao hoa báu. Bề rộng cả hàng trăm thiên cung, đầy cả nước trời; bốn bên toàn là chất báu; dưới đáy ao toàn là kim, ngân, lưu ly và pha lê tạo thành. Bốn bên hồ này lại có 4 loại báu làm đường đi. Ở mỗi ao như thế đều có rất nhiều hoa do 5 loại báu hợp thành, gồm toàn vàng, bạc, lưu ly, pha lê và Kha Lê Đa. Ở trong những ao này có thuyền bằng 4 chất báu nổi trên mặt nước cũng toàn bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê.

Lại có đây đủ 8 loại nước. Một là đập lên trên nhà nước; hai là nước bằng bảy thứ báu tắm thân; ba là đồ đánh nước để tạo ra âm nhạc; bốn là nước chảy tạo nên niềm vui; năm là nước bánh xe; sáu là nhà nổi; bảy là vòng quý tạo nước thành tiếng và tám là có những ngôi nhà tự trời tự mở để nước chảy, trong ấy có chư thiên trên thuyền đi du hí. Lúc ấy thuyền quý tùy theo tâm mình muốn mà trôi xa gần. Nam nữ chư thiên tác ý muốn đi liền đi, muốn đến liền đến. Nếu chư thiên có ý muốn hái hoa thì hoa liền được. Do quả báo tự nhiên sanh khởi thành gió và thổi các thứ hoa quý ấy bay khắp cùng trời. Lại có loại gió đặc biệt thổi tung những bó hoa để trang nghiêm nơi thân và cổ; hoặc làm thành mũ đội; hoặc làm nên chuỗi anh lạc; hoặc làm nên những đồ đeo tay, cho đến đồ thắt lưng; hoặc làm đồ đeo chân.

Bốn bên bờ hồ lại có 5 hàng cây báu. Một bằng vàng, hai bằng bạc, ba bằng lưu ly, bốn bằng pha lê và năm bằng Kha Lê Đa. Giữa những hàng cây này đều có những điện đường bằng của báu cũng do 5 loại làm thành. Có các chư thiên nam nữ sống ở trong ấy. Ở bên ngoài thành cũng có rất nhiều chư thiên, trải ra đây khắp nước. Bên ngoài cây Đa La thì có 3 lớp hào báu. Mỗi lớp hào như vậy rộng 2 do tuần, sâu một do tuần rưỡi; bên dưới rộng, trên hẹp như hình miệng. Ở nơi hồ này nước trời đầy khắp và lại do 4 chất báu tạo thành, toàn bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Ở 4 bờ hào này lại đều do 4 chất báu tạo thành đường đi. Mỗi mỗi hào lại có vô lượng 4 thứ hoa báu. Lại cũng có thuyền bằng 4 chất báu nổi trên ấy, đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê là những thứ quý tạo thành.

Lại cũng có 8 loại nước tạo niềm vui. Một là đập lên nước ở trong nhà; hai là bảy báu chảy thành nước tắm thân; ba là dụng cụ đánh vào nước để tạo nên âm nhạc; bốn là nước chảy tạo ra niềm vui; năm là bánh xe nước; sáu là nhà

nổi trên nước; bầy là bánh xe quý tạo thành tiếng; tám là những ngôi nhà tự cột rồi tự mở. Ở trong đó có nam nữ chư thiên lên thuyền dạo chơi. Những thuyền quý này tùy theo tâm muốn chậm nhanh; nam nữ chư thiên tác ý muốn đến kia, thuyền liền đi đến. Nếu chư thiên tác ý muốn lấy hoa thì liền lấy cho ta. Hoa liền tự đến. Do quả báo tự nhiên mà gió thổi đem đến các hoa nổi tiếng bay khắp thiên không. Lại cũng có gió đặc biệt thổi các lọn hoa để trang nghiêm nơi thân và cổ; hoặc làm thành chiếc mũ đội; hoặc làm chuỗi anh lạc để đeo; hoặc làm đồ trang sức nơi tay, nơi chân.

Lại cũng như vậy, ở giữa hào là các điện đường là nơi ở của chư thiên nữ. Đối với điện đường này bố trí các chất báu làm cảnh. Mỗi mỗi cảnh như thế đều trồng những cỏ hoa có 5 màu khác thường, đều nằm thẳng hàng. Nơi 3 lớp hào này có cây 7 báu bao bọc chung quanh. Nghĩa là gồm toàn bằng kim, ngân, lưu ly, pha lê, màu quý hoa sen, ốc đá, Kha Lê Đa v.v... Ở trong rừng cũng vậy nơi nơi đều có ao 7 thứ báu. Nước trời đầy đầy cho đến những thuyền quý đi du hí và các điện đường là nơi nam nữ thiên chúng trú ngụ. Cũng có đầy đầy chư thiên ở đầy cả nước như đã nói bên trên.

Lúc ấy ở phía ngoài hào nơi 7 hàng cây báu nở 7 cành hoa toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê cho đến Kha Lê Đa v.v.. Ở trong rừng các thiên nữ hoan ca hát nhạc, vô lượng thiên tử từ thành lớn xuất hiện vào rừng để xem nghe. Rồi ở trong thành các thiên tử cũng vui mừng hát nhạc. Bên ngoài các thiên nữ cũng vào thành để xem nghe. Nhơn phương tiện ấy mà tới lui để vui nghe nhạc. Chia thành lớn này ra bốn phần. Ở giữa thành bằng vàng là nơi của Đế Thích ở, rộng 12 do tuần; mỗi mỗi đều có cửa; 4 phía có 499 cửa, lại kèm theo 1 cửa nhỏ. Cứ 500 cửa như vậy tạo thành hình tượng của bức thành, lại được canh giữ 4 bên bởi binh lính. Bên bờ hào có cây nhiều loại, tốt như rừng; nơi ấy có cung điện để hát

xương vui chơi du hí, mỗi mỗi đều đẹp đẽ như đã nói phía trên.

Ở giữa thành này là nơi ở của Thích Đề Hoàn Nhơn. Lầu quý nhiều tầng, tên là Bì Thiên Diên Đa, chiều dài 500 do tuần; rộng 250 do tuần. Chu vi 1.500 do tuần. Cột cao 9 do tuần được làm bằng bốn chất báu. Một là bằng vàng, hai bằng bạc, ba bằng lưu ly, bốn bằng pha lê. Bốn loại báu ấy tạo thành trụ cột. Lầu này 4 phía đều có đường đi. Tất cả các bờ tường đều làm bằng 4 chất báu. Cả 3 tầng được tạo nên và ở tầng một được tạo nên toàn bằng vàng; tầng hai bằng bạc; tầng ba bằng lưu ly. Ở mỗi mỗi tầng đều có 3 hàng chuông báu, khi gió thổi động thì tạo nên thành tiếng nhạc; giống như tiếng nhạc ngũ phần, như trước đã có nói. Khi nghe tiếng cây Đa La thì có thể làm cho chúng sanh khởi lên ngũ dục trói buộc. Tòa nhà này 4 bên đều có những lầu gác đẹp. Phía đông có 36 căn; 3 mặt mỗi nơi 26 cái. Phạm 101 sở, mỗi mỗi lại ngăn ra, cách 2 do tuần. Chu vi 8 do tuần. Cứ mỗi mỗi như thế đều có lầu báu đi kèm, cao nửa do tuần để làm chỗ xem xét ra ngoài. Cứ mỗi lầu báu có 7 thiên nữ và mỗi mỗi đều có 7 nữ tỳ. Bên trong các điện đường lầu các này có tất cả là 7 vạn 700 phòng và trong mỗi phòng đều có 7 thiên nữ; mỗi mỗi thiên nữ lại cũng có 7 người hầu. Những thiên nữ này đều là Chánh hậu của Vua Đế Thích. Ngoài những phòng này ra còn đến 4 ức 9 vạn 4 ngàn 900 phòng và Chánh phi có 34 ức 6 vạn 4.300 người; mỗi mỗi đều có người hầu và nữ tỳ làm nô dịch. Hợp tất cả lại là 39 ức 5 vạn 9.200 người.

Ở nơi chính giữa của Bì Thiên Diên có nhiều tòa nhà và phòng ốc rộng. Bề rộng đến 30 do tuần. Chu vi 90 do tuần. Cao 45 do tuần. Thích Đề Hoàn Nhơn ở nơi phòng giữa này. Do lưu ly hợp thành. Đất đai đều mềm mại, toàn là những đồ trân quý giống như phía bắc được trang trí bởi

những tấm thảm nhiều màu. Người và phi nhơn, rồng, thú, cỏ, cây cho đến các hoa tạp nhạp đều không có ở nơi đây. Lại cũng có những đồ quý giá trang sức nơi lỗ tai rất nhiều. Nơi ở của Đế Thích cũng lại như thế. Tất cả đều do lưu ly hợp thành, tạo nên cảnh đẹp trang nghiêm. Đất đai ở đây mịn màng; nếu đạp lên đất tức thời lún xuống và khi đỡ chân lên rồi thì trở lại như cũ; giống như vải vóc nhồi bông. Nơi ở của Đế Thích cũng lại như vậy. Khi đạp chân xuống liền chìm và khi đỡ chân lên thì các loại hoa bay khắp nơi, đót hương, mặc áo trời cùng với các hoa báu bay đến đây. Thích Đề Hoàn Nhơn cùng với những A Tu La nữ cùng sinh sống nơi đó. Hóa Thân Đế Thích cùng ở với các Hoàng hậu tại đó. Tất cả các Hoàng hậu đều nghĩ rằng Đế Thích đang sống với ta. Chơn thân của Đế Thích đang ở cùng ta.

Ở bên ngoài thành có 4 bên bao bọc. Bên cạnh có chợ búa nằm ngay thẳng với các thành này. Hoặc có nơi có 4 nhà tương ứng; hoặc có nơi nhiều nhà cao nhiều tầng; hoặc có nơi cao thấp lớn nhỏ; hoặc có nơi nhà cửa tiếp với mây; hoặc có nơi 4 bên tiếp giáp và tùy theo phước đức mà các loại quý hợp thành, ngay thẳng đoạn chánh.

Đây là con đường ở cõi tiên, có cả hàng 500 lối; 4 bên gặp nhau; đầu đó rõ ràng; tất cả đều như hàng cây; 4 cửa thông nhau. Đông Tây có thể thấy chợ búa, bảo vật bán đây. Chợ đầu tiên bán lúa; chợ thứ 2 bán y phục; chợ thứ 3 bán các hương thơm; chợ thứ 4 bán đồ ăn uống; chợ thứ 5 bán hoa cài tóc; chợ thứ 6 bán đồ nghề; chợ thứ 7 là dâm nữ. Chợ nào cũng có hàng quán và ở giữa chợ thì thiên tử, thiên nữ tới lui mua bán, toàn là những đồ quý giá. Nhu cầu tăng giảm, hàng hóa đầy đủ ở chợ này. Tuy làm việc ấy nhưng chỉ cốt vui, chẳng lấy chẳng để, chẳng có tâm thuộc về mình, chủ yếu là ra khỏi sự ham muốn; xong rồi lại đi. Nếu phải nghiệp tương ứng thì tùy ý mà lấy. Nếu nghiệp chẳng tương ứng liền nói lời rằng: Vật này quý giá, chẳng phải của tôi.

Bên 4 vệ đường được trang trí bởi những xe voi, ngựa, binh lính và các Thiên Tử chờ đợi trong đó; hoặc vì giữ gìn; hoặc vì vui chơi; hoặc vì sự trang nghiêm. Giữa chợ có đường đi; tất cả đều bằng lưu ly, thật đẹp dễ thương, đều do các loại báu hợp thành; giống như đất phía bắc giống như tấm thảm mềm mại được trải ra vậy. Ròng, thú, hoa, cỏ, cây đều như phía trước đã nói. Cho đến đốt hương rải hoa cùng mặc thiên y lại cũng như vậy.

Lại ở xứ đó có dựng những tràng phang và ở trong đại thành như thế nghe được những âm thanh hằng chẳng dứt khoảng; như là tiếng của voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ốc, tiếng Ba Na Bà, tiếng trống, tiếng Ni Trường Già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại cũng có những lời nói như lành thay! lành thay! Mong được ăn uống, ta nay xin cúng dường. Đó là chỗ thấy nơi thành lớn. Nơi mà Đế Thích ở nơi ấy.

Lại cũng có châu trời, quận trời, huyện trời và thôn trời. Chu vi nằm trên núi Tu Di. Thiện Kiến đại thành phía Tây Bắc từ cửa ra ngoài 20 do tuần là Đào Lợi chư thiên có Thiện Pháp Đường; đường kính 30 do tuần. Chu vi 90 do tuần. Cao 45 do tuần; do lưu ly hợp thành; đất đai mềm mại nhu nhuyễn; đều toàn bằng chất báu, giống như tấm thảm nhiều màu đẹp dễ được trải nơi đất phía bắc. Người và phi nhơn, ròng, thú, cỏ, cây cùng các hoa tạp có đầy đủ cả.

Lại như có hoa đeo tai dùng để trang sức thật đầy đủ. Thiện Pháp Diệu Đường cũng lại như thế, nhu nhuyễn khả ái. Dùng chân đạp xuống đất chìm; nhưng khi đỡ chân lên thì mỗi mỗi trang nghiêm đầy đủ như đã nói ở trước.

Có đến 3 bên bao bọc; một là bằng toàn vàng ròng; hai là bằng bạc; ba bằng lưu ly. Mỗi một tầng có 3 loại linh quý; khi gió thổi thì xuất ra âm thanh lạ; giống như nhạc ngũ phần, như trước đã nói. Nghe tiếng cây Đa La làm cho chúng sanh khởi lên 5 món dục ràng buộc.

Ở giữa điện đường có một cây trụ lớn làm bằng chất báu và vút thẳng lên đến đánh điện đường lại được bao bọc bằng vàng, mỗi mỗi đẹp đẽ, đầy đủ đó đây. Ở giữa cây trụ lớn chu vi 1 do tuần; đường kính 1 phần 3. Cả mái điện gồm 16 trụ; ở mỗi mỗi trụ lại có 16 trụ nhỏ vây bọc chung quanh. Mỗi trụ nhỏ lại có 272 trụ nữa bao bọc. Các đòn tay đều có 3 phần; mỗi một phần có 4.052 cây vây quanh. Ba phần là 1 vạn 2156 cái đòn tay. Cộng chung lại tất cả là 33 ức 6.432 trụ và những trụ này thẳng xuống tới mặt đất và bên trên thì không quá cái cây đòn tay, như một lợn tóc. Hoặc có một cây, trên đến đòn tay, dưới đến đất, như một dây tóc. Với ý nghĩa này cho nên gọi đây là Thiện Pháp Đường, nằm giữa không trung, không thể rõ hết được.

Bốn bên đều có nhà và phòng ốc. Một là ở phía chánh đông; hai là chánh tây; ba là chánh nam; bốn là chánh bắc. Ở bên ngoài Thiện Pháp Đường nơi nơi đều có những ao lớn toàn bằng chất báu; nước trời nhuần thấm; 4 chất báu tạo nên. Ở dưới đáy ao chứa toàn kim ngân, lưu ly và pha lê tạo thành. Bốn bên của hồ này lại cũng có đường đi bằng những chất báu. Ở mỗi mỗi hồ đều có rất nhiều hoa do năm báu tạo thành, gồm, kim, ngân, lưu ly, pha lê, Kha Lê La. Ở trong những hồ này đều có những chiếc thuyền bằng 4 thứ quý báu nổi ở bên trong.

Lại cũng có 8 loại nhạc cụ bằng nước để du hí. Một là lấy chân đạp lên nước trong ngôi nhà; hai là nước bảy báu chảy ra để tắm thân; ba là dụng cụ dùng để đánh nước tạo nên âm nhạc; bốn là giọt nước tạo thành niềm vui; năm là xe nước; sáu là nhà nổi trên mặt nước; bảy là bánh xe quý quay vòng; tám là tự cột, tự mở, đến đi và trong những chiếc thuyền ấy có nam nữ chư thiên du hí. Tùy theo ý muốn. Trên không trung các hoa tự nhiên bay đến, trang nghiêm thân thể

chư thiên, cho đến các chư thiên ở các cung điện cũng đều đầy đủ, lại cũng như vậy.

Ở bên ngoài pháp đường có một vườn cây lớn, được bao bọc bởi bức tường bằng vàng. Chu vi 1.000 do tuần; thành cao một do tuần và nhô lên nửa do tuần; có cửa cao 2 do tuần; rộng 12 do tuần. Mỗi nơi đều có cửa, gồm 99 cửa; mỗi cửa lại có một cửa nhỏ, mà những cửa này đều do của báu tạo thành, toàn là những ma-ni quý giá trang sức nên; giống như đất ở phía bắc được trải ra như những tấm thảm mịn màng nhu nhuyễn. Nhiều loại điều khác.

Ở trước cửa lại có 4 quân lính phòng vệ như trên đã nói; bên ngoài 7 lớp cửa quý bao bọc như trên đã nói; bảy hàng cây Đa La vây quanh, lại cũng như trên đã nói. Ở giữa những hàng cây này là những ao quý, rộng rãi vô cùng nhiều loại trang sức như đã nói. Có 5 loại hoa quý như trên đã nói cùng thuyền làm bằng 4 loại quý như trên đã nói. Trên bờ hồ có cây 5 loại báu, lại cũng như trên đã nói. Cho đến các điện đường được làm bằng 4 chất báu là chỗ ở của nam nữ chư thiên.

Ở bên ngoài thành này là 3 lớp hào cũng toàn bằng của báu như trên đã nói. Mỗi mỗi hào rộng 2 do tuần, sâu 1 do tuần rưỡi; hình thù như cái miệng hồ; dưới rộng trên hẹp; nước trôi nhuần thấm và cũng như trên đã nói. Giữa các hào là đất, có những kiêu nữ và điện đường nhiều vô số kể. Ở ngoài 3 lớp hào có rừng cây bảy báu bao bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói.

Lúc ấy ở trong rừng tất cả các hoa đều nở xinh đẹp; các tiên nữ ca hát. Lúc ấy các thiên tử từ thành của Pháp Đường ra đi, đến trong vườn gặp gỡ để xem nghe. Trong ấy cũng có thiên tử lại thổi sáo và các tiên nữ từ Thiện Pháp Đường cũng ra vườn để xem. Như đó mà chư thiên nam nữ hàng thọ hí lạc.

Từ thành lớn này về cửa góc phía tây bắc là cửa của Thiện Pháp Đường 20 do tuần; rộng 10 do tuần; đất đai bằng phẳng, toàn bằng lưu ly tạo thành; dễ thương, mềm mại, do chất báu tạo ra. Cũng giống như đất phía bắc tốt đẹp như tấm thảm trải dài. Người và phi nhơn, ngựa, xe, hoa, cây mỗi mỗi đầy đủ; lại như bông đeo tai hợp thành. Ở đây cũng có đường đi. Đặt chân xuống thì lún; đỡ chân lên trở lại như cũ, mềm như lụa là và con đường ấy cũng giống như thế. Có 3 lớp báu bao bọc chung quanh. Mỗi một lớp như thế cũng toàn là 4 loại báu hợp thành. Mỗi lớp đều có 3 tầng, có chuông báu vây bọc chung quanh; mỗi một chuông báu như thế đều do 4 thứ báu tạo thành. Khi gió thổi, tạo ra những âm thanh, có thể làm cho chư thiên khởi lên ngũ dục và bị trói buộc vào đó.

Hai bên đường lại có 2 con sông hẹp; tên gọi là Trường Hình. Lại có chiều dài 20 do tuần; bề rộng 10 do tuần; nước 8 công đức tự nhiên nhuần thấm. Hai bên bờ sông này đều có những chất báu giữ nước như trước đã nói. Sông này 4 bên đều có đường đi và đều làm bằng 4 chất báu, lại cũng như trước đã nói. Trong nước sông này có hoa quý 5 báu, lại cũng như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 của báu nổi trong ấy. Có đầy niềm vui nơi nước 8 công đức ấy khi lên thuyền du hí; chặm mau do tâm muốn, lại cũng như trước đã nói.

Ở đây chư thiên mang hoa Tu Bỉ đến; tùy theo sự ước muốn liền có. Do quả báo thiện mà có vậy. Mưa toàn là hoa quý rải khắp chư thiên. Lại có gió đặc biệt thổi những chùm hoa, tùy theo thân hình mà trang nghiêm như ý trên thân, cánh tay, cổ, chân... tự nhiên dính vào.

Hai bên bờ sông lại có cây 5 báu, la liệt đầy cả, lại cũng như trước đã nói. Ở giữa những hàng cây này lại có những ao báu, cho đến những điện đường quý báu mà chư

thiên nam nữ ở nơi đó, vô lượng vô số, đầy đầy ở đây. Lúc ấy nếu Chư Thiên cõi Đao Lợi muốn vào nơi vườn này, thì ở Thiện Pháp Đường có gió gọi là hợp tụ, tụ tập các hoa lại rồi thổi bay ra ngoài. Đất ở đây sạch sẽ; lại chẳng có hoa hư. Lại có ngọn gió khác tên gọi là Thế Đạo, thổi phía ngoài vườn vào nơi các ao hồ lại có hoa mới, gồm toàn hoa nhiều màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Khi nhận hoa rồi gió hợp tụ thổi tập trung các hoa ấy vào trong Pháp Đường, bày la liệt trên đất, tạo ra nhiều hình tượng khác nhau. Hoặc hiện ra những hình cây gậy bằng vàng bạc; hoặc hiện ra hình hoa sen; hoặc hình những tấm thảm; hoặc hình lông dê; hoặc hình sư tử cười; hoặc hiện ra voi, ngựa, xe, bộ binh v.v... hoặc hiện ra hình nai thú; hoặc hiện ra hình Ca Lâu long mã. Như đó lần lượt trải khắp đầy cả đất nơi Thiện Pháp Đường. Hoa cao đến đầu gối, trang nghiêm đầy đủ.

Lúc đó chư thiên vây quanh Đế Thích cung kính tôn trọng đi vào phía sau vườn và bên cạnh cây trụ ở giữa Thiện Pháp Đường. Nơi có tòa Sư Tử; Thích Đề Hoàn Nhơn lên tòa ngai đó; tả hữu hai bên; mỗi bên có 16 hàng Thiên Vương ngai đó. Các chư thiên tùy theo cao thấp, nương theo đó để ngai.

Lúc ấy Thiên Đế Thích có 2 Thái Tử; một tên là Chiên Đàn; hai tên là Tu Tỳ La. Cùng với 2 tướng quân của cõi Đao Lợi ở cõi trời thứ 33 theo trái phải mà ngai.

Lúc ấy Đế Đầu Tàn Đỏa Thiên Vương ngai nơi cửa phía Đông cùng với các Đại Thần và quân lính, cung kính chư thiên, được vào ngai bên trong.

Ngay khi ấy thì Tỳ Lưu Lặc Xoa Thiên Vương ngai nơi cửa phía Nam cùng với các Đại Thần và quân lính, cung kính chư thiên nên được vào ngai bên trong.

Lúc đó Tỳ Lưu Bát Xoa Thiên Vương ngồi nơi cửa Tây cùng với các Đại Thần và quân lính; cung kính chư thiên, liền vào ngồi bên trong.

Lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương ngồi nơi cửa Bắc cùng với các Đại Thần và quân lính, cung kính chư thiên được vào ngồi bên trong.

Đây là 4 Thiên Vương ở nơi Thiện Pháp Đường; thế gian lành dữ đều tấu cho Đê Thích nghe cùng với các Đạo Lợi Thiên.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói như thế về việc này rằng các Tỳ Kheo nên biết ngày mồng tám mỗi tháng là ngày mà Tứ Thiên Vương và Đại Thần đi vi hành thế gian; lần lượt quan sát và ngay ngày ấy dù ít dù nhiều, tất cả những người thọ trì 8 giới, dù ít dù nhiều nên làm việc bố thí. Dù ít dù nhiều nên tu hành phước đức; dù ít dù nhiều phải cung kính cha mẹ cho đến các Sa Môn Bà La Môn, tôn trọng người trong gia đình.

Này các Tỳ Kheo! Mỗi tháng ngày 14 là ngày Thái Tử của Tứ Thiên Vương đi vi hành thế gian, lần lượt quan sát và ngay ngày này, dù nhiều dù ít tất cả những người thọ trì 8 giới; dù nhiều dù ít tất cả đều nên bố thí; dù nhiều dù ít nên tu hạnh phước đức; dù nhiều dù ít nên cung kính cha mẹ cho đến Sa Môn Bà La Môn, tôn kính những người trong gia đình.

Này các Tỳ Kheo! Ngày 15 mỗi tháng là ngày mà Tứ Thiên Vương đi vi hành thế gian, lần lượt quan sát và ngay ngày này, dầu nhiều dầu ít, tất cả những người thọ trì 8 giới, dù nhiều dù ít, tất cả nên làm bố thí, dầu nhiều dầu ít tu hành phước đức; dù nhiều dù ít cung kính cha mẹ và Sa Môn Bà

La Môn, những người trong gia đình; nửa tháng kia cũng như vậy.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy chẳng có nhiều người thọ trì 8 giới; nên cũng không có nhiều người tu hạnh bố thí và cũng không có nhiều người tu hạnh phước đức và cũng không có nhiều người cung kính cha mẹ Sa Môn Bà La Môn cho đến trong gia đình.

Này các Tỳ Kheo! Thì lúc ấy nơi Thiên Pháp Đường ở Đạo Lợi Thiên khi tập họp lại và Tứ Thiên Vương đến nơi pháp đường trình cho Đế Thích và nói việc ở thế gian.

Bạch rằng: Thưa Ngài! Chẳng có nhiều người thọ trì 8 giới; chẳng có nhiều người tu hạnh bố thí; chẳng có nhiều người cung kính cha mẹ Sa Môn Bà La Môn cho đến những người trong gia đình. Khi ấy chư thiên tại cõi trời Đạo Lợi và Thích Đề Hoàn Nhơn nghe việc này rồi sanh tâm ưu não, nói như thế này:

Thật là việc chẳng lành! Thật là việc chẳng như pháp. Nếu như loài người chẳng có nhiều người thọ 8 giới, chẳng có nhiều người hành hạnh bố thí và chẳng có ai tu hành phước đức và cũng không nhiều người cung kính cha mẹ Sa Môn Bà La Môn cho đến những người trong gia đình thì quyền thuộc của chư thiên sẽ giảm thiểu và bạn hữu của Tu La càng ngày càng tăng.

Này các Tỳ Kheo! Nếu có nhiều người thọ trì 8 giới, tu hạnh bố thí nhiều, tu phước nhiều, cung kính cha mẹ nhiều cùng với Sa Môn Bà La Môn cho đến người trong gia đình thì lúc ấy Tứ Thiên Vương tại Pháp Đường sẽ thưa với Đế Thích những việc của thế gian và nói rằng:

Thưa Ngài! Có nhiều người thọ trì 8 giới, nhiều người tu hành hạnh bố thí, nhiều người tu phước; nhiều người cung kính cha mẹ Sa Môn Bà La Môn và những người trong gia đình thì lúc ấy Tứ Thiên Vương ở cõi trời Đao Lợi nói rằng: Tâm sanh hoan hỷ và nói là việc ấy thật tốt. Đây là như pháp. Nếu có nhiều người thọ trì 8 giới, tu hành bố thí nhiều và làm phước nhiều; cung kính phụ mẫu Sa Môn, Bà La Môn nhiều cũng như những người trong gia đình thì quyến thuộc của chư thiên càng ngày càng nhiều; bạn hữu của Tu La càng ngày càng ít.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy Thích Đề Hoàn Nhơn ngồi yên chỗ cũ, chư thiên ngồi chỗ chư thiên và khi ở vị trí ngay ngắn, theo tâm của chư thiên làm cho hoan hỷ mà nói kệ rằng:

Mỗi tháng ngày mồng tám
Mười bốn và mười lăm
Trong tháng ngày hai ba
Mồng chín và ba mươi
Ba lần ngày mười lăm
Thọ trì tám phần giới
Tâm tịnh mà nhiếp trì
Nếu thọ trì bố tát
Người này tu bảy pháp
Tương lai sẽ như ta.

Này các Tỳ Kheo! Đây là kệ Thích Đề Hoàn Nhơn, là bài ca tà, không phải là bài ca lành; đây là lời nói tà; chẳng phải lời nói lành. Vì sao như vậy?

Này các Tỳ Kheo! Vì Thích Đề Hoàn Nhơn chưa giải thoát việc sanh, chưa giải thoát già, chưa giải thoát chết;

chưa giải thoát ưu, chưa giải thoát bi; chưa giải thoát khổ;
chưa giải thoát não; chưa giải thoát ngũ ấm.

Này các Tỳ Kheo! Nếu có Tỳ Kheo thành A La Hán, diệt tận các lậu, tu đạo cứu cánh, chánh tri giải thoát, dứt hết các kết sử, như thế các Tỳ Kheo nên nói kệ này. Đây là những lời nói lành:

Mỗi tháng ngày mồng tám
Mười bốn và mười lăm
Trong tháng ngày hai ba
Mồng chín và ba mươi
Ba lúc ngày mười lăm
Thọ trì tám phần giới
Tịnh tâm mà nhiếp trì
Nếu thọ trì bố tát
Người này tu bảy pháp
Tương lai sẽ như ta.

Này các Tỳ Kheo! Đây là kệ Tỳ Kheo và là bài ca lành; chẳng phải bài ca tà, lại là lời nói lành; chẳng phải lời nói tà. Vì sao như vậy ?

Đây là Tỳ Kheo đã giải thoát sự sanh, đã giải thoát sự già, đã giải thoát sự chết, đã giải thoát sự ưu, đã giải thoát sự bi, đã giải thoát sự khổ, đã giải thoát sự não, đã giải thoát ngũ ấm, liền nói lời Kỳ Dạ (Geya = Trùng tụng) :

Tứ Thiên Vương Đại Thần
Mồng tám đi tuần hành
Tứ Thiên Vương Thái Tử
Mười bốn xem thế gian
Mười lăm ngày quan trọng
Tứ Vương nghe việc tốt

Nên tự đến thế gian
 Quan sát việc lành dữ
 Lúc ấy Tứ Thiên Vương
 Ở nơi Thiên Pháp Đường
 Chư Thiên vẫn tập lại
 Tấu việc lành dữ nghe
 Nơi ý người thế gian
 Cùng đạo pháp tương ưng
 Đường lành có nhiều người
 Hay thí, thọ Bồ Tát
 Lại hay siêng tu đạo
 Nam nữ phước tăng lên
 Lúc ấy cõi Đạo lợi
 Tin tưởng lòng hoan hỷ
 Số số sanh tùy hỷ
 Tứ Thiên Vương nói rằng
 Chư thiên thêm quyến thuộc
 Lân lân thêm được nhiều
 Nguyên Tu La bạn lữ
 Ngày ngày càng giảm đi
 Tùy nhớ nghĩ chánh giác
 Chánh pháp nói Thánh chúng
 Chư Thiên ở an lạc
 Tâm thường sanh hoan hỷ
 Thế gian xuất thế gian
 Hay sanh ra làm người
 Hoặc nương Phật Pháp Tăng
 Ở nơi ba ngôi báu
 Ta nay vì người nói
 Nói tam hiền thiện đạo
 Nếu người cầu chơn thật
 Bỏ ác tu việc lành
 Chẳng có như bán buôn
 Do ít mà được nhiều

Như chư Thiên Đạo Lợi
 Làm thiện ít sanh thiên
 Đế Thích và chư Thiên
 Đại phước đức đa văn
 Tụ tập Thiện Pháp Đường
 Và những vị trụ xứ
 Nam nữ hay hành hương
 Tứ vương được tâu bày
 Thanh tịnh thiên yêu mến
 Huân tập khắp chư thiên

Chư Thiên Tử hình sắc không giống nhau; y phục cũng khác nhau bởi những đồ quý giá trang sức, mỗi mỗi sai biệt. Ở nơi Thiện Pháp Đường có hoa 4 màu; người hoa đẹp đẽ, hỗ tương như hình với bóng. Ví như trong những nhà quý có chứa đầy của quý thế nào thì Thiện Pháp Đường này cũng đẹp và dễ thương thế ấy. Vì sao nơi này gọi là Thiện Pháp? Vì là nơi chư thiên tụ tập trung để ca ngợi tán thán Phật nhiều lời, tán thán Pháp nhiều lời và tán thán Tăng nhiều lời; là nơi phân biệt việc tà chánh của thế gian. Tuyên thuyết nhiều loại khác của con đường xuất thế. Vườn tược ở đó chẳng phải như việc này cho nên gọi là đất. Vì Thiện Pháp Đường mà Đức Thế Tôn đã nói và ta (A Nan) đã nghe như thế.

**Phật nói Luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới
 Hết quyển hai**

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM
VỀ VIỆC THÀNH LẬP
THẾ GIỚI



Quyển thứ ba

Trần, Tây Ân Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch



Phẩm VƯỜN HOA HỖ Thứ chín

Ở bên ngoài cửa phía Bắc của Đại Thành Thiện Kiến cách 20 do tuần là cõi trời Đao Lợi; có một vườn cây rất lớn, tên gọi là HOAN HỖ; ở trong vườn này có hồ, lại cũng có tên là Hoan Hỷ, rộng cả trăm do tuần, sâu cũng như thế; nước trời đầy khắp; có 4 chất báu bao bọc nơi đáy hồ như trước đã nói. Bốn bên đều có đường đi lại cũng như trước đã nói; có hoa quý 5 báu, lại cũng như trước đã nói; có thuyền quý 4 báu và tạo nên tám niềm vui. Tùy theo tâm muốn mà nhanh chậm. Khi chư thiên muốn có hoa này thì tự nhiên đến, là do quả báo lành vậy. Mưa hoa đầy khắp cõi trời. Lại có gió đặc biệt thổi những lọn hoa ấy, dính lên thân và trang nghiêm thân thể, cánh tay, cổ và chân, tự nhiên dính vào.

Bên bờ hồ này có cây bằng 5 báu, la liệt đầy dãy như trước đã nói. Ở giữa cây này là những điện đường làm bằng những thứ báu. Chư thiên nam nữ dừng lại nơi đó rất nhiều, như trước đã trình bày. Trong vườn có cây, tên gọi là Hoan Hỷ; cây ấy sanh hoa tên là Mạn Đà La, hình thù lớn nhỏ như bánh xe lớn, màu sắc tuyệt đẹp như ánh sáng của lửa cháy; hoa này nặng nhẹ như người trong hoa. Cây Hoan Hỷ chỉ có trong vườn này; ngoài ra thì chẳng đâu có.

Vườn này chu vi 1.000 do tuần; đường kính 333 do tuần; một phần ba là bờ thành bằng vàng bao bọc; thành cao

1 do tuần; bờ tường 1 do tuần rưỡi; cửa thành cao 2 do tuần; ngõ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần như thế thì có một cửa. Có 99 cửa như thế. Lại có một cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này đều do những chất báu hợp thành như ma-ni, diệu bảo để trang nghiêm, giống như đất ở phía Bắc được trải những tấm thảm mịn màng đẹp đẽ vậy. Có nhiều loại hình được chạm trổ. Ở trước cửa lại có 4 quân lính phòng vệ như trước đã nói.

Bên ngoài thì có bảy hàng rào bao bọc, lại như đã nói bên trên. Có bảy hàng cây Đa La vây chung quanh lại cũng như trên đã nói. Ở giữa những cây này lại có ao báu, rộng cả trăm cung, đều đẹp đẽ, lại cũng như trên đã nói; có hoa bằng 5 thứ báu cũng như trên đã nói cho đến điện đường bằng 4 thứ báu, là nơi trụ xứ của chư thiên nam nữ.

Ở phía bên ngoài thành có 3 lớp hào làm bằng của báu, như trên đã nói; rộng 2 do tuần; sâu 1 do tuần rưỡi hình như cửa miệng hồ; dưới rộng trên hẹp; nước trời nhuần thấm lại cũng như trên đã nói. Ở giữa những hào là đất. Những kiều nữ ở nơi các cung điện đây đây. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói.

Lúc ấy bên ngoài vườn tất cả các hoa đều nở rộ; các thiên nữ vui mừng ca hát. Lúc ấy các Thiên Tử đến vườn Hoan Hỷ vào rừng để xem nghe. Trong khi các Thiên Tử ở ngoài rừng nghe âm nhạc ca hát thì các thiên nữ lại cũng ra ngoài để xem nghe. Ở trong vườn các thiên nữ lại cũng hòa tấu âm nhạc. Ngoài các Thiên Tử vào vườn để xem nghe, trong vườn các Thiên Tử lại cũng tấu những âm nhạc. Bên ngoài vườn thiên nữ lại cũng vào vườn để nghe. Do nhơn duyên này mà lãnh thọ các niềm vui.

Ở cửa phía Bắc của Đại Thành Thiện Kiến cho đến cửa phía Nam của vườn Hoan Hỷ và ở giữa có đường cả 20 do

tuần, rộng 10 do tuần, đất toàn bằng lưu ly, bằng phẳng nhu nhuyễn, của quý trang nghiêm; giống như phía Bắc đất được trải lên những tấm thảm mềm mại; người và phi nhon, voi, ngựa, thú, hoa, cỏ v.v... tất cả đều đầy đủ, cũng như đeo hoa tai bằng những thứ báu tạo thành. Hình tướng của con đường này lại cũng như thế; lấy chân đạp xuống thì chìm và đỡ chân lên lại trở lại như cũ, mềm mại như vải, như nhung. Con đường này nhu nhuyễn lại cũng như thế. Có 3 loại của quý trang sức nên. Mỗi mỗi đều được tạo thành những của quý tốt đẹp. Có 3 tầng chuông báu treo chung quanh; mỗi mỗi chuông báu đều do 4 chất quý tạo thành, khi gió lay động thì phát ra những âm thanh vi diệu làm cho chư thiên khởi lên ngũ dục bị ràng buộc.

Hai bên con đường này có 2 bờ sông nước, gọi tên là Trường Hình, lại dài 20 do tuần, rộng 10 do tuần; nước 8 công đức tự nhiên nhuần thấm. Hai bên sông này lại có 4 chất quý tạo thành như trước đã nói. Bốn phía bờ sông đều có 4 con đường quý, lại cũng như trước đã nói. Trong nước của con sông này có 5 loại hoa quý như trước đã nói; thuyền bằng 4 của quý nổi trong sông này; nước 8 công đức đầy đầy. Khi lên thuyền thăm viếng thì chậm mau tùy theo tâm muốn cũng như trước đã nói. Ở trong ấy các hoa tự nhiên bay đến tùy theo tâm muốn. Đó là do quả báo lành vậy. Mưa toàn hoa quý, đầy khắp cả bầu trời. Lại có gió đặc biệt thổi các hoa này bay đến trên thân, trang nghiêm nơi thân thể, cánh tay, cổ và chân, tự nhiên hoa dính vào.

Hai bên bờ sông có cây bằng 5 loại báu la liệt đầy khắp như trước đã nói. Ở giữa những hàng cây này có những ao quý cho đến những điện đường quý giá. Chư Thiên nam nữ lại ở trong đó, vô lượng thiên chúng đầy đủ nơi đất nước này.

Vì sao vườn này gọi là Hoan Hỷ?

Vườn này có ao lớn tên là Hoan Hỷ và trong vườn có cây lại cũng tên là Hoan Hỷ. Hoa ấy tên Mạn Đà La. Ba việc ấy chỉ có vườn này có; ngoài ra không có vườn nào có. Lại vì nhơn duyên gì mà có tên là Hoan Hỷ ?

Lúc ấy chư thiên ở cõi Đao Lợi muốn vào vườn này đã sanh đại hoan hỷ và vui thích nô đùa, thật là sung sướng. Do vậy có tên là Hoan Hỷ.

Với nghĩa này Đức Phật Thế Tôn đã nói cho ta (A Nan) nghe như thế.

Phẩm XE TRONG VƯỜN Thứ mười

Bên ngoài cửa phía Đông của Đại Thành Thiện Kiến đi chừng 20 do tuần là cõi trời Đao Lợi, có một vườn tên là Chúng Xa. Trong vườn có hồ lớn, tên hồ là Chất Đa La, rộng cả trăm do tuần, sâu cũng lại như thế; nước trời nhuận thấm; bốn chất báu bao bọc đáy hồ như trên đã nói: có 4 chất báu tạo thành đường đi; có hoa 5 loại báu lại cũng như trên đã nói; có thuyền 4 loại báu và cho đến 8 loại nước tạo niềm vui. Trong ấy chư Thiên nếu muốn có hoa thì tự nhiên đến; do quả báo lành vậy. Mưa xuống nhiều loại hoa quý đầy đầy cả hư không. Lại có những ngọn gió đặc biệt thổi những lọn hoa dính sát vào thân thể trang nghiêm từ thân mình cho đến tay, cổ và chân, rồi tự nhiên dính chặt.

Ở bờ hồ này có 5 cây báu, la liệt đầy khắp như trước đã nói. Ở giữa những cây này có những điện đường quý giá; nơi mà các chư Thiên nam nữ ở đây đầy khắp, lại như trên đã nói. Chu vi của vườn này là 1000 do tuần; một phần ba được bao bọc bởi bức thành bằng vàng; thành này cao một do tuần; tường cao một do tuần rưỡi.

Cửa thành cao 2 do tuần. Ngõ môn cao một do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần lại có 1 cửa. Có 99 cửa như thế và có 1 cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này đều làm bằng những chất

quý như Ma-Ni diệu bảo để trang nghiêm; giống như đất phía Bắc trải những tấm thảm mềm mại đẹp đẽ vậy; có điêu khắc nhiều hình tượng; trước cửa lại có 4 quân lính hộ vệ cũng giống như bên trên đã nói.

Bên ngoài có 7 hàng rào, lại cũng như trên đã nói; 7 rừng cây Đa La vây bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói. Ở giữa những hàng cây này có những ao quý báu rộng hàng trăm cung rất đẹp đẽ, lại cũng như trên đã nói; có hoa 5 báu, lại cũng như trên đã nói; lại có thuyền bằng 4 loại báu, lại cũng như trên đã nói. Bờ ao có 5 hàng cây báu, lại cũng như trên đã nói, cho đến điện đường bằng 4 chất quý; nơi mà chư Thiên nam nữ chung sống ở đây.

Ở bên ngoài thành có 3 lớp hào, như trên đã nói; cứ mỗi một hào rộng 2 do tuần; sâu một do tuần rưỡi; hình như cái miệng hồ, dưới rộng trên chật; có nước trời nhuần thấm và cũng như trên đã nói. Ở giữa các hào là đất; nơi có các cung điện và những kiêu nữ.

Bên ngoài 3 lớp hào, có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói. Bên ngoài rừng kia tất cả hoa đều nở rộ; nơi các thiên nữ đang múa ca hát xướng. Lúc ấy các Thiên Tử từ trong vườn xe đi ra rừng cây để xem nghe. Khi các Thiên Tử ở bên ngoài rừng cây để nghe âm nhạc thì trong vườn các Thiên nữ lại cũng ra để xem nghe; ở bên trong vườn các Thiên nữ lại tấu lên những âm nhạc. Bên ngoài các Thiên Tử vào vườn để xem nghe thì bên trong vườn các Thiên Tử lại tấu lên những âm nhạc. Ngoài vườn Thiên nữ lại cũng vào vườn để xem nghe. Do nhơn duyên này, thọ nhận các niềm vui.

Từ cửa Đông của Đại Thành Thiện Kiến cho đến cửa Tây của Vườn Xe lại có những con đường, dài cả 20 do tuần, rộng 10 do tuần, đất toàn bằng lưu ly, mềm mại nhu nhuyến,

gồm toàn những thứ báu tạo thành, Giống như đất phía Bắc được trải thảm mềm mại nhu nhuyễn đẹp đẽ như thế. Người và phi nhơn, voi, ngựa, thú, hoa, cỏ nhiều loại đủ cả. Lại cũng có những chất báu hợp thành để đeo nơi hoa tai. Hình tướng của con đường này cũng lại như thế. Khi đặt chân xuống thì đất lún, khi dỡ chân lên thì đất trở lại như cũ, mềm như lụa, như vải. Con đường này nhu nhuyễn như vậy. Lại có 3 lớp da bao bọc chung quanh. Mỗi một lớp da lại bằng 4 chất báu tạo thành. Mỗi mỗi lớp da lại có 3 tầng linh báu treo chung quanh. Mỗi mỗi linh báu đều do 4 chất báu hợp thành. Khi gió lay động đều xuất ra những âm thanh vi diệu, có thể làm cho chư Thiên khởi lên ngũ dục ràng buộc.

Hai bên con đường ấy lại có nước sông. Tên gọi là Trường Hình, cũng dài 20 do tuần và rộng 10 do tuần; có nước 8 công đức tự nhiên nhuần thấm. Ở hai bên bờ sông này đều có 4 chất báu bao bọc, như trước đã nói. Bốn bên bờ sông này có 4 đường đi, lại giống như trước đã nói. Trong nước sông này lại có hoa 5 báu, lại cũng như đã nói ở trước. Thuyền 4 báu nổi trong sông này. Tám loại nước tạo nên niềm vui. Khi lên thuyền để dạo chơi thì chậm nhanh theo ý muốn, lại cũng như trước đã nói. Như chư Thiên muốn có hoa thì tùy theo tâm muốn mà đến. Đây là quả lành vậy. Mưa xuống toàn những loài hoa quý rải khắp cõi trời. Lại có những loại gió đặc biệt, thổi những lọn hoa đến thân mình để trang sức nơi thân, cánh tay, cổ và chân; tự nhiên dính chặt.

Bên trên 2 bờ sông có cây 5 báu, la liệt đầy dãy, như trước đã nói. Ở giữa những cây này có các hồ quý và những điện đường quý hiếm mà các nam nữ chư thiên cư ngụ ở nơi đây. Vô lượng chư thiên ở đây nơi nước này.

Vì sao mà tên vườn này gọi là Vườn Xe?

Ở trong này có một hồ lớn tên gọi là Chát Đa La; nơi ấy có cây. Cây này sanh nhiều loại hoa, duy chỉ vườn này có; ngoài ra vườn khác thì không. Lại có nhơn duyên gọi là Chát Đa La. Lúc ấy chư thiên ở cõi trời Đao Lợi muốn vào trong vườn này thì phải mặc những loại vật quý giá trang nghiêm nơi thân thật là đẹp đẽ và cầm các cây gậy như lúc lâm chiến rồi lên xe, vào bên trong vườn. Tại trong vườn này; hoặc muốn đi ra, lấy hoa đẹp Chát Đa La để trang sức cho xe khắp nơi đẹp đẽ; xong đâu đó rồi lên xe; tất cả đều như thế. Hoa của cây Chát Đa La này dùng để làm anh lạc đeo thân cho chư thiên, rồi lên các xe quý, tỏa ra ánh sáng hõ tương với nhau. Do nhân duyên này mà ở nơi vườn quý này có nhiều loại ánh sáng tụ hội bên trong. Do ý nghĩa này nên gọi tên là Vườn Xe. Lại cũng có tên khác gọi là Vườn Cửa Các Xe.

Ý nghĩa này Đức Thế Tôn đã nói, như thế tôi nghe.

Phẩm VƯỜN ÁC KHẨU

Thứ mười một

Bên ngoài cửa Nam Đại Thành Thiện Kiến cách 20 do tuần của cõi trời Đao Lợi có một vườn tên là Ác Khẩu. Trong vườn có ao, cũng tên là Ác Khẩu, rộng cả trăm cung, sâu lại cũng như vậy; có mưa trời nhuần thấm. Có 4 chất báu bao bọc tận đáy hồ, như trên đã nói. Có 4 chất báu làm đường đi; có hoa 5 báu, lại cũng như trên đã nói. Có thuyền bằng 4 chất báu và nước 8 công đức tạo niềm vui. Khi chư thiên muốn có hoa thì theo tâm niệm liền đến. Đó là quả lành. Mưa xuống toàn hoa, đầy cả bầu trời. Lại cũng có gió đặc biệt thổi những lọn hoa ấy, sát vào thân mình để trang nghiêm cho thân, cánh tay,, cổ và chân, tự nhiên dính sát vào.

Ở bên bờ hồ có cây bằng 5 loại báu, la liệt đầy dẫy như trên đã nói. Ở giữa những hàng cây này lại có những điện đường quý giá là nơi mà nam nữ chư thiên dừng chân đầy dẫy, giống như trên đã nói. Chu vi của vườn này là 1.000 do tuần; một phần ba được bao bọc bởi bức thành bằng vàng. Thành cao một do tuần, tường cao một do tuần rưỡi. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao một do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần lại có một cửa. Có 99 cửa như thế lại có một cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này đều do các vật quý tạo thành như Ma-ni diệu bảo trang nghiêm; giống như đất ở phía Bắc như một tấm thảm mềm mại nhu nhuyễn. Có nhiều điều khác. Ở

tại cửa thành lại có 4 quân lính phòng vệ như trên đã nói. Ở bên ngoài có 7 hàng rào như trên đã nói. Có rừng cây Đa La 7 lớp bao bọc, lại cũng như trên đã nói.

Ở giữa những cây này có hồ quý báu cả hằng trăm dặm, trang sức bằng nhiều đồ quý như trên đã nói. Có hoa bằng 5 chất báu, lại cũng như trên đã nói; lại có thuyền bằng 4 chất báu như trên đã nói. Bờ hồ có cây bằng 5 chất báu, lại cũng như trên đã nói, cho đến điện đường cũng bằng 4 chất báu. Các nam nữ chư thiên sống ở nơi này. Ở bên ngoài bờ thành có 3 lớp hào quý giá; như trên đã nói. Cứ mỗi hào rộng 2 do tuần, sâu một do tuần rưỡi; hình tướng như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp; có nước trời nhuần thấm giống như trên đã nói. Ở giữa các hào là đất. Có những kiều nữ ở đây trong những cung điện. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói.

Lúc ấy ở bên ngoài tất cả những hoa nở rộ, chư Thiên nữ trỗi lên âm nhạc ca hát, thì những Thiên Tử từ vườn Ác Khẩu vào rừng để xem nghe. Khi chư Thiên Tử ở ngoài rừng để nghe âm nhạc thì trong vườn các Thiên nữ cũng ra để nghe. Những Thiên nữ ở trong vườn lại tấu âm nhạc thì các Thiên Tử bên ngoài lại vào vườn để xem nghe. Trong vườn Thiên Tử lại tấu âm nhạc. Ở ngoài vườn Thiên nữ lại vào nghe. Do nhân duyên này để thọ những niềm vui.

Từ phía Nam của Đại Thành Thiện Kiến đến phía Bắc vườn Ác Khẩu có những con đường, dài 20 do tuần, rộng 10 do tuần, đất toàn bằng lưu ly, bằng phẳng mềm mại, bằng các của báu trang nghiêm; giống như đất phía Bắc trải những tấm thảm mềm mại đẹp đẽ. Người và phi nhon, voi, chim, thú, hoa, cỏ các loại đều đầy đủ, lại cũng có những loại của báu hợp thành để đeo tai. Hình tướng của con đường này lại cũng như vậy. Lấy chân để đạp lên liền lún; khi dỡ chân lên

lại như cũ; mềm mại như nhung, lụa, vải. Con đường nhu nhuyễn này lại cũng như thế.

Có 3 loại da trang sức. Một loại da có 4 chất báu hợp thành. Mỗi một loại da có 3 tầng linh báu treo chung quanh. Mỗi một chuông báu lại có 4 chất báu hợp thành. Khi gió thổi thì phát ra âm thanh vi diệu, có thể làm cho chư thiên khởi lên 5 món dục ràng buộc.

Ở hai bên con đường này có sông nước. Tên gọi là Trường Hình, lại cũng dài 20 do tuần; rộng 10 do tuần; nước 8 công đức, tự nhiên nhuần thấm. Hai bên bờ sông này có 4 loại báu bao bọc để giữ nước, như đã nói ở trước. Có đường đi bằng 4 chất báu như đã nói ở trước. Trong nước ở sông này có hoa 5 báu, như trước đã nói; có thuyền bằng 4 loại báu nổi trên nước này. Có 8 loại nước tạo ra niềm vui. Khi lên thuyền để quan sát, tùy theo ý mình mà nhanh chậm, lại như đã nói ở trước. Khi chư Thiên muốn hoa đến thì tùy theo tâm niệm mà đến. Đó là quả báo lành. Mưa hoa quý đầy cả bầu trời. Lại có gió đặc biệt thổi các lọn hoa gắn vào thân mình để trang sức nơi thân, cánh tay, chân, tự nhiên dính vào.

Hai bên bờ sông có 5 loại cây báu, la liệt đầy dãy, như trước đã nói. Ở giữa những cây này có những hồ báu và các điện đường quý giá. Chư thiên nam nữ đều ở nơi này, vô lượng đại chúng đầy đủ nơi đất nước này. Vì sao vườn này gọi là Ác Khẩu ?

Vườn có một hồ lớn tên gọi là Ác Khẩu. Có cây cũng gọi là Ác Khẩu. Cây này có hoa lại cũng tên là Ác Khẩu, duy chỉ có vườn này có; ngoài ra nơi nào cũng không có. Lại có nhân duyên gọi là Ác Khẩu vì lúc bấy giờ chư thiên nơi cõi Đao Lợi muốn vào vườn này thường phải đấu tranh, giác

quán tư duy. Chúng ta bây giờ đến đó để công kích, đấu tranh Tu La. Lại nữa ở nơi kia cũng cùng nhau tranh cãi, tham trước ngũ dục, tranh nói trước sau. Nhơn sự việc này mà nói lời ác. Do vậy nơi đất này tên là Vườn Ác Khẩu. Lại tự nhiên có tên là Ác Khẩu.

Ý nghĩa này Đức Thế Tôn đã nói như thế ta (A Nan) nghe.

Phẩm VƯỜN LÃN LỘN (Tạp nhật) Thứ mười hai

Ở bên ngoài cửa phía Tây của thành Thiện Kiến đến phía Đông của vườn Lãn Lộn, ở giữa đó có một con đường dài 20 do tuần. Ở nơi vườn cỡi Đào Lợi có một cái hồ, gọi tên là hồ tạp, rộng cả trăm do tuần, sâu cũng như thế; nước trời thấm nhuần; 4 báu bao bọc đến cả đáy hồ như trên đã nói. Đường đi chung quanh cũng bằng 4 báu, có hoa quý 5 loại như trên đã nói; có thuyền bằng 4 loại báu cho đến nước tạo tám điều vui. Trong đó khi chư thiên muốn có hoa thì hoa liền đến. Đó là do quả báo lành vậy. Mưa toàn là những hoa quý đầy khắp cả không trung. Lại có gió đặc biệt thổi các lộn hoa rơi sát vào thân để trang nghiêm thân, tay, cổ và chân, tự nhiên dính sát vào.

Trên bờ hồ này có 5 hàng cây quý la liệt đầy dẫy như trước đã nói. Ở giữa những hoa này lại có những điện đường xinh đẹp. Nơi mà chư tiên nam nữ ở đó đầy dẫy như trên đã nói. Chu vi hồ này là 1.000 do tuần, một phần ba là vàng làm bờ thành bao bọc chung quanh. Thành cao một do tuần; bờ tường cao nửa do tuần. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao một do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần như thế có một cái cửa, có 99 cửa. Lại có thêm một cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này do những chất báu hợp thành như Ma-ni diệu bảo dùng

đề trang nghiêm, giống như đất ở phía Bắc mềm như tấm thảm đẹp đẽ; có điêu khắc nhiều loại. Ở trước cửa lại có 4 quân phòng vệ giống như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 hàng rào như trên đã nói; 7 hàng cây Đa La bao bọc chung quanh như trên đã nói. Ở giữa những cây này lại có các hồ quý, rộng cả hàng trăm cung, rất đẹp đẽ như trên đã nói. Có hoa 5 báu và thuyền làm bằng 4 chất báu; nước tám loại tạo niềm vui. Bên bờ hồ có 5 loại cây báu, lại cũng như trên đã nói; cho đến điện đường cũng bằng 4 thứ báu, là nơi chư thiên nam nữ ở đó.

Ở bên ngoài thành là 3 lớp hào như trên đã nói. Mỗi hào như thế rộng 2 do tuần; sâu một do tuần rưỡi; hình thể như cái miệng hồ, dưới rộng trên hẹp. Có mưa trời nhuần thấm, lại cũng như trước đã nói. Ở giữa những cái hào là đất; nơi đây đầy các kiều nữ ở la liệt trong các cung điện.

Bên ngoài 3 lớp hào, có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói. Lúc ấy ở bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở rộ, chư thiên nữ đang hòa tấu âm nhạc ca hát. Lúc ấy các Thiên Tử từ nơi vườn hỗn tạp vào rừng để xem nghe. Khi các Thiên Tử ở ngoài rừng để nghe âm nhạc thì bên trong vườn các thiên nữ lại cũng ra để xem nghe. Trong vườn các thiên nữ hòa tấu âm nhạc thì bên ngoài các Thiên Tử lại vào vườn để xem nghe. Trong vườn các Thiên Tử hòa tấu âm nhạc thì bên ngoài vườn các thiên nữ lại cũng vào vườn để xem nghe. Do nhơn duyên này để lãnh thọ các niềm vui.

Từ cửa phía Tây của Đại Thành Thiện Kiến đến cửa phía Đông của vườn hỗn tạp có một con đường dài 20 do tuần; rộng 10 do tuần, lấy lưu ly làm đất, mềm mại nhu nhuyễn, giống như đất phía bắc mềm mại đẹp đẽ như tấm thảm mịn màng. Người và phi nhơn, voi, chim, thú, hoa, cỏ,

các loại đều đầy đủ, giống như những hoa báu được đeo nơi lỗ tai. Hình tướng của con đường này cũng lại như thế. Khi đạp chân xuống thì lún sâu, khi dờ chân lên lại nguyên như cũ, mịn màng như gấm vóc. Con đường này mềm mại cũng lại như thế. Có 3 lớp da bao bọc chung quanh; mỗi một lớp da như thế đều do 4 báu hợp thành. Mỗi mỗi lớp da có 3 tầng linh báu bao bọc chung quanh. Mỗi mỗi linh báu lại do 4 chất báu hợp thành, khi gió thổi đến hay động, phát ra những âm thanh vi diệu; có thể làm cho chư thiên khởi lên ngũ dục và bị trói buộc.

Hai bên đường lại có sông nước; tên gọi là Trường Hình, lại dài 20 do tuần; rộng 10 do tuần; có nước 8 công đức tự nhiên nhuần thấm. Ở hai bên bờ sông này có 4 chất báu bao bọc đến đáy như trước đã nói. Bốn bên bờ sông có đường đi bằng chất báu như trước đã nói. Nước sông này có 5 loại hoa quý, lại cũng như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 chất báu nổi trên mặt nước. Nước 8 công đức đầy những niềm vui. Khi lên thuyền xem tùy theo tâm muốn chậm mau, lại như trước đã nói. Nếu chư thiên muốn có hoa thì tùy theo tâm muốn liền hiện. Đây là do quả lành vậy. Mưa toàn là những hoa quý đầy đầy hư không. Lại có gió đặc biệt thổi những hoa ấy dán chặt vào thân, rồi trang nghiêm nơi thân, tay, cổ và chân, tự nhiên dính vào.

Ở hai bên bờ sông có 5 hàng cây báu la liệt đầy đầy như trên đã nói. Ở giữa những hàng cây lại có hồ báu cùng với các điện đường đẹp đẽ nơi chư thiên nam nữ ở, vô lượng thiên chúng đầy đầy nơi quốc độ này. Vì sao đây gọi là vườn hỗn tạp ?

Nguyên nhơn là nơi vườn này có một hồ lớn, tên là Tạp Hồ, lại cũng có cây mà chỉ vườn này có ngoài ra thì không nơi nào có; lại do nhơn đó mà gọi là Tạp Viên.

Lúc ấy chư thiên nam nữ ở cõi trời Đao Lợi đến nhập vào vườn thật là hỗn tạp rồi ca xướng múa hát để tạo niềm vui, thật là phức tạp. Còn tất cả vườn lúc ấy bên ngoài chư thiên chẳng thể được vào, đều bị cấm đoán. Còn nơi vườn này khi tập họp thì chẳng có trở ngại. Nơi thành lớn và ngoài thành chư thiên đều có thể vào đây vui chơi, lẫn lộn để trao đổi niềm vui. Cho nên gọi đây là Tạp Viên.

Lại cũng có tên tự nhiên là Tạp Viên như thế.

Ý nghĩa này Đức Thế tôn đã nói và tôi (A Nan) đã nghe như vậy.

Phẩm VƯỜN BA LỢI DẠ ĐÀ Thứ mười ba

Bên ngoài góc Đông Bắc của Đại Thành Thiện Kiến đi 20 do tuần là nơi cung trời Đao Lợi có một vườn cây rất lớn, tên là Ba Lợi Dạ Đa. Vườn này lại có một cái hồ, lại cũng có tên là Ba Lợi Dạ Đa, mặt hồ rộng hàng trăm do tuần; bề sâu cũng lại như thế; nước trời nhuần thấm. Có 4 chất báu bao bọc tận đáy hồ, như trước đã nói.

Bốn bên đều có đường đi, lại cũng như trước đã nói; có 5 loại hoa quý cũng như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 chất báu và nước tám công đức. Tùy theo tâm muốn mà thuyền chậm hoặc nhanh. Trong ấy chư thiên muốn có hoa thì theo tâm niệm hoa liền đến. Đây là quả báo lành vậy. Mưa xuống toàn những hoa quý đầy khắp cả không trung. Lại có những loại gió đặc biệt, thổi những lọn hoa ấy dính và thân để trang nghiêm nơi thân, cánh tay, cổ và chân tự nhiên dính chặt vào.

Ở trên bờ hồ này có 5 loại cây báu la liệt khắp nơi, như trước đã nói. Ở giữa những hàng cây này là những điện đường đẹp đẽ; nơi mà các nam nữ chư thiên dùng chân đầy dẫy như trước đã nói. Trong vườn lại có cây tên là Ba Lợi Dạ Đa. Lại có tên là Câu Tỳ Đà La; cây này sanh trưởng đầy đủ; hình dung thật dễ thương; cành lá sum sê, che lên nhau, sống lâu chẳng héo. Tất cả gió mưa đều chẳng xâm nhập vào;

giống như một vị Thầy cắm hoa đã trang sức những cành hoa như thế; lại cũng giống như hoa đeo vào tai. Hình tượng của cây này thật khả ái như thế. Bên trên giống như cái tàng của cây dù, liên tục che nhau; cao hằng trăm do tuần; bên dưới gốc thì ngay ngắn, chẳng bị tí vết, to 50 do tuần. Có những cành cây có đường kính dính vào thân cả 5 do tuần. Chu vi 15 do tuần. Ở mỗi mỗi cạnh, bề ngang dang ra 50 do tuần. Ở khoảng giữa độ 100 do tuần. Chu vi 300 do tuần.

Bên dưới có đá quý; tên là Bang Phù Kiếm Ba La, dài 50 do tuần; rộng 10 do tuần. Tất cả đều bằng lưu ly hợp thành. Lóng lánh dễ thương, gồm toàn những đồ quý giá để trang nghiêm; giống như đất phía Bắc được trải những tấm thảm mịn màng đẹp đẽ. Có nhiều loại điều khác; người và phi nhơn, voi, chim, thú, hoa, cỏ đầy đủ các loại, lại giống như những hoa quý hợp thành để đeo nơi tai, mà Bang Phù Kiếm Ba La này cũng lại như vậy. Khi đặt chân lên thì chìm, mà dỡ chân khỏi thì nổi, đẹp như gấm nhung mịn màng. Đó là Bang Phù Kiếm Ba La vậy. Cái cốt của nó là nhu nhuyễn lại cũng như thế. Có 3 lớp da làm đồ trang sức. Mỗi mỗi lớp da có 4 chất báu hợp thành. Mỗi mỗi lớp da lại có 3 tầng linh báu vây quanh. Cứ mỗi một linh báu lại do 4 chất quý hợp thành. Khi gió thổi đến xuất ra âm thanh vi diệu, có thể làm cho chư thiên khởi lên ngũ dục ràng buộc, như trước đã nói.

Bốn bên đường đi đều bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành; nơi nơi trong vườn đều có ao, lại cũng như trước đã nói; cho đến điện đường cũng bằng 4 chất báu; nơi mà chư thiên nam nữ ở đó và cũng lại như đã nói bên trên. Chu vi của vườn này cả ngàn do tuần; đường kính độ một phần ba; thành này toàn bằng vàng bao bọc, cao 1 do tuần; bờ tường một do tuần rưỡi; cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần lại có 1 cái cửa. Có 99 cửa và lại có 1 cửa nhỏ để đủ số 100. Những cửa này đều do các

loại báu hợp thành như Ma-ni bảo châu để trang sức. Giống như đất phía Bắc được trải những tấm thảm mịn màng đẹp đẽ. Có điều khác nhiều hình ảnh khác nhau. Trước cửa còn có 4 quân lính gác phòng vệ, lại như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 lớp hàng rào, như trên đã nói, 7 lớp rừng cây Đa La vây bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói. Ở giữa những cây này lại có những cái hồ quý, rộng cả hàng trăm cung có nhiều loại để trang nghiêm, lại cũng như đã nói bên trên. Có hoa 5 báu, lại cũng đã nói bên trên.

Ở trên bờ hồ này có 5 loại cây báu như trên đã nói; cho đến điện đường quý giá; nơi mà chư thiên nam nữ ở đó. Bên ngoài thành có 3 lớp hào, như trên đã nói. Mỗi một hào rộng 2 do tuần; sâu 1 do tuần rưỡi; hình thể như cái miệng hồ; dưới rộng trên hẹp; có nước trời nhuần thấm, lại như trên đã nói. Ở giữa hào này là đất, đầy đầy những cung điện của các kiều nữ.

Ngoài 3 lớp hào này, có rừng cây bằng 7 báu bao bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói. Lúc ấy ở bên ngoài rừng tất cả loài hoa đều nở rộ. Các tiên nữ đang trở nhạc ca hát. Lúc ấy các thiên tử từ vườn Ba Lợi Dạ Đa ra rừng để xem nghe. Trong khi các Thiên tử ở ngoài rừng để nghe âm nhạc thì các thiên nữ bên trong vườn lại ra xem nghe. Những thiên nữ bên trong vườn lại tấu nhạc và bên ngoài các Thiên tử lại vào vườn để xem nghe. Ở bên trong các Thiên tử lại tấu những âm nhạc và bên ngoài vườn các thiên nữ lại vào bên trong vườn để nghe. Do nhân duyên này mà thọ nhận các niềm vui.

Từ góc cửa Đông Bắc của Đại Thành Thiện Kiến đi đến góc cửa Tây Nam của vườn; ở giữa có một đường đi chừng 20 do tuần; rộng 10 do tuần; đất toàn bằng chất lưu ly,

bằng phẳng mềm mại, gồm những cửa quý trang sức mà thành, giống như đất ở phía Bắc mịn màng như tằm thấm được trải ra nơi đó. Người và phi nhon, voi, chim, thú, hoa, cỏ đầy đủ cả nơi ấy, giống như nơi lỗ tai được đeo những đồ quý giá. Hình tướng của con đường này cũng lại như thế. Khi đạp chân xuống thì lún, mà khi đỡ chân lên lại nổi, giống như lụa là vải vóc mềm mại; con đường này nhu nhuyễn cũng giống như thế. Có 3 loại da trang sức nơi ấy và mỗi loại da lại do 4 chất báu hợp thành. Mỗi mỗi loại da có 3 tầng linh báu vây bọc chung quanh. Mỗi mỗi linh báu như thế đều do 4 chất báu tạo thành. Khi gió thổi đến lay động thì phát ra âm thanh, làm cho chư thiên khởi lên ngũ dục ràng buộc.

Hai bên con đường lại có những sông nước; gọi là Trường Hình, dài 20 do tuần; rộng 10 do tuần; có nước tám công đức tự nhiên nhuần thấm. Hai bên bờ sông này lại có 4 chất báu bao bọc giữ gìn, như trước đã nói. Bốn bên bờ sông đều có đường đi, lại giống như trước đã nói. Nước ở giữa sông có 5 loại hoa quý, lại như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 chất báu nổi trên mặt nước. Tám loại nước tạo nên niềm vui. Khi lên thuyền để xem thì tùy theo tâm muốn nhanh chậm, lại như trước đã nói. Trong đó có chư thiên muốn hoa thì hoa theo tâm niệm mà đến. Đây là do quả báo lành vậy. Mưa toàn những hoa quý, đầy đầy khắp hư không. Lại có gió thổi đặc biệt; thổi những lọn hoa ấy dán chặt vào thân để trang trí nơi thân, tay, cổ và chân tự nhiên dính chặt.

Bên ngoài 2 bờ sông có cây 5 báu đầy đầy la liệt giống như trước đã nói. Ở giữa những cây ấy lại có những hồ quý cùng những điện đường; nơi mà chư thiên nam nữ ở trong ấy nhiều vô lượng nơi quốc độ ấy, như thế Đức Thế Tôn đã bảo với các Tỳ Kheo rằng:

Lúc bấy giờ cây Ba Lợi Dạ Đa Câu Tỳ Đà La ở cõi trời Đao Lợi lá vàng muồn rụng, lúc ấy chư thiên vô cùng hoan hỷ nói lời như thế này:

Bây giờ cây Ba Lợi Dạ Đa ở cõi trời Đao Lợi lá đã chuyển sang màu vàng chẳng còn bao lâu nữa thì rụng.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy cây Ba Lợi Dạ Đa ở cõi trời Đao Lợi lá đã rụng rồi thì chư thiên rất vui mừng và nói lời rằng:

Chư Thiên! Cây Ba Lợi Dạ Đa lá đã rụng rồi, chẳng bao lâu nữa thì cây sẽ trụi đi.

Này các Tỳ Kheo! Lúc bấy giờ cây Ba Lợi Dạ Đa đã trụi rồi thì tất cả chư thiên đều vui mừng và nói lời rằng:

Bây giờ cây Ba Lợi Dạ Đa đã trụi rồi thì chẳng bao lâu nữa màu sắc sẽ biến đổi.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy màu sắc của lá cây Ba Lợi Dạ Đa đã biến đổi nên chư thiên lúc bấy giờ vui mừng và nói lời rằng:

Cây Ba Lợi Dạ Đa màu sắc đã biến đổi rồi, chẳng bao lâu nữa thì hoa sẽ hé nụ.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy cây Ba Lợi Dạ Đa các nụ đã hé và chư thiên lúc ấy hoan hỷ chúc mừng và nói lời như thế này:

Cây Ba Lợi Dạ Đa đã hé nụ rồi, chẳng bao lâu nữa thì hoa sẽ nở. Khi hoa nở rồi thì lúc ấy chư thiên hoan hỷ chúc tụng và nói lời rằng:

Cây Ba Lợi Dạ La hoa đã nở rồi, chẳng bao lâu nữa thì sẽ nở hết.

Này các Tỳ Kheo! Lúc bấy giờ cây Ba Lợi Dạ Đa đã nở đầy rồi, màu sắc của hoa biến chiếu khắp 50 do tuần. Hoa này hương thơm ngào ngạt, lại xông đến 50 do tuần. Nếu bên Đông mưa gió thổi hương huân của hoa này đến phía Tây 100 do tuần. Nếu gió mưa ở phía Tây thì thổi hương huân của hoa này đến phía Đông cũng 100 do tuần. Nếu mưa gió ở phía Nam thì thổi hương hoa này đến xông tận phía Bắc cả 100 do tuần. Nếu mưa gió ở phía Bắc thổi hương hoa này xông đến phía Nam cả 100 do tuần.

Này các Tỳ Kheo! Cây Ba Lợi Dạ Đa ở cõi trời Đao Lợi này thần lực uy đức như thế.

Này các Tỳ Kheo! Nếu Phật Tử nương vào nơi Như Lai nói chánh pháp và luật nghi và do căn lành tin sâu rồi lìa gia đình mình để tu học không nhà và vì sự việc ấy mà khởi lên tâm quyết định.

Này các Tỳ Kheo! Người này cũng như thế giống như cây Ba Lợi Dạ Đa, lúc cây này lá vàng thì các Tỳ Kheo, đệ tử Phật lại như cắt tóc, mặc vào pháp y, lìa xa gia đình, xa lánh gia đạo.

Này các Tỳ Kheo! Người này cũng giống như cây Ba Lợi Dạ Đa là lúc lá rơi rồi.

Này các Tỳ Kheo! Nếu đệ tử Phật lìa các dục trần. lìa các pháp ác, có giác có quan, có hỷ có lạc, xuất ly sanh khởi, tu tập sơ thiên, ở vào bậc này.

Này các Tỳ Kheo! Người ấy cũng giống như cây Ba Lợi Dạ Đa lúc mới hé nụ.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy giác quán rồi, tịch diệt và nương vào tâm thanh tịnh để làm và ở phương khác thì không giác, không quán từ định sanh khởi, có hỷ có lạc, tu tập nhị thiên. Ở vào nơi này.

Này các Tỳ Kheo! Người như thế giống như cây Ba Lợi Dạ Đa đã thay đổi màu sắc.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy đệ tử Phật đã ly dục hỷ vậy, trụ nơi tâm xả, chánh niệm chánh tri; thân này thọ lạc. Cho nên Thánh Sư đã nói và dạy rằng: Nếu ở nơi lạc này mà có xả có niệm, tu tập tam thiên và ở vào nơi đó.

Này các Tỳ Kheo! Người này giống như cây Ba Lợi Dạ Đa đã sanh hoa rồi.

Này các Tỳ Kheo! Nếu đệ tử Phật, khổ diệt tận rồi, lạc cũng đã qua rồi; những ưu não ngày trước đã diệt hết rồi; không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, tu tập tứ thiên, nhập vào nơi này thì người ấy cũng giống như cây Ba Lợi Dạ Đa đã trở hoa đầy đủ.

Này các Tỳ Kheo! Là đệ tử Phật, các lậu đã hết rồi, vô lậu, tâm giải thoát và bát nhã giải thoát thì hiện thể đã chứng, nhập vào nơi này và sanh tận diệt rồi, tu đạo cứu cánh, mọi việc đã xong, chẳng lại sanh nữa, cho nên được trí này.

Này các Tỳ Kheo! Người này giống như cây Ba Lợi Dạ Đa tất cả hoa đã nở.

Này các Tỳ Kheo! Nếu các Tỳ Kheo các lậu đã tận rồi, tu đạo cứu cánh, chánh huệ giải thoát, có hết có tận, thì cõi trời Đao Lợi sẽ tán thán gọi là thiện hữu. Người ở xứ đó, tánh, danh, quận, huyện, tất cả quốc thổ đều xa gia đình, tu học không bận và vị Tỳ Kheo ấy đã xuất gia làm đệ tử để nương vào và đệ tử ấy các lậu đã tận, vô lậu, tâm giải thoát, bát nhã giải thoát. Hiện thể đã chứng, nhập vào nơi này, lần sanh này đã dứt, tu đạo cứu cánh, các việc đã xong, chẳng sanh lại nữa. Cho nên được trí này.

Với các Tỳ Kheo này, các lậu đã tận rồi chánh trí giải thoát, các pháp đã tận rồi như thể thần lực và uy đức cũng giống như cây Ba Lợi Dạ Đa ở cõi Đao Lợi đều nở hoa sum sê, lại có chư thiên giữ gìn vườn tược, rồi đến nơi Đế Thích bạch rằng:

Thưa Ngài! Cây Ba Lợi Dạ Đa hoa đã nở hết rồi cho nên Ngài muốn biết thời tiết thì chư thiên cõi tượng vương tên là Y La Bàn để đi đến vườn. Thân voi dài 9 do tuần, cao 3 do tuần hình dáng tương xứng.

Lúc ấy Đế Thích Hoàn Nhơn liền bảo voi rằng:

Này con! Cây Ba Lợi Dạ Đa đã nở hoa hết rồi! Chư Thiên đang đến nơi đó, vào vườn để xem. Cho nên người bây giờ nên tự trang sức đi.

Voi nghe lời bảo vô cùng hoan hỷ, giống như người mới thành hôn và trở về với tất cả những điều lành thì voi này cũng lại như thế đó.

Lúc ấy Tượng vương liền hóa ra 30 con khác; mỗi con như vậy có 6 ngã. Mỗi ngã có 7 ao báu; mỗi ao như vậy đều có 7 hoa sen. Mỗi hoa sen đều sanh 7 hoa. Mỗi hoa như vậy

sanh ra 7 lá và mỗi lá như vậy có 7 thiên nữ giống như những thiên nữ của chư thiên và có 7 lần như vậy bao bọc hoa sen, trông thật đẹp mắt. Do nhơn duyên này, dùng các hoa để trang nghiêm, tất cả đều đầy đủ và các chư thiên cõi trời Đao Lợi cung kính trước Đế Thích cúi đầu rồi leo lên tượng vương, ngồi sát nơi đầu. Tả hữu hai bên, mỗi mỗi đều có 16 chư thiên. Tất cả chư thiên đều tự suy nghĩ rằng ta đang ngồi ở trên đầu là chơn thật. Chỉ có Thiên Đế Thích ngồi riêng một mình ở giữa 33 cõi trời. Trước đó lên voi rồi; các chư thiên mới lần lượt trèo lên.

Vua Đế Thích có hai Thái Tử. Một tên là Chiên Đàn; hai tên là Tu Tỳ và làm Đại Tướng quân ở cõi trời Đao Lợi, lại cũng leo lên thân voi và các Thiên nữ đẹp đẽ gồm thứ nhất tên là A Phong Phù Bà; thứ hai tên Mật Xà Kế Thi; ba tên là Phân Đà Lợi Kha; bốn tên là Ni La; năm tên là A Lâu Na; sáu tên là Y Ni Bát Bà; bảy tên là Tu Bát Bà; tám tên là Bát Đà La; chín tên là Tu Bát Đà La; mười tên là Ma Đầu Kha Bà Chí. Những vị thiên nữ như thế cũng đã leo lên voi.

Lại cũng có Nam Diêu Thiên; một tên là A Phong Phù; hai tên là Đạt Đầu Lâu My; ba tên là Thoát Phù Lâu; bốn tên là Thi Khí như thế các tiên cũng cõi lên voi. Ở trên lưng voi đã ca tấu âm nhạc. Tất cả chư thiên sau khi leo lên lưng voi rồi, lúc bấy giờ tượng vương lại vô cùng hoan hỷ giống như các vua thọ lễ quán đảnh; cũng giống như người thanh niên với hôn lễ đang cử hành. Rồi các hoa thơm trang sức nơi đầu và cổ, thân, tượng vương rất vô cùng hoan hỷ cũng như thế.

Lúc ấy Tượng vương rống lên to tiếng, làm mưa cam lồ, ánh sáng chói lòa, rồi Tượng vương hóa làm các kỹ nữ cầm hoa, ca hát vui đùa nhiều loại vui tươi. Chư thiên kỹ nữ và kỹ nam đều ca múa hát. Lúc ấy Tượng vương lại rống to

lên rồi bay đi như kết hoa lại; như thế 3 lần di chuyển để đến vườn Ba Lợi Dạ Đa.

Lúc ấy trời Đạo Lợi từ trên hạ xuống trên bảo thạch Bang Phù Kiếm Ma La. Nếu chỗ ngồi không đủ thì miếng thạch hóa dài ra để cho chư thiên ngồi. Lúc ấy A Di La Bà Na tượng vương liền biến hóa thân làm Thiên Đồng Tử mang ấn quý vào tay và đeo hoa tai đầy đủ các loại, thọ ngũ dục trần, tương ưng hỷ lạc. Rồi cũng có những Thiên tử lên xe voi, ngựa riêng cùng với lầu các và cũng lại có những Thiên tử lên các thuyền quý từ sông Trường Hình tùy theo ý muốn đến nhanh chậm rồi cùng vào vườn này; ở nơi vườn này ca hát riêng, múa riêng, thổi sáo riêng; tập hợp riêng. Ở đây chư thiên thường dùng vào tháng 4, thọ ngũ dục trần, đầy đủ tương ưng du hí khoái lạc. Đối với loài người so ra ngày tháng là một vạn 2.000 năm, bằng một phần ba trong 10 năm tuổi thọ của chư thiên. Khi vườn này đã dùng hết thì đi các vườn khác của cõi Đạo Lợi; cái này là lớn nhất trong 6 cái. Ngoài ra cũng còn những vườn lớn nhỏ khác đầy cả cõi trời.

Ý nghĩa này Đức Phật Thế Tôn đã nói và ta (A Nan) đã nghe như thế.

Luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới Hết quyển ba

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ
VIỆC THÀNH LẬP
THẾ GIỚI



Quyển thứ tư

Trần, Tây Ấn Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch



Phẩm THÀNH ĐỀ ĐẦU LẠI TRA (Dhrtarostra = Trì Quốc Thiên) **Thứ mười bốn**

Núi Tu Di Sơn Vương có 4 đỉnh Đông, Tây, Nam, Bắc. Ở đây thuộc phía Đông; toàn do vàng thật hợp thành. Đỉnh phía Tây do bạch ngân tạo thành. Đỉnh phía Bắc do lưu ly tạo thành và đỉnh phía Nam do pha lê tạo thành. Lại cũng do tất cả những loại trân bảo tạo thành.

Lại có 7 tánh đặc thù của 4 đỉnh là ở trên rộng, ở dưới hẹp, giống như hoa sen nở. Chỗ bé nhất chu vi 1,500 do tuần; chỗ lớn nhất đường kính 700 do tuần. Chu vi đo được 2.100 do tuần. Ở cả 4 đỉnh đều có các loại thú cũng như chim chóc, sư tử, hổ báo; tất cả đều do hóa sanh. Tất cả đều ăn theo mùi vị của Trời Tu Đà, chẳng tàn sát lẫn nhau. Có Kim Cang Thủ, tất cả chư thiên đều nương vào đó để ở. Có 4 núi Do Càn Đà. Một ở Đông, hai ở Tây, ba ở Bắc Tây Nam. Núi Do Càn Đà ở phía Nam có 2 đỉnh. Phía Tây Bắc Nam lại cũng như thế. Phía Đông có 2 đỉnh; toàn là vàng ròng; phía Tây có 2 đỉnh toàn bằng bạch ngân. Phía Bắc có 2 đỉnh toàn bằng lưu ly; phía Nam có 2 đỉnh do pha lê tạo thành. Lại cũng có tất cả các chất báu khác tạo thành.

Lại có 7 tánh, như bên trên rộng, bên dưới hẹp; lại như hoa sen nở. Chỗ hẹp nhất độ 350 do tuần. Chu vi 1.050 do

tuần. Chỗ rộng nhất đường kính 500 do tuần. Chu vi 1.500 do tuần. Ở cả 8 đỉnh đều có các thú, lại cũng có chim chóc, sư tử, hổ báo; tất cả đều hóa sanh. Đều hưởng mùi vị của cõi Trời Tu Đà; chẳng sát hại lẫn nhau. Lại có Kim Cang Thủ mà tất cả chư thiên đều nương vào đó để ở. Như thế mỗi núi đều có 2 phần. Cho đến núi thứ 7 là Ni Dân Đà lại có 512 đỉnh. Ở đỉnh thứ 7 này cao rộng hướng ra ngoài, lần lượt nhỏ lại.

Ở giữa 2 đỉnh núi Do Càn Đà ở phía Đông lại có quốc độ tên là Đề Đầu Lại Tra (Dhrtarastra = Trì Quốc Thiên) chu vi 1.000 do tuần, chung quanh có thành vàng bao bọc, cao 1 do tuần, tường cao nửa do tuần. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần lại có 1 cửa. Có tất cả 99 cửa, lại có một cửa nhỏ để đủ số 100. Tất cả các cửa này đều do những chất quý tạo thành, toàn bằng ma-ni bảo châu dùng để trang sức. Giống như tấm nệm mềm mại đẹp đẽ vậy. Có chạm trổ nhiều loại hình khác nhau. Ở cửa thành lại có 4 quân phòng vệ, giống như trên đã nói. Bấy rừng cây Đa La bao bọc chung quanh, lại cũng như trên đã nói.

Ở giữa những hàng cây này lại có những hồ quý báu rộng hàng trăm cung, trang nghiêm bằng nhiều loại khác nhau như trên đã nói. Có 5 loại hoa quý, lại cũng như trên đã nói. Cũng có thuyền bằng 4 chất báu, lại như trên đã nói.

Trên bờ hồ có 5 hàng cây báu, lại như trên đã nói. Cho đến điện đường cũng bằng 4 chất báu; nơi mà chư thiên nam nữ đều ở đó. Ở bên ngoài thành có 3 lớp hào quý giá, như trên đã nói. Mỗi mỗi hào rộng 2 do tuần; sâu 1 do tuần rưỡi; miệng hồ ở dưới rộng trên hẹp. Có nước trời nhuần thấm, lại như trên đã nói. Giữa hào là đất; nơi các kiều nữ ở đây đây.

Bên ngoài 3 lớp hào, có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh, lại như trên đã nói. Lúc ấy bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở rộ; các thiên nữ hòa tấu âm nhạc và chur thiên tử từ cửa thành ra đi để xem nghe âm nhạc. Các thiên nữ cũng từ thành lớn ra đi để nghe âm nhạc. Do nhân duyên này mà thọ lãnh những niềm hỷ lạc.

Bên góc phía Tây Nam thành Đê Đầu Lại Tra là nơi trụ xứ của Thiên Vương. Chu vi 250 do tuần, thành toàn bằng vàng bao bọc, cao 1 do tuần; tường cao nửa do tuần. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngõ môn cao một do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần lại có một cửa. Có 24 cửa lớn, lại có 1 cửa nhỏ để đủ số 15. Các cửa này đều do các đồ quý giá hợp thành như ma-ni bảo châu dùng để trang sức. Giống như tấm thảm có thêu nhiều loại hình khác nhau và mềm mại đẹp đẽ. Trước cửa thành lại có 4 quân lính canh gác, lại như trên đã nói. Bên ngoài có 7 lớp hàng rào quý giá, lại cũng như trên đã nói. Có 7 lớp rừng cây Đa La vây bọc chung quanh, lại như trên đã nói.

Ở giữa những hàng cây này có các ao báu, rộng hàng trăm cung, đẹp đẽ trang nghiêm như đã có nói phía trước. Có 5 loại hoa quý, lại như trên đã nói và thuyền bằng 4 loại quý, như trên đã nói. Bên bờ hồ có 5 loại cây quý, lại như trên đã nói, cho đến 4 loại báu làm điện đường; nơi mà các nam nữ chur thiên ở đó.

Ở bên ngoài thành này có 3 lớp hào quý báu, như trên đã nói. Mỗi một hào như thế rộng 2 do tuần; sâu một do tuần rưỡi; hình tướng như cái miệng hồ; ở dưới rộng trên hẹp; nước trời nhuần khắp, như trên đã nói. Giữa hào có đất, là nơi đầy đầy những cung điện của những kiều nữ.

Ngoài 3 lớp hào ấy có rừng cây bằng 7 báu bao bọc chung quanh, lại như trên đã nói. Bên ngoài rừng cây ấy tất cả các hoa đều nở rộ. Chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc và các Thiên tử từ trong thành đi ra để xem nghe âm nhạc. Chư thiên nữ cũng từ thành đi ra để xem nghe âm nhạc. Do nhân duyên ấy thọ các niềm vui.

Ở bốn phía trong thành nội là chỗ chợ búa; tất cả đều ngay ngắn. Đây là thành của chư thiên; hoặc có chỗ 4 bên là nhà; hoặc có chỗ lầu gác chồng lên nhau; hoặc có chỗ nhiều tầng lầu cao; hoặc có chỗ nằm trên mây; hoặc có chỗ 4 góc chót vót. Tùy theo phước đức, do các loại quý giá tạo thành, ngay thẳng đẹp đẽ.

Ở đây có con đường trời, cả hằng 50 con đường như thế; 4 bên đều thông nhau; rõ ràng phân biệt. Đều là những con đường chánh; có 4 cửa thông với nhau, đông tây thấy được nhau; chợ búa đều bán những báu vật. Một là chợ bán lúa; 2 là chợ bán y phục; 3 là chợ bán các thứ hương; 4 là chợ bán đồ ăn uống; 5 là chợ bán hoa; 6 là chợ bán đồ nghề; 7 là chợ dâm nữ. Nơi nơi đều có quan coi chợ. Ở giữa chợ lại có thiên tử và thiên nữ đều đến đây để mua bán, trao đổi hàng hóa, mong được ít nhiều ở những đồ bán ra đó. Pháp luật của chợ này chỉ làm như thế và riêng chỉ niềm vui chứ không lấy không cất. Không có tâm lo riêng cho mình, đều do thoát khỏi chỗ mong cầu, tiện lợi như thế. Do nghiệp tương ưng, tùy đó mà lấy. Nghiệp chẳng tương ưng thì liền nói rằng:

"Vật này thật quý hiếm. Đây chẳng phải của tôi".

Ngay cả 4 bên đường đều được bày ra voi, ngựa, xe, lính và các Thiên tử lại ở trong đó; hoặc để giữ gìn; hoặc để vui chơi; hoặc để trang nghiêm.

Ở giữa chợ có đường đi. Tất cả đều bằng lưu ly; nhuần nhuyễn khả ái, trang nghiêm bằng nhiều chất quý giá, lại giống như đất phía Bắc được trải những tấm thảm mịn màng, có trang trí rồng, thú, hoa, cả như trước đã nói cho đến đôt hương, rải hoa, vận y phục chư thiên, lại cũng như trước đã nói. Lại ở nơi nơi đều dựng tràng phang.

Ở trong thành lớn nghe được rất nhiều âm thanh chẳng dứt, nào tiếng voi; tiếng ngựa; tiếng xe; tiếng ốc; tiếng Ba Na Bà; tiếng trống; tiếng Ni Trùng Già; tiếng sáo; tiếng âm nhạc và lại cũng có tiếng người bảo rằng: Lành thay! Lành thay! Muốn ăn muốn uống tôi nay cúng dường. Đây là thành Đề Đầu Lại Tra; nơi cư ngụ của Thiên Tử. Lại có châu trời, quận trời, huyện trời và thôn trời. Chu vi biển khắp thành lớn. Để Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương nương vào nơi này để ở, lãnh thổ của vua thật lớn; từ phía Đông núi Do Càn Đà đến núi Thất Vi nơi trời Càn Thất Bà. Đó là lãnh thổ của vua.

Ý nghĩa như thế do Phật đã nói và như thế ta (A Nan) đã nghe.

Phẩm THÀNH TỶ LƯU LẶC XOA (Virupaksa = Quảng Mục Thiên)

Thứ mười lăm

Ở giữa 2 đỉnh núi Do Càn Đà phía Nam có một quốc độ tên là Tỳ Lưu Lặc Xoa. Chu vi 1.000 do tuần; thành vàng bao bọc chung quanh, cao 1 do tuần; tường cao nửa do tuần. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần có một cái cửa. Có 99 cửa và lại có thêm một cửa nhỏ nữa để đủ số 100. Các cửa này đều được tạo thành bởi những chất báu như ma-ni bảo châu để trang sức. Giống như tấm thảm mềm mại đẹp đẽ. Có khắc nhiều loại khác nhau. Ở trước cổng có 4 quân lính canh gác, lại như trên đã nói. Bên ngoài có 7 lớp rào quý, lại cũng như trên đã nói. Có 7 rừng cây Đa La vây bọc chung quanh, lại như trên đã nói.

Ở giữa những cây này có các hồ báu, rộng cả trăm cung; có nhiều loại trang sức, lại giống như trên đã nói. Có 5 loại hoa quý, lại như trên đã nói. Có thuyền bằng 4 loại báu, cũng như trên đã nói. Trên bờ hồ có 5 hàng cây báu, lại như trên đã nói; cho đến điện đường bằng 4 cửa báu. Nơi mà nam nữ chư thiên cư trú.

Bên ngoài bờ thành này là 3 lớp hồ quý, như trên đã nói. Mỗi mỗi hào rộng 2 do tuần; sâu 1 do tuần rưỡi. Hình tướng như cái miệng hồ dưới rộng trên hẹp, có nước trời nhuần thấm, lại như trên đã nói. Giữa hào là đất, đầy đầy những cung điện của các kiều nữ.

Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 thứ báu bao bọc chung quanh, lại cũng giống như trên đã nói. Lúc bấy giờ ở bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở; chư thiên nam nữ đang hòa tấu âm nhạc. Lúc ấy chư thiên tử từ đại thành đi ra để xem nghe âm nhạc và chư thiên nữ cũng từ đại thành đi ra để xem nghe âm nhạc. Vì nhân duyên này, nên thọ những niềm hi lạc.

Góc phía Tây Nam thành Tỳ Lưu Lạc Xoa là nơi Thiên Vương Tỳ Lưu Lạc Xoa ở. Chu vi 250 do tuần, toàn bằng vàng bao bọc chung quanh, cao 1 do tuần; thành cao nửa do tuần. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần như thế lại có 1 cửa. Có 24 cửa lớn lại thêm một cửa nhỏ để đủ số 25. Những cửa này cũng toàn là những chất báu hợp thành như ma-ni diệu bảo để trang nghiêm; giống như những tấm thảm mịn màng đẹp đẽ, có điêu khắc nhiều loại khác nhau. Trước cửa lại có 4 lính phòng vệ canh gác, lại giống như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 lớp rào quý, như trên đã nói. Bảy lớp rừng cây Đa La vây bọc chung quanh, lại như trên đã nói. Ở giữa những cây này có các ao báu rộng hằng trăm cung, bằng nhiều loại trang sức, lại như trên đã nói.

Trên bờ hồ lại có cây 5 báu như trên đã nói cho đến 4 loại điện đường quý báu, nơi mà chư thiên nam nữ cư trú. Ở bên ngoài bờ thành có 3 lớp hào quý báu, như trên đã nói. Mỗi một hào báu rộng 2 do tuần; sâu 1 do tuần rưỡi. Hình

thù như cái miệng hồ; dưới rộng trên hẹp. Có nước trời nhuần thấm, lại như trên đã nói.

Ở giữa những hào này là đất; có các kiều nữ và cung điện đầy dẫy. Ở bên ngoài 3 lớp hào lại có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh, lại như trên đã nói. Lúc ấy bên ngoài rừng tất cả hoa đều nở rộ; chư thiên nam nữ hòa tấu âm nhạc. Lúc ấy các thiên tử từ trong thành đi ra để xem nghe âm nhạc thì các thiên nữ cũng từ thành đi ra để xem nghe âm nhạc. Do nhân duyên ấy mà thọ lãnh những niềm vui.

Ở bốn bên đại thành là chỗ buôn bán, tất cả đều ngay thẳng. Đó là thành của chư thiên; hoặc nơi ấy bốn mặt nhà cửa giống nhau; hoặc chỗ ở ấy có nhiều phòng ốc; hoặc chỗ ở ấy có nhiều lầu cao; hoặc chỗ ở ấy tiếp giáp với mây. Hoặc chỗ ở ấy bốn bề chót vót. Tùy theo phước đức và do các chất quý tạo thành, bằng thẳng đẹp đẽ. Có đường nơi cõi trời. Mỗi đường dài 50 do tuần, 4 bên thông nhau; thật rõ ràng. Tất cả đều là đường chính; 4 cửa thông nhau; đông tây có thể thấy nhau. Có chợ búa bán đầy các loại. Một là chợ bán gạo; 2 là chợ bán y phục; 3 là chợ bán dầu thơm; 4 là chợ bán đồ ăn; 5 là chợ bán hoa; 6 là chợ bán đồ nghề; 7 là chợ bán dâm nữ, Nơi nơi đều có quan coi các chợ ấy. Ở giữa chợ các Thiên tử Thiên nữ đến lui mua bán, giao dịch hàng hóa; chẳng tính ít nhiều hay so đo. Pháp luật của chợ chỉ có thể và chỉ vì niềm vui, không lấy không mất, không có tâm cầu về mình, nhằm ý thoát tục. Xong rồi lại đi. Nếu nghiệp tương ưng, tùy ý mà lấy. Nghiệp chẳng tương ưng liền nói lời rằng: "Vật này thật quý; chẳng phải của ta".

Ở bốn bên đường đều có ngựa, voi, xe, lính trang nghiêm. Cũng có những Thiên tử ở trong đó; hoặc để giữ gìn; hoặc để làm vui; hoặc vì trang nghiêm. Ở giữa chợ có đường đi, tất cả đều bằng lưu ly, mềm mại dễ thương, do các

chất báu hợp thành. Lại cũng giống như đất phía Bắc đẹp đẽ như tấm thảm vậy. Có hình rồng, thú, hoa, cỏ trên đó như trước đã nói. Cho đến thiêu hương tán hoa, mặc y phục cõi trời lại cũng như thế. Lại ở nơi nơi đều có dựng tràng phang. Ở trong đại thành như thế nghe được các thứ tiếng, hằng chẳng gián đoạn. Giống như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ốc, tiếng Ba Na Bà; tiếng trống; tiếng Ni Đăng Già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc và lại có tiếng bảo: Lành thay! Lành thay!

"Mong ăn, mong uống, ta nay cúng dường".

Đây là thành Tỳ Lụ Lặc Xoa; đây là nơi ở của Thiên tử. Lại cũng có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời bao bọc cùng khắp. Ở trong thành lớn này có Tỳ Lâu Lặc Xoa Thiên Vương nương vào đó để ở. Lãnh thổ của vua thật rộng. Từ phía Nam núi Do Càn Đà đến Thần Cư Bàn Trà của núi Thiết Vi là lãnh thổ của vua.

Ý nghĩa ấy Đức Thế Tôn đã nói và như vậy ta (A Nan) đã nghe.

Phẩm THÀNH TỶ LƯU BÁT XOA

(Virupaksa = Quảng Mục Thiên)

Thứ mười sáu

Phía Tây núi Do Càn Đà có 2 đỉnh, nằm giữa là quốc gia, tên là Tỳ Lưu Bát Xoa (Virupaksa = Quảng Mục Thiên). Chu vi 1000 do tuần, thành toàn bằng vàng bao bọc, cao một do tuần, bờ tường cao nửa do tuần; cửa thành cao 2 do tuần. Ngõ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần như thế có một cửa. Tất cả là 99 cửa, lại thêm một cửa nhỏ nữa để đủ số 100. Những cửa này đều làm thành bằng các chất quý ma-ni bảo châu để trang sức, giống như một tấm thảm mịn màng đẹp đẽ, có thêm nhiều loại khác nhau. Ở phía trước cửa lại có 4 quân lính phòng vệ, cũng như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 lớp rào, 7 hàng cây báu bao bọc chung quanh. Ở giữa rừng này có những hồ quý báu, rộng hàng trăm cung, trang nghiêm bằng nhiều loại đẹp. Có 5 loại hoa quý và thuyền bằng 4 chất báu. Bên bờ hồ có nhiều cây quý cho đến những điện đường cũng bằng những chất báu. Các nam nữ chư thiên ở nơi đó, như trên đã nói.

Ở bên ngoài bờ thành này có 3 lớp hào quý báu bao bọc. Mỗi hào như thế rộng 2 do tuần; sâu một do tuần rưỡi;

hình tượng như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp. Có nước trời nhuần thấm, lại như trên đã nói. Giữa hào là đất; nơi các kiêu nữ ở đây dấy tại các điện đường. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 báu bao bọc chung quanh, lại như trên đã nói. Lúc bấy giờ ở bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở rộ; các thiên nữ hòa tấu âm nhạc. Lúc ấy các thiên tử từ đại thành ra đi để xem nghe và các thiên nữ cũng từ đại thành ra đi để xem nghe âm nhạc. Do nhân duyên này mà thọ hưởng những niềm hỷ lạc.

Bên cạnh Tây Nam của thành là trụ xứ của Tỳ Lưu Bát Xoa Thiên Vương ở. Chu vi 250 do tuần, thành toàn bằng vàng bao bọc, cao 1 do tuần, tường cao nửa do tuần; cửa thành cao 2 do tuần; ngọc môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần lại có 1 cửa. Cứ 24 cửa lớn lại có một cửa nhỏ để đủ số 25. Tất cả các cửa được trang trí bằng những chất quý giá, như Ma-ni diệu bảo hợp thành. Giống như tám tấm mịn màng có thêu nhiều loại đẹp đẽ. Trước cửa lại có 4 quân lính canh gác.

Bên ngoài có 7 lớp hào quý và 7 hàng cây Đa La vây bọc chung quanh. Ở giữa những cây này có các hồ đẹp, rộng hàng trăm cung, trang trí bằng những đồ quý giá. Có 5 loại hoa quý và có thuyền bằng 4 chất báu.

Trên bờ hồ có 5 hàng cây báu cho đến những điện đường đẹp đẽ. Nam nữ chư thiên ở nơi đây như trên đã nói. Bên ngoài thành có 3 lớp hào quý giá. Mỗi hào rộng 2 do tuần; sâu một do tuần rưỡi; hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp; nước trời nhuần thấm, lại như trên đã nói.

Giữa các hào là đất, có các kỹ nữ và điện đường la liệt nơi ấy. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 báu bao bọc chung quanh. Tất cả đều như trên đã nói. Bên ngoài rừng tất

cả hoa đều nở rộ, các thiên nữ đang hòa tấu âm nhạc; trong lúc đó các thiên tử ra khỏi thành để xem nghe âm nhạc. Đồng thời các thiên nữ cũng đến xem nghe. Do nhân duyên ấy mà thọ sanh hỷ lạc.

Bên trong nội thành, ở bốn bên đều có chợ búa ngay ngắn. Đây là thành của chư thiên. Hoặc có chỗ giống như cái nhà. Hoặc có nơi chồng chất lên nhau. Hoặc có nơi có nhiều tầng. Hoặc có nơi tiếp xúc với mây; hoặc có nơi bốn góc chót vót. Tùy theo phước đức và do các loại quý giá hợp thành, ngày thẳng ngày đẹp.

Con đường ở cõi trời có 50; bốn bề thông nhau, rõ ràng phân biệt; tất cả đều như thế. Có 4 cửa giao nhau; đông tây thấy được. Có chợ búa; nơi trao đổi đầy đầy những hàng hóa. Có chợ bán lúa gạo. Có chợ bán áo quần; có chợ bán hương thơm; có chợ bán đồ ăn uống; có chợ bán hoa; có chợ bán đồ làm nghề; có chợ bán dâm nữ. Nơi nơi đều có một quan coi chợ. Ở giữa chợ là nơi mà Thiên tử Thiên nữ đến lui mua bán giao dịch hàng hóa theo việc lên xuống, trao đổi nhiều ít là phương pháp của chợ. Tuy nhiên việc này là do niềm vui chứ chẳng phải để chấp có chấp không, không có tâm cầu để được, thoát dục là điều cần yếu xong rồi lại đi. Vật này hiếm quý, chẳng phải của mình. Ở 4 bên đường có voi, ngựa, xe, lính bày biện ra nơi ấy. Các Thiên tử hoặc dừng nghỉ nơi ấy; hoặc để giữ gìn; hoặc để vui chơi; hoặc để trang nghiêm.

Ở giữa chợ có con đường, tất cả đều bằng lưu ly; mềm mại dễ thương, đều do các cửa báu hợp thành, lại giống như đất phía bắc, đẹp dễ mềm mại như tấm thảm có vẽ rồng, thú, hoa, cỏ như trước đã nói. Cho đến đốt hương, rải hoa, mặc áo chư thiên, lại cũng như thế. Lại nữa ở nơi đó cũng có dựng tràng phang. Ở trong thành nội có thể nghe được các thứ tiếng không bao giờ dứt, như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng

ốc, tiếng Ba Na Bà, tiếng Ni Đàng Già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc và lại có tiếng nói bảo:

"Lành thay! Lành thay! Nếu muốn ăn, muốn uống thì ta đây sẽ cúng dường"

Đây là thành của Tỳ Lưu Bát Xoa Thiên Tử ở. Lại cũng có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời; khắp nơi đều có chợ búa ở trong thành. Tỳ Lưu Bát Xoa Thiên Vương nương vào đây để ở. Lãnh địa của Thiên Vương rất lớn. Từ phía Tây núi Do Càn Đà đến cạnh núi Thiết Vi, tất cả các chim Long Già Lâu La là lãnh thổ của Thiên Vương.

Ý nghĩa này Đức Phật Thế Tôn đã nói cho ta (A Nan) nghe như thế.

Phẩm Thành TỶ SA MÔN (Vaisravana)

Thứ mười bảy

Hai đỉnh núi phía Bắc của Do Càn Đà có đất nước giữa. Tên là Tỳ Sa Môn. Chu vi 1.000 do tuần, thành toàn bằng vàng bao bọc; cao một do tuần, bờ thành cao nửa do tuần. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngõ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần lại có 1 cửa. Cứ 99 cửa lại có 1 cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này tất cả đều do những vật quý giá tạo thành như ma-ni bảo châu dùng để trang sức. Giống như tấm thảm mịn màng đẹp để có thêm nhiều loại khác nhau. Ở phía trước cửa thành có 4 quân lính phòng vệ.

Ở bên ngoài có 7 hàng rào quý, lại có 7 hàng cây Đa La quý giá bao bọc. Ở giữa rừng này có những hồ quý, rộng hàng trăm cung, có nhiều loại được trang nghiêm nơi ấy, như hoa quý 5 loại và thuyền báu bằng 4 chất quý. Ở trên bờ hồ lại có cây quý, cho đến điện đường làm bằng 4 loại châu báu. Nơi ấy nam nữ chư thiên ở đó như trước đã nói.

Bên ngoài bờ thành có 3 lớp hào quý báu. Mỗi một hào rộng 20 do tuần; sâu một do tuần rưỡi, hình thể như một cái

hồ, dưới rộng trên hẹp, có nước trời nhuận thấm, lại như trên đã nói. Nằm giữa các hào là đất. Nơi ấy các kiêu nữ ở đây đẩy nơi các điện đường. Bên ngoài 3 lớp hào tất cả các loại hoa đang trở bông đẹp đẽ. Chư thiên nữ đang hòa tấu âm nhạc; lúc ấy các Thiên tử từ trong đại thành đi ra để xem nghe âm nhạc. Chư thiên nữ cũng từ đại thành đi ra, lại cũng để nghe âm nhạc. Do nhân duyên này mà thọ nhận những niềm hỷ lạc.

Bên cạnh phía Tây Nam của thành là nơi trú ngụ của Tỳ Sa Môn Thiên Vương. Chu vi rộng 150 do tuần, thành toàn bằng vàng bao bọc. Cao 1 do tuần, bờ tường cao nửa do tuần, cửa thành cao 2 do tuần; ngọ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần lại có 1 cửa. Cứ 24 cửa lớn lại có 1 cửa nhỏ cho đủ số 25, mà tất cả những cửa này đều do các đồ quý báu tạo thành như Ma-ni bảo châu dùng để trang nghiêm. Giống như tấm thảm mịn màng đẹp đẽ có thêu nhiều chim thú. Ngoài cửa lại có 4 lính cận vệ canh gác.

Ở bên ngoài có 7 lớp hàng rào, có 7 hàng cây quý Đa La bao bọc chung quanh. Nằm giữa rừng này là các hồ quý giá, rộng hàng trăm cung, đẹp đẽ lạ thường. Có 5 loại hoa quý và thuyền bằng 4 chất báu. Trên bờ hồ có 5 loại cây quý và điện đường bằng 4 châu báu. Nơi mà nam nữ chư thiên ở; tất cả như trên đã nói.

Ở bên ngoài bờ thành là 3 lớp hào quý. Cứ mỗi một hào như vậy rộng 2 do tuần; sâu một do tuần rưỡi; có nước trời nhuận thấm, lại cũng như trên đã nói. Giữa những hào này là đất. Nơi có nhiều kiêu nữ ở trong các điện đường. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 báu bao bọc chung quanh; tất cả đều như trước đã nói. Bên ngoài rừng tất cả hoa đều nở rộ đẹp đẽ. Chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc. Lúc ấy các Thiên tử từ trong thành đi ra. Đồng thời các thiên nữ cũng

cùng ra để xem nghe. Do nhân duyên này để thọ lãnh những hỷ lạc.

Ở bốn bên của đại thành đều có chợ búa. Tất cả đều ngay thẳng. Ở nơi thành trời này có nơi giống như cái nhà, hoặc có nhiều bậc, hay nhiều tầng cao lên; hoặc có nơi tiếp giáp với mây; hoặc bốn phía cao chót vót. Điều này do phước nghiệp và do các cửa báu tạo thành. Ngay thẳng đoan nghiêm.

Bên thành có con đường trời, cả 50 đường, 4 bên thông nhau, phân chia rõ ràng; tất cả đều như con đường này; 4 cửa thông nhau; đông, tây thấy được. Có chợ búa đầy các vật quý. Một là chợ bán lúa gạo; 2 là chợ bán y phục; 3 là chợ bán hương thơm; 4 là chợ bán đồ ăn uống; 5 là chợ bán hoa; 6 là chợ bán đồ nghề; 7 là chợ bán dâm nữ. Nơi nơi đều có quan coi chợ. Ở giữa chợ các Thiên tử và Thiên nữ qua lại mua bán, trao đổi hàng hóa, nhiều ít tăng giảm, số lượng tùy theo ở chợ đều có quy tắc. Tuy làm việc ấy nhưng cốt chỉ để vui, chẳng lấy chẳng giữ; chẳng vì thuộc về mình, thoát khỏi sự mong muốn. Xong rồi lại đi. Nếu là nghiệp thiện tương ưng thì tùy ý mà lấy. Nếu nghiệp chẳng tương ưng thì liền nói rằng: "Vật này quý hiếm, chẳng thuộc về ta". Bốn bên đường có ngựa, voi, xe, lính trang nghiêm cho các thiên tử ở trong đó; hoặc để giữ gìn; hoặc để vui chơi.

Ở giữa chợ có một con đường, tất cả đều bằng lưu ly, nhuần nhuyễn dễ thương, giống như đất phía bắc được trải một tấm thảm đẹp đẽ, trên ấy có vẽ những rồng, thú, hoa, cỏ. Tất cả như trên đã nói. Họ đốt hương rải hoa, mặc y phục cõi trời cũng lại như thế. Nơi nơi có dựng tràng phang. Ở trong đại thành của chư thiên lại nghe được các thứ tiếng hằng chẳng gián đoạn. Đó là tiếng voi, ngựa, xe, ốc, v.v... Cả tiếng

Ba Na Bà, tiếng trống, tiếng Ni Đàng Già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc và cũng nghe được tiếng bảo rằng:

Lành thay! Lành thay! Nếu muốn ăn uống thì ta đây cúng dường.

Đây là Đại Thành của Tỳ Sa Môn nơi Thiên Tử ở. Lại cũng có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời, trải dài khắp cả thành lớn. Tỳ Sa Môn Thiên Vương cư ngụ nơi này. Lãnh thổ của vua thật lớn. Từ phía bắc Do Càn Đà đến bên cạnh núi Thiết Vi, tất cả Thần Dạ Xoa. Đây là đất đai của vua. Nơi thành Tỳ Sa Môn có rất nhiều đồ ăn uống Khư Đà Ni Bồ Xà Ni cho nên lại cũng có tên là A La Kha Mạn Đà. Nghĩa ấy như thế, Phật Thế Tôn đã nói, như vậy tôi (A Nan) đã nghe.

**Luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới
Hết quyển 4**

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ
VIỆC THÀNH LẬP THỂ
GIỚI



Quyển 5

- Trần, Tây Ấn Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt nhân mùa an cư kiết hạ năm Ất Dậu (2005) Phật lịch 2549.



Phẩm Thiên và Phi Thiên chiến đấu với nhau

Thứ mười tám

Ở trên đỉnh của núi Tu Di toàn bằng phẳng, do lưu ly hợp thành, mềm mại dễ thương, toàn bằng những đồ quý trang nghiêm; giống như tám thảm đẹp dễ mềm mại trải ở đất phía bắc; có thêu nhiều loại khác nhau giống như những hoa tai trang sức bằng những của quý giá. Khi giậm chân lên thì chìm; khi dõ chân lên thì nổi; giống như gấm vóc lụa là, đất này cũng mềm mại như thế. Chung quanh thành toàn vàng ròng bao bọc. Cao 1 do tuần; bờ thành cao nửa do tuần; cửa thành cao 2 do tuần. Ngọ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần lại có một cửa. Có 32.000 cửa và các cửa thành này đều do các chất báu hợp thành. Toàn bằng ma-ni bảo châu dùng để trang sức giống như tám thảm mềm mại đẹp dễ trải nơi đất bắc, giống như thêu hình người, phi nhơn v.v... rồng, thú, cỏ, cây cho đến các hoa khác, chẳng thiếu thứ gì. Lại như hoa tai gồm nhiều thứ báu, đầy đủ, những cửa thành này cũng lại như vậy.

Bên cạnh những cửa thành này có voi, ngựa, xe, lính trang nghiêm. Còn các Thiên tử thì được trang bị những cây gậy dài rồi tụ tập ở giữa, do vì giữ gìn đất nước và trang bị như thế. Nơi nơi đều có hồ báu; có nước trời nhuận thấm; có

4 chất báu bao bọc tận đáy hồ, giống như trên đã nói. Cho đến chư thiên nam nữ đầy đầy nơi ấy, lại cũng như vậy, trên đỉnh núi Tu Di hướng xuống 2 vạn do tuần ở tầng thứ nhất và tầng thứ 4 đều 50 do tuần. Chu vi tăng lên 400 do tuần, thành toàn bằng vàng bao bọc. Cao 1 do tuần, bờ tường cao 1 do tuần rưỡi. Cửa thành cao 2 do tuần và ngọ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần có một cửa, cả hằng ngàn cửa đều do các báu vật tạo thành. Tất cả đều bằng ma-ni bảo châu nghiêm sức, giống như đất ở phía bắc được trải những tấm thảm mềm mại có thù hình người, phi nhơn v.v... có cả rồng, thú, cỏ, cây cho đến những hoa tạp không thiếu một thứ gì. Cũng giống như những hoa tai gồm toàn những chất quý. Cửa thành này cũng lại như thế.

Bên cạnh các cửa thành có ngựa, voi, 4 quân sĩ phòng vệ. Vì vấn đề giữ gìn đất nước mà trang bị như thế. Bên ngoài bờ thành này còn có các hồ báu, toàn bằng 4 chất quý bao bọc đến tận đáy hồ. Các nam nữ chư thiên đầy đầy nơi đất nước này lại cũng như vậy.

Có vị Thiên tử tên là Trì Man ở nơi đây. Từ đỉnh núi Tu Di gấp 400 do tuần hợp thành 400 do tuần; từ đỉnh nhìn xuống 4 vạn do tuần nơi tầng thứ 2 và tầng thứ 4 thì rộng hơn tầng trên 50 do tuần. Thành toàn bằng vàng bao bọc, cao 1 do tuần, bờ thành 1 do tuần rưỡi. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngọ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần lại có 1 cửa. Cả ngàn cửa đều do của quý hợp thành gồm toàn các Ma-ni trang sức; giống như đất phía bắc được trải những tấm thảm mịn màng đẹp đẽ, có cả hình người, phi nhơn, rồng, thú, cỏ, cây cho đến những hoa tạp chẳng thiếu thứ gì. Lại cũng giống như hoa tai đầy đủ những của quý. Những cửa thành này lại cũng như thế.

Bên ngoài cửa thành có voi, ngựa, 4 lính phòng vệ. Vì giữ gìn đất nước mà du hí trang nghiêm. Có những hồ báu bằng 4 chất quý bao bọc cả đáy hồ. Các Thiên tử đầy khắp nước lại cũng như thế.

Có Thiên tử tên là Thường Thắng ở nơi nước này. Chung quanh Tu Di Sơn Vương cả hằng 800 do tuần cho đến 1.200 do tuần. Từ trên đỉnh núi nhìn xuống 6 vạn do tuần ở tầng thứ 3 thứ 4 và thứ 2, rộng 50 do tuần, toàn bằng vàng bao bọc chung quanh thành. Cao 1 do tuần; bờ thành cao 1 do tuần rưỡi. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần lại có một cửa. Có cả hàng ngàn cửa đều do các cửa báu hợp thành, toàn bằng những Ma-ni bảo châu trang sức; giống như đất phía bắc trải những tấm nệm mịn màng đẹp đẽ như thêu hình người, phi nhơn v.v... thú, rồng, cò, cây cho đến những hoa tạp khác, không thiếu thứ gì. Lại như những hoa tai toàn bằng chất báu.

Ở nơi cửa thành lại cũng như thế. Bên cạnh cửa thành lại có voi, ngựa, 4 quân canh gác phòng giữ nhằm để giữ gìn đất nước, trang nghiêm du hí. Có những hồ quý báu bằng 4 chất báu bao bọc tận đáy hồ. Lại cũng có rất nhiều Thiên tử ở trong quốc độ này cũng giống như thế. Có Thiên tử tên là Thủ Trì Bảo Khí ở nơi đây. Thành toàn bằng vàng bao bọc chung quanh bằng nhiều loại trang sức đẹp đẽ, lại như trên đã nói. Cho đến các Thiên tử cũng đầy đầy nơi quốc độ này, lại cũng như vậy.

Chung quanh Tu Di Sơn Vương cách 400 do tuần đến 1.600 do tuần là tầng thứ 4; rộng hơn tầng thứ 3. Bốn bên đều 50 do tuần. Từ mặt biển hướng lên 50 do tuần là tầng thứ 4 của Tu Di Sơn Vương, rộng như tầng thứ 3 là 50 do tuần, dày cũng lại như thế, thành toàn bằng vàng bao bọc, cao 1 do tuần; bờ tường cao 1 do tuần rưỡi. Cửa thành cao 2 do tuần.

Ngọ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần có một cửa. Có cả ngàn cửa làm toàn bằng những chất báu như Ma-ni để trang sức; giống như đất ở phía bắc được trải những tấm thảm mịn màng đẹp đẽ, thêu nên những hình người, phi nhon, rồng, thú, cỏ, cây cho đến những hoa tạp chẳng thiếu thứ gì. Giống như lỗ tai đeo những đồ quý giá. Nơi cửa thành này cũng lại như vậy.

Ở bên ngoài cửa thành có voi, ngựa, 4 lính phòng vệ canh gác, vì giữ gìn đất nước mà trang nghiêm du hí. Có các ao báu cũng bằng 4 chất quý bao bọc đến tận đáy hồ. Các Thiên tử đầy dẫy ở nước này cũng lại như vậy. Ở tầng thứ 4 này là chỗ ở của lính Tứ Thiên Vương. Bên ngoài tầng này lại cách 450 do tuần, chu vi 1.800 do tuần có một con thú và một con chim cánh vàng ở.

Núi Tu Di các tầng trên dưới đều dày 50 do tuần. Ở giữa biển, tất cả đều là chỗ ở của Tu La. A Tu La này vì được 5 nhân duyên với chư thiên cho nên đến đây để chinh phạt. Thế nào là 5 ?

Một là Tu Đà Vị; hai là Thiên Bình Địa; ba là các vườn rừng của chư thiên; bốn là thành ấp của chư thiên và năm là Thiên Đồng Nữ. Vì 5 sự việc này mà đến công kích với chư Thiên. Chư Thiên cũng muốn được 5 việc ấy nên cũng đến đây để công kích với A Tu La. Thế là 5 ?

Một là A Tu La Tu Đà Vị; hai là Tu La Bình Địa; ba là vườn rừng của Tu La; bốn là thành ấp của Tu La; năm là Đồng Nữ của Tu La. Vì 5 việc này mà chư Thiên đến công kích với Tu La.

Lúc bấy giờ Tu La cũng đến công kích chư Thiên, trước tiên ở trên nước cùng với rồng và chim đấu tranh. Nếu

không xong, liền trở lại chỗ cũ. Nếu chiến thắng thì lên cao xuống thấp cùng với 4 quân lính và các rồng, ngựa lại lên ở trên tầng này. Chiến đấu một lúc thì Tu La chẳng được, liền thoái lui chỗ cũ. Nếu chiến thắng thì lên xuống tầng hai cùng với quân của Tứ Vương và cầm bảo khí chư thiên. Các rồng, chim v.v... cùng lúc để chiến đấu. Nếu như không được thì lại trở về chỗ cũ. Nếu chiến thắng thì lên xuống tầng ba cùng với Thường Thắng Thiên và cầm những bảo khí cùng với quân của Tứ Vương và rồng, chim v.v... một lúc cùng chiến đấu với nhau. Nếu chẳng được thì trở về chỗ cũ. Nếu chiến thắng thì lên xuống tầng bốn, cùng với Trì Mạn Thiên và các trời dưới với quân của Tứ Thiên và rồng, chim v.v... một lúc chiến đấu với nhau, nếu chẳng được thì từ đây trở lại chỗ cũ. Nếu chiến thắng thì lên trên đỉnh của núi Tu Di.

Lúc ấy Trì Mạn Thiên đến nơi Đế Thích báo cho biết sự việc rằng:

Thưa Ngài! A Tu La đã đến.

Đế Thích nghe vậy liền cùng 1.000 ngựa cùng xa giá mặc áo A La Hán cầm phang, voi, ngựa 4 binh chẳng có tạp nhạp và quân lính vây quanh để xuất chiến. Lúc ấy vua cõi trời thứ 33 lại cùng với tất cả 4 bộ quân lính vây quanh lại đến để chiến đấu. Vua cùng 2 Thái Tử Diên Đà, Tu Tỳ lại cũng có 4 quân vây quanh đồng đến chiến đấu. Lúc ấy Tứ Thiên Vương lại cũng có 4 quân vây nhiều, đồng đến chiến đấu.

Nhật Nguyệt Thái Tử lại cũng có 4 quân vây nhiều đồng đến chiến đấu. Như thế các chư thiên cùng trước các vị tướng quân ở nơi ấy đã cùng A Tu La khởi cuộc đại chiến. Quân voi thì cùng với quân voi đấu nhau; quân ngựa và bộ quân lại cũng như vậy. Lúc chiến đấu, ai đến trước tất tự lui

trước. Công việc như thế và việc này Đức Phật Thế Tôn đã nói cho các Tỳ Kheo rằng:

"Đã từ xa xưa Trời và A Tu La công kích nhau. Lúc đang đánh nhau thì quân hai bên giao tranh với nhau bằng dao và quân của chư Thiên thắng, còn A Tu La bại".

Này các Tỳ Kheo! Lúc Tu La rút lui, mặt hướng về Nam mà chạy trở lại chỗ ở cũ thì chư Thiên thỏa thích rút lui.

Này các Tỳ Kheo! Lúc bấy giờ Tu La liền suy nghĩ rằng chư Thiên đã thắng, chúng ta là kẻ thua. Chư Thiên thỏa thích chẳng bao lâu, ta nên đem quân đến để quyết chiến. Lần thứ 2 chư Thiên cũng đại thắng và Tu La rút lui; lúc bấy giờ Tu La, mặt hướng về hướng Nam mà chạy trở lại chỗ cũ. Chư Thiên vui vẻ rút lui.

Này các Tỳ Kheo! Lúc bấy giờ Tu La lại suy nghĩ: Chư Thiên đã thắng, chúng ta đã bại. Chư Thiên thỏa thích rút lui gấp như thế chúng ta bây giờ nên đem quân còn lại đánh chắc chắn quyết thắng được.

Này các Tỳ Kheo! Đến lần thứ 3 chư Thiên cũng lại thắng và Tu La thối lui trở lại thành cũ của mình và bế quan đở ở.

Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy Tu La liền nghĩ rằng: Ta đã ở trong thành, còn chư Thiên nếu có đến cũng chẳng thể công kích ta được.

Này các Tỳ Kheo! Chư Thiên lại nghĩ rằng:

Bọn A Tu La đã vào thành rồi, không thể công kích được; nên lúc bấy giờ chư Thiên bao vây chung quanh thành và làm cho thành bí lối ra. Chư Thiên được toại ý ăn mùi vị Tu La Tu Đà rồi chiếm cứ đất bằng cùng các vườn rừng, cho

đến đất đai làng xã cùng đồng nữ v.v... Tất cả đều bị chiếm đoạt và thâm lấy tài sản, nam nữ, nhà cửa thu giữ chẳng trừ thứ gì và chư Thiên nghĩ rằng:

Muốn vào thành kia, ta cùng Tu La cùng ăn uống tức phải thân cận, liền đến cầu thân, tùy ý tới lui, ăn uống, nói chuyện. Khi vào thành rồi thì việc làm chẳng giống như trên đã nghĩ; nên tự nhiên trở lui. Vì sao như vậy ?

Bởi vì thành này là nơi vô úy của A Tu La. Rồi chư Thiên muốn lấy nước này. Các Tu La Đồng Nữ bị trói lại rồi đem về cõi trời. Lúc ấy các Tu La còn lại dùng Tu Đà Vị đến để chuộc lại người nhà. Khi vào thiên thành, hỏi khắp nơi nơi, có thấy quyến thuộc của A Tu La không, rồi cùng với chư Thiên luận tranh giá cả tốt xấu; nếu chuộc được thì đem về chỗ cũ. Nếu mà chư thiên thua thì bị trói lại cũng như thế ấy.

Nơi cõi trời Đạo Lợi trên Thiện Kiến Đại Thành là nơi trụ xứ của Đế Thích Hoàn Nhơn. Còn thành A Tu La là nơi ở của A Tu La Vương. Nếu như vua Đạo Lợi Y La Bàn dùng tượng vương để đi quanh vườn thì A Tu La cũng có tượng vương như thế, tên là Phật Đà Bà Ha dùng để đi thăm các vườn rừng. Nếu như vua Đạo Lợi lên Thiện Trụ Tượng Vương để chiến đấu thì A Tu La cũng chiến đấu với Điều La Bà tượng vương. Nếu như Đạo Lợi Thiên có châu, quận, huyện v.v... thì cảnh giới của Tu La cũng phải như thế. Trừ Thiện Pháp Đường và tòa nhà Bì Thiên Diên Đa, ý nghĩa như vậy Đức Phật Thế Tôn đã nói, như thế tôi (A Nan) đã nghe.

Phẩm NHỰT NGUYỆT HÀNH

Thứ mười chín

Từ nơi đất Diêm Phù Đề cao 4 vạn do tuần là nơi đi chuyên của mặt trời, mặt trăng ở giữa Tu Di Sơn và quanh qua Càn Đà Sơn. Đó là cung điện của mặt trời, mặt trăng; tròn đầy như cái trống. Nguyệt cung dày 50 do tuần, rộng 50 do tuần. Chu vi là 150 do tuần. Cung điện mặt trăng đều do lưu ly hợp thành và được che khuất bởi bạch ngân. Đa phần là nước. Ở phía dưới nước có ánh sáng thật chói chang. Phần bên trên thì thành vàng bao bọc; thành cao 1 do tuần; bờ thành cao nửa do tuần; cửa thành cao 2 do tuần. Ngọ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ 10 do tuần lại có 1 cửa. Phàm 14 cửa lại thêm 1 cửa nhỏ để tạo thành cửa thành. Tất cả đều do chất quý hợp thành, toàn là Ma-ni trang sức nên; giống như đất phía bắc được trải lên tấm thảm mềm mại đẹp đẽ và có thù hình người, phi nhơn v.v... cùng rồng, thú, cò, cây với các loại hoa khác chẳng thiếu thứ gì. Lại cũng có những đồ quý giá đeo tai đầy dẫy và cửa thành này cũng lại như vậy.

Bên ngoài cửa thành voi, xe và 4 quân lính được bày biện nơi đó. Còn các Thiên Tử thì được trang nghiêm bằng gậy dài, tụ tập bên trong. Vì để giữ nước cũng như du hí trang nghiêm. Nơi nơi đều có ao báu; nước trời nhuần thấm,

bằng 4 chất báu bao bọc tận đáy hồ, lại như trên đã nói. Cho đến chư Thiên nam nữ đầy dẫy trong ấy lại cũng như vậy. Nơi cung điện gọi tên là Chiên Đàn. Đây là nơi Nguyệt Thiên Tử ở. Lại cũng có tên là Chiên Đàn là những cung điện của Thiên Tử, tất cả đều có tên là Chiên Đàn. Những cung điện như thế ở đời hơn 40 kiếp và do chúng sanh nghiệp tăng thượng duyên nên hằng được chiếu sáng. Lúc Thiên Tử ở đó thì hay dạo quanh cung điện. Nếu Thiên Tử không có mặt thì cung điện lại di chuyển. Khi Thiên Tử về thì tùy theo cung điện mà ở.

Ở phía dưới là Nhục Cung, dày 51 do tuần, rộng 51 do tuần: Chu vi 153 do tuần. Đây là cung điện của mặt trời, toàn bằng pha lê tạo thành; lại có vàng đỏ che lên trên. Đa phần là lửa. Ở bên dưới lửa lại có ánh sáng làm chỗ tối thắp. Ở bên trên thành đó bằng vàng bao bọc. Thành cao 1 do tuần; bờ thành cao nửa do tuần. Cửa thành cao 2 do tuần. Ngộ môn cao 1 do tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do tuần lại có 1 cửa. Cứ 14 cửa lại thêm 1 cửa nhỏ. Những bờ thành này toàn bằng đồ quý giá hợp thành, toàn bằng những Ma-ni bảo châu trang sức; giống như đất phía bắc mềm mại đẹp đẽ như tấm thảm. Có thêu hình người, phi nhơn và rồng, thú, cỏ, cây cùng những thứ hoa khác chẳng thiếu thứ gì. Lại cũng giống như lỗ tai đeo những đồ trang sức, đẹp đẽ, đầy đủ và cửa thành này cũng lại như thế.

Bên ngoài cửa thành có voi, xe và 4 quân lính hộ vệ để giữ gìn đất nước; hoặc để trang nghiêm làm vui. Nơi nơi đều có ao quý; nước trời nhuận thấm; có 4 chất báu bao bọc tận đáy hồ, như trên đã nói. Nơi ấy chư thiên nam nữ đầy dẫy lại cũng như vậy.

Có cung điện gọi tên là Tu Dã. Đây là nơi Thiên Tử mặt trời ở. Lại cũng có tên là Tu Dã, cung điện của các

Thiên Tử, tất cả đều có tên là Tu Dã. Những cung điện này trụ ở đời hơn 40 kiếp, khi nghiệp của chúng sanh tăng thượng duyên thì thường hay có ánh sáng chiếu. Lúc Thiên Tử có mặt thì cung điện di chuyển. Lúc Thiên Tử không có mặt thì cung điện chẳng di động. Khi Thiên Tử trở lại thì tùy theo cung mà ở.

Ở phía dưới lại có cung điện của các ngôi sao; nhỏ nhất thì đường kính cũng là nửa Câu Lư Xá (8 Câu Lư Xá là 1 do tuần). Chu vi rộng 1 Câu Lư Xá rưỡi. Sao lớn nhất đường kính là 16 do tuần. Chu vi 48 do tuần, có mặt trời và mặt trăng; có các hành lạc thiên tử. Những thiên tử này nếu lúc đi, liền thọ niềm vui, vì nghiệp của chúng sanh tăng thượng duyên vậy. Cho nên có gió vòng hằng thổi tới lui. Cung Nhựt Nguyệt di chuyển không ngừng.

Ở nơi cung điện mặt trời có 180 đường đi. Nơi Nguyệt Cung có 15 đường đi. Mặt trời cứ có 12 đường đi thì mặt trăng có 1 đường đi. Lúc mặt trời vào ra 12 lần trên đường di chuyển thì mặt trăng chỉ vào ra một lần là đủ. Từ con đường cực Nam đến con đường cực Bắc là 290 do tuần. Mặt trời và mặt trăng nằm ở giữa; chẳng có giảm chiều dài. Mặt trời có 2 đường đi. Một là bên ngoài đường và 2 là bên trong đường. Con đường bên trong tức là từ đường trong Diêm Phù Đề đến đường bên trong của Uất Đôn Việt tương ứng với 4 ức 8 vạn 800 do tuần. Chu vi là 4 ức 4 vạn 2.400 do tuần.

Con đường ở vòng ngoài thì tương ứng với 4 ức 8 vạn 1.380 do tuần. Chu vi là 14 ức 4 vạn 4.140 do tuần. Khi mặt trăng di chuyển thì bên kia liền hư, chu kỳ di chuyển liền trở. Khi mặt trời di chuyển thì chu hành liền hư, bên kia tức trở. Khi mặt trời cùng mặt trăng lúc hợp lúc lìa. Trong mỗi một ngày mặt trời qua 4 vạn 8 ngàn 80 do tuần. Hợp ly cũng đều như vậy. Nếu khi hợp thì mặt trời che khuất mặt trăng 3 do

tuần, cũng gọi là 1 phần 3 do tuần. Vì phương tiện nên 15 ngày khác tất cả bị che và ánh sáng mặt trăng chẳng rõ. Nếu lúc lia ra, khi mặt trời di chuyển 4 vạn 8 ngàn 80 do tuần. Mặt trời lia mặt trăng 3 do tuần, lại 1 phần 3 do tuần, thì phương tiện nên 15 ngày mặt trăng tròn đầy sáng sủa. Như thế số lượng mặt trời quay chung quanh và liền sau đó là mặt trăng 4 vạn 8 ngàn 80 do tuần. Lúc ấy Đức Thế Tôn liền tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Có bốn vạn tám ngàn
 Cùng tám mươi do tuần
 Trời lui nguyệt lại chuyển
 Là trăng cũng như vậy

Mặt trời di chuyển một do tuần rưỡi, lại một phần chín của một do tuần. Cứ mỗi một lần mặt trời xuất hiện như thế lại vào giống như vậy. Cứ 6 tháng thì mặt trời xuất hiện bên trong đường cho đến ngoài đường. Còn 6 tháng khác thì mặt trời xuất hiện bên ngoài đường vào bên trong đường.

Mặt trăng thường di chuyển 19 do tuần, lại 1 phần ba của một do tuần. Mỗi khi mặt trời xuất hiện lại cũng như vậy, vào bên trong như thế. 15 ngày thì từ bên trong đường ra đến ngoài đường và 15 ngày thì từ ngoài đường vào bên trong đường. Mặt trời di chuyển từ bên trong con đường của Đông Phát Ba Đề, qua lại 683 do tuần, lại một phần ba do tuần thì mặt trời di chuyển con đường bên trong. Khi mặt trời di chuyển con đường bên trong của Diêm Phù Đề thì che đất phía Nam của Diêm Phù Đề bằng 350 do tuần. Khi mặt trời di chuyển bên con đường trong của Tây Cù Già Ni thì mặt trời che đất phía Nam của Tây Cù Già Ni, rộng bằng 683 do tuần. Lại một phần ba do tuần. Khi mặt trời di chuyển con đường bên trong của Bắc Uất Đan Việt thì che đất phía Nam

của Bắc Uất Đan Việt, rộng hằng 350 do tuần lúc mặt trời di chuyển bên trong.

Mặt trời nếu di chuyển bên ngoài đường của Đông Phát Bà Đề thì từ đất phía nam mặt trời nằm phía bên ngoài đường, rộng cả 393 do tuần. Lại một phần ba do tuần. Mặt trời di chuyển ở giữa. Nếu mặt trời di chuyển con đường phía ngoài Diêm Phù Đề thì đất phía nam mặt trời đến phía ngoài đường 60 do tuần.

Khi mặt trời di chuyển bên ngoài đường. Nếu mặt trời di chuyển bên ngoài đường của Tây Cù Già Ni thì che đất phía Nam cho đến mặt trời ở ngoài con đường 393 do tuần. Lại một phần ba của một do tuần. Ở giữa mặt trời di chuyển. Nếu mặt trời di chuyển bên ngoài đường phía Bắc Uất Đan Việt thì che đất phía Nam 60 do tuần. Mặt trời di chuyển ở giữa. Nếu mặt trời di chuyển bên trong đường của Đông Phát Bà Đề, tức di chuyển con đường bên ngoài của Tây Cù Già Ni, liền di chuyển con đường ở giữa của Nam Diêm Phù Đề và Bắc Uất Đan Việt.

Lúc ấy xứ Đông Phát Bà Đề ngày quá dài đến 18 Mâu Hưu Đa và chính lúc ấy đêm quá ngắn, chỉ có 12 Mâu Hưu Đa. Phía Tây Cù Già Ni thì đêm quá dài đến 18 Mâu Hưu Đa, còn ngày thì quá ngắn chỉ 12 Mâu Hưu Đa. Xứ Diêm Phù Đề và Bắc Uất Đan Việt ngày đêm bằng nhau, là 15 Mâu Hưu Đa. Cứ 6 Mâu Hưu Đa hằng chuyển động thì 24 Mâu Hưu Đa không chuyển động. Nếu mặt trời di chuyển con đường bên ngoài của Đông Phát Bà Đề, tức là di chuyển con đường bên trong Tây Cù Già Ni; tức là di chuyển con đường ở giữa phía Nam Diêm Phù Đề và Bắc Uất Đan Việt.

Lúc ấy Đông Phát Bà Đề ban đêm lại quá dài đến 18 Mâu Hưu Đa và ban ngày thì quá ngắn chỉ 12 Mâu Hưu Đa. Phía Tây Cù Già Ni ban ngày quá dài 18 Mâu Hưu Đa và ban đêm thì quá ngắn chỉ 12 Mâu Hưu Đa. Nam Diêm Phù Đề và Bắc Uất Đan Việt thì chia ngày đêm ra bằng nhau 15 Mâu Hưu Đa. Nếu mặt trời di chuyển con đường bên trong Nam Diêm Phù Đề, tức là di chuyển con đường bên ngoài của Bắc Uất Đan Việt; liền di chuyển con đường ở giữa, tức di chuyển giữa Đông Phát Bà Đề và Tây Cù Già Ni.

Nếu vậy thì ở Diêm Phù Đề ban ngày quá dài đến 18 Mâu Hưu Đa; còn ban đêm 12 Mâu Hưu Đa. Phía Bắc Uất Đan Việt thì ban đêm quá dài 18 Mâu Hưu Đa, còn ban ngày quá ngắn 12 Mâu Hưu Đa. Phía Đông Phát Bà Đề và Tây Cù Già Ni ngày đêm bằng nhau là 15 Mâu Hưu Đa. Mặt trời nếu đi con đường bên ngoài của Nam Diêm Phù Đề, tức di chuyển con đường bên trong của Bắc Uất Đan Việt; tức di chuyển con đường ở giữa của Đông Phát Bà Đề với Tây Cù Già Ni.

Lúc ấy Nam Diêm Phù Đề ban đêm quá dài đến 18 Mâu Hưu Đa và ban ngày quá ngắn chỉ 12 Mâu Hưu Đa. Phía Bắc Uất Đan Việt ban ngày quá dài đến 18 Mâu Hưu Đa và ban đêm quá ngắn chỉ 12 Mâu Hưu Đa. Đông Phát Bà Đề và Tây Cù Già Ni ngày đêm bằng nhau là 15 Mâu Hưu Đa. Tây Cù Già Ni và Bắc Uất Đan Việt được nói như thế.

Nếu thế gian trung bình 30 Mâu Hưu Đa thì quyết định là một ngày một đêm. Cứ mỗi một Mâu Hưu Đa có 30 phần và mỗi phần tên gọi là La Bà. Lúc mặt trời lên thì ban ngày là 1 La Bà. Nếu mặt trời xuống thì cũng lại 1 La Bà, ban đêm cũng giống như vậy. Nếu lúc mặt trời xuống thì ban đêm tăng 1 La Bà. Nếu ban đêm xuống thì mặt trời tăng 1 La Bà. Nếu ban ngày quá dài 18 Mâu Hưu Đa thì lúc ấy ban đêm lại

quá ngắn 12 Mâu Huru Đa. Nếu ban đêm quá dài 18 Mâu Huru Đa thì mặt trời quá ngắn 12 Mâu Huru Đa. Nếu ngày đêm bằng nhau là 15 Mâu Huru Đa. Ban ngày 15 Mâu Huru Đa và ban đêm 15 Mâu Huru Đa.

Nếu đúng 15 tháng 5 nước phía Tây bắt đầu kiết hạ thì đất nhà Hán an cư. Khi mãn một tháng thì ban ngày quá dài là 18 Mâu Huru Đa và ban đêm quá ngắn 12 Mâu Huru Đa.

Từ ngày 16 giảm đi một La Bà. Mặt trăng giảm một Mâu Huru Đa. Tháng thứ 2 lại giảm 1 Mâu Huru Đa và tháng thứ ba lại giảm 1 Mâu Huru Đa cho đến 15 tháng 8 của nước phía Tây tự tứ thì đất Hán thọ y La Bồ Na, lúc ấy ngày đêm bằng nhau, đúng là mỗi bên 15 Mâu Huru Đa.

Lại từ ngày 16 cho đến tháng 1 giảm đi một Mâu Huru Đa; tháng thứ hai giảm một Mâu Huru Đa; tháng thứ ba giảm một Mâu Huru Đa cho đến 15 tháng 11 thì đêm quá dài 18 Mâu Huru Đa và ngày thì quá ngắn 12 Mâu Huru Đa. Ban đêm từ giờ này mặt trời giảm 1 La Bà và tháng 1 mặt trời giảm 1 Mâu Huru Đa; tháng 2 lại giảm 1 Mâu Huru Đa; tháng 3 lại giảm 1 Mâu Huru Đa cho đến 15 tháng 2, ngày đêm bằng nhau là mỗi bên 15 Mâu Huru Đa.

Lại từ ngày 16 đến tháng 1, lại giảm 1 Mâu Huru Đa; tháng 2 giảm 1 Mâu Huru Đa; tháng 3 lại giảm 1 Mâu Huru Đa cho đến 15 tháng 5 thì ban ngày quá dài 18 Mâu Huru Đa còn ban đêm quá ngắn chỉ 12 Mâu Huru Đa; lúc ấy lại có sai biệt thì ở nước phía Tây là mùa hè. Giữa tháng thứ nhất và giữa tháng thứ hai 9 ngày, tức là ngày 9 tháng 6 thì mặt trời quá dài (ban ngày) 18 Mâu Huru Đa và ban đêm quá ngắn 12 Mâu Huru Đa. Đến 9 tháng 9 thì ngày đêm bằng nhau. Mỗi bên là 15 Mâu Huru Đa.

Ngày 9 tháng 11 thì đêm dài đến 18 Mâu Hưu Đa và ban ngày ngắn 12 Mâu Hưu Đa. Ngày 9 tháng 3 ngày đêm bằng nhau. Mỗi bên 15 Mâu Hưu Đa.

Như thế cứ quay qua lại đủ 5 năm lại có thêm một lần, tức là nhuận 2 tháng. Kỳ đầu thì theo mặt trăng và kỳ 2 thì theo mặt trời. Ở giữa 5 năm có ngày 12 và ngày 9 cũng như ngày 6 và ngày 3 hay ngày 15 thì những ngày đêm này có dài ngắn do sự phân biệt của mặt trăng có 3 cách dùng. Một là phân biệt mặt trăng; hai là phân biệt ngày 15; ba là phân biệt sự tròn đầy.

Ngày tức phân biệt với đêm; phân biệt với mùa Hạ, Đông, Thu; phân biệt năm. Đây là 3 cách dùng từ mặt trời mà thành hình. Tháng nhuận có hai. Một là từ mặt trăng và hai là từ mặt trời. Tháng nhuận là do mặt trăng tạo nên; tháng 4 mặt trời chia ra làm 2 tháng nhỏ. Một tháng nhỏ tức là ba rưỡi; tháng nhỏ thứ 2 tức là bảy rưỡi trong một năm. Có 6 lần tháng nhỏ và cứ 5 năm lại đủ 30 ngày. 30 ngày này thêm trong 5 năm; nếu chẳng thêm một tháng nhỏ nữa tức mặt trăng tròn không bình thường.

Tháng nhỏ (thừa) là từ mặt trời tạo ra; y theo truyền thuyết của thế gian thì cứ 30 Mâu Ni Đa thì quyết định là một ngày một đêm, chia ra 30 Mâu Ni Đa làm 60 phần thì mặt trời di chuyển bị chướng ngại; nên liền chia ra 59 phần; tức ít hơn một phần. Nhân sự việc này mà cứ 2 tháng lại dư 1 ngày. Cứ 2 tháng lại dư một ngày nữa cho đến trọn năm, tức đủ 6 ngày. Như thế 5 năm, tức dài hơn 1 tháng. Dùng tháng ấy để phụ vào 5 năm tức là có tháng nhuận. Nếu chẳng cho nhuận thì thời tiết và năm tháng sai hoai chẳng đúng. Lại nữa 5 năm có 2 tháng nhuận. Lần thứ nhất tại năm thứ ba và lần thứ hai tại năm thứ 5.

Nếu mặt trăng ở tại Diêm Phù Đề ở giữa vào tháng 3 thì mặt trời đến Cù Già Ni và Bắc Uất Đan Việt nhằm vào ban ngày của tháng 6. Đông Phát Bà Đề nhằm ban ngày của tháng 9. Qua một năm thì trở lại Diêm Phù Đề. Ở dưới trần mỗi năm có 3 mùa là Hạ, Đông, Xuân. Hạ là theo sau Xuân. Đông là theo sau Hạ. Xuân là theo sau Đông.

Lúc 15 tháng 8 ở Đông Phát Bà Đề tự tứ thì ở Diêm Phù Đề nhằm ngày 15 tháng 5 là lúc kiết hạ an cư. Tây Cù Già Ni là 15 tháng 2 và Bắc Uất Đan Việt là 15 tháng 11. Mùa Hạ của Đông Phát Bà Đề bắt đầu từ tháng 3. Tại Đông Phát Bà Đề và Nam Diêm Phù Đề nằm giữa 2 châu. Tây Cù Già Ni tháng 3 xuân phân chưa đến. Tại Diêm Phù Đề và Cù Già Ni ở giữa 2 châu thì Cù Già Ni mùa Xuân tháng 1 đã bắt đầu; trong khi đó Uất Đan Việt thì mùa Đông tháng 2 chưa bắt đầu. Đây là 3 tháng tại Cù Già Ni và Uất Đan Việt giữa 2 châu. Uất Đan Việt mùa Đông tháng 2 đã đến thì Phát Bà Đề mùa Hạ tháng 1 chưa vào. Đây là 3 tháng tại Uất Đan Việt và Phát Bà Đề giữa 2 châu có Tu Di Sơn Vương, nằm giữa tứ thiên hạ.

Vì sao mà Tu Di Sơn Vương nằm phía Bắc trong trời đất ?

Sở dĩ vậy là tùy theo ngày vận hành và phân chia ra. Đông Phát Bà Đề ở phía Đông, thì Diêm Phù Đề ở phía Bắc. Đông Phát Bà Đề ở phía Tây thì Diêm Phù Đề ở phía Nam. Đông Phát Bà Đề ở phía Bắc thì Diêm Phù Đề ở phía Tây. Đông Phát Bà Đề ở phía Nam thì Diêm Phù Đề ở phía Đông. Bắc Uất Đan Việt và Tây Cù Già Ni lại cũng như thế. Nam Diêm Phù Đề và Bắc Uất Đan Việt nằm đối nhau. Đông Phát Bà Đề và Tây Cù Già Ni đối nhau.

Lúc ấy đầu tiên nhật nguyệt sanh ra thế gian, rồi từ lâu xa mặt trời hạ xuống nằm ở giữa Đông Phát Bà Đề; mặt

trăng thì hạ xuống nằm ở giữa Tây Cù Già Ni thì lúc ấy ánh sáng chiếu khắp, đầy cả tứ thiên hạ. Mặt trời chiếu một nửa, mặt trăng chiếu một nửa. Nếu mặt trời qua khỏi giữa trưa ở Đông Phát Bà Đề thì ở Bắc Uất Đan Việt mặt trời đã lặn rồi. Nam Diêm Phù Đề mặt trời lại mọc lên và mặt trăng thì qua ở giữa xứ Tây Cù Già Ni còn Diêm Phù Đề thì đã chìm xuống. Uất Đan Việt lại nổi lên.

Đêm trăng tròn đã đến thì Uất Đan Việt là giữa tháng giêng. Nam Diêm Phù Đề mặt trời nằm ngay giữa. Khi mặt trời qua giữa Diêm Phù Đề thì Đông Phát Bà Đề đã chìm xuống. Tây Cù Già Ni lại mọc lên. Nếu mặt trăng qua giữa Uất Đan Việt thì lại xuất hiện ở Đông Phát Bà Đề và Tây Cù Già Ni lại lặn xuống. Mặt trăng tròn ở Đông Phát Bà Đề, lúc ngay chính giữa thì Tây Cù Già Ni mặt trời lại ngay chính giữa. Khi mặt trời qua giữa Tây Cù Già Ni thì Diêm Phù Đề đã lặn rồi. Uất Đan Việt lại mọc lên.

Nếu mặt trăng qua giữa Đông Phát Bà Đề thì Uất Đan Việt đã chìm; Diêm Phù Đề lại xuất hiện. Diêm Phù Đề đêm trăng tròn mặt trăng ở giữa thì Bắc Uất Đan Việt mặt trời ở giữa.

Vì sao mà mặt trăng, mặt trời ở tại một nơi?

Nghĩa là mặt trời thường tùy theo mặt trăng mà di chuyển. Mỗi một ngày lại gần. Cứ 4 vạn 8 ngàn 80 do tuần thì mặt trời lại cách xa, lại cũng như thế. Nếu càng gần thì mặt trời bị mặt trăng che đi 3 do tuần, lại 1 phần 3 do tuần và việc này ngày 15 thì mặt trăng che lấp hết nên gọi là đầy nửa đen. Mặt trời lia mặt trăng lại 4 vạn 8 ngàn 80 do tuần, mặt trăng lại bị mặt trời che khuất 3 do tuần, lại 1 phần 3 do tuần.

Vì sự việc này nên ngày 15, trăng hoàn toàn trong sáng. Thế gian có tên là đầy nửa trắng. Nếu mặt trời và mặt

trắng lia nhau thì mặt trăng tròn. Thế gian gọi đây là nửa tháng trắng. Nếu mặt trời và mặt trăng cùng gặp nhau một nơi thì thế gian gọi là nửa tháng đen.

Ánh sáng của mặt trời trải dài qua 7 ức 2 vạn 1200 do tuần và chu vi trải dài 21 ức 6 vạn 3600 do tuần. Diêm Phù Đề khi mặt trời lên, thì Uất Đan Việt mặt trời lặn. Đông Phát Bà Đề ở chính giữa và Tây Cù Già Ni là ban đêm. Đây là 4 thời trong thiên hạ, do mặt trời đã thành.

Ý nghĩa như thế Đức Phật Thế Tôn đã nói, như vậy tôi (A Nan) đã nghe.

Luận A Tỳ Đàm Về Việc Thành Lập Thế Giới Hết quyển 5

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ
VIỆC THÀNH LẬP THỂ
GIỚI



Quyển thứ 6

Trần, Tây Ấn Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch



Phẩm VÌ SAO

Thứ hai mươi

Vì sao có đêm ? Vì sao có ngày ? Bởi vì có ngày cho nên mới có đêm và bởi vì có đêm nên mới có ngày. Tự tánh của dục giới là Hắc Ám. Bởi vì ánh sáng mặt trời bị che khuất cho nên trở thành đêm tối. Khi ánh sáng mặt trời chiếu rọi, tức là ban ngày.

Vì sao có nửa đen? Và vì sao có nửa trắng? Do mặt trời bị nửa đen, do mặt trời nửa trắng. Mặt trời thường thuận theo mặt trăng vận hành và mỗi ngày mỗi gần nhau. Cứ 4 vạn 8 ngàn 80 do tuần là mặt trời sẽ xa ra cũng lại như thế. Nếu khi gần nhau thì mặt trời bị mặt trăng che khuất 3 do tuần. Lại mỗi do tuần chia ra làm một phần ba. Do sự việc này nên 15 ngày mặt trăng bị che, ban ngày mặt trời có một nửa tối. Khi mặt trời xa mặt trăng lại cũng 4 vạn 8 ngàn 80 do tuần thì mặt trăng rời khỏi mặt trời 3 do tuần. Lại một do tuần chia ra một phần ba. Do sự việc này mà 15 ngày trăng hoàn toàn sáng. Thế gian gọi là nửa tháng có trăng. Nếu hoàn toàn cách ly thì mặt trăng tròn đầy. Thế gian gọi đây là nửa tháng có trăng tròn đủ. Nếu hợp cùng với chung một nơi thì thế gian gọi đây là mặt trời đầy nửa đen. Mặt trời tùy theo sau mặt trăng vận hành và mặt trời chiếu ánh sáng lên ánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trăng rõ. Cho nên sự chiếu kia sinh ra ảnh và ảnh của mặt trăng này dội trở lại mặt trăng. Cho nên thấy mặt trăng nửa sau không tròn. Do sự

việc này rồi lần lần che khuất. Cứ 15 ngày thì mặt trời che mặt trăng hoàn toàn và tùy theo sau vận hành; nên có tên là nửa tháng tối. Nếu mặt trời vận hành trước mặt trăng thì mặt trời sáng rõ cũng lại như vậy. Cho đến 15 ngày hoàn toàn viên mãn. Khi đi trước thì gọi tên là nửa tháng trắng (có trăng).

Tại sao mùa Đông thì gọi là Ê Mạn Đa? Vì tuyết rơi nên gọi là mùa đông vậy. Do đó mà mùa Đông gọi là Ê Mạn Đa và thế gian lập theo tự tánh của Ê Mạn Đa này nên gọi thế.

Vì sao mùa Xuân gọi là Cầm Hà ? Mặt trời bắt đầu chiếu lên nóng; đúng lúc đó thì ấm. Cho nên mùa Xuân gọi là Cầm Hà. Thế gian lấy tự tánh của nó, nên đặt tên là Cầm Hà.

Vì sao mùa Hạ có tên là Bạt Bà ? Khi trời mưa và lúc ghi có mưa bắt đầu trong năm, cho nên gọi mùa hạ là Bạt Bà. Thế gian do tự tánh này mà đặt tên gọi là Bạt Bà.

Vì sao có mùa đông ? Vì sao có mùa xuân ấm áp ? Vì sao có mùa hạ nóng nực ?

Mùa đông thì nước ngấm lâu ngày nên cỏ cây do ẩm thấp, chưa khô và đất còn ướt, chất nóng còn thấp và chất lạnh nhiều. Do đó mà biết dưới nước có chất ấm; ít nước tức lạnh. Tiết đông qua rồi mặt trời chiếu qua bên ngoài đường chẳng lâu thì khí dương bên trong ăn uống tiêu hóa mau. Do sự việc này nên gọi là đông.

Vì sao có sự ấm áp của mùa xuân ?

Cầm Hà là lúc mà nước chảy lâu rồi giảm dần, cây khô trên đất ẩm; hơi nước giảm xuống; hơi ẩm tăng lên. Cho nên tự biết dưới nước sâu bị đóng băng; ít nước liền ẩm. Khi mùa đông qua rồi, mặt trời chiếu vào đường bên trong lâu dài hơn và trong thân hơi ẩm, nên gọi là xuân.

Vì sao mùa hạ lại lạnh, nóng ?

Vì đại địa đang vào tháng 8 và mặt trời thường chiếu sáng, hay tạo mưa và rơi rải khắp đất; nên khí dồn lại. Khi gió thổi thì khí ấy tiêu ra và trở thành mùa đông. Gió nếu chẳng động thì bị nhiệt. Cho nên Bạt Bà có lúc lạnh, nóng.

Vì sao địa ngục tên là Nê Lê Gia ?

Vì chẳng có niềm vui vậy. Chẳng có sự thích thú, chẳng có ra khỏi; chẳng có phước đức. Nguyên nhân chẳng trừ được nghiệp nên sanh vào trong này. Lại còn nói rằng con đường ấy đối với đục giới là tối ưu thấp hèn. Cũng còn gọi là phi đạo. Do việc này mà gọi là địa ngục Nê Lê Gia.

Vì sao cầm thú tên là Đệ Đô Phúc Phán Lật Xa ?

Nguyên do là siểm khúc nghiệp (nghiệp nịnh hót) nên thọ sanh nơi này. Lại nói rằng con đường này chúng ta đã phần che lấp việc làm của thân nên nói là Đệ Lật Xa.

Vì sao có đường nga quý tên là Thiểm Đa Diêm Ma La?

Vì vua tên là Thiểm Đa cho nên khi sanh thì tên của vua đồng với loại này gọi là Thiểm La. Lại nói con đường này cùng với con đường khác qua lại thiện ác thông nhau; nên gọi là Thiểm Đa.

Vì sao nói con đường A Tu La gọi là A Tu La ?

Vì chẳng hay nhẫn được việc lành và chẳng thể một lòng, nghe theo ý thấp, lời nói lành. Nhiều sự giáo hóa nhưng tâm ấy chẳng thay đổi. Do kiêu mạn cho nên chẳng tạo nên việc lành và lại chẳng phải trời; nên gọi tên là A Tu La.

Vì sao Thiên Đạo gọi là Đê Bà ?

Nói là Đề Bà vì làm những việc lành. Do làm việc lành nên sanh vào đường này. Lại cũng nói Đề Bà có nghĩa là sáng suốt, thường có ánh sáng. Cho nên Đề Bà được gọi là con đường Thánh. Lại nữa Đề Bà cũng còn gọi là ý vui. Lại cũng có tên là Thượng Đạo. Đề Bà cũng có tên là hay tu, hay tạo tất cả những nghiệp lành. Do ý nghĩa này nên gọi tên là Đề Bà. (Deva = chư Thiên).

Vì sao nhơn đạo gọi là Ma Nô Sa (Manusa) ?

Vì thông minh vậy; hai là ưu thắng; ba có nghĩa là tinh tế; bốn có nghĩa là chánh giác; năm có nghĩa là trí huệ tăng trưởng; sáu là hay phân biệt hư, thật; bảy là căn bản con đường Thánh Đạo; tám là thông huệ nghiệp nên mới được sanh vào đây. Cho nên nói nhơn đạo là Ma Nô Sa.

Vì sao đất này tên là Diêm Phù Đề ?

Nguyên do là có cây Diêm Phù Đề nên gọi tên.

Vì sao gọi tên là Tây Cù Già ?

Đất này nằm phía Tây Diêm Phù và do sự buôn bán tất cả trao đổi bằng bò và bò ấy tên là Cù Già Ni. Cho nên tên đất ấy gọi là Tây Cù Già Ni.

Vì sao gọi tên là Đông Tỳ Đề Ha ?

Đất này nằm phía Đông Diêm Phù, hình tướng khả ái, nhiều lợi dưỡng cho nên gọi là Đông Tỳ Đề Ha.

Vì sao gọi là Bắc Uất Đan Việt ?

Đất này nằm phía Bắc Diêm Phù Đề, tên toàn thiện và thuần nhất; tất cả đều hơn các nơi kia. Cho nên nói là Bắc Uất Đan Việt.

Vì sao Đệ Nhất thiên gọi là Đại Vương Thiên Đề Đầu Đỏa ?

Vì Tứ Thiên Vương ở trong ấy làm tăng thượng, làm thượng thủ.

Vì sao Đệ Nhị thiên gọi là Đạo Lợi ? Vua tam thập tam ở giữa gọi là Đế Thích ?

Vương vị tự tại cho nên gọi là Đạo Lợi Thiên.

Vì sao Đệ Tam thiên tên là Dạ Ma ?

Vì ngày đêm bất cứ lúc nào khi nói cũng đều thốt lên những lời bất khả tư nghì hoan lạc; cho nên gọi tên là Dạ Ma.

Vì sao Đệ Tứ thiên gọi là Đầu Suất Đà ?

Vì toàn là niềm vui đầy dẫy và đối với sự đầy đủ ấy tự mình biết đủ. Đối với 8 con đường Thánh chẳng sanh tri túc; cho nên gọi là Đầu Suất Đà Thiên.

Vì sao Đệ Ngũ thiên gọi là Duy Ma La Ni ?

Vì ở đây chư thiên như ý tạo tác cung điện, vườn, rừng, tất cả đều vui. Ở trong ấy thọ lạc; cho nên tên là Duy Ma La Ni.

Vì sao Đệ Lục thiên gọi tên là Ba La Duy Ma Bà Xà ?

Bởi vì làm cho kia những cung điện, vườn, rừng, tất cả niềm vui. Đối với trong ấy luôn luôn tự tại. Nơi đây ngã sở luôn luôn thọ lạc. Cho nên tên là Ba La Duy Ma Bà Xà.

Vì sao đệ nhất Phạm gọi là Phạm Tiên Hạnh ?

Nếu người từ dục giới trước khi nhập vào Sắc Giới phải đến nơi này; nên gọi là Phạm Tiên Hạnh.

Vì sao đệ nhị gọi là Phạm Chúng ?

Vì Đại Phạm Vương có nhiều quyền thuộc; cho nên gọi tên là Phạm Chúng.

Vì sao đệ tam tên gọi là Đại Phạm ?

Là trung gian giữa Tối Thắng sơ thiên do chỗ tạo nghiệp mà sanh; tự tại chẳng liên hệ với kia và có thể xem phân biệt với việc kia. Vì đã sanh, có thể sanh và tạo ra việc sanh. Cho nên có tên là Đại Phạm.

Vì sao đệ nhị sơ thiên thiên gọi là Thiểu Quang ?

Là vì khi nói ra lời nói thì trong miệng xuất ra ánh sáng nhỏ. Cho nên gọi là Thiểu Quang.

Vì sao đệ nhị tên là Vô Lượng Quang ?

Khi chư Thiên nói nơi miệng phóng ra rất nhiều ánh sáng chiếu rọi, cho nên có tên là Vô Lượng Quang.

Vì sao đệ tam Phạm gọi là Biến Thắng Quang ?

Khi chư Thiên nói thì miệng phát ra ánh sáng biến khắp tất cả nơi, đầy đủ chẳng dư; cho nên có tên là Biến Thắng Quang.

Vì sao đệ tam thiên cõi trời đầu tiên gọi là Thiểu Tịnh?

Trong khi chư Thiên thọ lạc ít, tương ưng với tịch tĩnh, ái lạc với tam thiên. Vì sự thọ lạc này ít; cho nên gọi là Thiểu Tịnh.

Vì sao gọi trời thứ 2 là Vô Lượng Tịnh ?

Khi chư Thiên vui hơn cái vui tịch tịnh phía trước và tương ưng với ái lạc của tam thiên; cho nên gọi là Vô Lượng Tịnh.

Vì sao trời thứ 3 gọi tên là Biến Tịnh ?

Khi thọ lạc đầy đủ; thân tâm cứu cánh chẳng thiếu và tương ưng tịch tịnh ái lạc với tam thiên. Khi trời thọ điều này gọi là Biến Tịnh.

Vì sao cõi Tứ Thiên vị trời đầu tiên gọi là Vô Vân ?

Khổ lạc ở trước đã hết rồi và đối với phương tiện phía trước như ưu, hỷ đã hết và ở đây thì xả, thọ, trí, niệm đều thanh tịnh. Khi chư thiên thọ nhận xả, thọ này; cho nên gọi là Vô Vân.

Vì sao vị trời thứ 2 gọi là Sanh Phước ?

Phước nghĩa là trí, niệm, xả tương ưng với thiên mà sanh; sanh rồi thọ dụng như 3 cảnh này cho nên gọi là Sanh Phước.

Vì sao vị thứ 3 gọi là Quảng Quả ?

Quảng có nghĩa là dung chứa lớn quả công lực và báo sở sanh. Hai việc này có thể nhiếp định tuệ và ly dục, nương vào chỉ. Cho nên có tên là Quảng Quả.

Vì sao vị thứ 4 tên là Vô Tướng Thiên ?

Khi chư thiên không có tướng thì lấy gì để tưởng; thông biệt 2 tướng; mỗi thứ đều có quả báo sanh khác nhau, mà trong đây không có. Tuy chỉ có sắc ấm và tương ưng với hành ấm; cho nên gọi là Vô Tướng Thiên.

Vì sao gọi là Na Hàm Thiên ?

Một gọi là Thiện Hiện. Xưa ở nhơn địa, có thể làm cho thấy thực hư nhiều nghĩa, có thể làm cho thọ, có thể làm cho giải trừ; cho nên có tên là Thiện Hiện.

Vì sao vị thứ hai gọi là Thiện Kiến ?

Ngày xưa ở nhơn địa tặng thọ mạng, tứ chi, tiền bạc và tài sản của kẻ khác, lại hay làm lợi ích lành, chánh đáng giữ gìn. Đối với trong đó sanh chánh kiến, chẳng trừ, chẳng lấy. Nhơn phía trước là Thiện Hiện và như nhơn này nên tên gọi là Thiện Kiến.

Vì sao vị thứ ba gọi là Bất Phiền ?

Ngày xưa tại nhơn địa chẳng làm tổn não kẻ khác, chẳng có ý phương hại; không có ý bức bách. Nhơn trước là Thiện Hiện cùng với nghiệp này cho nên gọi là Bất Phiền.

Vì sao vị đệ tứ tên là Bất Thiêu ?

Trong chư thiên ngày xưa tại nhơn địa chẳng thiêu thân mình; chẳng làm khốn khổ thân và chẳng thiêu người khác; chẳng làm khốn khổ người khác. Tự mình và kẻ khác đều làm cho vui, xa lìa tật đố, hiểu biết. Nhơn trước là Thiện Hiện và với nghiệp này, nên gọi tên là Vô Thiêu.

Vì sao vị thứ năm gọi là A Ca Ni Tra ?

Ca Ni Tra gọi là Hạ Phẩm; 17 địa trước đã qua rồi, lại từ trời hạ phẩm đến trời cứu cánh và đối với Bát Niết Bàn. Lại có chư Thiên tên là A Ca Ni Tra đến được Bát Niết Bàn cho nên có tên là A Ca Ni Tra.

Vì sao ở Vô Sắc giới trời thứ nhất gọi là Không Vô Biên Nhập ?

Không ở đây là chẳng phải làm, chẳng hữu vi, chẳng thể trở ngại. Qua khỏi tướng ngại có nhiều tướng và một là Tướng tâm sở duyên; và chẳng hai chẳng khác. Nhơn đây là không mà nghiệp sở sanh. Cho nên nói là Không Vô Biên Nhập.

Vì sao thứ hai gọi là Thức Vô Biên Nhập Thiên ?

Thức đây là đệ lục ý thức. Thức này bên trong và vi tế đối với bên ngoài không; qua được tướng ngại và qua được tướng bên ngoài và một lòng tướng tâm sở duyên, chẳng có 2 sự khác nhau. Nhơn thức này là do nghiệp sanh cho nên gọi là Thức Vô Biên Nhập.

Vì sao vị thứ ba tên là Vô Sở Hữu Nhập Thiên ?

Vô Sở Hữu nghĩa là trừ ra 2 tướng thô phía trước, lia điều này ngoài 2 chẳng biệt cảnh giới; qua khỏi tướng trong ngoài; một lòng tâm tướng sở duyên; chẳng hai chẳng khác. Nhon việc này mà tâm nghiệp liền sanh. Cho nên nói là Vô Sở Hữu Nhập.

Vì sao vị thứ tư tên là Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập Thiên ?

Phi Tướng có nghĩa là vi tế; chẳng phải 7 định trước; nên nói là Phi Tướng. Phi Phi Tướng là chẳng tướng định và chẳng tâm định. Như thế 2 định này gọi là Vô Tướng Định. Cùng với vô tâm và làm cho có tâm; nên gọi là Phi Phi Tướng Định. Nhon đối với việc định này mà nghiệp theo đó sanh. Cho nên nói là Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập.

Từ Diêm Phù Đề trở xuống 2 vạn do tuần; đó là nơi Vô gián địa ngục.

Từ Diêm Phù Đề trở xuống một vạn do tuần là Da Ma Thế Gian địa ngục. Ở giữa 2 cái này còn nhiều địa ngục khác.

Từ Diêm Phù Đề trở lên 4 vạn do tuần là Tứ Đại Thiên Vương Thiên.

Từ Diêm Phù Đề hướng lên 8 vạn do tuần là trụ xứ của trời thứ 33.

Từ Diêm Phù Đề trở lên 16 vạn do tuần là trụ xứ của Dạ Ma Thiên.

Từ Diêm Phù Đề trở lên 3 ức 2 vạn do tuần là trụ xứ của Đâu Suất Đà Thiên.

Từ Diêm Phù Đề trở lên 6 ức 4 vạn do tuần là trụ xứ của Hóa Lạc Thiên.

Từ Diêm Phù Đề trở lên 13 ức 8 vạn do tuần là trụ xứ của Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Có vị Tỳ Kheo hỏi Đức Phật Thế Tôn rằng:

Từ Diêm Phù Đề đến xứ Phạm Thiên gần xa ?
 Phật bảo Tỳ Kheo rằng:
 Từ Diêm Phù Đề đến cõi Phạm Thiên thật xa, thật cao,
 thật khác, thật lìa.

Này Tỳ Kheo! Giống như tháng 8 ngày 15 lúc mặt trăng tròn có một người ở tại xứ Phạm kia phóng viên gạch 100 trượng xuống hạ giới chẳng có gì ngăn cách, đến tháng 9 năm sau trăng tròn thì đến Diêm Phù Đề. Phạm xứ và Diêm Phù Đề xa như thế. Từ Phạm Thiên đến Thiểu Quang Thiên lại gấp bội như trước. Từ Thiểu Quang Thiên đến Vô Lượng Quang Thiên lại xa gấp bội. Từ Vô Lượng Quang Thiên đến Biến Thắng Quang Thiên lại xa gấp bội. Từ Biến Thắng Quang Thiên đến Thiểu Tịnh Thiên lại cũng xa gấp bội. Từ Thiểu Tịnh Quang Thiên đến Vô Lượng Tịnh Thiên lại gấp bội như thế. Từ Vô Lượng Tịnh Thiên đến Biến Tịnh Thiên lại xa gấp bội. Từ Biến Tịnh Thiên đến Vô Vân Thiên lại xa gấp bội. Từ Vô Vân Thiên đến Sanh Phước Thiên lại xa gấp bội. Từ Sanh Phước Thiên đến Quảng Quả Thiên lại xa gấp bội. Từ Quảng Quả Thiên đến Vô Tướng Thiên lại xa gấp bội. Từ Vô Tướng Thiên đến Thiện Hiện Thiên lại xa gấp bội. Từ Thiện Hiện Thiên đến Thiện Kiến Thiên lại xa gấp bội. Từ Thiện Kiến Thiên đến Bất Phiền Thiên lại xa gấp bội. Từ Bất Phiền Thiên đến Bất Nhiệt Thiên lại xa gấp bội. Từ Bất Nhiệt Thiên đến A Xa Ni Tra Thiên lại xa gấp bội nữa.

Sau đó nói kệ rằng:

Từ A Ca Ni Tra
 Đến đất Diêm Phù Đề
 Phóng một hòn đá lớn
 Sáu vạn năm ngàn năm
 Năm trăm ba mươi lăm
 Giữa đó chẳng trở ngăn

Mới đến được đất Diêm Phù.

Người cõi Diêm Phù nếu lìa thần thông và tha công lực thì không thể đến nơi bờ núi để ra vào không ngại. Người cõi Diêm Phù Đề nếu du hành, tuy có thể đến Đại Tiểu Hắc Sơn.

Nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể qua Tây Cù Già Ni này. Con người nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể đến bờ núi không ngại được. Nếu du hành thì có thể đến bên cạnh biển.

Nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể qua Đông Phát Bà Đề. Con người nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể đến nơi chân núi vào ra tự tại được. Nếu kẻ du hành thì chỉ có thể đến cạnh biển.

Nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể qua Bắc Uất Đan Việt được. Con người nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể đến chân núi vào ra tự tại được. Nếu du hành, tuy có thể đến cạnh bên chân núi.

Nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể qua Tứ Thiên Vương Thiên, nơi cung điện Tự Tại.

Nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể đến nơi chân núi vào ra tự tại được. Nếu du hành thì có thể đến bên trong núi Thiết Vi.

Nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể qua khỏi Đạo Lợi và cung điện của chư thiên.

Nếu lìa thần thông và tha công lực thì chẳng thể đến chân núi, vào ra không chướng ngại. Nếu có du hành thì chỉ đến bên ngoài núi Thiết Vi.

Nếu lìa thân thông và tha công lực thì chẳng thể qua khỏi Dạ Ma Đầu Suất Đà Thiên, Hóa Lục, Tha Hóa Tự Tại và Phạm Tiên hạnh, Phạm chúng và cung điện của chư thiên.

Nếu lìa thân thông và tha công lực thì chẳng thể đến bức tường núi và vào ra không dễ. Nếu du hành thì chỉ được trong 1 thế giới.

Nếu lìa thân thông và tha công lực thì chẳng thể qua khỏi Đại Phạm Vương Thiên và các cung điện Tự Tại.

Nếu lìa thân thông và tha công lực thì chẳng thể đến chân núi, vào ra không trở ngại. Nếu du hành, tuy có thể trong 1000 thế giới.

Nếu lìa thân thông và tha công lực thì chẳng thể qua từ nhị thiên đến A Ca Ni Tra Thiên và Tự Tại cung điện. Lại như trước nói. Nếu du hành, tuy có thể ở trong 1000 thế giới.

Nếu lìa thân thông và tha công lực chẳng thể qua khỏi đại địa ngục, mà đại ngục tốt làm vua giàu tự tại.

Diêm La xứ địa ngục thì có Diêm La Vương làm vua giàu có tự tại. Tất cả cầm thú và thủy la sát mà Bà Lô Na Vương làm vua giàu có tự tại. Những rắn, rồng và Bà Tu Kiết Long Vương làm vua giàu có tự tại. Các rồng lớn như Ma Na Tư Long Vương làm vua giàu có tự tại. Các voi rồng như Lô Xà Kỳ Lợi Long Vương làm vua giàu có tự tại. Các chim bay như Ca Lâu La Vương làm vua giàu có tự tại.

Những chúng sanh 4 chân lợi bộ như Sư Tử Vương làm vua giàu có tự tại. Tất cả đường quý, Quý Tôn Vương làm vua giàu có tự tại. Tất cả hàng A Tu La, có 4 Tu La Vương làm vua giàu có tự tại. Một là La Hầu; hai Ba La Đà;

ba là Tỳ Ma Chát Đa; bốn là Bà Lợi Tỳ Lô Giá; nơi Diêm Phù Đề làm chuyển luân vương, làm vua giàu có tự tại. Mỗi nơi vua làm vua giàu có tự tại. Chúng dân trong nước đó tôn sùng lên làm vua giàu có tự tại. Cũng có lúc không có vua như kiếp sơ mới thành lập.

Tây Cù Già Ni chuyển luân vương làm vua giàu có tự tại. Chúng dân trong nước đó tôn sùng lên làm vua giàu có tự tại. Có lúc không có vua như ở kiếp sơ mới thành lập.

Đông Phát Phù Đề làm chuyển luân vương, làm vua giàu có tự tại. Dân chúng tôn lên làm vua, giàu có tự tại. Có lúc chẳng có vua như kiếp sơ mới lập Bắc Uất Đan Việt làm chuyển luân vương, làm vua giàu có tự tại. Có lúc không vua. Nơi Tứ Thiên Vương thì 4 đại thiên vương làm vua giàu có tự tại. Đạo Lợi Thiên mà tam thập tam thiên làm vua giàu có tự tại. Dạ Ma Thiên, mà Tu Dạ Ma Thiên Vương làm vua giàu có tự tại. Đầu Suất Đà Thiên mà Thiện Túc Ý Vương làm vua giàu có tự tại. Hóa Lạc Thiên mà Thiện Hóa Vương làm vua giàu có tự tại. Tha Hóa Tự Tại Thiên mà làm Tự Tại Vương làm vua giàu có tự tại.

Tất cả ở trong cõi dục giới mà có Ác Ma Vương làm vua giàu có tự tại. Trong 1000 thế giới có Đại Phạm Thiên Vương làm vua giàu có tự tại. Nơi thế gian và Thiên Ma Vương; nơi chỗ Đại Phạm. Sa Môn, Bà La Môn và nơi người trời làm Như Lai A La Hán, Tam Miệu Tam Phật Đà Pháp, rồi làm vua giàu có tự tại.

Nếu tại Diêm Phù Đề con trẻ mới sinh đầy 4 tháng tuổi, giống như ở Tây Cù Già Ni bé mới sanh. Ở Đông Phát Bà Đề bé mới sanh giống như Diêm Phù Đề bé được 5 tháng tuổi.

Nếu Diêm Phù Đề bé sanh đủ 6 tháng như Bắc Uất Đan Việt bé mới sanh ra.

Như Diêm Phù Đề bé được 6 tuổi, thì nơi Tứ Thiên Vương trẻ mới sanh cũng lại như thế. Sanh mới 7 ngày lớn như cha mẹ.

Như Diêm Phù Đề trẻ sanh ra được 7 tuổi thì nơi xứ Dao Lợi Thiên là trẻ sơ sanh cũng như thế, sanh ra 7 ngày là thành người lớn.

Như trẻ em sinh ở Diêm Phù Đề được 8 tuổi thì ở cõi Dạ Ma Thiên là đứa trẻ mới sanh cũng như thế. Sanh ra 7 ngày thì thành người lớn.

Như ở Diêm Phù Đề đứa trẻ sanh ra được 9 tuổi, thì ở Đẩu Suất Đà Thiên là bé sơ sanh cũng như vậy, sanh ra được 7 ngày thì thành người lớn.

Từ Hóa Lạc Thiên cho đến A Ca Ni Tra Thiên gọi hình tướng sanh trưởng này cũng đầy đủ như thế. Ở Diêm Phù Đề một tầm rươi thì ở Tây Cù Già Ni một tầm. Ở Tây Cù Già Ni một tầm rươi thì ở Đông Phát Bà Đề 1 tầm. Ở Đông Phát Bà Đề 1 tầm rươi thì ở Bắc Uất Đan Việt 1 tầm.

Tứ Thiên Vương Thiên một Già Phù Địa, tức một phần tư do tuần. Thân của Tứ Thiên Vương dài 2 Già Phù Địa thì thân ở Đẩu Suất Thiên dài nửa do tuần. Thân của Đế Thích dài 3 Già Phù Địa thì thân của Dạ Ma Thiên dài 1 do tuần. Thân ở Đẩu Suất Thiên dài 2 do tuần thì thân ở Hóa Lạc Thiên dài 4 do tuần. Thân của Tha Hóa Tự Tại Thiên dài 8 do tuần. Tất cả Sắc Giới cho đến A Ca Ni Tra (Akansttha = tên cõi trời cao nhất trong cõi Sắc giới) đều có chiều dài 12

do tuần. Từ Diêm Phù Đề đến A Ca Ni Tra Thiên, chiều dài của tự thân là khác nhau 4 khuỷ tay.

Sắc thân của chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề nhiều loại không giống nhau; có sắc trắng như những người ở Dạ Bà Na Bà Lợi Kha Chỉ Na. Lại có sắc đen như ở nước Bạt Bà La Kiếm Bồ Xà. Có sắc xanh như nước Đà Ni La Hạnh Ha La. Có sắc đỏ trắng như ở nước Thủ Đà Kha, nước Tỳ La v.v...

Ở Đông Phát Bà Đề, Tây Cù Già Ni chỉ trừ sắc đen, ngoài ra đều giống như Diêm Phù. Bắc Uất Đan Việt tất cả nhân dân đều toàn màu trắng. Còn Tứ Thiên Vương Thiên thì lại có 4 màu sắc. Có loại màu xanh, màu đỏ, màu vàng và màu trắng. Tất cả màu sắc của chư Thiên ở cõi dục đều như thế.

Vì sao chư Thiên ở cõi sắc lại có 4 loại ?

Mới thọ sanh khi thấy hoa xanh biếc là thân liền trở thành xanh. Các màu khác lại cũng như vậy.

Áo quần của cõi người Diêm Phù Đề có Ca Ba Bà Bí Ma, áo Kiều Đỗ Gia; áo bằng lông, áo bằng gai, áo bằng bông, áo bằng cỏ, áo bằng vỏ cây, áo bằng da thú; áo bằng lớp ván, áo bằng cây Kiếp Ba.

Ở Tây Cù Già Ni người ta mặc áo Ca Ba Bà, áo Bí Ma; áo Kiều Đỗ Gia; áo lông, áo bằng gai, áo bằng cỏ; áo bằng vỏ cây, áo bằng da thú, áo bằng ván và áo bằng vỏ cây Kiếp Ba.

Người ở Đông Phát Bà Đề thì mặc áo Ca Ba Bà; áo Bí Ma; áo Kiều Đỗ Gia; áo lông, áo gai, áo bông.

Người ở xứ Uất Đan Việt thì mặc áo vỏ cây Kiếp Ba. Chiều dài 20 khuỷ tay và rộng 10 khuỷ tay. Nặng 1 Ba La.

Trời Tứ Thiên Vương cũng mặc y Kiếp Ba như thế, dài 40 khuỷ tay, rộng 20 khuỷ tay. Nặng nửa Ba La.

Đao Lợi Thiên lại cũng mặc Kiếp Ba, dài 80 khuỷ tay; rộng 40 khuỷ tay; nặng 1 Ba La một phần tư.

Dạ Ma Thiên cũng mặc áo Kiếp Ba, dài 160 khuỷ tay; rộng 80 khuỷ tay; nặng 1 Ba La một phần tám.

Đầu Suất Đà Thiên mặc áo Kiếp Ba, dài 320 khuỷ tay; rộng 160 khuỷ tay; nặng 1 Ba La 1 phần 16.

Hóa Lạc Thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên đều mặc y phục, tùy tâm mà lớn nhỏ và nặng nhẹ cũng như thế.

Y phục của cõi người Diêm Phù Đề thì ăn mặc nhiều loại chẳng giống nhau; hoặc có tóc dài, chải rẽ hai bên; hoặc có tóc ngắn, tóc búi; hoặc có một cục trên đầu. Tên gọi là búi tóc Chu La. Hoặc cạo tóc; hoặc có tóc mai; hoặc để râu; hoặc có bím; hoặc có tóc gù; hoặc có tóc cuộn tròn; hoặc ở trần; hoặc mặc y phục che phần trên, hở phần dưới; hoặc hở phần trên che phần dưới. Hoặc trên dưới đều che kín; hoặc buộc kỹ trước sau.

Nhân dân ở Tây Cù Già Ni trang sức bằng cách phủ tóc trùm trên quần áo như nước Thủ Đà A Tỳ La. Người ở Đông Phát Bà Đề thì trang sức tóc phía trước và phía sau. Áo quần trên dưới mặc bên trong; áo bên trên thì quấn quanh mình như 2 nước Ương Già, Ma Già Đà thường trang sức.

Người ở Bắc Uất Đan Việt thì trang sức bằng những râu tóc đen giống như Phát La cứ 5 ngày thì tóc tự nhiên dài ra. Bề ngang thì 7 chỉ chẳng có tăng giảm.

Tứ Thiên Vương Thiên thì trang sức nhiều loại chẳng giống nhau; hoặc có tóc dài chia ra làm 2 phía; hoặc cắt râu tóc; hoặc ở trên cùng có một búi tóc; gọi là búi Chu La; hoặc cạo bỏ râu tóc; hoặc có tóc có râu; hoặc tóc biến thể; hoặc tóc bị thay đổi ở phía trước hay phía sau. Hoặc có người khóa thân; hoặc có người mặc y phục; hoặc che phần trên để hở phần dưới; hoặc che phần dưới để hở phần trên; hoặc trên dưới đều che kín; hoặc chỉ che trước sau. Dục giới Chư Thiên cũng đều trang sức như vậy.

Sắc giới Chư Thiên chẳng mặc y phục, nhưng mặc chẳng khác; đầu tuy không tóc, giống như đội mũ, không rõ tướng nữ nam; hình tuy một loại như người Diêm Phù Đề ăn cơm gạo, lúa mì, lúa mạch, ăn thịt cá, ăn rau quả.

Người Tây Cù Già Ni ăn uống cũng ăn lúa gạo, lúa mạch, lúa mì và cá thịt cũng như rau quả. Hay dùng chất sữa rất nhiều. Người Đông Phát Bà Đề ăn lúa gạo, lúa mì, lúa mạch, cá thịt, rau quả; ăn bột gạo mịn.

Người Bắc Uất Đan Việt tuy ăn gạo cơm; nhưng không trồng mà tự sanh; chẳng gặt mà tự có. Cũng chẳng cần sàng sảy mà gạo tự sạch; sắc, hương, vị, xúc tất cả đều tuyệt hảo, ngọt ngào như vị của mật ong. Trong ấy có cây tên là Đơn Trì Chỉ La. Cây này sanh trái giống như cái nôi; lại giống như quả thị. Nếu người muốn ăn, lấy trái cây này, lấy hết nước đi.

Lại cũng có hòn đá gọi là Thọ Đề; lấy trái cây này để lên trên đá thì đá tự nhiên sanh lửa; rồi người ta lấy gạo bỏ vào nôi để nấu và khi thành cơm rồi thì hòn đá kia tự nhiên lạnh lại. Lại cũng dùng trái cây đó lấy hết nước đi và nếu có ai đó đến muốn lấy đi để ăn cũng tùy ý. Chẳng nghĩ ý này thì người kia cũng cho ta để có người ăn. Lại cũng chẳng phải

tác ý, ta sẽ cho người kia lại. Khi ăn xong liền bỏ đi và tất cả những đồ nấu ăn ấy để trên đất và sẽ tự nhiên trở lại chỗ cũ.

Tứ Thiên Vương Thiên thường ăn Tu Đà vị. Sáng ăn một lần, trưa ăn một lần. Ăn vào thân thể rồi chuyển thành phần của thân. Vườn cây Tu Đà Vị và ao hồ ở đó tự nhiên sanh và Tu Đà Vị cũng thường hay hóa ra. Cùng với Khư Đà Ni là 8 loại ăn uống. Tất cả chư thiên dục giới ăn cũng như thế. Sắc giới chư Thiên từ giữa sơ thiên cho đến Biến Tịnh đều dùng niềm vui để ăn. Những chư thiên bên trên đều dùng ý nghiệp để ăn.

Người ở Diêm Phù Đề buôn bán hay dùng vàng bạc, ngọc, mễ v.v... hoặc các tạp vật trân châu ma-ni quý giá; hoặc lấy chúng sanh làm chỗ mua bán trao đổi. Còn cõi Tây Cù Già Ni khi buôn bán trao đổi chỉ dùng đến bò. Đông Phất Bà Đề khi buôn bán giao dịch hay dùng lúa gạo. Bắc Uất Đan Việt không có giao dịch. Còn cõi Tứ Thiên Vương khi giao dịch buôn bán hoặc dùng vàng bạc hay lúa gạo v.v... hoặc các tạp vật như bảo châu ma-ni và các loại quý báu. Hoặc lấy chúng sanh để làm chỗ buôn bán. Tất cả cõi dục giới chư thiên đều như thế cả.

Sắc giới tức chẳng giống với Uất Đan Việt. Người Diêm Phù Đề hoặc tự giết hại, hoặc bảo người khác giết chết rồi ăn thịt. Tây Cù Già Ni cũng lại như thế. Đông Phất Bà Đề người ta không tự giết mà cũng không bảo người giết. Nếu có vật chết, liền lấy ăn thịt. Bắc Uất Đan Việt chẳng tự sát sanh, không bảo người khác sát sanh; chết rồi không ăn thịt. Tứ Thiên Vương thì tự giết và bảo người giết và chết rồi không ăn thịt. Cõi Đạo Lợi chư thiên tự giết, bảo người khác giết; chết rồi chẳng ăn thịt. Từ Dạ Ma Thiên đến A Ca Ni Tra chẳng tự sát sanh, không bảo người khác sát sanh và chết rồi thịt ấy chẳng ăn.

Người ở Diêm Phù Đề nếu bà con chết thì bỏ nơi núi hoặc thiêu tử thi; hoặc bỏ vào nước; hoặc chôn dưới đất; hoặc rải vào hư không. Tây Cù Già Ni, Đông Phát Bà Đề cũng lại như thế.

Người Bắc Uất Đan Việt nếu có bà con chết, họ chỉ tống táng, chẳng thiêu, chẳng bỏ mà đem xác ấy cho chim ăn và đem tử thi vào núi sau khi chết để cho chim ăn.

Tứ Thiên Vương nếu có quyền thuộc chết lại cũng chẳng tống táng, chẳng thiêu, chẳng bỏ; như ánh sáng mất dần, không còn lưu dấu vết và tất cả chư thiên ở cõi trên nữa cũng đều như thế.

Ở nơi cõi Diêm Phù Đề có 5 loại cây. Cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng pha lê, cây bằng lưu ly và cây bằng Kha Lợi Đa. Ở Tây Cù Già Ni và Đông Phát Bà Đề cũng lại như thế. Bắc Uất Đan Việt thì chỉ có cây Kha Lợi Đa còn 4 loại khác thì không.

Tứ Thiên Vương lại cũng có 5 loại cây quý như trên đã nói. Tất cả chư thiên của cõi dục, cũng có 5 loại cây giống như thế.

Ở cõi sắc giới thì chẳng có cây nào. Ở cõi Diêm Phù Đề có 5 loại hoa như vàng, bạc, pha lê, lưu ly, Kha Lợi Đa. Tây Cù Già Ni, Đông Phát Bà Đề lại cũng như thế. Bắc Uất Đan Việt có cây tên là Tán Đa Na và hoa này đều bằng chất quý Kha Lợi Đa.

Tứ Thiên Vương Thiên lại cũng có 5 loại hoa. Tất cả dục giới lại cũng như vậy. Còn sắc giới thì chẳng có.

Trong cõi Diêm Phù Đề có điện đường bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, Kha Lợi Đa. Có nhà cửa bằng cây, hoặc bằng đá, đất. Tây Cù Già Ni cũng lại như thế. Đông Phát Bà Đề điện đường không làm bằng vàng. Bắc Uất Đan Việt có cây tên là Mạn Thù Sa, cao giống như một điện lớn, lá che rợp khắp, sương gió chẳng vào. Tất cả mọi người đều có thể ở nơi đó.

Tứ Thiên Vương Thiên có 5 loại điện đường bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê và Kha Lợi Đa. Tất cả chư thiên ở cõi dục giới đều như thế.

Sắc giới chư thiên đều có điện đường, tất cả đều bằng màu trắng quý. Ở đó ngày xưa khi còn ở nhơn địa chư thiên hay có tâm muốn làm việc bố thí và muốn được quả báo. Làm cho cái quả ở đất là được cung điện; màu sắc tối tăm chẳng sáng sủa. Chư Thiên ở nhơn địa giữa có tâm làm việc bố thí; nhưng chẳng vọng cầu về kết quả. Như ta có, kia không; ta là chủ, kia chẳng có gì. Đạo lý chánh đáng này tương ưng với pháp. Nếu có chủ thí và chẳng có chủ thí và khi thực hành bố thí tâm an tịnh yên ổn và vì trang nghiêm tâm dùng để giữ cho thanh tịnh, thì việc bố thí ấy do tâm như vậy cho nên ở kết quả phần giữa này là được cung điện, ánh sáng quang minh vi diệu, chẳng có tối tăm.

Người ở Diêm Phù Đề nếu lìa thân thông và tha công lực, tức chẳng thể thấy được, chân núi và bờ thành làm chướng ngại với sắc. Tây Cù Già Ni, Đông Phát Bà Đề, Bắc Uất Đan Việt, nếu lìa tha công lực tức chẳng thể thấy suốt qua chân núi, rào, thành chướng ngại bên ngoài với sắc.

Tứ Thiên Vương Thiên nếu lìa thân thông và tha công lực, ngay tại xứ mình cũng chẳng thể thấy, chân núi, bờ rào, thành gậy chướng ngại bên ngoài với sắc. Nếu thấy xa nhiều

lắm là cảnh sắc bên trong núi Thiết Vi. Nếu lia thần lực và tha công lực chẳng thể thấy rõ núi này bên ngoài.

Đạo Lợi Thiên ở ngay tại cung điện nếu lia thần lực và tha công lực thì chẳng thể thấy, chân núi, bờ rào, tường thành gây chướng ngại bên ngoài với sắc. Nếu thấy xa thì chỉ thấy đến bên trong núi Thiết Vi. Nếu lia thần lực và tha công lực thì chẳng thể thấy rõ bên ngoài núi Thiết Vi. Từ cõi trời Dạ Ma đến Phạm Chúng tất cả đều như thế.

Đại Phạm Thiên Vương khi ở tại cung điện của mình nếu lia thần lực và tha công lực thì chẳng thể thấy, chân núi, bờ rào và tường thành làm chướng ngại bên ngoài với sắc. Nếu thấy xa thì chỉ thấy trong 1.000 thế giới. Nếu lia thần thông và tha công lực thì chẳng thể thấy hết được.

Người ở Diêm Phù Đề nếu làm mai cho người nữ thì gia đình người nữ phải hứa gả rồi mới được nghinh tiếp. Hoặc có bán buôn đôi chác. Xứ Tây Cù Già Ni và Đông Phát Bà Đề cũng lại như thế. Người ở xứ Bắc Uất Đan Việt thì chẳng gả cưới người nữ; lại cũng chẳng cưới vợ và cũng chẳng mua bán đôi chác. Nếu người con trai muốn lấy vợ thì để ý người nữ kia. Nếu người con gái muốn lấy con trai đẹp cũng xem giống như vậy. Nếu người con gái không thấy được con trai thì người con gái báo tin bằng lời, rồi người này gặp người kia và trở thành vợ chồng. Nếu người con trai không gặp mà người con gái thấy, thì người con trai báo tin và người này thấy người kia để trở thành vợ chồng. Nếu tự gặp nhau thì liền theo đó mà phải ở chung nơi khác.

Ở cõi Tứ Thiên Vương nếu muốn lấy Thiên nữ thì gia đình người nữ hứa rồi mới được nghinh tiếp. Hoặc trao đổi mua bán, tất cả chư thiên cũng giống như cõi dục giới vậy.

Người ở cõi Diêm Phù Đề có nam căn và nữ căn tương hợp với nhau. Người ở Đông Phát Bà Đề và Tây Cù Già Ni, Bắc Uất Đan Việt cũng lại như thế. Cõi Tứ Thiên Vương và Dao Lợi Thiên nam nữ hòa hợp lại cũng giống như thế. Ở cõi Dạ Ma thì chư Thiên thực hiện dục bằng cách ôm nhau. Ở cõi Đâu Suất Thiên thì thực hiện dục bằng cách cầm tay nhau. Ở cõi Hóa Lạc Thiên thì chư thiên thực hiện dục bằng cách cười với nhau. Ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên thực hiện dục bằng cách nhìn nhau.

Người ở cõi Tây Cù Già Ni thọ các dục lạc gặp đôi người ở cõi Diêm Phù Đề. Cho đến cái dục của chư Thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại cũng hơn gấp bội cõi Hóa Lạc cũng lại như thế.

Người nữ ở cõi Diêm Phù Đề do ăn uống đủ loại và thai nhi tăng trưởng rồi có sanh sản và cho con bú. Người Tây Cù Già Ni, Đông Phát Bà Đề lại cũng như vậy. Người nữ ở Bắc Uất Đan Việt cũng ăn uống đủ loại, mang thai rồi sanh sản và không cho con bú. Nếu sanh ra con trai hay con gái xong thì đem bỏ ra ngoài đường, rồi người mẹ lấy tay cho vào trong miệng con và nếu người đi đường đi ngang qua thấy cũng lấy tay cho vào miệng đứa trẻ. Nhân việc ngón tay chạm vào thân thể mà lớn lên.

Nam nữ ở xứ Uất Đan Việt thì sống riêng chẳng gặp nhau. Nếu người nam sau khi sanh 7 ngày thành người lớn thì nhập vào đám thanh niên. Nếu người nữ sau khi sanh 7 ngày thành người lớn liền nhập vào đám con gái. Khi nam nữ có tác ý dục thì cũng đến dưới cây Mạn Thù Sa. Cây ấy che khuất tức dục sự sẽ thành. Nếu cây ấy không che, tức việc ấy ly tán. Liền biết là việc tà dâm, chẳng dám phạm đến.

Ở cõi Tứ Thiên Vương thì các Thiên nữ chẳng có ăn những đồ bất tịnh, chẳng mang thai, lại cũng chẳng có con

và cũng chẳng cho con bú. Nam nữ chư thiên hoặc từ đầu gối trở lên hoặc nằm ngang đều có thể sanh con. Nếu từ đầu gối người mẹ và chỗ nằm ngang mà sanh thì Thiên nữ tác ý đây là con của ta và nam Thiên cũng nói đây là con của ta, tức là một cha một mẹ. Nếu ở nơi đầu gối người cha và chỗ ngang người cha mà sanh thì tuy chỉ có một cha mà tất cả thê thiếp đều là mẹ.

Người ở cõi Diêm Phù Đề trong một đời thực hiện việc dục vô số lượng lần. Lại còn người tu hạnh thanh tịnh thì cho đến chết cũng không làm chuyện dục lạc.

Người ở Tây Cù Già Ni thì nhiều dục; nhưng trong một đời chỉ đến 12 lần và đôi khi là 10 lần. Lại có những kẻ tu hành thanh tịnh thì cho đến chết vẫn không làm việc ấy.

Người ở cõi Đông Phát Bà Đề cũng đa dục và trong một đời số lần là 7; kẻ trung bình thực hiện 5 hay 6 lần. Lại như có người tu hạnh thanh tịnh thì cho đến chết vẫn không thực biện dục sự.

Người ở Uất Đan Việt đa dục, trong một đời chỉ có 5 lần, trung bình thì 3 hay 4 lần. Lại cũng có người tu hạnh thanh tịnh thì suốt đời vẫn không thực hiện dục sự.

Cõi Tứ Thiên Vương Thiên thì cả đời việc hành dục vô lượng vô số. Nhưng những vị tu thanh tịnh thì cho đến chết vẫn không thực hiện dục sự. Tất cả chư thiên ở cõi dục giới đều như thế cả.

Phàm tất cả nữ nhơn khi chạm đến là vui. Còn tất cả nam tử khi sờ bắt tịnh chảy ra là có niềm vui. Tất cả đàn ông đều ham muốn sự bất tịnh. Tất cả chư thiên đều muốn chảy

khí ra làm niềm vui. Người ở cõi Diêm Phù Đề có 3 nhơn duyên hơn cõi Uất Đan Việt và cõi Đao Lợi. Thế nào là ba ?

Một là mạnh khỏe; hai là chế ngự và ba là ở trong đó có người ở ngôi vị Phạm Hạnh.

Người Uất Đan Việt cũng có 3 nhơn duyên hơn người ở Diêm Phù Đề và Đao Lợi Thiên.

Một là không có cái thuộc về ta và không chứa giữ. Hai là thọ mạng chắc chắn 1.000 tuổi và ba là sau đó sẽ được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Chư Thiên lại có 3 nhơn duyên hơn người Diêm Phù Đề và Uất Đan Việt.

Một là thọ mạng dài lâu; hai là hình tướng đẹp đẽ; ba là khoái lạc tối đa.

Với nghĩa này Đức Phật Thế Tôn nói như thế và ta (A Nan) đã nghe.

Luận A Tỳ Đàm Về Việc Thành Lập Thế Giới Hết quyển sáu

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ
VIỆC THÀNH LẬP
THẾ GIỚI



Quyển thứ bảy

Trần, Tây Ấn Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch



Phẩm THỌ SANH

Thứ hai mươi một

Kẻ nào tạo thập ác nghiệp đạo cực trọng thì sẽ sanh vào Đại A Tỳ Chi Địa Ngục. Nếu tạo tội ác nhẹ hơn thì sẽ sanh vào những địa ngục nhẹ hơn. Có kẻ tạo tội nhẹ thì sinh vào địa ngục Diêm La tội nhẹ thứ 8. Kẻ tội nhẹ nữa thì sanh vào con đường cầm thú. Nhẹ hơn nữa thì sanh vào con đường ngựa quý. Nếu mà tạo nhẹ nhất trong thập thiện nghiệp thì sanh nơi nhà bản cùng ở cõi Diêm Phù Đề. Hoặc sanh nơi gia đình làm nghề gánh phân; hoặc sanh nơi gia đình làm nghề đồ tể; hoặc sanh vào nhà làm âm nhạc; hoặc sanh vào nhà làm thủ công; hoặc sanh nơi nhà quân nhân.

Nếu tạo tốt hơn một chút thì sanh vào nhà Trưởng Giả. Lại nếu hơn một chút nữa thì sanh vào nhà Bà La Môn, Nếu tốt hơn chút nữa thì sanh vào nhà Sát Đế Lợi. Nếu tốt hơn nữa thì sanh vào xứ Tây Cù Già Ni. Làm tốt hơn chút nữa thì sanh ở Đông Phát Bà Đề. Kẻ làm tốt hơn nữa thì sẽ sanh về Bắc Uất Đan Việt. Kẻ làm điều tốt hơn nữa thì sẽ sanh nơi cõi Tứ Thiên Vương. Người làm lành hơn nữa thì sẽ sanh nơi Đạo Lợi Thiên. Kẻ làm lành nhiều hơn nữa thì sẽ sanh nơi Dạ Ma Thiên. Kẻ làm lành hơn nữa thì sẽ sanh ở Đầu Suất Đà Thiên. Kẻ làm lành nhiều hơn nữa thì sanh nơi Hóa

Lạc Thiên. Nếu toàn điều lành theo Thập Thiện nghiệp đạo thì sẽ sanh về Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Nếu người phạm phũ tu tập 4 loại thiên định. Mỗi loại có 3 phẩm vị là hạ, trung và thượng. Khi người này có cái hơn là phẩm Hạ của Sơ Thiên thì tương ứng với nghiệp để sanh Phạm Thiên Hạnh Thiên. Hơn do nghiệp này mà được vào cõi Thiên thì được thọ mạng của chư Thiên, được ở chung với chư Thiên. Khi đã sanh về nơi kia, do quả báo của nghiệp nên có 2 loại niềm vui. Một là chẳng có quá vui; hai là thọ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã thuần thục rồi thì bị sử dụng không ngoại trừ.

Cái hơn là phẩm Trung của Sơ Thiên tương ứng với nghiệp thì sẽ sanh vào Phạm Chúng Thiên. Cái hơn là phẩm trên và nghiệp ấy lại sanh ở cõi trời này. Do hơn ấy và nghiệp mà được vào Thiên đạo, được thọ mệnh, được ở chung với chư Thiên đồng loại và khi đã sanh nơi kia thì thọ nghiệp quả báo, lại có 2 loại niềm vui. Một là chẳng quá vui; hai là thọ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã thành thục rồi thì bị dùng đến chẳng có ngoại trừ. Cái hơn ở nhị thiên là hạ phẩm và tương ứng với nghiệp. Do đó mà sanh nơi Thiểu Quang Thiên. Cái hơn trung phẩm của nhị thiên tương ứng với nghiệp; nên sanh ở Vô Lượng Quang Thiên.

Cái hơn Thượng Phẩm của Nhị Thiên tương ứng với nghiệp và sanh vào Thắng Biến Quang Thiên. Do cái hơn và nghiệp mà được sanh vào cõi Thiên, được đời sống trường thọ của chư thiên, lại ở cùng với chư thiên. Khi sanh vào đó rồi là do thọ quả báo của nghiệp. Ở đó có 2 niềm vui. Một là không vui quá; hai là thọ những niềm vui. Khi mà nghiệp chín muồi rồi thì bị dùng đến, không trừ cái nào cả.

Cái nhơn là Hạ phẩm của Tam Thiên thì tương ứng với nghiệp để sanh vào Thiểu Tịnh Thiên. Cái nhơn là trung phẩm của tam thiên, tương ứng với nghiệp để sanh vào Vô Lượng Tịnh Thiên.

Cái nhơn là Thượng Phẩm của Tam Thiên thì tương ứng với nghiệp để sanh vào Biến Tịnh Thiên. Nguyên nhơn là nghiệp cho nên được sanh vào cõi trời, được thọ mệnh, được ở chung với chư thiên. Khi sanh vào đó rồi thì thọ nghiệp quả báo. Có 2 loại niềm vui. Một là không ít vui; hai là thọ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã chín muồi rồi thì bị dùng đến chẳng được ngoại trừ.

Cái nhơn là Hạ Phẩm của Tứ Thiên thì tương ứng với nghiệp, sanh vào Vô Vân Thiên.

Cái nhơn là Trung phẩm của Tứ Thiên, tương ứng với nghiệp và sanh vào Thọ Phước Thiên.

Cái nhơn là Thượng Phẩm của Tứ Thiên, tương ứng với nghiệp và sanh vào Quảng Quả Thiên.

Nguyên nhơn là do nghiệp nên được sanh vào cõi Thiên, được thọ mạng của chư Thiên, được sống cùng chư Thiên. Khi sanh vào ở nơi kia để thọ nghiệp quả báo; chẳng có niềm vui nhiều và cũng nhận được niềm vui. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng đến, không trừ cái gì cả. Kẻ phàm phu tùy theo dư nghiệp nên thọ sanh nơi xứ này.

Người phàm phu tu tập Tứ Vô Lượng Tâm. Mỗi cái có 3 phẩm vị là Hạ, Trung, Thượng.

Lòng từ vô lượng như thế mà tu tập; những hạnh như thế ở 4 loại thiên định.

Hỉ vô lượng như thế mà tu tập các hạnh; như ở sơ thiên và nhị thiên.

Bi vô lượng như thế tu tập các hạnh như đệ tứ thiên.

Xả vô lượng như thế tu tập các hạnh như đệ tam thiên và đệ tứ thiên.

Ở phàm phu tu tập bất tịnh quán. Mỗi thứ đều có 3 phẩm là hạ, trung và thượng. Chẳng trái với quán bất tịnh, như thế tu tập, như thế các hạnh như 4 loại thiền định.

Có trái lại với hạnh bất tịnh quán, như thế tu tập, như thế các hạnh như ở 4 thiền định.

Người phàm phu tu tập nhớ nghĩ đến A Na Ba Na (anapana = An Ban Thủ Ý; phép quán hơi thở vào ra) mỗi loại có 3 phẩm vị là Hạ, Trung và Thượng. Như thế tu tập các hạnh như vậy thuộc về 3 loại thiền định phía trước.

Kẻ phàm phu tu tập về Ngũ Hữu Tướng và mỗi loại có 3 phẩm vị là hạ, trung và thượng. Thế nào là 5 ?

Một là nhớ đến bất tịnh; hai là nhớ đến việc đã qua mắt; ba là nhớ đến khi chết bị đọa; bốn là nhớ đến việc ít ăn uống; năm là nhớ đến tất cả thế gian chẳng an.

Chẳng ghét đến quán bất tịnh và như thế tu tập, như thế thực hành như 4 loại thiền định.

Có ghét việc quán bất tịnh và sau 4 việc nhớ nghĩ lại tu tập, các hạnh như thế cũng giống như ở đệ tứ thiền.

Kẻ phàm phu tu tập 8 loại biến nhập và mỗi loại có 3 phẩm vị là hạ, trung và thượng. Thế nào là 8 ?

Một là bên trong quán tướng về hữu sắc và bên ngoài thì ít sắc. Phần ít này hoặc là diệu hoặc thô. Ta biến sự nhớ nghĩ này được trí, được kiến như thế mà có tướng.

Hai là bên trong là quán tướng có sắc và bên ngoài thì sắc vô lượng; hoặc diệu hoặc thô ta biến tướng này có thể biết, có thể thấy và quán như vậy.

Ba là quán tướng bên trong chẳng có sắc và bên ngoài thì sắc ít như phía trước.

Bốn là quán tướng bên trong chẳng có sắc và bên ngoài thì sắc vô lượng như phía trước.

Năm, sáu, bảy, tám cũng quán tưởng bên trong không có sắc và 4 màu sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng ta biến ra sự nhớ nghĩ này; có thể biết, có thể thấy, nhớ nghĩ như thế.

Đây là 8 loại tưởng mà trong đó thứ nhất và thứ hai như thế tu tập, như thế thực hành như Tứ Thiên Định. Sau tưởng thứ 6, như thế tu tập, như thế thực hành ở tứ thiên.

Phàm phu tu tập tất cả mười loại nhập. Mỗi cái có 3 phẩm vị là hạ, trung, thượng. Cái nhập thứ 8 tất cả nhập như thế tu tập; như thế thực hành như đệ tứ thiên

Sau cái thứ 2, tất cả tu tập như thế và thực hành như thế như ở địa này. Không là tất cả nhập vào như không vô biên. Thức là tất cả nhập vào Thức vô biên.

Phàm phu tu tập Tứ vô sắc Tam Ma Bạt Đề. Mỗi thứ có 3 phẩm vị là hạ, trung, thượng. Người này do hạ phẩm không xú, tương ưng với nghiệp, sanh nhập vào không Vô Biên Thiên. Do trung phẩm nhập vào không vô biên, tương ưng với nghiệp lại sanh vào cõi trời này. Do ở thượng phẩm nhập vào tướng của vô biên xú và do tương ưng nghiệp nên lại sanh vào trời này.

Do bởi nghiệp lực cho nên sanh vào Thiên đạo, được thọ mệnh chư thiên; được ở cùng với chư thiên. Sanh ở nơi kia rồi, thọ nghiệp quả báo; có không ít niềm vui; chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi rồi thì bị dùng đến, chẳng có ngoại trừ.

Nguyên nhơn ở Hạ phẩm của Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Thức vô biên nhập. Do ở trung phẩm, thức vô biên nghiệp tương ưng; nên lại sanh vào cõi trời này. Nguyên nhơn là thượng phẩm của Thức Vô Biên Nhập, tương ưng với nghiệp lại sanh vào cõi trời này. Nguyên nhơn là do nghiệp, cho nên được sanh vào cõi trời, được thiên mệnh dài lâu, được sống cùng chư thiên. Sanh ở nơi kia rồi thọ nghiệp quả báo. Tuy chẳng vui gì và

chẳng có niềm vui, khi mà nghiệp đã chín muồi rồi thì bị dùng, không ngoại lệ.

Nguyên nhơn ở Hạ phẩm của Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp nên sanh vào Vô Sở Hữu Thiên. Nguyên nhơn ở Trung phẩm của Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp lại sanh ở cõi trời này. Nguyên nhơn ở Thượng phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp lại sanh vào cõi trời này.

Nguyên nhơn là nghiệp cho nên được sanh vào cõi trời, được đời sống thiên mệnh, được cùng sống với chư thiên. Sanh ở nơi kia rồi, thọ nghiệp quả báo, tuy chẳng có ít niềm vui và cũng chẳng có vui; nhưng sau khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng đến và chẳng ngoại trừ.

Nguyên nhơn là ở Hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập tương ứng với nghiệp; nên sanh vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên. Nguyên nhơn là trung phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập, tương ứng với nghiệp; nên lại sanh vào cõi trời này. Nguyên nhơn là ở Thượng phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập tương ứng với nghiệp nên lại sanh vào cõi trời này.

Nguyên nhơn là nghiệp; cho nên được vào Thiên đạo, được thọ mệnh của chư Thiên, cùng sống với chư thiên. Sanh ở đây rồi để thọ nghiệp quả báo. Tuy chẳng vui và chẳng có nhận niềm vui, mà khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng đến và chẳng ngoại lệ.

Kẻ phàm phu do nghiệp hậu báo còn thừa nên thọ sanh. Kẻ phàm phu tu tập Sơ Thiên định rồi được sanh. Từ đây tất cả liền thối lui. Người này sẽ ở vào hạ phẩm của Sơ Thiên. Người này do ở hạ phẩm của Sơ Thiên nên tương ứng với nghiệp sanh vào cõi trời Phạm Thiên Hạnh. Khi sanh vào nơi đó rồi, thọ hạ phẩm sơ thiên nghiệp báo được không ít niềm vui và cùng với việc thọ nhận niềm vui.

Thọ trung phẩm; thượng phẩm của Sơ Thiên và của nhị thiên nghiệp quả báo. Đối với nơi sanh này được thọ chẳng ít niềm vui và thọ sự lạc thú.

Đệ tam thiên và đệ tứ thiên lại cũng trong giữa đời này mà thọ nghiệp quả báo. Tuy có ít niềm vui và chẳng có thọ lạc; mà khi nghiệp đã chín muồi rồi thì bị dùng đến và chẳng ngoại lệ. Tùy theo hậu báo nghiệp còn dư mà sanh vào xứ này. Ngoài trung phẩm, thượng phẩm của Sơ Thiên cũng lại như vậy.

Kẻ phàm phu tu tập Tứ Thiên đã sanh và đã được. Từ đây tất cả đều lại mất hết. Người này ở tại hạ phẩm của nhị thiên. Người này do ở lại hạ phẩm của nhị thiên nên tương ưng nghiệp, sanh vào cõi trời Thiếu Quang. Sanh ở nơi đó rồi, thọ hạ phẩm của nhị thiên nghiệp báo; được ít nhiều niềm vui và cùng với thọ lạc.

Thọ trung phẩm; thượng phẩm của đệ nhị thiên và sơ thiên nghiệp báo. Sanh ở nơi đây được một ít niềm vui và cùng thọ lạc.

Đệ tam thiên và đệ tứ thiên sanh ở trong này và thọ quả báo hằng không được vui và không có thọ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi rồi thì bị dùng đến và không có dư báo. Tùy theo hậu báo nghiệp mà thọ sanh vào xứ đó. Ngoài ra Trung phẩm, Thượng phẩm của nhị thiên lại cũng như vậy.

Kẻ phàm phu tu tập Tứ Thiên rồi sanh rồi được. Từ đây tất cả lại phải thoái thất. Người này trụ ở hạ phẩm trung thiên. Do hạ phẩm tam thiên tương ưng với nghiệp, sanh về cõi trời Thiếu Tịnh. Sanh ở kia rồi, thọ hạ phẩm tam thiên nghiệp báo, được chẳng ít niềm vui cùng thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm đệ tam thiên nghiệp báo, mà sanh ở đây được ít niềm vui và thọ lạc. Sơ thiên, nhị thiên và đệ tứ thiên nghiệp báo, thọ không ít niềm vui và chẳng thọ lạc. Khi nghiệp ở đây đã thành thực rồi thì bị dùng đến và không

thừa. Tùy theo hậu báo nghiệp mà sanh vào xứ đó. Ngoài ra Trung phẩm, Thượng phẩm của tam thiên lại cũng như thế.

Kẻ phàm phu tu tập Tứ Thiên, sanh rồi được rồi. Từ đây tất cả đều được thoái thất. Người này ở hạ phẩm tứ thiên. Do ở hạ phẩm Tứ Thiên tương ứng với nghiệp và sanh vào cõi Trời Vô Vân. Sanh ở kia rồi, thọ hạ phẩm tứ thiên nghiệp báo, được chẳng ít niềm vui và không có thọ lạc.

Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm đệ tứ thiên và cùng với nghiệp báo của tam thiên. Sanh vào đây rồi được không ít niềm vui và không có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng đến và không dư.

Kẻ phàm phu tùy theo hậu báo nghiệp mà sanh vào xứ đó. Ngoài ra Tứ thiên Trung phẩm, Thượng phẩm lại cũng như vậy.

Kẻ phàm phu tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc Định, sanh rồi được rồi. Từ đây tất cả lại thoái thất. Người này ở hạ phẩm không Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Không Vô Biên Nhập tương ứng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Không Vô Biên Nhập. Sanh ở kia rồi, thọ hạ phẩm Không Vô Biên Nhập quả báo, được chẳng ít niềm vui và không có thọ lạc.

Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm, Không Vô Biên Xứ Nhập cho đến trên ba Vô Sắc Định quả báo. Sanh vào nơi đây rồi thọ không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi rồi, bị dùng đến và chẳng dư.

Kẻ phàm phu tùy theo hậu báo nghiệp mà sanh vào nơi xứ đó. Ngoài Trung phẩm, Thượng phẩm Không Vô Biên Nhập cũng lại như vậy.

Kẻ phàm phu tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc, sanh rồi được rồi. Từ đây tất cả liền lại thoái thất. Người này trụ ở hạ phẩm và nhập vào Thức Vô Biên. Do Hạ phẩm, Thức Vô Biên Nhập tương ứng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Thức

Vô Biên Nhập. Sanh ở nơi kia rồi, thọ hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập nghiệp báo, được chẳng ít niềm vui và không có thọ lạc.

Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Thức Vô Biên Nhập và đầu, sau tam vô sắc nghiệp báo. Sanh vào ở đây được một ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng đến và chẳng dư.

Kẻ phàm phu tùy theo hậu báo nghiệp mà thọ sanh nơi xứ đó. Ngoài ra Thức Vô Biên Nhập ở Trung phẩm và Thượng phẩm cũng lại như vậy.

Kẻ phàm phu tu tập Tứ Thiên và Tứ Không Định, sanh rồi, được rồi. Từ đây tất cả liền lại thối thất. Người này ở hạ phẩm và nhập vào Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Vô Sở Hữu, Vô Biên Nhập lại tương ưng với nghiệp nên sanh vào Vô Sở Hữu, Vô Biên Nhập thiên. Sanh ở kia rồi thọ hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập quả báo, được ít niềm vui và không có thọ lạc.

Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập và trước sau Tam Vô Sắc nghiệp báo. Sanh ở nơi đây rồi, được không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi, bị dùng đến và không thừa.

Kẻ phàm phu tùy theo hậu báo nghiệp mà thọ sanh vào xứ đó. Ngoài ra Trung phẩm, Thượng phẩm lại cũng như vậy.

Kẻ phàm phu tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc Định sanh rồi được rồi. Từ đây tất cả liền được thoái thất. Người này trụ ở hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp; nên sanh vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập Thiên. Sanh ở nơi kia rồi, thọ hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập quả nghiệp, được không ít niềm vui và không có thọ lạc.

Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập và cùng với quả báo phía trước của Tam Vô Sắc; nên sanh vào đây và được không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi, bị dùng đến và không thừa.

Kẻ phàm phu tùy theo hậu báo nghiệp dư mà thọ sanh vào xứ kia. Ngoài ra Trung phẩm, Thượng phẩm cũng lại như vậy.

Các Thánh Đệ Tử của Đức Phật Thế Tôn tu tập tứ thiền. Mỗi cái có 3 phẩm vị là hạ trung và thượng. Người này do hạ phẩm của Sơ Thiền tương ứng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Phạm Thiên Hạnh. Nguyên nhơn là nghiệp và được sanh về cõi trời kia. Được đời sống chư thiên, được ở cùng với chư thiên. Sanh rồi ở nơi kia thọ nghiệp quả báo và có 2 loại niềm vui; một là chẳng quá vui; hai là thọ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi rồi thì bị dùng đến và không dư.

Nguyên nhơn là do Trung phẩm ở Sơ Thiền tương ứng với nghiệp mà sanh vào cõi trời Phạm Chúng. Cái nguyên nhơn của Thượng phẩm và do nghiệp nên cũng lại sanh vào cõi trời này. Nguyên nhơn là do nghiệp mà được sanh vào Thiên Đạo, được đời sống chư thiên, được ở cùng chư thiên. Sanh ở nơi kia rồi, thọ nghiệp quả báo có 2 loại vui. Một là không vui quá và hai là thọ lạc. Khi nghiệp này đã thành thực rồi thì bị dùng đến và không thừa.

Nguyên nhơn của nhị thiền ở hạ phẩm tương ứng với nghiệp. Nhơn là do nghiệp; cho nên sanh vào cõi trời Thiểu Quang. Nhơn Trung phẩm của nhị thiền tương ứng nghiệp và sanh vào cõi trời Vô Lượng Quang. Nhơn là Thượng phẩm của nhị thiền tương ứng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Thắng Biến Quang. Nhơn của nghiệp này được sanh vào Thiên Đạo, được đời sống của chư thiên, được ở cõi trời và

cùng sống với chư thiên. Sinh rồi ở nơi ấy thọ nghiệp quả báo có 2 niềm vui. Một là ít vui và hai là thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng đến và không dư.

Nguyên nhơn của Hạ phẩm của Tam Thiên tương ứng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Thiếu Tịnh. Nguyên nhơn của Trung phẩm Tam Thiên tương ứng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Vô Lượng Tịnh. Nhơn là Thượng phẩm của Tam Thiên tương ứng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Biến Tịnh. Nhơn là nghiệp, được sanh vào cõi trời, được đời sống của chư thiên; được ở với chư thiên đồng loại. Khi sanh ở kia rồi thọ nghiệp quả báo và có 2 niềm vui; một là không quá vui và hai là thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi bị dùng đến và không thừa.

Nhơn là hạ phẩm của Tứ Thiên tương ứng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Vô Vân. Nhơn là Trung phẩm của Tứ Thiên tương ứng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Thọ Phước. Nhơn là Thượng phẩm của Tứ Thiên tương ứng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Quảng Quả. Nguyên nhơn là do nghiệp; nên được sanh vào thiên đạo, được đời sống chư thiên; được ở cùng với chư thiên. Sinh rồi ở nơi kia lại thọ nghiệp quả báo; có chẳng ít niềm vui và lại chẳng có thọ lạc. Sinh ở đó rồi, do tối thượng phẩm của Tứ Thiên tương ứng với nghiệp và cung kính cần tu, chẳng ngừng nghỉ, thường hay tu hành và huân tu các tạp giác phần. Nguyên nhơn do nghiệp này cho nên sanh vào cõi trời Thiện Hiện. Mười lần nghiệp này sanh vào cõi trời Thiện Kiến. Tiếp đến 10 lần nữa sanh vào cõi trời Bất Phiền. Lại 10 lần nữa sanh vào cõi trời Bất Thiên và 10 lần sanh vào cõi trời A Ca Ni Tra. Nguyên nhơn của nghiệp này được vào thiên đạo; sống thọ mạng của chư thiên; được ở cõi thiên; được cùng chư thiên ở. Sinh ở kia rồi thọ nghiệp quả báo; có ít nhiều niềm vui và chẳng có sự thọ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi rồi bị dùng và

chẳng dư và khi kéo lên ở thượng giới thì nghiệp dùng hết, tức chúng được Bát Niết Bàn.

Đệ Tử của Đức Thế Tôn tu tập Tứ Vô Lượng Định. Mỗi cái có 3 phẩm vị là hạ, trung, thượng. Lòng từ vô lượng, như thế tu tập hằng số các hạnh. Như 4 loại thiền định.

Hủy vô lượng, như thế tu tập các hạnh như ở sơ thiền, nhị thiền.

Bi vô lượng, như thế tu tập các hạnh, như đệ tứ thiền.

Xả vô lượng, như thế tu tập các hạnh, như đệ tam thiền và đệ tứ thiền.

Đệ tử của Phật tu tập phép quán bất tịnh. Mỗi cái có 3 phẩm vị hạ, trung, thượng. Chẳng sai trái làm việc quán bất tịnh. Như thế tu tập nhiều công hạnh như ở 4 loại thiền định. Có sai khác các hạnh về bất tịnh quán, như thế tu tập các hạnh như ở tứ thiền. Các Thánh Đệ Tử của Phật tu tập nhớ nghĩ đến A Na Ba Na. Mỗi cái cũng có 3 phẩm vị hạ, trung, thượng. Như thế tu tập các hạnh như trước 3 loại thiền định.

Thánh Đệ Tử Phật tu tập theo 10 Tướng. Mỗi cái đều có 3 phẩm vị là hạ, trung, thượng. Thế nào là 10 ?

Một là tướng đến vô thường; hai là tướng đến vô ngã; ba là tướng đến diệt trừ; bốn là tướng đến ly dục; năm là tướng đến tịnh diệt; sáu là tướng đến bất tịnh; bảy là tướng đến quá thât; tám là tướng đến tử đọa; chín là tướng đến yếm thực và mười là tướng đến tất cả thế gian chẳng an.

Năm loại tướng trước và tướng bất tịnh không sai khác, như thế tu hành sẽ như 4 loại thiền định. Bốn loại tướng sau và tướng bất tịnh lại có sai khác, như thế tu tập các hạnh sẽ như đệ tứ thiền.

Các Thánh Đệ Tử Phật tu Bát Biến Nhập và mỗi loại như thế có hạ, trung, thượng. Thế nào là 8 ?

Một là quán tướng bên trong có sắc và bên ngoài ít sắc; ít này hoặc diệu hoặc thô. Ta biến tướng này được biết, được thấy như thể có tướng.

Hai là quán tướng bên trong có sắc và bên ngoài thì sắc rất nhiều; hoặc diệu hoặc thô. Thô diệu như trước.

Ba là quán bên trong tướng vô sắc, bên ngoài ít sắc; thô diệu như trước.

Bốn là quán tướng bên trong không có sắc và bên ngoài sắc vô lượng. Đại loại cũng như trước.

Năm, sáu, bảy, tám quán tướng bên trong vô sắc và bên ngoài 4 sắc. Đó là xanh, vàng, đỏ, trắng ta tưởng biến vào đây để có thể biết, có thể thấy và tướng như thế. Đối với trong 8 phần này thì phần một và hai cứ như thế tu tập và thực hành như 4 loại thiền định. Sáu loại tướng sau như thế tu tập các hạnh thì như đệ tứ thiền.

Thánh Đệ Tử Phật tu tập Bát Giải Thoát. Mỗi cái có 3 phẩm vị hạ, trung, thượng.

Thứ nhất quán tướng bên trong có sắc và bên ngoài sắc giải thoát.

Thứ hai quán tướng bên trong vô sắc và bên ngoài sắc giải thoát.

Thứ ba Tịnh Giải Thoát.

Thứ tư Không Vô Biên Nhập giải thoát.

Thứ năm Thức Vô Biên Nhập giải thoát.

Thứ sáu Vô Sở Hữu, Vô Biên Nhập giải thoát.

Thứ bảy Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập giải thoát

Thứ tám Tướng Thọ Diệt giải thoát.

Đệ nhất giải thoát như thế tu tập, như thế hành trì như 4 loại thiền định.

Đệ nhị giải thoát như thế tu tập, như thế hành trì như đệ tứ thiền.

Đệ tam giải thoát quán tưởng bên trong có sắc và bên ngoài có sắc; như thế tu tập, như thế hành trì như 4 loại thiền.

Nếu quán tưởng bên trong không có sắc và bên ngoài có sắc, cứ như thế tu tập, như thế hành trì như đệ tứ thiền.

Bốn vô sắc giới giải thoát phía sau mỗi cái như tự ở chỗ của mình.

Đệ bát Diệt Thọ Tưởng giải thoát, thường do ở, cho nên qua Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Chẳng do lìa dục, cho nên qua đây là cùng với Phi Phi Tưởng.

Thánh Đệ Tử của Phật tu tập tất cả 10 nhập. Mỗi cái như thế có 3 phẩm vị là hạ, trung và thượng. Phía trước tám Nhứt Thiết Nhập như thế mà tu tập hành trì thì như đệ tứ thiền. Phía sau còn lại 2 Nhứt Thiết Nhập thì mỗi cái như thế tự nơi chỗ của mình.

Các Thánh Đệ Tử Phật tu tập 4 vô sắc Tam Ma Bạt Đề. Mỗi loại có 3 phẩm vị là hạ, trung và thượng. Người này do ở hạ phẩm Không Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Không Vô Biên Nhập. Do Trung phẩm Không Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên lại sanh vào cõi trời này. Do Thượng phẩm Không Vô Biên Nhập nên lại sanh vào cõi trời này. Nguyên nhơn là nghiệp cho nên được vào thiên đạo, có thọ mệnh của chư thiên, được ở cõi trời cùng với chư thiên. Khi sanh ở đây rồi thọ nghiệp quả báo; có ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi, bị dùng và chẳng dư.

Do hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Do Trung phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sanh vào cõi trời này. Do Thượng phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp lại sanh vào cõi trời này. Do nghiệp này mà sanh

vào thiên đạo, được thọ mệnh chư thiên, được ở chung với chư thiên. Khi sanh ở kia rồi, liền thọ nghiệp quả báo. Tuy không hưởng lạc nhiều và chẳng có thọ lạc; nhưng khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng và chẳng dư.

Nguyên nhơn là Hạ phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ưng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Vô Sở Hữu Nhập. Nhơn là Trung phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ưng với nghiệp nên lại sanh vào cõi trời này. Nhơn là Thượng phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ưng với nghiệp; nên lại sanh vào cõi trời này. Do nguyên nhơn là nghiệp nên được sanh vào thiên đạo; được thọ mệnh của chư thiên, được ở cùng với chư thiên. Khi sanh vào ở kia rồi, thọ nghiệp quả báo. Duy chỉ ít vui và không có thọ lạc. Khi nghiệp này đã thành thực rồi, bị dùng và chẳng dư.

Nhơn là Hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập tương ưng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên. Nhơn Trung phẩm Phi Phi Tướng Nhập, tương ưng với nghiệp; nên lại sanh vào cõi trời này. Nhơn là Thượng phẩm Phi Phi Tướng tương ưng với nghiệp; nên lại sanh vào cõi trời này. Nhơn là nghiệp nên được sanh thiên, được thọ mệnh, được ở chung với chư thiên. Sanh ở đây rồi thọ nghiệp quả báo. Tuy chỉ ít vui và không có thọ lạc; nhưng khi nghiệp đã thuần thực rồi thì bị dùng và không dư.

Ở trong Bát Niết Bàn, Thánh Đệ Tử của Phật tu tập Tứ Thiên Định, sanh rồi được rồi và từ đây tất cả lại thối thất. Người này ở trong Hạ phẩm Sơ thiên và do ở Hạ phẩm Sơ Thiên tương ưng với nghiệp; nên người này sanh ở cõi trời Phạm Thiên Hạnh. Sanh ở đó rồi, thọ Hạ phẩm Sơ Thiên quả báo, được ít niềm vui và lại thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Sơ Thiên và Nhị Thiên nghiệp quả báo và khi sanh vào nơi đây được thọ ít niềm vui cùng thọ lạc. Ở Đệ

tam thiên và Đệ tứ thiên lại cũng sanh vào đây và được thọ quả báo. Thọ một ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng và không dư.

Các Thánh Đệ Tử của Phật ở trong Bát Niết Bàn. Ngoài Trung phẩm và Thượng phẩm của Sơ Thiên cũng lại như vậy.

Các Thánh Đệ Tử của Phật tu tập Tứ Thiên, được sanh và đã sanh. Rồi từ đây tất cả liền lại thoái thất. Người này khi trụ ở Hạ phẩm trong Nhị thiên; vì người này do ở Hạ phẩm Nhị thiên tương ưng với nghiệp cho nên sanh vào trời Thiểu Quang. Sanh ở kia rồi thọ Hạ phẩm Nhị Thiên quả báo, được chẳng ít niềm vui và cùng thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm của Nhị Thiên và Sơ Thiên nghiệp báo. Sanh vào ở đây rồi, được thọ không ít niềm vui và cùng thọ lạc. Đệ Tam Thiên và Đệ Tứ Thiên lại cũng sanh vào nơi này để thọ quả báo, thọ không ít niềm vui và không có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng và không dư.

Các Thánh Đệ Tử của Phật ở trong Bát Niết Bàn, ngoài Trung phẩm, Thượng phẩm của Nhị Thiên lại cũng như vậy.

Các Thánh Đệ Tử của Phật tu tập Tứ Thiên, khi sanh rồi và được sanh và từ đây tất cả lại thoái hư. Người này ở Hạ phẩm nơi Tam Thiên. Do Hạ phẩm của Tam Thiên tương ưng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Thiểu Tịnh. Sanh ở kia rồi thọ Hạ phẩm Tam Thiên quả báo, thọ chẳng ít niềm vui và thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm của Tam Thiên nghiệp báo. Sanh ở nơi ấy rồi thọ không ít niềm vui và thọ lạc. Thọ Sơ Thiên, Nhị Thiên và Đệ Tứ Thiên nghiệp báo; thọ không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi bị dùng và không dư.

Các Thánh Đệ Tử Phật ở trong Bát Niết Bàn. Ngoài Trung phẩm, Thượng phẩm của Tam Thiên cũng lại như vậy.

Các Thánh Đệ Tử Phật tu tập Tứ Thiên, sanh rồi được rồi và từ đây tất cả liền lại thoái thất. Người này ở Hạ phẩm Tứ Thiên. Do ở Hạ phẩm Tứ Thiên tương ưng với nghiệp; nên sanh ở cõi trời Vô Vân. Sanh ở nơi kia rồi thọ Hạ phẩm Tứ Thiên nghiệp báo, được không ít niềm vui và không có thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm của Đệ Tử Thiên và còn nghiệp báo của Tam Thiên và sanh vào đây để được thọ không ít niềm vui và không có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi bị dùng và không dư ra.

Các Thánh Đệ Tử của Phật ở trong Bát Niết Bàn, ngoài Tứ Thiên Trung phẩm, Thượng phẩm lại cũng như thế.

Các Thánh Đệ Tử của Phật tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc Định, sanh rồi được rồi và từ đây tất cả liền lại thoái thất. Người này ở Hạ phẩm Không Vô Biên Nhập. Do ở Hạ phẩm Không Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Không Vô Biên Nhập. Sanh ở kia rồi, thọ Hạ phẩm Không Vô Biên Nhập quả báo, được không ít niềm vui và không có thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Không Vô Biên Nhập và trên Tam Vô Sắc Định quả báo. Sanh ở nơi ấy rồi, thọ không ít niềm vui và không có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi bị dùng và không dư.

Các Thánh Đệ Tử của Phật ở nơi Bát Niết Bàn; ngoài Trung phẩm, Thượng phẩm Không Vô Biên Nhập cũng lại như vậy.

Các Thánh Đệ Tử của Phật tu tập 4 Thiên và 4 Vô Sắc, sanh rồi, được rồi và từ đây tất cả liền lại thoái thất. Người này ở Hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập. Do Hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Sanh ở kia rồi, thọ Hạ phẩm Thức Vô Biên nhập nghiệp báo, được không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Thức Vô Biên Nhập và sơ hậu Tam Vô Sắc nghiệp báo. Sanh vào ở đây thọ chẳng ít niềm

vui, chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng và không dư ra.

Các Thánh Đệ Tử của Phật ở nơi Bát Niết Bàn; ngoài Thức Vô Biên Nhập thì Trung phẩm, Thượng phẩm lại cũng như vậy.

Các Thánh Đệ Tử của Phật tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc, sanh rồi được rồi và từ đây tất cả liền lại thoái thất. Người này trụ ở Hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Do Hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sanh vào cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Sanh ở kia rồi, thọ Hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập quả báo, được không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập và trước sau Tam Vô Sắc nghiệp báo. Sanh vào đây rồi được thọ không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi bị dùng và không còn dư.

Các Thánh Đệ Tử của Phật ở trong Bát Niết Bàn; ngoài Trung phẩm, Thượng phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập lại cũng như thế.

Các Thánh Đệ Tử của Phật tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc, sanh rồi được rồi và từ đây tất cả liền lại thoái thất. Người này trụ ở Hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập và do ở Hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp; nên sanh vào cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập. Sanh ở nơi ấy rồi, thọ Hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên nghiệp báo, được không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Thọ Trung phẩm, Thượng phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập và trước Tam Vô Sắc nghiệp báo. Sanh ở đây rồi, được không ít niềm vui và chẳng có thọ lạc. Khi nghiệp đã thành thực rồi thì bị dùng và không còn dư.

Các Thánh Đệ Tử của Phật ở nơi Bát Niết Bàn; ngoài Trung phẩm, Thượng phẩm của Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập cũng lại như vậy.

Ở bên trên sanh A Na Hàm có 3 loại.

Một là Sơ sanh Phạm Tiên Hạnh Thiên; như thế lần lượt vãng sanh và đến quả ruộng khác. Khi sanh vào đây rồi thì được Bát Niết Bàn.

Hai là Sơ sanh Quảng Quả, như thế lần lượt vãng sanh cho đến Ca Ca Ni Tra Thiên. Sanh ở đây rồi được Bát Niết Bàn.

Ba là Sơ sanh Không Vô Biên Nhập Thiên; như thế lần lượt vãng sanh cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên. Khi sanh vào đây rồi thì được Bát Niết Bàn.

Lại nữa bên trên sanh A Na Hàm có 2 loại.

Một là tại Sắc giới và hai là tại Vô Sắc giới. Nếu tại Sắc giới Bát Niết Bàn thì từ cõi trời Phạm Tiên Hạnh như thế lần lượt sanh cho đến cõi trời A Ca Ni Tra. Sanh ở nơi kia rồi được Bát Niết Bàn. Tại Vô Sắc giới thì đầu tiên sanh vào Không Vô Biên Nhập Thiên. Như thế lần lượt vãng sanh cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng. Sanh ở nơi kia rồi liền được Bát Niết Bàn.

Lại nữa có một loại bên trên sanh vào A Na Hàm là từ cõi Trời Phạm Tiên Hạnh sanh. Như thế lần lượt vãng sanh cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng. Sanh ở nơi kia rồi lại được Bát Niết Bàn.

Đây là ý nghĩa mà Đức Phật Thế Tôn đã nói như thế ta (A Nan) đã nghe.

Phẩm THỌ LƯỢNG

Thứ hai mươi hai

Đức Phật nói trong đời người 2.000 tuổi thì A Tỳ Địa Ngục là một ngày một đêm. Do ngày và đêm có 30 ngày trong một tháng. Mười hai tháng là một năm. Do năm tháng nhiều tạo thành nhiều trăm năm và nhiều ngàn năm lại có nhiều trăm ngàn năm. Khi ở ngục này thọ nghiệp quả báo cũng đồng thời một vị Trưởng Giả sống thọ mạng trong một kiếp tối ưu. Khi con người sống 6.000 năm thì ở cõi Diêm La Ngục là một ngày một đêm. Do ngày đêm có 30 tạo thành một tháng. Cứ 12 tháng như thế thành một năm. Do năm tháng chắt chùng thành 100 năm và nhiều ngàn năm thành nhiều trăm ngàn năm. Ở nơi ngục này thọ nghiệp chín muồi như thế.

Có những chúng sanh trong đường súc sanh cứ một ngày một đêm là sống chết đến 6 hay 7 lần. Lại cũng có chúng sanh thọ mạng đến một kiếp.

Với con người một tháng thì ở đường quỷ thần là một ngày một đêm. Lại nữa với con người một tháng thì quỷ thần một ngày một đêm là do ngày đêm có 30 để trở thành một tháng. Cứ 12 tháng như thế thành một năm. Do số năm này là 500 năm sẽ là một thọ mạng. Trong 500 năm đối với con người hay 1.500 năm thì người ở cõi Diêm Phù Đề hoặc 10 tuổi, hay A Tăng Kỳ tuổi. Ở giữa đó thì thọ mệnh dần dần

dài lâu và dần dần ngắn. Dài nhất là 8 vạn năm và ngắn nhất là 10 năm.

Người ở cõi Tây Cù Già Ni (Tây Nguu Hóa Châu) 250 năm là thọ mệnh. Người ở Đông Phát Bà Đề thọ mệnh là 1.000 năm.

Ở cõi người 50 tuổi thì ở cõi Tứ Thiên Vương chỉ 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm thành 1 tháng và mỗi năm 12 tháng và thọ mệnh ở đây là 500 năm. Cũng có chư Thiên sống đến 900 vạn tuổi.

Ở cõi người 100 năm thì ở cõi Đao Lợi là 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm là 1 tháng và 1 năm có 12 tháng. Và ở đây thọ mạng là 1.000 năm. Trong đó cũng có chư Thiên sống đến 3.600 vạn năm.

Ở cõi người 200 năm thì ở cõi Dạ Ma Thiên chỉ có một ngày một đêm. Cứ 30 ngày đêm làm thành 1 tháng và 12 tháng thành 1 năm. Thọ mệnh ở cõi này là 2.000 năm và có chư Thiên sống đến 14.000 vạn năm. Lại cũng có vị sống đến 400 vạn năm.

Ở cõi người 400 tuổi thì ở cõi Đâu Suất Đà Thiên là một ngày một đêm. Cứ 30 ngày đêm làm một tháng và 12 tháng tạo thành 1 năm và thọ mệnh ở đây là 4.000 năm. Có người sống ở cõi này đến 5.760 ức tuổi.

Ở cõi người sống 800 năm thì ở cõi Hóa Lạc Thiên là 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm là 1 tháng. Cứ 12 tháng là 1 năm và đời sống thọ mạng ở đây là 8.000 năm. Cũng có người sống đến 2 vạn 3 ngàn 40 ức năm.

Ở cõi người sống 1.600 năm thì ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên là 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm là 1 tháng và 12 tháng là 1 năm. Thọ mạng ở đây là 1 vạn 6 ngàn năm. Cũng có người ở đây sống đến 9 vạn 2.160 ức năm.

Thọ mệnh của A Tu La ở dưới Càn Đà Sơn như Tứ Thiên Vương và thọ mệnh của A Tu La dưới danh Tu Di Sơn như ở cõi Đao Lợi. Cứ 1 tiểu kiếp gọi là 1 kiếp. Cứ 20 tiểu kiếp là 1 kiếp. Cứ 40 tiểu kiếp lại có tên là 1 kiếp. Cứ 60 Tiểu Kiếp lại có tên là 1 kiếp. Cứ 80 Tiểu Kiếp lại có tên là 1 Đại Kiếp.

Vì sao một kiếp mà gọi là Tiểu Kiếp ?

Lúc ấy Tỳ Kheo Đề Bà Đạt Đa ở nơi địa ngục thọ hết nghiệp báo và Đức Thế Tôn mới nói về trụ thọ một kiếp. Như vậy một tiểu kiếp gọi tên là 1 kiếp.

Vì sao 20 Tiểu Kiếp lại gọi là một kiếp ?

Đó là thọ lượng của cõi trời Phạm Thiên Hạnh 20 Tiểu Kiếp. Phật nói các Phạm Thiên thọ mạng một kiếp cho nên 20 kiếp lại gọi là 1 kiếp.

Vì sao 40 Tiểu Kiếp gọi là một kiếp ?

Như thọ mạng của cõi trời Phạm Chúng 40 Tiểu Kiếp. Phật nói trụ 1 kiếp. Như thế 40 kiếp lại có tên là 1 kiếp.

Vì sao 60 Tiểu Kiếp gọi là một kiếp ?

Như chư thiên ở cõi trời Đại Phạm tuổi thọ sánh chừng 60 kiếp. Phật nói trụ thọ là 1 kiếp. Như thế 60 kiếp lại có tên là 1 kiếp.

Vì sao 80 Tiểu Kiếp gọi là 1 Đại Kiếp ?

Như thọ mạng ở cõi trời Thiểu Quang 120 Tiểu Kiếp. Phật nói thọ mạng sánh với 1 kiếp rưỡi. Như thế 80 Tiểu Kiếp gọi là 1 Đại Kiếp.

Tuổi thọ ở cõi trời Vô Lượng Quang là 140 Tiểu Kiếp. Hơn nữa ở cõi trời Biên Thiên tuổi thọ 160 Tiểu Kiếp. Nghĩa là 2 Đại Kiếp.

Cõi trời Thiêu Tịnh thọ mạng sánh với 2 Đại Kiếp rười.

Thọ mạng của cõi trời Vô Lượng Tịnh sánh với 3 Đại Kiếp rười.

Thọ mạng của cõi trời Biến Tịnh sánh với 4 Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Vân sánh với 300 Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thọ Phước sánh với 400 Đại Kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Quảng Quả sánh với 500 Đại Kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Vô Tướng sánh với 1.000 Đại Kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Thiện Kiến sánh với 1.500 Đại Kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Thiện Hiện sánh với 2.000 Đại Kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Bất Phiền sánh với 4.000 Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Bất Thiên sánh với 8.000 Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Không Vô Biên Nhập ở hạ phẩm sánh với 17.500 Đại Kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Không Vô Biên Nhập ở trung phẩm sánh với 18.500 Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Không Vô Biên Nhập ở thượng phẩm là 20.000 Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thức Vô Biên Nhập ở hạ phẩm sánh với 3 vạn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thức Vô Biên Nhập ở trung phẩm sánh với 3 vạn 5 ngàn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thức Vô Biên Nhập ở thượng phẩm sánh với 4 vạn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập ở hạ phẩm sánh với 5 vạn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Hữu Vô Biên Nhập ở trung phẩm sánh với 5 vạn 5 ngàn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập ở thượng phẩm sánh với 6 vạn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở Phi Tướng Thiên hạ phẩm sánh với 7 vạn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở Phi Tướng Thiên trung phẩm 7 vạn 5 ngàn Đại Kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Phi Tướng thượng phẩm sánh với 8 vạn Đại Kiếp.

Nghĩa này Đức Phật Thế Tôn đã nói và ta (A Nan) đã nghe như thế.

Luận A Tỳ Đàm Về Việc Thành Lập Thế Giới Hết quyển 7

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ
VIỆC THÀNH LẬP
THẾ GIỚI



Quyển thứ 8

- *Trần, Tây Ấn Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 22 tháng 6 năm 2005.*
- *Thứ tự Kinh Văn số 1644. Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng kinh, quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn từ trang 173 đến trang 225.*



Phẩm ĐỊA NGỤC

Thứ hai mươi ba

Tiện Sanh thứ nhất

Đòi quá hiện vị lai
 Chúng sanh lại vãng sanh
 Lên xuống cùng luân hồi
 Phật Thế Tôn thấy biết
 Các nghiệp chẳng tiêu đi
 Quả báo lại chẳng mất
 Tùy thời, nơi thành thực
 Kẻ Thánh trí tự biết
 Cù Đàm biết việc này
 Có tám loại địa ngục
 Thế Tôn tức chứng biết
 Thành tất cả pháp nhân
 Lại sanh vào Hắc Thăng
 Sơn khói hai tiếng la
 Lớn nhỏ hay thiêu đốt
 Cùng với A Tỳ Ngục
 Như thế tám địa ngục
 Phật nói thật khó độ
 Kẻ ác hằng đầy đầy
 Mỗi mỗi mười sáu vách
 Bốn góc cùng bốn cửa

Mỗi mỗi đều ngay ngắn
 Trên cao trăm do tuần
 Chu vi trăm do tuần
 Thành sắt vây chung quanh
 Lưới sắt che ở trên
 Dưới đất toàn bằng sắt
 Đốt cháy đầy lửa dữ
 Thiêu kẻ ác đáng sợ
 Tuy nhiên khó thể gần
 Kẻ thấy lông dựng ngược
 Thật khổ biết dường bao
 Ta nay đang vì người
 Như pháp lần lượt nói
 Cung kính một lòng nghe
 Như ta nói liền đây

Có một địa ngục tên là Tiễn Sanh. Tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt bằng những ngọn lửa nóng, dài rộng hằng nhiều do tuần. Ở trong ấy tội nhơn bị ngục tốt đập lên chân, lên đầu. Dùng dây để cột rồi chặt ra từng mảnh bằng búa. Lúc đã bị phanh thây rồi chỉ còn xương, gân cốt đứt ra liền bị chết.

Qua khỏi chỗ thật khổ ấy thì ngục tốt dẫn đi. Lúc ấy gió lạnh thổi mạnh lên và do gió nẩy cho nên da thịt trở lại bình thường. Lúc ấy tội nhơn móng tay tự nhiên sanh ra cứng và sắc bén như lưỡi kiếm. Cùng với đồng loại khởi lên tâm oán hận và nhớ nghĩ người này ngày xưa đã gặp qua và đã làm ác với ta. Cho nên ta liền đến hại người kia trước. Tâm của kẻ bị hại cũng lại khởi lên như thế; lại cùng nhau đánh chém với nhau tàn nhẫn rồi lịm đi. Ở địa ngục nầy con người thọ những việc như thế mà hãm hại cùng nhau. Thật là không biết bao nhiêu khổ nạn có thể nhẫn chịu được. Thật là can cường, thật là đau xót. Cho đến các ác nghiệp thọ dụng chưa hết thì muốn chết cũng không được.

Vì làm nghiệp gì mà chịu quả báo này mà làm cho chúng sanh sanh vào nơi kia ?

Ngày xưa khi còn làm người có nhiều người nữ cùng chung một chồng nên đổ kỵ với nhau. Nếu nhiều người nam cùng với một người nữ thì khởi nộ gia tâm. Hoặc tà dâm với người phụ nữ khác, hoặc cãi nhau về đất đai, vườn tược cho đến xe cộ v.v... Hoặc hai nhà vua tranh nhau biên giới. Hoặc kiếp nọ trộm cắp tài sản của chủ và bây giờ bị trị. Hoặc kết oan gia như người giữa trận, liền cùng tàn sát với nhau, rồi kết chặt oan gia, chưa được giải quyết. Khi mệnh này hết, do nghiệp báo này mà thọ sanh vào đây.

Lại nữa có nhiều loại ác, bất thiện nghiệp báo bị sanh vào nơi này. Lại cũng có những tầng thượng nghiệp, cảm nơi đây mà sanh vào. Khi sanh vào đây rồi thọ hăng loạt các ác nghiệp quả báo.

Vì nguyên nhơn gì mà làm cho tội nhơn lại tương tàn giết hại nhau vậy ?

Nhơn vì ngày xưa khi còn làm người hay cầm búa rìu và dao rựa v.v... dùng để chặt phá giết hại chúng sanh. Cho nên ở trong này thọ các báo chết người như vậy.

Lại nữa vì nghiệp gì mà gió lạnh thổi lên mà sanh trở lại ?

Do ngày xưa khi còn làm người nuôi dưỡng các loại súc sanh cho ăn uống như bò, nai, heo, dê, gà, ngỗng tạo cho mau lớn, khi có nhiều thịt thì liền giết chết. Do nghiệp này mà nghiệp báo cảm với gió lạnh kia mà trở lại thổi vào mình.

Vì nghiệp báo gì mà sanh ra móng tay dài như dao kiếm ?

Nguyên do ngày xưa khi làm người cho người dao gậy, làm như thế và dạy cho người kia đến chỗ A, châu kia, quận nọ, làng xóm đó v.v... để giết hại hoặc người hoặc súc vật.

Do nghiệp này mà quả báo sanh ra móng tay nhọn như cây kiếm.

Vì sao ngục này gọi là Tiệt Sanh ?

Ở trong đó tội như nghề như thế này: "Ta liền được sanh thân thể như cu. Cho nên gọi là "Tiệt Sanh". Lại nữa ngục này có tên là Tiệt Sanh. Lúc ấy Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này một lần nữa; nên nói kệ rằng:

Liền sanh nơi địa ngục
 Đầu ở dưới, chân trên
 Cầm lấy búa dao thảy
 Tùy dây mà chặt phá
 Lúc ấy bị chặt rồi
 Chỉ còn lại xương thối
 Máu thịt da cùng gân
 Trở lại như lúc sống
 Móng tay thật là dài
 Do nghiệp tự nhiên sanh
 Do xưa tâm sân oán
 Liền cùng nhau cầu xé
 Thọ lãnh khổ hại rồi
 Gió lạnh lại thổi đến
 Sanh trở lại thân thể
 Gió xong cảm nơi nghiệp
 Như Lai Thầy Trời Người
 Như thật đã thấy rồi
 Lại liền nói Tiệt Sanh
 Cho người tạo ác nghe.

Phẩm Tiệm Sanh Địa Ngục - Cứu Cảnh Địa Ngục Hắc Thằng thứ hai

Lại có địa ngục tên là Hắc Thằng, tất cả đều bằng sắt; ngày đêm thiêu đốt, lửa cháy ngất trời, lan rộng rất nhiều do tuần. Ở trong đó tội nhơn bị ngục tốt bắt nằm trên đất rồi căng ra bằng cây và trói bằng dây Hắc Thằng, rồi dùng búa để chặt. Hoặc chia ra làm 8 phần; hoặc 6 phần; hoặc 4 phần. Từ chân của các tội nhơn cho đến đỉnh đầu, dùng rìu búa để chặt ra từng đoạn dài và phân chia tội nhơn từng mục cho tới chân. Dùng búa rìu để chặt nhỏ như từng đoạn mía. Người ở địa ngục này lãnh chịu tàn nhẫn mà trên các loại khổ, khó có thể nhẫn được. Thật là can cường và thật là khổ não. Cho đến khi ác nghiệp thọ quả báo chưa xong mà cầu cho chết cũng chẳng chết được.

Đây là do làm nghiệp gì mà khởi lên quả báo này?
Làm cho chúng sanh phải sanh vào đó?

Ngày xưa khi còn làm người đã làm như: Tùy theo lực mà chém; tùy theo lượng mà quyết định; tự làm và giết người khác. Những tội nặng như thế như cho cắt tay, chặt chân, mất tai mũi cũng bị cắt như thế và chia thịt ra làm nhiều phần; hoặc làm 2; hoặc chia 5; hoặc chia 10. Do nghiệp báo như vậy cho nên chúng sanh phải sanh vào trong này.

Lại cũng có nhiều loại tội ác bất thiện nghiệp báo mà sanh vào trong này. Lại cũng có tăng thượng nghiệp cảm nên

sanh vào nơi đây. Sanh vào nơi ấy rồi thọ nhận nhiều tội ác và các quả báo của bất thiện nghiệp. Lúc ở trong đó ngục tốt chửi bới, người sợ thọ tội và kẻ ác khởi động lên. Lúc ấy rất nhiều tội như tâm hay sợ hãi. Lúc ấy giống như cây gỗ trong rừng, những loại y áo bằng thép sắt đốt lên thiêu cháy với ánh sáng lớn. Có cả hàng ngàn vạn áo cà-sa bằng sắt và áo mặc bằng sắt từ không trung đáp xuống trên tội như và tội như kêu cứu. La lên: Áo đến, áo đến. Khi áo đến rồi thì mỗi người mặc vào, da, thịt, gân, cốt tất cả đều bị đốt như. Đốt như xong thì áo sắt tự biến.

Người ở địa ngục này thọ việc thiêu đốt ấy vô vàn khổ nạn, khó thể nhận chịu được hết. Thật là can cường và thật là thống thiết. Cho đến khi ác nghiệp thọ quả báo chưa hết mà muốn được chết cũng khó lòng.

Vì làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? Làm cho chúng sanh lại sanh vào trong này?

Nguyên do là ngày xưa khi còn làm người hay bẻ chân tay và lấy gậy đánh chúng sanh; hoặc là dùng gậy đập lên da; hoặc dùng cắt thái; hoặc là chặt đuôi cá. Hoặc người xuất gia phá giới, thọ dụng của đất nước áo mặc và đồ cột lưng. Do nghiệp báo này mà sanh vào đây. Lại còn nhiều loại nghiệp ác bất thiện quả báo nên sanh vào đây và lại còn theo tầng thượng nghiệp cảm mà sanh vào đây. Khi sanh vào đây rồi thọ dụng nhiều loại nghiệp báo bất thiện. Có những tội như bị ngục tốt lột da từ chân lên đến đầu mới dùng chằng có khó khăn. Lại cũng có ngục tốt lột da từ đầu đến chân chằng có khó khăn gì. Lại cũng có tội như bị lột từ da đầu cho đến bụng thì dùng; hoặc từ bụng lột cho đến chân thì dùng, làm cho tội như toàn thân không có da và tất cả đều bừa bãi trên đất. Từ nơi đất ấy còn sót lại bình khổ khó lường; giống như ở đời khi mặc áo quần rộng chật, dài ngắn chằng thể vừa, thì nơi da thịt của thân này cũng lại như thế. Người ở địa ngục này thọ nhận việc lột da thịt là khổ nạn, chằng thể nhận

được. Thật là can cường và thật là đau xiết. Cho đến ác nghiệp thọ báo chưa xong mà muốn chết cũng chẳng được.

Đây là vì làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? Và làm cho chúng sanh sanh vào cõi này vậy?

Ngày xưa khi còn làm người đã cắt da chúng sanh và lột da để làm đồ mặc, làm y phục che thân và vui thú về việc ấy. Lại ngày xưa người này đánh bằng roi da lên chúng sanh. Hoặc tự làm rồi bảo kẻ kia làm. Lại cũng có người xuất gia phá giới; thọ dụng của đất nước y phục, ngọa cụ v.v... Do nghiệp báo này mà thọ sanh nơi kia. Lại có nhiều loại nghiệp ác bất thiện nghiệp báo nên sanh vào đây. Lại cũng có tăng thượng nghiệp cảm nên sanh vào đây. Khi sanh vào đó rồi thọ nhận các nghiệp báo bất thiện. Ở giữa ngục này thật là tối tăm; khói bay mù mịt và những khí hôi thê thắm; lột da phá thịt đến cốt tủy. Hơi độc này chạm đến trong và ngoài thân. Sau đó ngục tốt ra lệnh cho vào nơi khói ấy. Rồi tội nhơn sợ hãi nên chạy khắp nơi và luôn bị chướng ngại. Chạy nhiều do tuần và da thịt bị khốn khổ như thế. Ở địa ngục này người ta thọ nhận khói độc này thật là khổ nạn, chẳng thể nhẫn được. Thật là can cường, thật là thống khổ. Cho đến kẻ thọ nghiệp ác kia chưa xong mà muốn chết cũng không được.

Vì làm việc gì mà thọ nhận quả báo này? Và làm cho chúng sanh bị sanh vào đây ?

Ngày xưa khi còn làm người làm nhà kín để nhốt người rồi giết hại; hoặc làm nhà lao cho người chịu khổ; hoặc heo, hoặc cá; hoặc chồn, mèo, hoặc chó, chuột, hoặc nhím hay ong, tất cả đều ở ổ hay hang mà đem xông khói vào, cho đến muỗi mòng bị xông khói liền chạy. Do nghiệp báo này mà sanh vào đây. Lại cũng có nhiều loại nghiệp ác bất thiện sanh vào nơi đây; lại cũng có những tăng thượng

nghiệp cảm sanh vào nơi đây. Khi sanh vào đây rồi thọ dụng nhiều loại quả báo bất thiện.

Vì sao ngục này có tên là Hắc Thằng?

Vì những tội nhân ở trong đó bị trói vào dây và bị đánh, chặt cực nhọc; nên tên là Hắc Thằng. Lại do tự tánh vốn có tên là Hắc Thằng. Muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Ngục tốt trong Hắc Thằng
 Đè tội nhờn như cây
 Tùy theo cảnh Hắc Thằng
 Cầm dao búa chẻ chặt
 Lại cũng có áo sắt
 Ngày đêm hằng thiêu đốt
 Trói chặt các tội nhờn
 Máu thịt chảy lai láng
 Cắt da chân tới đầu
 Từ đầu, bụng cũng thê
 Tội nhờn nơi Hắc Thằng
 Không có da cùng thịt
 Sợ hãi chỗ tối tăm
 Khói độc đầy đầy cả
 Ngục tốt ép mang vào
 Vào rồi cho ở đó
 Chạy trốn cả do tuần
 Khói mù chẳng thấy được
 Liền che khuất thân da
 Minh người đều khốn khổ
 Trong này nhờn cùng quả
 Như thật Phật tự biết
 Như thế nói Hắc Thằng
 Là nơi ở người ác.

Hắc Thăng Địa Ngục Phẩm Cứu Cánh



Đại Hạng Địa Ngục

Nằm giữa 2 địa ngục Tiệm Sanh và địa ngục Hắc Thăng có một địa ngục tên là Đại Hạng, như một cái chợ lớn. Ở đây tội như người thì ngược mắt lên; có lúc che mắt lại; hoặc cho nằm trên sắt suốt ngày và lấy chày sắt giã; hoặc phanh thây, chặt khúc tội nhân từ chân đến đầu; hoặc có tội như bị căng da trên mặt đất và thịt bị cắt bỏ lên trên đất. Lại cũng có tội như hạ kiếm xuống thì chết và đỡ kiếm lên lại sống. Những nguyên như tính tự ở đây nhiều như núi cao. Khi lưỡi kiếm hạ xuống mặt, tai, mũi, đầu thì đứt đoạn; khi lưỡi kiếm đỡ lên thì hoàn lại như cũ. Đầu, mũi v.v... chất lại thành đống như núi cao. Cho đến những ác nghiệp này thọ chưa xong; nếu có muốn chết cũng không thể chết được.

Đây do làm việc gì mà thọ quả báo như vậy? Mà làm cho những chúng sanh phải sanh vào trong ngục này?

Nguyên do ngày xưa khi còn làm người, làm nghề giết heo, bò, dê, nai để sinh sống; hoặc rập chim, cá; hoặc mổ xẻ, giam cầm; hoặc tự trộm lấy, hoặc hành hình tội như. Do nghiệp báo này mà sanh vào đây. Lại còn nhiều loại nghiệp

ác khác cũng sanh vào đây. Lại cũng còn những tăng thượng nghiệp cảm mà sanh vào đây. Khi sanh ở trong này thọ đủ loại bất thiện nghiệp báo. Người ở địa ngục này đầu giống đầu voi và thân giống thân người. Lại có tội như đầu như đầu chim và thân như thân người. Lại cũng có tội như đầu như đầu bò mà thân như thân người. Như thế có nhiều loại chẳng giống nhau. Ở trong ấy ngục tốt bắt các tội như cột vào xe bằng sắt. Ngày đêm đốt cháy bằng lửa nung nóng. Có loại sắt thẳng; có loại sắt dây. Đường đi ở đây tất cả cũng bằng sắt, dài rộng cả hằng do tuần. Ở trong ấy ngục tốt cầm cây bằng sắt xua đuổi đến đi. Thọ những sự khổ như thế, chẳng biết nói sao cho hết được. Thật là can cường, đau xót. Cho đến những nghiệp ác này lãnh thọ chưa xong mà muốn chết cũng không thể được.

Điều ấy vì nghiệp gì mà thọ quả báo này? đã làm cho chúng sanh sanh vào nơi ấy?

Ngày xưa khi còn làm người; hoặc là người giữ voi; hoặc người giữ ngựa; hoặc người chăn bò; hoặc cỡi các loại thú; do nghiệp báo ấy mà thọ sanh vào đây. Lại có nhiều loại nghiệp báo ác khác cũng sanh vào đây. Cũng có những tăng thượng nghiệp báo cảm hoài mà sanh vào đây. Khi đã sanh vào đây rồi, thọ các loại nghiệp bất thiện như thế. Ở trong ấy cũng có những chúng sanh đầu là đầu bò, mà thân là thân người. Lại cũng có tội như đầu nai, thân người. Lại cũng có chúng sanh đầu heo, thân người. Như thế nhiều vô số kể. Ngục tốt thường hay tụ tập vây quanh, cầm cung đao đủ loại khí giới, cây gậy; chặt xẻ tội như và phải thọ những thảm hại này. Thật là khổ nạn, khó nhẫn hết được; thật là can cường và thật là đau xót. Cho đến những ác nghiệp ác thọ chưa xong mà muốn chết cũng không chết được.

Nghiệp này do làm gì mà thọ quả báo này? Làm cho chúng sanh sanh vào đây?

Nguyên là ngày xưa khi còn làm người, đã mang lấy dao gậy, sắn bắn, đặt lưới hại mạng chúng sanh, vây bắt nhiều người; hoặc chặt; hoặc lóc; hoặc giết; hoặc hại. Do nghiệp này mà sanh vào đây. Lại cũng có nhiều loại ác nghiệp báo khác nên sanh vào đây. Cũng còn những tầng thượng nghiệp báo cảm ứng nên sanh vào đây. Khi ở trong ấy rồi, thọ nhiều loại bất thiện nghiệp báo. Ở trong ấy có một cây tên là: Nghịch Thứ Diệm Phù Lê. Tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt nung nấu ngọn lửa nóng. Cây cao 1 do tuần và cành dài 16 thốn. Ngực tốt treo tội nhờn lên cây, kéo lên rồi hạ xuống. Khi kéo lên cao rồi làm cho rớt xuống thấp. Khi ở dưới thấp liền kéo lên cao. Khi bị kéo lên như thế thì bụng bị gập thân cây và da thịt nát như tương. Nếu hai vai trúng vào cây, da thịt cũng chẳng còn. Rồi da thịt bụng trở lại như cũ và da thịt nơi hai vai cũng lại như thế. Do việc này mà tùy theo bụng, hông, vai để treo lên hạ xuống. Như thế tội nhờn thọ nghiệp rất tàn hại, thật là khốn khổ, khó thể nhẫn được, thật là can cường, thật là thống thiết. Cho đến những nghiệp ác mà trả chưa xong; nếu muốn chết cũng không thể được.

Ngày xưa vì làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? và làm cho chúng sanh phải sanh vào đây?

Ngày xưa khi còn làm người, làm việc tà dâm với phụ nữ; hoặc có những người đàn bà khi dối chồng mình. Do những nghiệp này mà sanh vào đây. Lại còn nhiều loại ác nghiệp báo phải sanh vào đây. Cũng có những tầng thượng nghiệp báo mà sanh vào đây. Khi sanh vào đó rồi thọ nhận nhiều loại bất thiện nghiệp báo. Ở nơi ngực kia lại có những chúng sanh bị ở trong hầm núi than sắt nóng. Ngày đêm bị thiêu đốt nung cháy. Ngực tốt trong ấy kéo tội nhờn cao lên thấp xuống; rồi bụng cọ vào núi, da thịt nát bấy. Vai dính vào núi, da thịt cũng chẳng còn. Bụng lại như cũ và da thịt ở vai cũng vậy. Do việc này mà bụng, hông, vai bị treo lên,

kéo xuống. Như thế tội hơn thọ các khổ hại. Thật là khổ não chẳng nói sao cho xiết. Thật là can cường, thật là thống thiết. Cho đến những nghiệp ác trả chưa hết; nếu có muốn chết cũng chẳng thể được.

Ngày xưa đã làm nghiệp gì mà thọ quả báo như vậy?
Làm cho chúng sanh phải sanh vào nơi này?

Ngày xưa khi còn làm người hay lấy mạng của chúng sanh đặt lên trên lửa; hoặc bỏ vào cát nóng; hoặc bỏ vào than nóng; hoặc ném vào chỗ bất tịnh; hoặc cho trâu, bò, ngựa đi vào những vùng cát nóng. Do nghiệp này mà sanh vào đây. Lại cũng có nhiều loại ác nghiệp báo khác cũng sanh vào đây. Lại còn có tăng thượng nghiệp báo cảm ứng nên sanh vào đây. Khi sanh vào đó rồi, thọ nhiều loại nghiệp báo bất thiện.

Phẩm Tụ Khái Địa Ngục Thứ ba

Lại có địa ngục tên là Tụ Khái. Tướng của địa ngục này giống như nằm giữa 2 núi. Ở bên trong ấy ngục tốt cắm nhiều loại cây gậy khí giới để khùng bố tội nhơn. Do vậy mà tội nhơn liền sợ hãi. Vào giữa 2 núi này có nhiều ngàn người. Khi vào giữa núi rồi có ngọn lửa lớn tụ lại cắt đứt con đường phía trước. Lúc ấy tội nhơn thấy ngọn lửa dữ, liền muốn thối lui. Lại thấy phía sau có ngọn lửa lớn tụ lại. Bốn bề bị vây chặt bởi 2 núi hợp lại. Khi 2 núi di chuyển đến thì tội nhơn phát lên tiếng la ó kêu cứu và nói rằng:

"Núi đã đến rồi! Núi đã đến rồi!"

Khi núi gần lại như ép ra dầu, thì núi này ép tội nhơn cũng như thế ấy. Sau khi đã làm xong, núi hở bên trên và các tội nhơn thấy núi cao lên; liền chui vào dưới núi, tức thời bị rơi vào chỗ đọa lạc của thân; giống như chỗ nhốt những bầy thú, máu chảy thành sông; chỉ còn gân cốt và da thịt không có. Thọ nghiệp này tàn hại, thật là khổ nạn, khó thể nhẫn, thật là can cường và thống thiết. Cho đến các nghiệp ác thọ nhận chưa hết; nếu muốn chết cũng khó thể được. Nguyên nhân ngày xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? và làm cho chúng sanh sanh vào chỗ kia?

Nguyên là ngày xưa khi còn làm người lấy dây tre bó người rồi cho voi giậm lên; hoặc lúc chiến đấu chận xe cho người vào lối bí. Rồi lại dùng đá để ném người. Lại ở những đường hiểm hóc lại làm những bẫy để sập chúng sanh; hoặc dùng hầm chông nhọn để gài bẫy. Như vậy những nghiệp ấy

phải thọ quả báo và sanh vào đây. Lại có nhiều loại bất thiện nghiệp cũng sanh vào đây. Lại cũng có tầng thượng nghiệp cảm ứng nên sanh vào đây. Khi sanh vào đây rồi, thọ những quả báo của nghiệp bất thiện. Ở trong đó tội nhơn chỉ trừ gân cốt, chẳng còn máu thịt. Lúc ấy ngục tốt nói với bạn rằng:

"Ta nay cùng người trong khay móng tay, hành hạ tội nhơn như treo ngược và dùng lửa đốt, rồi dùng chày để đâm vào thân này".

Chỉ trong chốc lát thì tội nhơn phải vào thọ báo trong 500 năm. Thọ báo rất tàn hại và khô sở như trước đã nói. Ngày trước đã làm nghiệp gì mà phải tương ứng với quả báo như vậy? Làm cho chúng sanh phải sanh vào chôn này?

Ngày xưa khi còn làm người hay cầm dao gậy, xà-mâu, rựa dao v.v... để giết hại chúng sanh; giã đâm côn trùng trong gạo lúa, mè v.v... Do nghiệp như vậy nên thọ sanh vào đây. Lại có những loại bất thiện nghiệp báo khác cũng sanh vào đây. Cũng có những tầng thượng nghiệp cảm cũng sanh vào đây. Khi sanh vào đây rồi thọ các loại bất thiện nghiệp báo. Vì sao mà ngục này tên là Tụ Khái? Ở trong ấy tội nhơn tụ tập lại một nơi, rồi 2 núi tụ lại. Cho nên gọi là Tụ Khái. Lại cũng do nguyên thể có tên là Tụ Khái; nên gọi như vậy. Nói kệ thêm một lần nữa.

Ở địa ngục Tụ Khái
Giữa hai núi lớn kia
Vô số các tội nhơn
Vào trong như nai vào
Do vì đã chứa nghiệp
Làm hai núi hợp lại
Chôn vùi nhiều chúng sanh
Lửa bao vây trước sau
Từ thân phận tội nhơn
Máu chảy ra thành sông

Như thế thọ nạn khô
Trong ấy chẳng chết được
Đề lên miếng sắt nóng
Lấy chày mà đâm cho
Thọ nghiệp xưa đã gây
Căn ra năm trăm năm
Như Lai Thầy Trời Người
Như thật thấy vậy rồi
Cho nên nói Tụ Khái
Chỗ ở của người ác.

Tụ Khái Địa Ngục - Phẩm Cứu Cánh

Phẩm Địa Ngục Khiếu Hoán Thứ tư

Lại có địa ngục tên là Khiếu Hoán. Ở trong một cái phòng hẹp mà có nhiều ngàn người. Ở trong đây tội nhon mỗi người một phòng, thân hình to lớn nhưng phòng lại nhỏ. Bực bội khó chịu, hết cả 4 oai nghi và bị lửa đốt cháy. Ở bên dưới tội nhon bị lửa phả lên. Lửa càng mạnh kêu tiếng lớn, lửa liền yếu đi. Lửa yếu mà kêu lên thì sẽ hạ xuống thấp để thọ nhận việc bị đốt này; thật là khổ nạn chẳng thể nhẫn được. Thật là can cường, thật là đau đớn. Cho đến khi nghiệp ác thọ chưa xong, mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa vì làm nghiệp gì mà phải thọ quả báo này? Và làm cho chúng sanh bị sanh vào đây?

Ngày xưa khi còn làm người chẳng giúp đỡ và chẳng nương nhờ nơi chúng sanh. Tự mình làm hoặc bảo người khác gây ra đại trọng tội. Tự làm hay bảo người làm thiêu đốt rừng rậm; hoặc tạo phòng kín để lấy lửa giết người. Hoặc tạo lao ngục rồi lấy lửa hại người. Hoặc giết heo, cá, chồn cáo, săn bắn vào đào hang v.v... Rồi nơi miệng hang lấy lửa đốt cháy. Cho đến muỗi mòng cùng lấy đồ xông lên và do nghiệp báo như vậy nên thọ sanh vào đây. Lại cũng có các loại ác nghiệp khác sanh vào đây. Khi ở trong này rồi thọ nhiều loại nghiệp báo chẳng lành.-

Phẩm Địa Ngục Đại Khiếu Hoán Thứ năm

Lại có địa ngục tên là Đại Khiếu Hoán, giống như một cái hầm lớn, dài rộng hằng nhiều do tuần. Tất cả đều bằng sắt như trước đã nói. Ở trong ấy ngục tốt lấy sắt đánh vào tội nhưn để khùng bó. Tội nhưn thấy rồi sinh ra rất sợ hãi. Hoặc chạy trốn hoặc chẳng chạy trốn; hoặc chung quanh bị bao bọc; hoặc bề mặt tường; hoặc lại thấy thẳng; hoặc gặp gỡ nghinh tiếp tán thán; hoặc từ tạ xin ơn. Lúc ấy ngục tốt hỏi kẻ gặp nhau rằng:

"Các người vì sao mà đến đây để gặp ta?"

Tức thời sắt ấy liền đánh đập lên đầu như chém ngói, đầu bị nát như cũng như thế. Rồi nói với người không nghinh tiếp rằng:

"Người chẳng đến ta", rồi đập phá lên đầu cũng như trước. Muốn chạy chẳng thoát và bị bức tường phía trước ngăn che lại. Nghe hay không nghe các câu hỏi đều bị trừng trị tất cả như thế. Vì do nhân duyên ấy mà tất cả đều bị bỏ đầu; chẳng có ai được miễn thọ cực hình này. Thật là khôn khổ, chẳng thể nhẫn được. Thật là can cường, thật là đau xót. Cho đến khi mà các nghiệp ác chưa trả xong, muốn được chết đi; nhưng chẳng chết được. Ngày xưa vì làm việc gì mà thọ quả báo này? Và làm cho chúng sanh sanh vào đây?"

Ngày xưa khi còn làm người hay đào hồ làm ngục. Nếu có người phạm tội bắt bỏ vào trong, làm cho chẳng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Do nghiệp báo này mà sanh vào đây. Lại còn các loại nghiệp báo khác cũng sanh vào

đây. Lại có các tầng thượng nghiệp cảm ứng nên sanh vào trong này. Khi sanh vào trong này rồi thọ đủ loại nghiệp bất thiện. Vì làm nghiệp gì mà bị bỏ đầu?

Ngày xưa khi còn làm người đã giết mạng chúng sanh bằng cách đánh bỏ vào đầu; hoặc cá, rắn, ngô công v.v... những loại chúng sanh như thế. Do những nghiệp ấy mà bị quả báo bỏ đầu. Địa ngục này thiêu đốt khốn khổ lại cũng như trước. Nhiều ngày tháng đầu bị đập nát rất khổ. Vì sao ngục này tên là Đại Khiếu Hoán?

Ở trong đó tội nhọn do đánh đập, do lừa nên có tên là kêu la lớn. Tuy nghe tiếng la lớn nhưng không bớt đi; cho đến chẳng thể kêu mẹ, kêu cha. Cho nên địa ngục này tên là Đại Khiếu Hoán. Lại do tự tánh nên có tên là Đại Khiếu Hoán. Lại nói kệ thêm rằng:

Ở nơi ngục Khiếu Hoán (Kêu La)
 Nhiều người bị bách hại
 Dưới lửa thiêu đốt lớn
 Kêu la tiếng kinh hoàng
 Nếu lửa hay yếu đi
 Tiếng kêu lại cũng yếu
 Khổ chẳng có oai nghi
 Đau đớn vì thiêu đốt
 Thứ hai kêu la lớn
 Tội đen lông dựng ngược
 Tường chắn khó thoát khỏi
 Rộng lớn thật khó lường
 Ngục tốt ở trong đó
 Lấy cây sắt đánh đập
 Đầu nát như oan gia
 Vô lượng trăm ngàn năm
 Như Lai Thầy Trời Người
 Như thật đã thấy rồi

Nên nói hai loại kêu
Người tạo ác ở đây.

Phẩm Địa Ngục Kêu La Lớn Nhỏ
Cứu Cánh

Phẩm Địa Ngục Thiêu Chính Thứ Sáu

Lại có địa ngục tên là Thiêu Chính (nướng cháy) giống như một hầm kín, tất cả đều bằng sắt. Ngày đêm thiêu đốt hàng phát ra ánh lửa. Chiều dài vô số do tuần. Ở trong ấy tội hơn nhiều cả ngàn vạn. Nhốt lại rồi thiêu nướng, xong rồi trong ngoài khô queo. Trước sau giống như thịt nướng. Lúc ấy cửa ngục tự nhiên mở. Ngoài cửa ngục này có vô số chó; hoặc chim hoặc đà điểu thân cao lớn, chờ cửa mở và cho vào ngục rồi, sau đó cho tội hơn ra và căng thân ra và treo ngược lên cây cho cây ăn thịt. Khi bị ăn rồi da thịt đều hết. Chỉ còn xương, thật là khốn khổ, khó lường và thấy đều tuyệt vọng. Gió lạnh thổi đến thì da thịt hoàn lại. Lúc ấy ngục tốt lại xô vào, lại bị khổ lửa thiêu nướng như trước thật là khổ nạn như trước đã nói. Ngày xưa vì làm nghiệp gì mà thọ quả báo này vậy? Và làm cho chúng sanh phải sanh vào đây?

Ngày xưa khi còn làm người tạo tác lao ngục chẳng có cửa; rồi lấy phân voi mà tô tường, rồi lấy đất trộn với dầu của cây để thấm hại tội hơn và cho vào trong ngục ấy. Ánh nắng mặt trời chiếu nóng nướng lên và qua một đêm thì hôi thối sinh lên; hoặc cho vào nồi mang nấu sát hại tội hơn; hoặc là lấy lửa thiêu nướng giết người; hoặc hầm; hoặc nướng sinh mệnh của chúng sanh. Do nghiệp báo như vậy nên sanh vào đây. Lại cũng có hàng loạt các loại nghiệp báo xấu cùng với tầng thượng nghiệp báo cảm ứng nên sanh vào đây như trên đã nói. Lại do nghiệp này mà bị chó ăn thịt?

Ngày xưa khi còn làm người hay nuôi dưỡng sư tử, hùm beo, cọp sói, chó sói v.v... làm cho những chúng sanh khác bị mất mạng. Cho nên bây giờ phải thọ sanh vào nghiệp này như trên đã nói. Ngày xưa làm nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi?

Ngày xưa khi còn làm người vì dùng nhiều thịt để nuôi dưỡng chúng sanh và do nghiệp này nên bị gió lạnh thổi. Vì sao ngục này tên là Thiêu Chính (nướng cháy) ?

Bên trong ấy tội nhơn thân tâm bị thiêu nướng; cho nên gọi là Thiêu Chính. Lại do tự tánh là Thiêu Chính. Lại nói thêm kệ rằng:

Nơi địa ngục quay nướng
 Nhà sắt đốt lửa lớn
 Khí nhiệt thật là cao
 Giống như một đồng lửa
 Trong ấy kẻ tạo tội
 Giữ kín mà chịu lửa
 Như xưa đã tạo nghiệp
 Ở đây thọ khổ báo
 Khi ấy thân hành xong
 Chớ kia chực ăn thịt
 Da thịt lại tiêu tan
 Chỉ còn lại cốt xương
 Gió lạnh một lần thổi
 Da thịt trở lại cũ
 Ngục tốt liền xô vào
 Như trước thọ khổ lại
 Như Lai Thầy Trời Người
 Như thật đã thấy rồi
 Cho nên nói thiêu nướng
 Kẻ tạo tội ở đó.

Phẩm Địa Ngục Thiêu Nướng - Cứu Cánh

Phẩm Địa Ngục Đại Thiêu Chính (Thiêu nướng lớn) Thứ Bảy

Lại nữa có địa ngục tên là Đại Thiêu Chính (quay nướng lớn). Địa ngục này cao rộng như núi; tất cả được bao bọc bằng sắt. Lại cũng có những vòng sắt thiêu đốt cực nóng. Hằng phát ra ánh sáng chung quanh và trên dưới tất cả đều vây hãm lại. Hoặc có tội nhơn bị quăng vào lửa để thiêu. Hoặc có chỗ xâu 2 hay 3 người, cho đến 10 người hay 20 tội nhơn, cho đến trăm ngàn rồi cột lại, đoạn cho vào trong núi lửa. Nếu một bên đã cháy rồi thì cái vòng xoay sẽ tự di chuyển qua bên kia để thiêu tiếp. Cũng có những tội nhơn bị xâu bằng sắt rồi tự đánh vào mình tạo thành những vết thương và sau đó quăng vào lửa. Cũng có những tội nhơn do nghiệp quá ác cho nên có vô số dây xâu xuyên qua người và tự đến để hiến thân. Đây là những tội nhơn thọ hình bị xâu rồi quay nướng. Thật là khổ nạn, làm sao nói cho hết được. Thật là can cường và thật là thống thiết. Cho đến những ác nghiệp kia thọ báo chưa dứt mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa đã làm nghiệp gì mà nay phải chịu quả báo này?

Ngày xưa khi còn ở kiếp người hay làm việc thiêu đốt sinh mạng của chúng sanh và do nghiệp này mà bây giờ phải thọ sanh nơi này. Lại cũng có nhiều loại nghiệp báo ác khác

sinh vào đây. Lại cũng có những tăng thượng duyên nghiệp cảm mà sinh vào đây. Khi sinh vào đó rồi, thọ không biết bao nhiêu là việc chẳng lành. Vì sao địa ngục này có tên là Đại Thiêu Chính?

Vì những tội nhơn nơi đây bị xâu lại rồi hình phạt và sau đó ném vào lửa thiêu đốt trong ngoài. Do sự sâu, ưu, khổ não cho nên nói là Đại Thiêu Chính. Liền nói lời kệ rằng:

Địa ngục quay nướng lớn
 Xâu suốt bằng dây sắt
 Vây quanh núi sắt kia
 Do đời trước làm ác
 Bây giờ làm người ác
 Vô số bị xuyên thủng
 Như quay nướng cá kia
 Theo nghiệp nên như vậy
 Như Lai Thấy Trời Người
 Như thật thấy vậy rồi
 Cho nên nói nướng lớn
 Làm người ác nơi này.

Phẩm Quay Nướng Lớn - Cứu Cánh

Phẩm A Tỳ Chỉ Địa Ngục Thứ Tám

Lại có địa ngục tên là A Tỳ Chỉ; giống như một thành lớn, tất cả đều bao bọc bằng sắt. Ngày đêm thiêu đốt, phát ra ánh sáng. Bức tường phía Đông của ngục toàn bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt và hay phát ra ánh lửa. Bức tường phía Tây, Nam, Bắc trên dưới lại cùng với phía Đông giao nhau lửa cháy tứ bề. Lửa bên bức tường phía Tây cháy qua phía Đông. Lửa bên phía Nam lan qua phía Bắc, rồi trở lại Nam. Lửa bên trên cháy xuống rồi lửa bên dưới cháy lên. Tứ bề đều có lửa bao quanh đầy cả ngục. Tội nhơn ở trong đó cả thảy hàng trăm ngàn người đạp giẫm lên nhau và bị thiêu đốt như củi cháy. Ở giữa đó là những tội nhơn do nghiệp báo này mà phải thọ nghiệp. Thân thể sưng đọt, mềm nhũn; đầu cổ cũng mềm nhũn như thế, chẳng thể đi đứng, mất hết 4 oai nghi. Lại có những tội nhơn do nghiệp đời trước ở chỗ còn ít nên thường mang ra khỏi nơi này nên tìm cách chạy; hoặc cũng tùy theo thời tiết mà cửa địa ngục phía Đông tự mở. Các tội nhơn cùng kêu cửa mở và tranh nhau chạy ra; nhưng chưa đến cửa thì cửa liền đóng lại. Lúc ấy thì cửa Tây mở ra. Cửa phía Nam và phía Bắc cũng tự mở và các tội nhơn liền hô lên rằng cửa đã mở; liền nôn nóng hướng về phía cửa mà chạy, khi chưa đến thì tất cả cửa đều tự động đóng lại. Ở trong ấy tội nhơn thọ cái khổ lớn nhất của địa ngục vô gián; thật khó mà kham nhẫn nổi, thật là can cường và thống thiết. Cho đến khi các tội nhơn những

ngiệp báo chưa mãn mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa do làm nghiệp gì mà nay thọ quả báo này?

Thuở xưa khi còn làm người hay giết mẹ, giết cha, giết A La Hán; khởi tâm sát hại Phật và làm thân Phật ra máu; phá hòa hợp tăng; hoặc chính mẹ mình là thánh nhơn mà mình sanh tâm dâm loạn; giết kẻ có chánh định; hoặc sát hại Bồ Tát chúng sanh; hoặc phá hoại 4 loại Chi Đề của Như Lai; hoặc cướp đoạt của cải của Tứ Phương Tăng; hoặc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến là những tội cực nặng. Tùy theo đó một hai cho đến đầy đủ thọ sanh vào đây để trả những việc ác này. Lại cũng có nhiều loại ác báo phải sanh vào đây. Lại cũng có những tầng thượng nghiệp cảm nên sanh vào đây. Khi sanh vào đây rồi thọ nhiều loại bất thiện nghiệp báo. Vì sao địa ngục này tên là A Tỳ Chi ?

Vì tội nhơn ở trong đó thường thọ khổ. Chẳng có thời gian ngừng nghỉ. Địa ngục mà khổ cực nhất cũng không thể sánh bằng. Vì sao vậy? Ngoài ra các ngục tốt ở trong địa ngục khác hoặc có lúc đến hoặc có lúc chẳng đến; hoặc do gió lạnh khổ sở không dừng. Nhưng ở địa ngục này thì không phải như vậy. Từ đầu cho tới cuối khôn khổ tội cùng, thật khó diễn tả. Thật là can cường, thật là thống thiết. Tội nhơn ở trong này thọ mạng một kiếp, cho đến nửa kiếp; đôi khi chẳng định được thời gian, giống như cái lò ban ngày thiêu đốt sắt, như ngôi sao chiếu sáng. Sự thiêu đốt tội nhơn ở đây cũng lại như thế. Cho nên gọi tên là Y Tỳ Chi. Lại cũng do tự tánh; nên gọi là A Tỳ Chi. Liền nói kệ rằng:

Địa ngục A Tỳ Chi
Thật là khổ hết nói
Ngày đêm nấu nung đốt
Ánh lửa đây khắp nơi
Giống như nắng mặt trời

Chiếu sắt ra ánh sáng
Như thể ngục A Tỳ
Tất cả đều toàn lửa
Thân thể của tội nhơn
Giống như chỗ lửa nhóm
Các người xem nghiệp lực
Do đây chỉ hóa than
Hoặc lúc thấy cửa mở
Tranh nhau chạy ra khỏi
Khi đến cửa liền đóng
Túc nghiệp chưa trả xong
Như trời thọ vui người
Cầu sống chẳng cầu chết
Trong đây thọ các khổ
Cầu chết chẳng cầu sống
Như Lai Thầy Trời Người
Như thật đã thấy rồi
Cho nên nói A Tỳ
Kẻ tạo ác sanh đó.

A Tỳ Phẩm - Cứu Cánh

Phẩm Vườn Ngoài Ngăn Cách Địa Ngục Thứ Chín

Chung quanh bên ngoài 8 địa ngục ấy, mỗi cái đều có 4 lớp vườn ngăn cách với địa ngục. Thế nào là bốn ?

Thứ nhất là địa ngục Nhiệt Hôi; thứ hai là địa ngục Phản Thi; thứ ba là địa ngục Kiếm Diệp và thứ tư là địa ngục Liệt Hôi Chấp (nước đồng hơi nóng). Như thế bốn bên vây bủa và mỗi địa ngục cũng nên biết như thế.

Sau đây lần lượt nói về địa ngục Nhiệt Hôi (nước than nóng). Các tội nhân từ đại địa ngục ra, thấy bên ngoài Nhiệt Hôi như là chỗ đất trống bằng phẳng. Thấy rồi liền khởi tâm như thế này: "Ta bây giờ nhất quyết đến đó". Rồi thì tội nhơn đến nơi kia. Chân đạp lên lửa nóng và da thịt liền đốt cháy giống như con mồi bỏ vào lửa mạnh. Khi đỡ chân lên thì da thịt trở lại như cũ; hoặc lúc đến đầu gối; hoặc lúc đến rốn; hoặc đến cổ; hoặc chìm không hiện. Ở trong đây vô số do tuần muốn chạy thoát. Thật là khổ nạn biết bao, khó nhẫn được; thật là can cường, thật là thống thiết. Cho đến những nghiệp ác khi thọ báo chưa xong muốn được chết cũng không thể chết được.

Ngày xưa đã làm việc gì mà thọ quả báo này ?

Ngày xưa trong khi còn làm người đã lấy mạng của chúng sanh bỏ vào trong lửa; hoặc ở trong lửa đỏ; hoặc ở

trong sỏi nóng; hoặc làm việc tà dâm với người đàn bà khác trong đời trước; nên phải vào địa ngục này. Hoặc những kẻ xuất gia phá giới khi đi, đứng, nằm, ngồi ở trong chùa; hoặc khởi ác tâm giẫm nát lên tứ chi; hoặc che đậy tứ chi. Do những nghiệp báo như thế mà sanh vào đây. Lại cũng có những loại nghiệp báo ác khác thọ sanh vào đây. Lại thêm những tầng thượng nghiệp cảm; nên sanh vào nơi kia: Khi đã sanh vào rồi thọ nhận nhiều loại nghiệp bất thiện khác.

Thứ hai là địa ngục Phần Thi. Tội nhờn khi ra khỏi ngoài ngục Nhiệt Hôi rồi, thấy Phần Thi như mát lạnh ở ao có hoa. Thấy rồi liền khởi tâm rằng: "Ta nay quyết định phải ở chỗ này". Xong tội nhờn đến đó và lao vào trong. Khi vào rồi thì có vô số trùng. Có những con trùng miệng sắc bén như mũi kiếm đâm vào da thịt cho đến gân cốt và ăn cho đến tủy. Lại có những con trùng từ lỗ mũi chui vào ăn ngũ tạng. Hoặc từ lỗ tai; hoặc từ mắt vào; hoặc từ miệng vào; hoặc từ đường đại tiểu tiện vào để ăn thịt bên trong. Lại có những con trùng lớn có thể ngậm được tội nhờn; máu thịt rơi lả tả và xương cốt giống như lá cây. Thọ khổ như thế thật là khó nhẫn. Thật là can cường; thật là thống thiết. Cho đến những ác nghiệp thọ báo chưa xong muốn cầu được chết cũng không thể chết được. Ngày xưa đã làm việc gì mà nay bị quả báo này ?

Ngày xưa khi còn làm người hay lấy mạng chúng sanh bỏ vào hầm cầu; hoặc chỗ bất tịnh. Cho đến chỗ dơ uế và do nghiệp báo ấy mà thọ sanh vào đây. Lại cũng có những nghiệp báo khác cũng sanh vào đây. Lại còn tầng thượng nghiệp cảm nên sanh vào đây. Khi sanh vào đó rồi thọ đủ loại nghiệp báo bất thiện. Ngày xưa đã làm nghiệp gì mà bị trùng ăn thịt khốn khổ như thế ?

Ngày xưa khi còn làm người hoặc làm cho rắn, chó, ngô công v.v... lấy mạng chúng sanh; hoặc khởi ác tâm thọ

dụng ngũ trần. Do những nghiệp báo này mà sanh vào đây để bị ăn thịt, như thế thật khổ sở, liền nói kệ rằng:

Đã qua ngục Phần Thi
Thấy rừng cây dễ thương
Liền đốn chặt cành lá
Qua kia muốn cầu vui

Như thế ở trong rừng này những con chim già cổ trắng, chim kên kên v.v... Tại đất ấy cũng có chồn, chó, chó sói, hổ báo, sư tử v.v... thân thật to lớn và loài cầm thú ấy bắt căng tội nhọn ra rĩa thịt; như ăn cây sống cho đến khi thịt, da, máu mủ hết mới thối, chỉ trừ xương cốt lại. Lúc ấy tội nhọn thọ những khổ hình như thế thật vô cùng khổ nhọc chẳng kham nhẫn nổi. Thật là can cường. Thật là đau xót! Lúc ấy thật buồn bực tuyệt vọng thì gió lạnh lại thổi đến và da thịt sanh trở lại, rồi bị ăn thịt. Cho đến khi thọ báo chưa xong, muốn chết cũng không thể nào chết được. Ngày xưa làm nghiệp gì mà bây giờ chịu quả báo như thế ?

Ngày xưa khi còn làm người đã cho hổ báo, sư tử ăn thịt các chúng sanh khác; hoặc cho chó đi săn bắt các cầm thú. Do nguyên nhân này mà thọ sanh vào đây.

Ngày xưa làm nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi? Ngày xưa khi còn làm người nuôi dưỡng chúng sanh rồi làm cho to mập béo bở nhiều thịt. Do nghiệp báo này mà bị gió thổi lạnh.

Địa ngục thứ ba tên là Kiếm Diệp.

Sau khi các tội nhọn ra khỏi địa ngục Phần Thi rồi liền thấy Kiếm Diệp địa ngục, tâm khởi lên ái trước như rừng cây Am La. Con đường dẫn vào rừng kiếm chặt phá đầu tóc, đầu đầu cũng dao dao kiếm kiếm khắp cả mặt đất. Khi các tội nhọn đi vào đường này thì bị xẻo thịt thật là khổ sở. Khi vào được rừng lớn rồi thì có vô số trăm ngàn chúng

sanh đã vào rừng rồi do nhân duyên ác nghiệp và bị gió lớn liền nổi lên và mưa xuống toàn là những binh khí. Toàn là mưa kiếm, mưa mũi tên và mưa dao búa v.v... Tùy theo chỗ dính mắc mà chia thây ra từng đoạn. Đầu cổ chia lia như cây gỗ đóng bàn, phân tán khắp nơi; hoặc mưa sắt chặt từ trên cao xuống đất, làm giao động chẳng thể nhận được sự thảm hại này. Thật là khổ cực can cường, thống thiết biết bao. Cho đến những ác nghiệp thọ báo chưa xong mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa do làm việc gì mà thọ quả báo này?

Do ngày xưa khi còn làm người đã đấu tranh và dùng dao gây để chiến đấu và nói rằng: "Các người dùng dao gây này để lấy nước kia. Rồi bao vây giết hại tất cả những người tụ tập bốn bên". Do nghiệp báo này mà sanh vào nơi kia. Lại có nhiều loại nghiệp báo khác cũng sanh vào đây. Lại cũng có tầng thượng nghiệp báo cảm nên sanh vào đây. Khi sanh vào đây rồi lại thọ nhiều loại nghiệp bất thiện khác nữa. Cảnh địa ngục Kiếm Diệp.

Địa ngục thứ tư tên là Liệt Hôi Cháp (nước tro nóng).

Các tội nhơn từ rừng cây Kiếm Diệp vừa ra khỏi thấy chỗ nước đồng sôi tưởng là nước lạnh nên tâm khởi ái trước rồi lội vào sông này. Những tội nhơn trước ở tại rừng kiếm thân thể đã bị hư nát và khi lội vào sông này thì thân và máu thịt đều hết, chỉ còn gân cốt và nổi lênh bênh trên nước thọ thảm khổ này. Thật là khổ cực vô ngần, thật là can cường đau xót. Cho đến khi nghiệp ác thọ chưa xong mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa vì làm nghiệp gì mà thọ quả báo này ?

Nguyên do ngày xưa ở trong cõi người lấy mạng của chúng sanh để đốt làm dầu, nấu thành nước; hoặc đường, hoặc kiếm; hoặc đốt tử thi lấy nước; hoặc thân chẳng sạch

vào ao vườn nhà người khác; hoặc vào giếng để tắm. Do nghiệp ấy mà phải thọ quả báo sanh ở nơi đây. Lại cũng có nhiều loại ác nghiệp sanh vào đây. Lại cũng có tăng thượng nghiệp báo cảm nên sanh vào đây. Khi sanh vào rồi liền thọ nhận nhiều loại nghiệp báo bất thiện khác nữa. Hai bên bờ sông tro ấy có các ngục tốt nhiều đến số ngàn, thân cao lớn cầm gậy và canh giữ tội nhơn. Lúc ấy tội nhơn nói với ngục tốt phán quan rằng:

Tôi nay đói lắm!

Ngục tốt tức thời bắt để trên bờ sông. Hoặc dùng cây gậy để nạy mở miệng ra rồi cho hòn sắt nóng chiếu sáng bỏ vào miệng nóng như thiêu đốt. Cổ, ngực, tim, bụng, ngũ tạng, tì vị tất cả đều bị bỏng lửa; rồi hòn sắt từ dưới mà ra. Các tội nhơn nầy thọ những khổ hại như thế thật là khổ nạn chẳng thể kham nhẫn, thật là can cường, thật là thống thiết. Cho đến các nghiệp ác báo chưa xong mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo nầy?

Ngày xưa khi còn làm người đã dùng chất độc để cho người khác ăn; hoặc tạo ra việc giết người. Hoặc xuất gia phá giới, ăn của quốc gia cúng dường; hoặc nói dối, ác khẩu, những nghiệp như thế v.v... phải thọ quả báo nầy và sanh vào đây. Lại còn nhiều ác nghiệp khác nên sanh vào đây. Lại còn các tăng thượng nghiệp cảm nên sanh vào đây. Khi đã sanh vào đó rồi; thọ nhận các loại nghiệp báo bất thiện. Có lúc tội nhơn nói với ngục tốt rằng:

Thưa Ngài! Tôi bây giờ khát lắm!

Ngục tốt tức thời bắt tội nhơn để lên bờ; rồi dùng dao gậy để nạy miệng ra; rồi đổ nước sắt đang sôi vào miệng. Bây giờ miệng nóng hồi, cổ, ngực, tim, bụng, ngũ tạng, tì vị v.v... đều phỏng cả và nước sắt chảy ra phía dưới. Lúc ấy tội nhơn thọ những khổ nạn nầy thật là khó nhẫn được, thật can cường, thật đau đớn! Cho đến việc thọ nghiệp quả báo chưa

xong mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa vì làm nghiệp gì mà mang tội khổ này?

Ngày xưa khi còn làm người lấy nước tiểu của voi, ngựa để tắm cho kẻ khác; hoặc cho vào miệng, mũi; hoặc lấy nước dơ cho vào mũi, miệng; hoặc cho uống chất độc và bảo người kia phải nghe theo. Hoặc khuyên người kia uống các thứ rượu; hoặc vì lợi nhuận mà chế rượu; hoặc tự uống rượu; hoặc xuất gia phá giới thọ dụng sự cúng dường của quốc gia như sữa, dầu, đường, mật và đồ uống v.v... hoặc lại uống của kia chẳng phải chỗ uống. Do những nghiệp báo như thế mà sanh vào đây. Lại còn nhiều loại nghiệp báo ác khác phải sanh vào chốn này. Lại cũng có tăng thượng nghiệp báo cảm nên sanh vào đây. Khi sanh vào đây rồi thọ nhận nhiều loại bất thiện nghiệp báo. Lại nói bài kệ rằng:

Tội nơn ra địa ngục
 Thấy trong ngục than nóng
 Giống như mảnh đất rộng
 Khởi mền liền vào đó
 Đến rồi khó chạy khỏi
 Nhiều vô số do tuần
 Bỏ chân xuống bóng lửa
 Bị thọ các sự khổ
 Ra khỏi ngục than nóng
 Liền thấy hầm phần dãi
 Rộng dài lâu trăm trượng
 Yêu mền nghĩ hồ hoa
 Trong đó vô số trùng
 Miệng rắn chắc như kim
 Đâm vào da hút máu
 Phá gân cốt cùng tủy
 Ra khỏi ngục phần dãi
 Lại đến kia ham vui

Gặp các chim trong rừng
 Miệng sắc như cây kim
 Đè người ra dưới cây
 Ăn thịt cùng máu huyết
 Khi đã ăn thịt xong
 Chỉ còn lại gân cốt
 Gió lạnh liền thổi đến
 Da thịt trở lại cũ
 Sợ hãi đập lên nhau
 Chỗ khổ tưởng là yên
 Trên đường gặp tàn hại
 Vào rừng kiếm đáng sợ
 Lúc ấy thân bị bằm
 Đau quá máu hồng chảy
 Lìa khỏi rừng này rồi
 Liền vào sông nước than
 Như nấu đậu chín muối
 Hoặc trôi lên hụp xuống
 Nóng như nước than sôi
 Tội hơn ở trong ấy
 Hai bờ các ngục tốt
 Cầm dao lừa tội hơn
 Rồi lại bỏ trên đất
 Cho ăn hòn sắt nóng
 Hoặc uống nước đồng sôi
 Muốn ăn cho vào miệng
 Đốt cháy cả thân thể
 Sau đó chảy ra dưới
 Như thể người làm ác
 Thọ khổ địa ngục này
 Xưa chẳng tu thiện nghiệp
 Tu hành cả đường tà
 Do khởi suy nghĩ đúng
 Hay lìa các nghiệp ác

Một lòng làm việc tốt
Người này khỏi đường ác
Biết thiện ác hai nghiệp
Quả báo sai biệt vậy
Người trí nên liả ác
Nên trồng các căn lành
Lại cố kè tu hành
Đến thẳng Bát Chánh Đạo
Vì diệt tất cả khổ
Quán vô dư bốn pháp
Như Lai Thầy Trời Người
Như thật đã thấy rồi
Nên nói bên ngoài ngục
Người tạo ác vào đây.

Phẩm Vườn Ngoài Địa Ngục - Cứu Cánh

Phẩm Địa Ngục Diêm La Thứ Mười

Như Đức Phật Bà Già Bà (Thế Tôn) và các vị A La Hán nói rằng:

Ta nghe như thế này: Một thuở nọ Đức Phật Thế Tôn nói: Này các Tỳ Kheo! Ta có Thiên nhân thanh tịnh vượt khỏi nhục nhãn thấy các chúng sanh bị chìm đắm trong sự sanh tử, có điều tốt, có điều xấu, có tế, có thô. Hoặc ở nơi đường lành, hoặc ở nơi đường dữ, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, như thế ta đã rõ và liền nói kệ rằng:

Khởi tạo tâm tà ác
Và nói lời không thật
Hoặc thân nghiệp tà hạnh
Do xưa đã buông lung
Ít nghe, chẳng phước đức
Ác kia trong nhiều đời
Người ấy lúc bỏ thân
Liền đọa ngục Diêm La

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Nếu có người ở đời trước không cung kính cha mẹ, hoặc Bà La Môn Sa Môn; chẳng tôn kính những bạn lành, các bậc tôn trưởng; chẳng tu chánh thiện và làm những việc phước đức. Đối với hiện tại làm ác và những tội ở vị lai chẳng sanh sợ hãi, chẳng làm những việc bố thí, chẳng tu phước đức; chẳng thọ Bát Quan Trai, chẳng trì ngũ giới; sau khi xả bỏ thọ mạng rồi sẽ sanh vào

địa ngục. Ngục tốt thu giữ dữ kiện và tống đến trước Diêm La thưa rằng:

"Người này đòi trước chẳng cung kính với cha mẹ, với Bà La Môn và Sa Môn; chẳng cung kính các bằng hữu và các bậc tôn trưởng; chẳng tu các việc chánh và làm những việc phước đức. Đồi với đời hiện tại làm những việc ác và tội ở vị lai chẳng sanh sợ hãi; chẳng làm các việc bố thí, chẳng tu phước đức, chẳng thọ giới Bát Quan Tri, chẳng trì ngũ giới. Nguyên Vua chỉ dạy và phạt người này làm cho biết lành chừa dữ của nhơn quả".

Lúc ấy vua Diêm La y theo lời của năm Thiên Sứ mà dạy rằng:

Hỡi các chúng sanh! Các người trước đây chẳng thấy lần thứ nhất Thiên Sứ đã đến với người chẳng?

Tâu Đại Vương! Thật con trước đây chẳng thấy.

Vua bảo: Trước đây nhà người khi còn làm người đã chẳng thấy các trẻ nhỏ trai gái mới sanh khi ngủ nhìn lên chẳng thể chạy khỏi chỗ ướt chẳng?

Thưa Pháp Vương: Xưa con đã thấy.

Vua hỏi: Người thấy biết và giải thích ra sao mà chẳng lo tính kế? Ta nay sẽ sanh mà chưa qua khỏi pháp sanh. Ta nương theo thân khẩu ý mà tu hành thiện pháp. Ở trong khoảng thời gian dài thực hành chánh đạo, làm lợi ích hoan hỷ an lạc. Còn người?

Chúng sanh thưa: Thưa Đại Vương! Từ xưa con đã buông lung, chẳng biết làm việc thiện.

Vua nói: Nhà người đã làm những việc tà ác, tự làm và trưởng dưỡng nó; chẳng làm đúng cho cha mẹ, chẳng làm đúng cho quốc vương; chẳng làm đúng cho chư thiên; chẳng làm đúng cho những vong trước của Sa Môn Bà La Môn v.v... tự tạo rồi tự thọ. Tuy chẳng cầu quả báo mà nó tự đến.

Lúc ấy vua Diêm La nhân việc Thiên Sứ đã thừa và dạy rồi, lại có Thiên Sứ thứ hai vì việc làm lành mà dạy dỗ chúng sanh và nói rằng:

Các người đã chẳng thấy đệ nhị Thiên Sứ đến trong khi làm người chẳng?

Tâu Đại Vương! Con trước đây chẳng thấy.

Vua nói: Nhà người trước đây khi còn làm người chẳng thấy nam nữ, già trẻ v.v... hoặc sau lưng, hoặc ở trước lạy cung tên, gậy gộc tìm cách gây hấn đánh đập chẳng?

Chúng sanh nói: Tâu Đại Vương: Con đã thấy rồi.

Vua bảo: Người đã biết và giải thích như thế nào mà không lo kế hoạch? Ta nay sẽ già mà chưa qua khỏi pháp già. Ta nay tùy theo điều có thể nương nơi thân, khẩu, ý mà tu hành pháp lành. Vì qua thời gian dài sẽ được chánh đạo, lợi ích hoan lạc.

Chúng sanh thưa: Tâu Đại Vương! Ngày xưa con phóng dật chẳng thể làm việc lành.

Đại Vương bảo: Người làm việc tà ác, tự tạo và tự trưởng dưỡng; chẳng làm cho cha mẹ, chẳng làm cho quốc vương, chẳng làm cho chư thiên; chẳng làm cho tiên vong Sa Môn Bà La Môn v.v... tự tạo rồi tự thọ. Tuy chẳng nguyện cầu quả báo nhưng quyết định tới.

Lúc ấy vua Diêm La nhân việc thiên sứ mà la mắng dạy bảo rồi, lại có Thiên Sứ thứ ba vì việc làm tốt mà chỉ dạy rằng:

Các chúng sanh! Các người trước đây chẳng thấy đệ tam Thiên Sứ khi còn làm người chẳng?

Tâu Đại Vương! Con trước đây đã chẳng thấy

Vua nói: Người xưa khi còn làm người chẳng thấy nam nữ tật bệnh khốn khổ cực kỳ; hoặc nằm trên giường ghé; hoặc nương cây chỗ tạm thời; hoặc ngủ trên đất. Thân này thật khổ, thật là can cường, thật là khó nhẫn được; xâm phạm tổn hại đến thọ mạng của chúng sanh, khốn khổ bức bách.

Tâu Đại Vương! Con xưa đã thấy.

Vua bảo: Người đã biết và giải quyết những gì mà chẳng lo chạy? Ta nay muốn bình mà chưa qua khỏi bình. Ta muốn tùy theo sự có thể mà nương vào thân, khẩu, ý để tu hành thiện pháp. Qua thời gian dài được nơi chánh đạo, làm lợi ích hoan lạc.

Chúng sanh thưa: Tâu Đại Vương! Ngày xưa con đã buông lung, chẳng thể hành thiện.

Vua nói: Người làm việc tà ác, tự làm tự thọ. Chẳng phải chỗ làm của cha mẹ, chẳng phải chỗ làm của quốc vương, chẳng phải chư thiên, chẳng phải chỗ làm của tiên vong Sa Môn Bà La Môn v.v... tự tác, tự thọ. Tuy chẳng nguyện cầu nghiệp báo; nhưng quyết định đến.

Lúc ấy Vua Diêm La nhơn việc này mà Thiên Sứ quở trách và dạy xong thì đến Thiên Sứ thứ tư vì việc làm chánh đáng mà dạy rằng:

Này các chúng sanh! Các người trước đây chẳng thấy Thiên Sứ thứ 4 đến khi người làm người chẳng?

Tâu Đại Vương! Con trước đây chẳng thấy.

Vua bảo: Người ngày trước khi còn làm người chẳng thấy nam nữ hoặc chết trong một ngày; hoặc hai hay ba ngày cho đến 7 ngày; hoặc phùng trương lên; hoặc đổi màu đen; hoặc hôi thối; hoặc bỏ cho cầm thú ăn thịt!

Chúng sanh nói: Tâu Đại Vương! Con đã thấy rồi.

Vua bảo: Người hiểu biết như thế nào mà chẳng giải quyết lo kể chạy đi? Ta nay muốn chết mà chưa qua khỏi được chỗ chết. Ta muốn tùy theo điều có thể y cứ nơi thân, khẩu, ý tu hành thiện pháp. Vì trong thời gian dài mà được chánh đạo, làm lợi ích hoan lạc.

Chúng sanh nói: Tâu Đại Vương! Con xưa buông lung chẳng biết hành thiện.

Vua bảo: Người tự làm việc tà ác và tự tăng trưởng chẳng kể cha mẹ, chẳng kể quốc vương, chẳng kể chư thiên

và chẳng kể các tiên vong Sa Môn Bà La Môn v.v... tự tác tự thọ. Tuy chẳng nguyện cầu quả báo; nhưng quyết định đến.

Lúc ấy vua Diêm La vì Thiên Sứ này mà trách la dạy bảo rồi lại như Thiên Sứ thứ 5 mà chỉ cho các việc làm lành chánh đáng. Rồi bảo chúng sanh:

Các người trước đây trong khi còn làm người chẳng thấy người đời; hoặc giết, hoặc trộm cắp, hoặc tà dâm cho đến vọng ngữ ác khẩu chẳng?

Vì chỗ vua và người đã hỏi và sai người đánh trống, mắng bảo ra lệnh cho bốn bên vệ đường và ra khỏi cửa thành phía Nam, đến chỗ hình phạt và ngồi đó để tùy theo tội nặng nhẹ mà tuân tự trị phạt hoặc dùng gậy, dây hay roi để đánh vào tay chân; hoặc cắt mũi, cắt tai cho đến xử tử.

Chúng sanh thưa: Tâu Đại Vương! Con từ xưa đã thấy.

Vua bảo: Người thấy biết sao lại không lo chạy? Tất cả nghiệp ác hiện báo có thể thấy; ta nay tùy theo nghiệp lực của người đã làm hoặc thiện hoặc ác, chỗ làm của các nghiệp mà ở đời vị lai theo nguyên nhân ấy để thọ sanh.

Chúng sanh thưa: Tâu Đại Vương! Ngày trước con buông lung, chẳng hay làm lành.

Vua nói: Nghiệp tà ác của người là tự làm và tự tăng trưởng, chẳng biết đến cha mẹ, quốc vương, chư thiên và chẳng biết đến những tiên vong Sa Môn Bà La Môn v.v... tự tác tự thọ. Tuy không cầu quả báo; nhưng chắc chắn đến. Nói lời ấy rồi, xả tâm mà ở. Rồi ngục tốt lúc ấy bắt tội như này quay xuống để sanh vào địa ngục.

Ngục này có 4 cạnh và 4 cửa bằng sắt, thành vây chung quanh, trên dưới đều bằng sắt. Ngày đêm thiêu đốt phát ra sức nóng. Trong đó tội như tùy theo dây thừng đen cột lại rồi dùng búa để chặt, máu thịt văng tứ tung; chỉ trừ có gân cốt, khôn khổ biết đường nào, thật nói sao cho xiết. Lúc ấy gió lạnh thổi qua thì máu thịt trở lại như cũ. Thọ nhận sự

thảm hại này rồi thật là quá khổ sở, cho đến ác nghiệp thọ báo chưa xong, dầu cho muốn chết cũng không chết được. Ngày xưa làm việc gì mà nay thọ quả báo này? Làm cho chúng sanh bị sanh vào nơi ấy?

Ngày xưa khi còn làm người khinh thường cha mẹ, Sa Môn và Bà La Môn, chẳng cung kính thân hữu, tôn trọng; chẳng tu chánh hạnh và những việc phước đức. Đối với ác hiện tại và tội của vị lai chẳng sanh sợ hãi; chẳng hành bố thí, chẳng tu phước đức; chẳng thọ Bát Quan Trai, chẳng trì ngũ giới. Do những việc này thuộc nghiệp hạ phẩm nên sanh vào đây, thọ việc tàn hại này gồm nhiều loại khổ khác nhau. Tội nặng hơn thì sanh lên địa ngục Hắc Thằng. Tội nặng hơn nữa thì sanh vào địa ngục Tụ Khái. Tội nặng hơn nữa thì sanh vào địa ngục Khiếu Hoán. Nếu nặng hơn nữa thì sanh vào địa ngục Đại Khiếu Hoán. Tiếp theo sanh vào địa ngục Thiêu Nhiệt và sau đó sanh vào địa ngục Đại Thiêu Nhiệt và lần thứ 8 sanh vào A Tỳ Chi ngục.

A Tỳ Chi ngục này 4 góc có 4 cửa, thành sắt bao bọc chung quanh; trên dưới đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt toàn là lửa dữ. Ở trong ấy tội hơn thọ nhận sự thiêu đốt khổ sở trăm ngàn lần, giống như đốt củi, giống như hầm sắt. Trong vòng một ngày đêm thân thể bị thiêu đốt cũng như thế.

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Ở A Tỳ Chi ngục này khi cửa Đông mở thì tội hơn thấy rồi liền hướng theo cửa mà chạy, chẳng dám dừng nghỉ và mong được chỗ cứu nạn để ra khỏi; chạy chưa đến cửa thì cửa đã đóng lại rồi. Cửa Tây, Nam, Bắc cũng lại như vậy. Thấy việc ấy rồi vọng niệm mất đi, thân tâm khổ não, bi ai thống thiết, cả ngàn năm như thế phải thọ khổ cực hình đau khổ nhất, thật là khó nhẫn khó biết và đau đớn biết dường nào. Cho đến những nghiệp ác quả báo trả chưa xong mà muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa đã làm nghiệp gì mà thọ quả báo này ?

Ngày xưa khi còn làm người phi báng việc thiện của những tiên nơn siêng năng; hoặc cô phụ ân nghĩa; hoặc phản nghịch sát hại yêu như thân hữu. A Tỳ Chi ngục này là chỗ nghiệp chánh, phương tiện nơn đó mà thọ sanh vào đây. Lại cũng có nhiều ác nghiệp báo cũng thọ sanh vào đây. Lại cũng có những tăng thượng nghiệp cảm nên bị sanh vào đây, rồi thọ nhận những quả bất thiện nghiệp. Khi thọ chánh báo rồi ra khỏi đại địa ngục. Do nghiệp còn dư lại nên phải vào bốn ngục bên ngoài nữa. Trước là vào địa ngục Nhiệt Hôi, than nóng sâu đến đầu gối và dưới đầu gối thì thiêu đốt tội nơn như con trùng bảo vào lửa. Nếu đỡ chân lên thì da thịt trở lại như cũ và tội nơn lại tìm cầu chỗ nương tựa, rồi tìm cách chạy khỏi cả vô số do tuần thì thấy hàm Phẫn Thi. Đất ở đó toàn là do phần của tứ thi đầy dẫy, trong đó có những con trùng tên là Nhưong Cưu Trá. Có vô số con giống như mình rắn; thân trắng đầu đen; miệng nhọn như kim, thò đầu dài ra và miệng thì chờ tội nơn đến. Khi tội nơn vào rồi thì trùng kia lột da rồi đến thịt, cho đến cả gân cốt và tủy. Thọ khổ nhọc này trong vô số trăm ngàn năm ở Đại Khiêu Hoán. Cho đến tội chưa xong mà muốn chết cũng không chết được.

Ra khỏi ngục này rồi lại đến ngục rừng kiếm. Cầu nơi nương tựa nên chạy hướng vào rừng. Trên đường đi đủ loại cây gậy chặt phá thân thể. Khi đã vào rừng rồi thì có gió nóng thổi làm động các cây có kiếm, gió mạnh gặp lửa rồi đốt cháy và rừng kiếm mưa xuống các binh khí rồi chém chặt lấy thân thể. Tùy theo chỗ dính mắc mà da thịt cũng chẳng còn. Thọ sự tàn hại này trong trăm ngàn năm ở Đại Khiêu Hoán rồi cho đến các nghiệp ác chưa tận mà muốn cầu chết cũng không chết được. Lại có nhiều loại cảm thú ăn thịt thân thể tội nơn như trước đã nói.

Khi ra khỏi ngục này rồi thấy sông Nhiệt Hôi, nước đang nấu sôi; nhưng muốn tìm chỗ nương tựa và muốn rời khỏi nên đã chạy vào sông và bị quay cuồng như nấu đậu. Bên cạnh đó có ngục tốt cầm lưới sắt vung bắt tội nhơn rồi kéo lưới sắt lên bờ. Ngục tốt hỏi rằng:

Tội nhơn, nhà ngươi muốn gì ?

Tội nhơn đáp: Tôi bây giờ đói lắm chẳng thể nhẫn được.

Lúc ấy ngục tốt liền lấy con dao và cạy miệng ra cho hòn sắt nóng vào. Khi hòn sắt vào miệng thì lưỡi, tim, ngực, ruột, gan, tì vị, ngũ tạng đều bị thiêu đốt và hòn sắt ấy lăn ra ngoài. Kẻ khát nước, uống nước sắt cũng như thế. Ở nơi địa ngục Đại Khiếu Hoán trong nhiều ngàn năm để thọ khổ sở này cho đến khi những ác nghiệp chưa hết mà muốn chết cũng không thể chết được.

Khi ra khỏi ngục này rồi thì thấy ở giữa là ngục Hạng, giống như một cái chợ lớn, trong đó có cây tên là Diêm Phù Lê. Trong đó có ngục tốt cầm tội nhơn nơi hông rồi đưa lên hạ xuống như trước đã nói. Lại có những nơi nấu nước sắt sôi sùng sục, rồi ngục tốt đem bỏ tội nhơn vào trong. Người ở trong đó mãi 500 năm thì được ra khỏi. Lúc chạy được thì la lên chẳng thể kể xiết; nhưng rồi tội nhơn bị chìm xuống rồi lại muốn ngoi lên, hoặc bị che lấp; giống như đinh nhọn châm vào thân thể nóng buốt. Lại có tội nhơn lưới như da trâu lớn và trên thân thì mang vô số đinh và cũng có tội nhơn toàn thân bị chặt phá như cây mía chảy nước. Lại có tội nhơn bị ngục tốt bằm nát, hạ kiếm xuống là đầu lìa, đỡ kiếm lên là đầu liền lại như cũ. Do việc giết này mà đầu chất như núi và tay chân lại cũng như vậy. Lại cũng có tội nhơn bị căng da trên đất rồi lấy kiếm xẻo thịt và chất lên trên da. Lại có tội nhơn đầy cả kim sắt, rồi ngục tốt lấy chày giã lên mình: Lại có tội nhơn đầu thú mình người; hoặc kéo xe như trước đã nói. Hoặc có vô số tội nhơn vị các ngục tốt vây quanh như

sẵn sẵn. Như thế các tội nhờn này thọ các thảm hại cực kỳ khổ sở, khó nhẫn được. Thật là can cường tối ư thống khổ. Cho đến những nghiệp ác chưa trả hết muốn chết cũng không thể chết được. Ngày xưa làm nghiệp gì mà nay thọ tội báo này?

Ngày xưa khi còn làm người, tạo tác 10 điều ác và khinh thường chẳng có địa ngục nên bị sanh vào đây; hoặc do thọ nghiệp quả của nghiệp còn sót lại; cho nên thọ sanh vào đây. Khi sanh vào đây rồi thọ đủ loại những nghiệp báo còn lại. Lúc ấy Đức Phật bảo các Tỷ Kheo rằng:

Vua Diêm La hằng nguyện rằng: Cho đến bao giờ thì ta mới rời khỏi đây mới sanh vào làm người cùng với đồng loại ở trong nhà giàu có. Nhiều cửa quý báu, thân người đẹp đẽ và đầy đủ tướng an lạc. Xe cộ và chân đạo chơi không đạp lên đất. Do năm tháng 6 căn sẽ tăng trưởng rồi làm việc bổ thí và các công đức khác, cắt tóc, cạo râu rồi mặc pháp y. Do trí chánh tín mà xả ly đời sống thế tục, ở một mình và được xuất gia. Ta nguyện thành được cứu cánh phạm hạnh, giống như ngày xưa của các Thiện Nam Tử. Xuất gia được đạo phạm hạnh cứu cánh. Lúc ấy Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Vì sao tạo nghiệp này
 Hiện đời sanh ưu não
 Vị lai khóc cùng la
 Thọ các loại quả khổ
 Ác nghiệp nếu chưa thuần
 Kẻ si tưởng mùi ngọt
 Khi nghiệp này chín rồi
 Mới biết là khổ nạn
 Lúc mới tạo nghiệp ác
 Cũng như lửa mới cháy
 Như than che trên lửa

Tùy ý mà đốt người
 Tội nhờn nhiều thống khổ
 Tất cả bị tổn hại
 Hao tổn các căn lành
 Như cây chuối ra trái
 Ác trí làm tự hại
 Giống như trị oan gia
 Khởi tạo các nghiệp ác
 Sẽ cảm khổ đương lai
 Khổ hạnh, thiện nghiệp tốt
 Hiện tại chẳng lo lắng
 Vị lai thọ quả báo
 Hoan hỷ hằng an lạc
 Như Lai Thầy Trời Người
 Như thật thấy thế rồi
 Nên nói ngục Diêm La
 Người tạo ác ở đó.

Phẩm Địa Ngục - Cứu Cánh

**Phật nói luận A Tỳ Đàm Về Việc Thành Lập Thế Giới
 Hết Quyển 8**

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM VỀ
VIỆC THÀNH LẬP
THẾ GIỚI



Quyển thứ 9

Trần, Tây Ân Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch



Phẩm Tiểu Tam Tai Về Tật Bệnh Thứ hai mươi bốn

Đức Thế Tôn dạy rằng: Một Tiểu kiếp gọi là một kiếp; 20 Tiểu Kiếp lại cũng có tên là một kiếp. 40 Tiểu Kiếp cũng có tên là một kiếp. 60 Tiểu Kiếp lại cũng gọi là một kiếp. 80 Tiểu kiếp là một Đại Kiếp.

Vì sao mà một Tiểu Kiếp gọi là một kiếp?

Lúc bấy giờ Tỳ Kheo Đề Bà Đạt Đa ở trong địa ngục thọ xong nghiệp báo, Đức Phật đã nói về trụ thọ của một kiếp. Như thế một Tiểu Kiếp được gọi là một kiếp.

Vì sao mà 30 Tiểu Kiếp cũng gọi là một kiếp?

Như chư thiên Phạm Thiên Hạnh thọ mạng của họ là 30 Tiểu Kiếp. Cho nên các Phạm Thiên, Phật nói trụ thọ một kiếp. Như thế 30 Tiểu Kiếp còn gọi là một kiếp.

Vì sao 40 Tiểu Kiếp gọi là một kiếp?

Như tuổi thọ của Phạm Chúng Thiên là 40 Tiểu Kiếp. Phật nói trụ thọ của họ là một kiếp. Như thế 40 Tiểu Kiếp lại gọi là một kiếp.

Vì sao 60 Tiểu Kiếp lại gọi là một kiếp?

Như tuổi thọ của Đại Phạm Thiên là 60 Tiểu Kiếp; nên Phật nói trụ thọ của họ là một kiếp. Như thế 60 Tiểu Kiếp lại có tên là một kiếp.

Vì sao 80 Tiểu Kiếp gọi là một Đại Kiếp?

Phật bảo: Giữa kiếp thế giới tan hoại; kiếp trung thế giới tan hoại rồi trụ; kiếp trung thế giới khởi thành; kiếp trung thế giới khởi thành rồi trụ. Thế giới tan hoại và kiếp số lần lượt Phật dạy như sau:

Này các Tỳ Kheo! Trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới tan hoại; rồi trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới tan hoại rồi trụ lại. Kế đến là trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới khởi thành. Kế tiếp là trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới khởi thành rồi trụ lại. Cứ 20 Tiểu Kiếp thế giới khởi thành rồi trụ lại, cũng có nhiều việc đã qua và cũng có nhiều việc sẽ tới. 8 Tiểu Kiếp đã qua và 12 Tiểu Kiếp vị lai. Lần thứ 9 một kiếp hiện tại chưa hết, thì lần thứ 9 này một kiếp ấy có nhiều cái đã qua và có lắm cái ở vị lai. Vị lai còn lại là 690 năm. Ở đây nằm trung gian giữa 20 Tiểu Kiếp lại có 3 lần tam tai lần lượt xoay vần là: Một là thời kỳ tật bệnh; hai là thời kỳ đại đao binh và 3 là thời kỳ đói khát lớn. Bây giờ đang ở kiếp thứ 9 tức là gặp 3 tam tai. Kiếp này do đói khát cho nên sẽ tận.

Phật bảo:

Này các Tỳ Kheo! 20 Tiểu Kiếp thế giới khởi thành rồi được trụ lại và lần kiếp thứ nhất lúc Tiểu Tai khởi lên lại có rất nhiều loại tật bệnh. Tất cả đều xảy ra ở cõi Diêm Phù Đề. Tất cả các đất nước cùng nhân dân bị gặp tật bệnh. Tất cả quỷ thần khởi tâm sân ác làm tổn hại đến đời người. Lúc bấy giờ tất cả thọ mệnh của con người ngắn lại chỉ còn 10 tuổi; thân hình nhỏ thó cỡ 2 hoặc 3 kích tay. Trọng lượng cũng rất nhẹ. Do vì lượng đồ ăn không có. Người chỉ còn tóc, y phục là rõ nét. Chỉ có dùng dao gậy để tự vệ. Lúc ấy con người chẳng thực hành chánh pháp và hay tham trước nhiệm ô những việc phi pháp. Đồng thời sự tham ái cũng phi lý và bị sai sử. Những pháp tà nổi lên quá mạnh. Thật là khổ tâm khi dạy mà chẳng có người làm lành; chẳng biết tạo phước và chẳng cứu khổ những nạn tai. Cùng với tà pháp ngày đêm tương ưng. Hoặc thân, miệng, ý khởi lên 3 việc tà; không thể

rời khỏi sát sanh, trộm, cướp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ỷ ngữ. Tham ái sân si tà kiến. Chẳng biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn, Bà La Môn và thân hữu tôn trưởng. Tâm riêng khởi nhiều loại ác nghiệp. Nghiệp này có thể cảm thọ đến đời sống ngắn ngủi; hay cảm nhiều bệnh; hoặc cảm sắc hình xấu xí; hoặc cảm thân chẳng có uy đức; hoặc cảm sanh vào nhà hạ tiện; hoặc cảm bản cùng khôn khổ; hoặc cảm ngu si tà kiến. Như thế các nghiệp ngày đêm sinh trưởng. Những người này tương ứng với các loại nghiệp chướng phiền não xấu ác. Do vì làm những việc tà nhiều quá nên sinh vậy. Gió trái mùa thường thổi một cách thất thường. Nguyên do là gió này không công bình. Trời mưa cũng không đúng lúc; muốn mưa là cứ mưa.

Lúc ấy thần Tứ Thiên Vương giận những việc làm của người ác chẳng vui với nước; nên chẳng làm mưa. La Hầu La, Tu La Vương muốn làm khổ người ở cõi Diêm Phù Đề hoặc dùng ngón tay; hoặc dùng lưng để đỡ mưa và cho vào biển. Lại có những quỷ thần muốn làm khổ người ở cõi Diêm Phù Đề nên dùng thần lực để tạo lửa rồi thừa lúc mưa xuống làm cho nước khô đi. Hoặc khi mưa mà bị gió lớn thổi ra biển. Do nguyên nhân như vậy nên trời mưa chẳng đồng đều. Tất cả mọi hạt mầm của cây cỏ thuốc đều khô héo chẳng thể nảy nở kết hạt. Lại nữa nếu có kết hạt cũng giảm thiểu màu sắc và hương vị. Chẳng được lâu dài và chẳng có sức mạnh. Nếu con người không dùng đến 5 nghiệp thì sức lực an lạc thọ mệnh thông biện. Do vì tà ác nên tự thâm tâm khởi lên các loại bệnh; hoặc bệnh hủi; hoặc bệnh cam; hoặc sân; hoặc bệnh nhọt; hoặc trùng; hoặc huyết độc; hoặc thổ huyết; hoặc bệnh lậu; hoặc thủy tràng; hoặc bệnh trái thời tiết; hoặc gió chướng biến thể; hoặc hư lao sốt rét; hoặc ác thương, ung nhọt do ăn uống chẳng tiêu. Như thế những bệnh nặng và bệnh nhẹ đều xảy ra khắp cả. Lúc ấy trẻ con bị bệnh khổ nhiều. Lại có những ác quỷ hay não xúc. Muốn cầu

cho thân mạng được bình an, phải cúng tế thiên thần, đọc tụng chú thuật. Hoặc cậy nhờ tà kiến mà khởi lên các việc làm ác, giết hại các chúng sanh, mong cầu chú thuật của quỷ thần. Muốn cầu cho không bệnh mà làm như thể tất cả chỉ vì lợi dưỡng và chẳng phải vì chữa bệnh. Một ngày một đêm vô lượng chúng sanh tật bệnh nổi lên rồi chết chóc. Kiếp đến các chúng sanh bị mất mát như thế và tự nhiên lại sanh. Vì sao lại như thế ?

Vì con người làm pháp bất thiện, pháp bất bình đẳng. Do nhơn ấy nên bị quả báo. Đối với lúc ấy mà thực hành bình đẳng thiện pháp thì chẳng có gì xảy ra vậy. Tất cả chúng sanh đối với kiếp sanh ô trọc này từ nhân mà khởi. Lúc ấy con người nương vào chỗ thấy thô thiển và các nghiệp thô ác, tạo ra các loại không lành; nên sau khi bỏ mạng thì sanh vào chỗ xấu, vào con đường xấu xa, chẳng an lạc. Lúc ấy đa phần chúng sanh bị sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A Tu La. Lúc ấy tất cả những đại quốc vương đều bị chết. Những đất đai lần lần bị hoang phế; chỉ còn những quận huyện nhỏ là còn và tất cả đều nổi trôi vô định. Lúc ấy con người chẳng thực hành chánh pháp. Bị nhiễm ô bởi những việc tham trước phi pháp. Tham ái phi lý sai sử. Tà pháp bành trướng và khởi lên những việc quái ác. Khổ tâm dạy bảo nhưng chẳng hành thiện, chẳng biết tạo phước, chẳng cứu tế nạn khổ, cùng với những pháp tà ác ngày đêm tương tục. Hoặc thân khẩu ý khởi lên 3 tà hạnh. Chẳng xa rời việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến. Chẳng biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn, Bà La Môn và Thân hữu, Tôn trưởng. Tự tâm khởi lên những loại ác nghiệp và nghiệp này có thể cảm đến thọ mạng ngắn lại. Có thể cảm đến nhiều bệnh; hoặc cảm đến sắc hình xấu xí; hay cảm đến thân chẳng có uy đức; hay cảm đến việc sanh vào nhà bần tiện; hoặc cảm đến sự bần cùng khốn khổ; hoặc cảm đến ngu si tà kiến.

Như thế các nghiệp ngày đêm sanh trưởng và như thế con người bị tật bệnh khốn khổ. Chẳng có ai bố thí, cho thuốc, đồ ăn uống. Do nhân duyên như vậy, thọ mạng chưa hết hoành hành thì bị chết đi vô số. Một ngày một đêm có vô lượng chúng sanh bị bệnh tật và chết. Kiếp sau chúng sanh như thế mà đã tự nhiên sanh. Vì sao có điều này?

Vì do những ác hạnh, làm việc không bình đẳng và bây giờ nhận quả báo vậy. Đối với lúc ấy nếu thực hành bình đẳng thì chẳng có gì xảy ra. Tất cả chúng sanh sanh vào cõi đời ô trược tự nhiên khởi lên. Lúc ấy con người nương vào chỗ thấy thô và nghiệp thô, tạo tác nhiều loại ác nghiệp, khi bỏ mạng sau đó thọ sanh vào đường A Tu La, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục và những quận, huyện lần lượt hoang phế. Chỉ có những nhà nhỏ còn lúc trước lại chuyển xa đến một nơi khác. Lúc ấy loài người chẳng hành chánh pháp, khởi lên các loại ác nghiệp, hay cảm thọ mệnh ngắn ngủi cho đến ngu si tà kiến. Như thế các nghiệp ngày đêm tăng trưởng. Lúc ấy loài người bị tật bệnh rồi chết, chẳng có người chôn cất và thiêu đốt. Lúc ấy đất toàn là xương trắng che phủ. Một ngày một đêm vô số chúng sanh tật bệnh rồi chết; cho đến nhà cửa từ từ vắng bóng người. Lúc ấy kiếp mạng còn có 7 ngày. Ở trong 7 ngày ấy có vô lượng chúng sanh bị bệnh rồi chết hết. Giả sử có người còn thì cũng di tản đi chỗ khác. Lúc ấy có một người tập hợp các nam nữ trong Diêm Phù Đề lại. Chỉ còn hơn 10.000 người là nhân chủng của tương lai. Còn lại thì họ chỉ làm những việc phi pháp. Tuy chỉ 1 vạn người này; nhưng hay làm việc thiện. Do vậy mà các quỷ thần muốn làm cho loài người không tuyệt chủng; nên ủng hộ người này một cách ý vị; nên hóa hiện vào lỗ chân lông của người này và do nghiệp lực ở kiếp dữ mà làm chủng tử cho người còn sót lại tự nhiên chẳng đoạn tuyệt, qua 7 ngày sau thì tật bệnh dữ kia liền tiêu mất. Tất cả loài ác quỷ đều bỏ đi. Tùy theo các chúng sanh mong muốn mà đồ ăn, thức uống, y phục

v.v... mong đến là có. Trời mưa và âm dương điều hòa. Mỹ vị xuất sanh, thân hình khả ái, tướng đẹp trở lại. Tất cả các thiện pháp tự nhiên sanh khởi, thanh lương, tịch tĩnh, an lạc chẳng bệnh. Đại bi đã nhập tâm vì do lòng đại bi vậy. Đại từ nhập tâm vì do đại từ vậy. Chẳng có ý nào hại vì do ý không hại. Có tâm hỗ tương nhau nên sanh ra hỷ lạc. Phát sanh tâm nhiều và không có tâm yếm thế. Cùng với tướng tương sanh, không có tướng xa lìa, giống như tương ác, tương hữu chẳng thiếu sự tương kiến. Cho đến việc tụ tập cũng đều sanh tâm hoan hỷ. Sanh tâm nhẫn thọ, sanh tâm không thụ động. Cùng với sự tương ưng, không cùng sự xả ly. Lúc ấy con người tương kiến lại cũng như thế. Do nhờn tương ái nhớ nghĩ và nam nữ cùng sống. Đây là tiền kiếp của người thọ mạng đến 10 tuổi. N nhờn dân ở hậu kiếp từ đây mà sanh. Thọ mạng sống lâu, hình tướng đẹp đẽ; uy đức tối thắng; thần lực tự tại. Đời sống đầy đủ, thọ mạng 20.000 tuổi. Lúc ấy chúng sanh như công đức này tự nhiên được thành tựu. Vì sao có điều này ?

Đó là do pháp làm bình đẳng, làm việc lành và do vậy mà quả báo này có. Do vậy mà con người và các thiện pháp tương ưng với nhau. Thân làm việc lành, miệng làm việc lành, ý làm việc lành. Khi xả thọ mạng rồi thì sanh vào đường lành và chư thiên. Khi xả thọ mạng rồi lại sanh vào loài người. Khi sanh vào loài người tự nhiên hiền thiện, tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức; tâm tánh hòa nhã, giới phẩm cụ túc. Thường là việc lành, xa rời sự sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Chẳng có tâm tham dục, chẳng có tâm sân nhuế. Xả pháp tà kiến, tu hành chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn, Thân Hữu, Tôn Trưởng cùng với các loại thiện pháp tương ưng. Do nghiệp này có thể cảm được sự sống lâu, chẳng có tật bệnh, hay tạo ra sắc hình đoan chánh. Lại có thân uy đức, sanh vào nơi nhà giàu có và được trí tuệ lớn. Như thế các

thiện pháp này ngày đêm sanh trưởng. Lúc ấy loài người nương vào phước đức để làm, sanh ra vô lượng công đức. Khi xả bỏ thọ mạng, sau đó liền sanh vào cõi Trời và sống nơi cõi thiện lành. Thời gian dài lâu như thế.

Thời gian của kiếp đầu do bình tật lớn hết sạch. Kiếp thứ 2 tiếp tục sống 20.000 năm. Đối với kiếp thứ nhất thọ mạng thì người này từ trước mà sanh ra 20.000 tuổi và thọ mạng của người này thật lâu, sắc hình đẹp lạ, uy đức vô cùng, thần lực tự tại, của cải đầy đủ. Thọ mạng đến 40.000 tuổi. Lúc ấy chúng sanh công đức như thế tự nhiên sanh và thành tựu. Vì sao có việc này ?

Vì thực hành pháp bình đẳng, làm việc thiện, là quả báo vậy. Lúc ấy loài người cùng với các thiện pháp đều tương ưng. Thân làm việc lành, khẩu làm việc lành và ý làm việc lành. Khi xả thọ mạng rồi sanh vào đường lành cùng với cõi chư thiên. Cũng có khi xả thọ mạng rồi, sanh vào làm người. Khi sanh vào làm người rồi, tự nhiên lành thiện, tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhu, giới phẩm đầy đủ, thường hay làm việc tối thiện. Xa lìa sự sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Chẳng có tâm tham dục, chẳng có tâm sân nhuế. Bỏ pháp tà kiến, tu hành chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa Môn và Bà La Môn, Thân Hữu, Tôn Trưởng cùng với các loại thiện pháp tương ưng. Nghiệp này hay cảm ứng với sự sống lâu, chẳng sanh bệnh tật, hay tương ưng với sắc hình đẹp đẽ và thân thể có uy đức. Hay sanh vào nơi nhà giàu có và có trí tuệ lớn. Như thế những thiện nghiệp mỗi ngày mỗi sanh trước. Lúc ấy loài người nương vào phước đức mà làm và sanh ra vô lượng công đức. Khi xả thọ mạng rồi, sau đó lại sanh vào cõi chư thiên. Khi ở trong đường lành này sống lâu vô kể như thế rồi nói đến kiếp thứ hai.

Thọ mạng của kiếp thứ hai là 40.000 tuổi. Khi người sanh vào chỗ tuổi thọ 40.000 tuổi thì đời sống thật dài lâu và hình tướng đẹp đẽ, uy đức đầy đủ, thần lực tự tại, của cải đầy đủ. Thọ mạng 60.000 tuổi thì cùng tương ứng với các pháp lành, thân hay làm việc lành, miệng hay làm việc lành và ý hay làm việc lành. Khi xả thọ mạng rồi thì sanh vào đường lành và cõi trời. Khi xả thọ mệnh ở cõi thiên rồi thì lại sanh làm người. Khi sanh làm người rồi tự nhiên lành tốt. Tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường làm những việc lành. Xa lìa việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Chẳng có tâm tham dục và không có tâm sân nhuế. Xả pháp tà kiến, tu hạnh chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa Môn và Bà La Môn, Thân Hữu, Tôn Trưởng cùng với các loại thiện pháp tương ứng. Việc làm này có thể cảm được việc sống lâu chẳng bệnh, sắc hình đôn chánh, thân có uy đức, hay sanh vào nhà giàu có, trí tuệ rộng lớn. Như thế các nghiệp lành mỗi ngày sanh trưởng. Lúc ấy loài người nương vào việc làm phước đức và sanh ra vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mạng thì liền sanh vào cõi trời, rồi ở trong đường lành ấy dài lâu cùng với thời gian năm tháng. Như thế cho đến kiếp thứ ba.

Thọ lượng của kiếp thứ ba là 60.000 tuổi. Đây là những người được thọ 60.000 năm sanh vào kiếp này. Đời sống tuổi thọ sắc hình đẹp đẽ, uy đức thật cao, thần lực tự tại, đồ đạc đầy đủ. Thọ mạng 80.000 tuổi, như thế kiếp trung gian ở cõi Diêm Phù Đề lại sanh ra chúng sanh và thọ mạng cũng dài lâu cho đến 80.000 năm. Lúc ấy người nữ 500 tuổi mới lấy chồng. Con người tuy có 7 thứ bệnh như đại tiểu tiện, lợi hàn, nhiệt, tâm dâm dục, đói, già. Cứ như vậy các quốc gia giàu có an vui, chẳng có khủng bố giặc giã và trộm cắp, châu, quận, huyện, ấp, nhơn dân, thôn lạc v.v... cùng với gà gáy lại nghe. Canh tác tuy ít mà gặt hái lại nhiều. Con

người lúc ấy thọ nghiệp lại ít là do đời trước đã trồng nhiều nhơn lành. Nhà cửa, xe cộ, y phục, tài sản đời đời đầy đủ như ý. Tuy có thọ nghiệp nhưng cuối đời chẳng họa. Lúc ấy con người được ở yên thọ lạc và chẳng có chi để tìm cầu. Thọ mạng 80.000 tuổi cả A Tăng Kỳ Kiếp cho đến khi chúng sanh chưa tạo 10 điều ác. Từ khi khởi lên 10 điều ác thì thọ mạng nhơn đây mà giảm xuống. Cứ 100 năm thì giảm 10 tuổi, rồi lần lượt 100 năm giảm xuống 10 tuổi. Cho đến giảm xuống chỉ còn 10 tuổi. Cuối cùng của 10 tuổi thì không giảm nữa. Dài nhất là 80.000 tuổi và ít nhất là 10 tuổi. Nếu Phật chẳng lần lượt ra đời. Khi Phật ra đời, chánh pháp trụ ở đời thì thọ mạng của chúng sanh lại chẳng giảm. Tùy theo thọ mạng của chánh pháp mà tự giảm dần. Đức Thế tôn đã nói như thế và ta (A Nan) đã nghe.

Phẩm Tiểu Tam Tai Về Dao Binh Thứ hai

Đức Thế Tôn dạy rằng: Một Tiểu Kiếp có tên là một kiếp như trước đã nói. Cho đến 80 Tiểu Kiếp có tên là một Đại Kiếp. Vì sao 80 Tiểu Kiếp có tên là một Đại Kiếp ?

Phật bảo rằng kiếp ấy khi thế giới tan hoại và kiếp ấy thế giới tan hoại rồi trụ lại; rồi kiếp ấy thế giới khởi hành. Kiếp ấy thế giới khởi hành rồi trụ lại. Thế giới tan hoại và kiếp số ấy ra sao ?

Phật bảo rằng: Nay các Tỳ Kheo! Trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới tan hoại. Lần lượt trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới tan hoại rồi trụ. Kế tiếp trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới khởi hành. Rồi tiếp tục 20 Tiểu Kiếp khởi hành rồi trụ. Như thế 20 Tiểu Kiếp thế giới khởi hành rồi được ở lại. Đến kiếp thứ 2 thì Tiểu Tam Tai khởi lên. Lúc ấy do đao binh lớn xảy ra ở kiếp này. Ở nơi cõi Diêm Phù Đề tất cả mọi quốc gia, cho đến nhân dân đều gặp nạn đao binh lớn cùng tàn sát lẫn nhau. Lại xảy ra những tật dịch và tất cả quỷ thần khởi tâm sân hận xấu ác, làm tổn hại đến người đời. Lúc ấy tất cả thọ mệnh của con người ngắn lại. Chỉ còn sống 10 tuổi, thân hình nhỏ thó; hoặc như 2 hay 3 khuỷu tay, tất cả đều do lương thực không đủ và tóc người dài xuống, lấy làm y phục. Chỉ còn duy nhất là dao gậy cầm nơi tay và lúc ấy con người chẳng thực hành chánh pháp và hay tham trước những việc

phi pháp. Hay nhiễm ô và tham ái phi lý sai sử. Tà pháp bành trướng khởi lên và các việc quá ác đến rơi lệ. Chẳng ai làm điều lành và không ai biết làm phước và chẳng cứu té người nghèo khổ, cùng với những pháp tà ác ngày đêm tương ưng. Hoặc thân khẩu ý khởi lên 3 việc tà hạnh, chẳng thể xa rời việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến. Chẳng biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn Bà La Môn và Thân Hữu cũng như các bậc Tôn Trưởng. Tâm riêng cầu khởi lên những loại ác nghiệp. Do nghiệp này có thể cảm thọ đến mạng sống ngắn ngủi. Có thể cảm đến tật bệnh. Có thể cảm đến hình thù xấu xí. Có thể cảm đến thân chẳng có uy đức. Có thể cảm sanh vào nhà ti tiện. Có thể cảm đến sự bần cùng khốn khổ. Có thể cảm đến sự ngu si, tà kiến. Như thế các nghiệp mỗi ngày đêm hằng sanh trưởng. Con người và nhiều loại phiền não ác nghiệp lại tương ưng với nhau. Sở dĩ như vậy là do làm những việc tà vậy sai trái. Cha mẹ con cái thường hay tranh tụng với nhau. Huynh đệ tỷ muội bằng hữu quyến thuộc tự đấu tranh với nhau, hà huống là người khác. Lúc ấy khi con người khởi lên chuyện đấu tranh với nhau rồi, lại còn dùng đến tay chân hay gạch ngói hoặc dùng đến cây gậy để lần lượt gây tổn hại. Cho đến cả gươm đao gậy gộc dùng nó để khùng bố cho đến việc sát hại lẫn nhau. Lúc ấy con người khởi lên nhiều tham nhuế. Tạo ra những việc giết hại với nhau làm niềm vui. Những quốc vương ở phía đông đến chinh phạt những nước ở phía tây. Rồi những quốc vương phía tây lại sang phía đông để chinh phạt. Nam Bắc các vua cũng lại như thế. Lúc ấy các vua đều dùng mọi việc để mạ ly nhau. Đổ lỗi cho người là cách thức. Tìm cầu các gian xảo là việc chánh. Sau khi làm việc đấu tranh rồi, lại khởi lên oán thù giữa các nhà với nhau, rồi liền cầm dao gậy và giáo mác để trả thù tiêu diệt. Chỉ trong một ngày một đêm thôi, mà số người bị hại chết không biết bao nhiêu mà kể.

Kiếp mạng chúng sanh như thế khi mất đi tự nhiên mà sanh trở lại. Vì sao có việc này ?

Vì lẽ con người làm chuyện bất thiện; chẳng bình đẳng và quả báo là như vậy. Đối với lúc ấy nếu có người thực hành pháp bình đẳng và làm việc thiện thì chẳng xảy ra việc này. Đối với tất cả chúng sanh, sanh ra trong kiếp này ô trọc và tự nhiên sanh ra. Lúc ấy con người nương vào sự thấy thô ác và nghiệp thô, tạo ra nhiều loại ác báo. Khi xả thân mệnh rồi, sau đó thọ sanh vào chỗ ác. Sanh vào con đường khổ sở đọa lạc chẳng được an ổn. Đa phần chúng sanh lúc ấy bị sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A Tu La. Khi đó các đại quốc vương hầu hết đều mất mạng. Các quốc gia lần lượt bỏ trống không. Chỉ còn những quận nhỏ, huyện nhỏ. Nói không thể hết. Họ đi đến một nơi khác để trú ngụ. Lúc ấy con người chẳng thực hành chánh pháp mà hay tham trước những điều phi pháp. Hằng có tâm nhiễm ô, phi lý tham ái sai sử. Tà pháp lớn mạnh và khởi lên những ác nghiệp thường hay kêu khóc, khó dạy bảo. Chẳng thể làm việc lành và chẳng biết tạo phước. Chẳng cứu khổ cứu nạn và đã cùng với tà pháp, ác pháp ngày đêm tương ưng. Hoặc do thân, khẩu, ý khởi lên làm 3 điều tà hạnh. Chẳng thể lìa việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến. Chẳng thể cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn, Bà La Môn và Thân Hữu cùng các bậc Tôn Trưởng. Tâm tư khởi lên nhiều ác nghiệp. Nghiệp này hay cảm thọ mệnh ngắn dần lại. Hay sinh ra nhiều bệnh; hay làm cho sắc diện xấu xí; hoặc làm cho thân thể chẳng có uy đức. Sẽ bị sanh vào nhà hạ tiện. Sanh nơi chỗ bần cùng khốn khổ. Hay cùng với ngu si, tà kiến ở chung... Những nghiệp như thế ngày đêm tăng trưởng. Người ở cõi Đông sang chinh phạt người ở cõi Tây. Người hai phía Nam Bắc cũng lại như vậy. Lúc ấy loài người cùng nhau mạ lỵ, đổ lỗi cho người khác là chánh. Cầu lợi riêng tư là chánh. Làm việc đấu tranh

rồi, khởi lên oán hờn gia đình, rồi cầm dao mác cùng hủy diệt nhau. Chỉ trong một ngày một đêm hại nhau mà người chết vô số kể không xiết. Kiếp mặt chúng sanh cứ như thế mà mất đi rồi tự nhiên sanh lại. Vì sao có việc này ?

Sở dĩ như vậy vì con người không làm việc lành, bình đẳng nên bị quả báo. Nếu trong những pháp ấy mà có người hành bình đẳng và thiện pháp thì chẳng có việc gì. Tất cả chúng sanh ở trong kiếp ô trược này tự nhiên khởi lên rồi nương tựa vào những nghiệp thô, tạo tác ra những điều ác. Khi xả bỏ thân mệnh rồi sau đó liền sanh vào chỗ xấu ác. Chỗ khổ sở và đọa lạc vào nơi chẳng yên ổn. Lúc ấy chúng sanh phần nhiều bị sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A Tu La. Các quận, huyện lần lượt bỏ trống. Chỉ còn có một ít nhà, họ cùng nhau thuyền chèo đến một nơi. Lúc ấy nhà phía Đông lại đến giết hại nhà phía Tây và nhà phía Tây lại qua nhà phía Đông để giết chóc. Các nhà ở phía Nam Bắc cũng thế. Lúc ấy con người chỉ còn mạ lỵ nhau là chính và đổ lỗi cho người khác. Cốt ý tìm cầu chửi bới nhau là quan trọng, rồi tranh đấu, khởi lên oán hờn các gia đình với nhau. Liền cầm dao gậy tiêu diệt lẫn nhau. Chỉ trong một ngày một đêm mà những người bị hại chết vô số kể. Ở kiếp mặt chúng sanh mất mát như thế rồi tự nhiên sanh. Vì sao lại như vậy ?

Vì lẽ con người chẳng làm việc lành, chẳng theo chánh pháp, chẳng hành bình đẳng nên bị quả báo nghiệp ác như thế. Nếu ở trong ấy mà có người thực hành pháp bình đẳng, làm việc lành thì chẳng có gì xảy ra. Đối với tất cả chúng sanh trong đó, ở kiếp ô trược này tự nhiên mà khởi. Lúc ấy con người chỉ nương vào chỗ thấy nghe thô ác và nghiệp thô xấu, rồi tạo tác nhiều việc ác; nên khi xả bỏ thân mệnh này rồi, liền sanh vào chỗ xấu tệ, nơi đây đường khổ và đọa lạc vào chốn chẳng an lạc. Lúc ấy chúng sanh đa phần sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A Tu La. Lúc đó người và

nhà bị mất hết, chỉ trừ một số người còn lại phân tán ra. Số người phân tán này lại chẳng hành chánh pháp và khởi lên các loại ác nghiệp. Cho nên đời sống ngắn dần cho đến việc ngu si tà kiến. Lúc ấy ở kiếp mạng này chỉ còn 7 ngày và trong 7 ngày ấy lấy cây cỏ tạo thành khí giới rồi hổ tương tàn hại cùng nhau để uy hiếp khủng bố cho chết. Rồi một số người sợ nên mang dao gậy chạy trốn vào rừng; hoặc qua sông để tìm trốn đi ở xứ khác; hoặc vào hang động để tỵ nạn những tai nạn dữ; hoặc lúc ấy thấy những người sợ hãi chạy, sợ đánh mất tâm tư. Hoặc lúc ấy ngã té xuống đất giống như con nai chạy trốn thợ săn. Lúc ấy con người thường hay thấy gì cũng sợ hãi. Trong 7 ngày ấy thì đao binh, hoành tử chết vô lượng vô số. Giả sử có còn thì cũng phân tán đi nơi khác. Lúc ấy có một người tập hợp lại những nam nữ còn lại ở Diêm Phù Đề và chỉ còn 10.000 người sót lại làm gốc. Rồi ở trong đó có những kẻ làm việc phi pháp. Tuy rằng trong một vạn người này có thể giữ việc làm lành; và các quỷ thần thiện muốn làm cho loài người chẳng đoạn tuyệt cho nên đã ủng hộ con người và biến vào lỗ chơn lông. Do nghiệp lực nên ở giữa kiếp này giống người còn lưu lại và tự nhiên chẳng mất. Qua khỏi 7 ngày sau thì đại đao binh lại chấm dứt. Tất cả những quỷ ác đã bỏ đi. Tùy theo ước muốn của chúng sanh mà có được y phục, ẩm thực và các loại khác. Mưa hòa gió thuận, âm dương điều hòa, mỹ vị xuất sanh, thân hình khả ái dễ xem trở lại như cũ. Tất cả thiện pháp tự nhiên sanh khởi, thanh lương tịch tĩnh, an lạc không bệnh, đại bi nhập tâm. Do đại bi nên đại từ nhập tâm. Do đại từ nên chẳng có ý nào hại. Do ý vô hại nên được gặp nhau và sanh tâm hỷ lạc, sanh tâm kham nhẫn, sanh tâm chẳng yếu, cùng nhau củng cố duy trì chẳng lìa bỏ nhau; giống như tương ái tương hữu lâu dài chưa bao giờ gặp nhau. Cùng nhau củng cố tụ tập rồi sanh tâm nhẫn thọ, sanh tâm vô yểm. Cùng nhau củng cố chẳng lìa bỏ nhau. Lúc ấy con người sự hiểu biết nhau cũng lại như vậy. Nguyên non là cùng thích nhau nên

nam nữ cùng sống chung và do tiền kiếp có tuổi thọ 10 tuổi và ở kiếp sau này từ đó mà sanh. Thọ mạng càng ngày càng dài lâu, sắc hình đẹp đẽ uy đức tối thắng, thần lực tự tại, của cải đầy đủ, thọ mạng đến 20.000 năm. Lúc bấy giờ chúng sanh tự nhiên thành tựu được những công đức này. Vì sao có việc này ?

Vì lẽ thực hành pháp bình đẳng, làm việc thiện là những quả báo vậy. Lúc ấy loài người trông những pháp lành tương ưng với nhau, thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành. Sau khi xả bỏ thọ mệnh liền sanh vào đường lành như chư Thiên; hoặc xả bỏ thọ mạng rồi trở lại sanh ra làm người. Sanh vào cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh thanh tịnh và tự tánh đạo đức. Tâm tánh hòa nhu; giới phẩm đầy đủ, thường làm những việc tối thiện. Xa rời việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Không có tâm tham dục, chẳng có tâm sân nhuế. Xả bỏ pháp tà kiến và tu hành chánh kiến. Cung kính phụ mẫu, Sa Môn, Bà La Môn, Thân hữu với các bậc Tôn trưởng. Cùng với các pháp lành tương ưng. Do nghiệp ấy mà cảm được việc sống lâu, chẳng bệnh hoạn và sắc hình đoan chánh, thân thể có uy đức, hay sanh vào trong nhà giàu có, được trí tuệ lớn. Như thế các thiện nghiệp ngày đêm sanh trưởng. Lúc ấy con người nương vào phước đức mà được sanh ra vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sanh vào Thiên đạo. Và ở nơi con đường lành ấy dài lâu. Như thế ở giữa kiếp đầu do đại đao binh rốt ráo hết rồi, thứ đến kiếp thứ 3, liền theo được 20.000 tuổi. Thọ mạng ở giữa kiếp thứ nhất là do con người từ 20.000 năm trước mà sanh ra. Đời người này thọ được lâu dài, sắc màu đẹp đẽ, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, đời sống đầy đủ. Thọ mạng 40.000 năm. Lúc ấy chúng sanh lo trồng những công đức tự nhiên mà thành tựu. Vì sao có việc này ?

Vì hay thực hành bình đẳng, thực hành thiện pháp là quả báo vậy. Lúc ấy con người trông những pháp lành tương ứng với nhau. Thân làm việc lành, miệng nói điều lành và ý nghĩ điều lành. Khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sanh vào đường lành hoặc thiên đạo. Khi xả bỏ thiên đạo rồi lại sanh làm người. Khi sanh vào làm người rồi tự nhiên hiền thiện. Tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức. Tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ thường hành những việc lành. Xa lìa việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Chẳng có tâm tham dục, chẳng có tâm sân nhuế, xả bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn cùng thân hữu và các bậc Tôn Trưởng. Cùng với các pháp lành được tương ứng. Đây là do nghiệp có thể cảm được sự sống lâu, có thể cảm được việc không bệnh; có thể cảm được hình tướng đoan chánh. Có thể cảm được thân thể có uy đức. Có thể cảm được sự giàu có và sanh vào nơi phú quý, có trí tuệ lớn. Như thế các thiện nghiệp ngày đêm sanh trưởng. Lúc ấy con người nương vào nơi phước đức để làm và tăng trưởng vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sanh vào Thiên đạo, và ở nơi đường lành ấy mãi mãi dài lâu. Đây nói là kiếp trung gian thứ 3 của lần thứ 2 thọ mạng 40.000 tuổi. Lần thứ 2 thọ mạng con người từ 40.000 tuổi mà sanh ra, đời sống người này dài lâu, thân hình đẹp đẽ, uy đức tối cao, thần lực tự tại, của cải đầy đủ, thọ mệnh 60.000 tuổi. Lúc ấy con người cùng tương ứng với các pháp lành. Thân hay làm những việc lành, miệng hay nói những việc lành, ý hay nghĩ những điều lành. Khi xả bỏ thân mệnh rồi lại sanh vào đường lành cũng như thiên đạo. Khi xả bỏ thiên đạo rồi lại sanh làm người. Khi sanh vào loài người tự nhiên làm việc thiện. Tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường làm những việc thiện, xa rời sự sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Chẳng có tâm tham dục và không có tâm sân nhuế, xả bỏ phép tà kiến và tu hành theo chánh

pháp. Cung kính cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn, Thiện Hữu và các bậc Tôn Trưởng. Cùng với các thiện pháp tương ứng. Nghiệp này có thể cảm ứng đến sự sống lâu; có thể cảm ứng đến việc chẳng bệnh; cảm ứng đến hình tướng đoan chánh; có thể cảm ứng đến thân thể uy đức. Có thể cảm ứng đến việc sanh vào nhà giàu có trí tuệ rộng lớn. Như thế các thiện nghiệp ngày đêm tăng trưởng. Lúc ấy loài người nương vào phước đức để làm; nên sanh ra vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thân mệnh rồi liền sanh vào Thiên đạo và sống trong con đường lành này dài lâu. Như thế nói là kiếp trung gian thứ 3. Thọ lượng thứ 2 là 60.000 tuổi.

Kế đến con người từ 60.000 tuổi sanh vào chỗ thọ mệnh dài lâu hơn, hình tướng đẹp đẽ, uy đức trang nghiêm, thần lực tự tại, đời sống đầy đủ. Thọ mệnh bây giờ là 80.000 tuổi, như thế sanh vào trong kiếp của Diêm Phù Đề này. Chúng sanh thọ mạng dài lâu, cuối cùng là 80.000 năm. Lúc ấy người nữ 500 tuổi mới đi lấy chồng và loài người có 7 thứ bệnh. Đó là đại, tiểu tiện, lợi hàn, nhiệt, dục tâm, đói khát và già. Như vậy ở trong tất cả các quốc độ đều giàu có phong phú an lạc. Chẳng sợ trộm cắp. Các châu huyện, thành ấp, nhân dân, thôn xóm lại nghe được tiếng gà gáy. Canh tác tuy ít mà thu hoạch lại nhiều. Lúc đó loài người thọ công dụng quả ít và dùng đến thiện nghiệp đời trước nên quả nhiều. Nhà cửa, xe cộ, ruộng vườn, y phục, tài sản sanh trưởng như ý đầy đủ. Cả đời chẳng thiếu thứ gì. Lúc đó con người ở yên và thọ nhận niềm vui, chẳng tìm cầu gì. Thọ mạng 80.000 tuổi là một A Tăng Kỳ cho đến khi chúng sanh chưa tạo ra 10 điều ác. Rồi từ 10 nghiệp ác ấy khởi lên lúc ấy thọ mạng hơn đây mà giảm xuống còn 10 tuổi. Cứ 100 năm như vậy giảm 10 tuổi và lần lượt 100 năm giảm 10 tuổi và cứ thế lần lượt giảm cho còn 10 tuổi và cuối cùng 10 tuổi thì không còn giảm nữa. Dài nhất là 8 vạn và ít nhất là 10 tuổi. Nếu Phật chẳng ra đời thì như thế. Nếu Phật xuất thế thì chánh pháp

trụ ở đời; nên thọ mạng của chúng sanh chẳng giảm. Tùy theo chánh pháp giảm mà thọ mệnh liền giảm.

Đức Phật đã nói như thế và ta (A Nan) đã nghe.

Phẩm Tiểu Tam Tai về Đói Khát Thứ Ba

Đức Thế Tôn dạy rằng: Một Tiểu Kiếp có tên là một kiếp như trước đã nói. Cho đến 80 Tiểu Kiếp thì gọi là một Đại Kiếp ?

Phật nói kiếp ở giữa thế giới này tan hoại và trong kiếp đó thế giới tan hoại rồi lại trụ và kiếp ấy thế giới khởi hành. Sau khi thế giới khởi hành ở kiếp ấy rồi lại trụ. Thế giới tan hoại và kiếp số có nghĩa là gì ?

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới này tan hoại. Kế tiếp là 20 Tiểu Kiếp thế giới tan hoại rồi lại trụ. Tiếp theo đó trải qua 20 Tiểu Kiếp thế giới khởi hành và tiếp theo trải qua 20 Tiểu Kiếp khởi hành rồi trụ lại. Đây là 20 Tiểu Kiếp của thế giới khởi, được trụ lại.

Kiếp thứ 3 thì Tiểu Tam Tai khởi lên, do sự đói khát dữ dội ở kiếp cuối này. Đói với thời gian đầu là tai nạn về dục khởi lên. Do đó khát, do khốn khổ, do thiên tai. Lúc ấy ở cõi Diêm Phù Đề này tất cả quốc độ các nhân dân đang gặp bệnh dịch lớn. Vì tất cả quỷ thần đều khởi tâm sân ác muốn làm tổn hại người thế gian. Lúc ấy tất cả nhân gian thọ mệnh thật ngắn ngủi chỉ sống đến 10 tuổi; hình hài xấu xí, nhỏ thó hoặc bằng hai hay 3 khuỷu tay, tất cả đều do lương thực không đầy đủ, tóc người làm áo để che phủ thân hình. Chỉ trang bị bằng dao gậy. Lúc ấy loài người chẳng thực hành chánh pháp, tham trước những việc phi pháp, hằng bị nhiễm

ô, phi lý tham cầu và chạy theo ái dục sai sử. Tà pháp bành trướng khởi lên quá ác thậm tệ. Nhiều nước mắt và khó khăn trong việc dạy dỗ. Chẳng biết làm thiện, chẳng biết tạo tác phước đức; chẳng cứu khổ cứu nạn. Cùng với những pháp tà ác ngày đêm tương ưng. Hoặc thân khẩu ý khởi lên 3 việc tà hạnh. Chẳng thể xa rời sự sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân nhuế, tà kiến. Chẳng biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn, Bà La Môn và Thân Hữu cùng các bậc Tôn Trưởng. Tâm tự ti khởi lên các việc ác. Nghiệp này có thể cảm ứng đến thọ mệnh ngắn ngủi; có thể cảm đến những bệnh tật, có thể cảm đến những hình thù xấu xí; có thể cảm đến những thân thể chẳng có uy đức. Có thể cảm đến sự sanh vào nhà ti tiện. Có thể cảm đến sự bần cùng khốn khổ. Có thể cảm đến sự ngu si tà kiến. Như thế các nghiệp ngày đêm tăng trưởng. Như thế con người cùng với những phiền não ác nghiệp tương ưng. Do làm những việc quá ư tà vạy. Trong 2, 3 năm trời chẳng mưa. Do đại hạn nên ngũ cốc không có, đói khát xảy ra. Lúc ấy có một số người có thể lực thấy ở kia có một ít lương thực nên đến để đoạt lấy mà ăn. Tất cả đều do sự đói khát hoành hành bức bách. Tất cả các bệnh tật đều do đói khát mà ra. Do nguyên nhân này mà chỉ trong một ngày một đêm đói khát, chết chóc nhiều vô số không kể hết. Thời mạt kiếp chúng sanh như thế mà mất đi rồi tự nhiên sanh lại. Vì sao lại như thế ?

Là do con người hành những việc bất thiện, làm những việc phi pháp, làm những việc bất bình đẳng và đó là quả báo. Đối với lúc ấy nếu có người thực hành pháp bình đẳng, thực hành thiện pháp thì chẳng có chuyện gì xảy ra. Tất cả chúng sanh sanh vào nơi đây là kiếp ô trược nên tự nhiên khởi lên và lúc đó loài người chỉ nương vào chỗ thấy biết thô sơ nông cạn cũng như nghiệp thô xấu, tạo tác nhiều loại ác. Sau khi xả bỏ thân mệnh liền sanh vào chỗ ác xấu, đọa lạc

vào con đường khổ, không an lạc chút nào. Lúc ấy đa phần chúng sanh bị sanh vào địa ngục, súc sanh, ngựa quý, A Tu La. Có những nước lớn dần dần bị bỏ hoang. Chỉ còn những quận huyện nhỏ là ngoại lệ. Tất cả chẳng đủ ngôn ngữ để diễn tả bằng chạy đi xa, đến ở một nơi khác. Lúc ấy con người chẳng thực hành chánh pháp, hằng bị nhiễm ô. Phi lý tham ái sai sử; tà pháp càng ngày càng bành trướng, khởi lên các việc xấu tệ, khiến cho khổ đau, khó dạy dỗ. Chẳng thể hành thiện, chẳng thể tạo phước, chẳng cứu khổ các nạn, cùng với tà pháp ác ngày đêm tương ưng. Hoặc thân khẩu ý khởi lên 3 tà hạnh; chẳng hề xa rời sự sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân nhuế, tà kiến. Chẳng biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn, Bà La Môn và Thân Hữu cùng các bậc Tôn Trưởng. Tâm tự khởi lên những ác nghiệp. Nghiệp này có thể cảm đến thọ mệnh ngắn ngủi, có thể cảm đến nhiều bệnh, có thể cảm đến hình thể xấu xí, có thể cảm đến thân thể chẳng có uy đức. Có thể bị sanh vào những gia đình thấp hèn, bần cùng khốn khổ. Có thể cảm đến sự ngu si tà kiến. Như thế, nghiệp mỗi ngày đêm tương ưng. Trời chẳng mưa trong 4, 5 năm. Do đại hạn ở cõi đất Diêm Phù Đề, nên các loài rau cỏ thảo mộc chẳng còn, hà huống là gạo thóc để nuôi chúng sanh. Con người để sống còn, chẳng kể gì cả mà phải lo tìm miếng ăn nên đã ăn chim chóc, chó, dã can và các cầm thú khác đều bị ăn thịt vì đói khát. Tất cả các bệnh là do đói khát là chính. Chỉ trong một ngày một đêm đói khát rồi chết vô số kể. Lúc ấy các quận huyện nhỏ lần lượt cũng bỏ không. Chỉ còn một số gia đình chạy đi nơi khác và ở tại một chỗ. Lúc ấy loài người chẳng hành chánh pháp, phi pháp tham trước, hằng bị nhiễm ô, phi lý tham ái sai sử, tà pháp bành trướng khởi lên các việc ác. Khổ nhọc khi giáo hóa. Chẳng thể hành thiện, chẳng thể tác phước, chẳng cứu khổ cứu nạn, cùng với những pháp tà ác ngày đêm tương ưng. Hoặc thân khẩu ý khởi lên 3 tà hạnh, chẳng xa rời sự sát sanh, trộm cướp, tà

dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, vọng ngôn, tham ái, sân nhuế, tà kiến. Chẳng biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn, Bà La Môn và Thân Hữu cũng như các bậc Tôn Trưởng. Tâm tự khởi lên các loại nghiệp ác mà nghiệp này có thể cảm đến thọ mạng ngắn ngủi. Có thể cảm đến nhiều bệnh; có thể cảm đến hình tướng xấu xí; có thể cảm đến thân thể chẳng có uy đức. Có thể cảm đến sự sanh vào gia đình ti tiện. Có thể cảm đến sự khốn cùng khổ sở. Có thể cảm đến sự ngu si tà kiến. Như thế nghiệp này ngày đêm tương ưng. Lúc ấy trong 6, 7 năm trường trời không mưa. Do đại hạn hán nên người ở cõi Diêm Phù Đề mong muốn có nước; nhưng chẳng thể được, hà huống là nước. Duy chỉ còn 4 con sông sâu còn nước thông thương với biển dùng thuyền qua đó có thể lấy nước được. Ngoài những con sông này thì không còn đâu có nước. Những người còn lại nương tựa vào nước này để sống và bắt những con cá, rùa v.v... để sống. Vì vấn đề đói khát bức bách. Tất cả các hạnh và sự đói khát đã xảy ra. Do nguyên nhân này mà chỉ trong một ngày một đêm đói khát chết chóc không biết bao nhiêu mà kể. Kiếp sau của chúng sanh mất mát như thế và tự nhiên khởi sanh. Vì sao có việc này ?

Vì lẽ con người chẳng làm việc lành, làm việc phi pháp, bất bình đẳng và đây là kết quả của quả báo. Trong khi ấy nếu có ai hành pháp bình đẳng, làm việc thiện thì chẳng có điều gì xảy ra. Tất cả chúng sanh, sanh ra trong kiếp ô trược tự nhiên mà khởi. Lúc ấy con người nương tựa vào chỗ thấy thô thiện và nghiệp lực thô ác, tạo ra các loại ác nghiệp. Khi xả bỏ thân mệnh rồi, lại sanh vào chỗ ác. Đọa lạc vào nơi khổ sở, chẳng an lạc chút nào. Lúc ấy chúng sanh đa phần sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A Tu La. Chỉ còn lại một ít gia đình. Còn lần lượt bỏ trống. Những người còn lại đó họ tự ly tán. Lúc đó những người này chẳng hành chánh pháp, tham trước phi pháp và nhiễm ô, phi lý tham ái

sai sử bức bách. Tà pháp bành trướng khởi lên các việc quái ác, khổ tâm khó nói. Chẳng hề hành thiện, chẳng biết tạo phước, chẳng cứu khổ cứu nạn, cùng với các pháp ác ngày đêm tương ưng; hoặc thân khẩu ý khởi lên 3 hạnh tà. Chẳng hay xa rời sự sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân nhuế, tà kiến. Chẳng biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn. Bà La Môn, Thân Hữu và các bậc Tôn Trưởng. Tâm tự khởi sinh ra các nghiệp ác. Nghiệp này có thể cảm đến các thọ mệnh ngắn ngủi; có thể cảm đến nhiều bệnh; có thể cảm đến những sắc hình xấu xí, thân thể chẳng có uy đức. Có thể sanh vào nhà hạ tiện, bần cùng khốn khổ, bị ngu si tà kiến. Như thế nghiệp này ngày đêm tương ưng. Ở kiếp giữa trong 7 ngày đó có một ngày một đêm đói khát rồi chết vô số. Từ trong họ đã phân tán đi biệt xứ. Lúc ấy có một người tập họp những nam nữ trong cõi Diêm Phù Đề lại chừng 10.000 người còn sót lại và là nhân chủng của vị lai. Đối với lúc ấy đa phần làm những chuyện phi pháp và trong một vạn người này có người làm thiện. Cho nên các thiện thần muốn làm cho dòng giống loài người chẳng đoạn tuyệt nên đã ủng hộ con người bằng cách cho những thức ăn ngon vào lỗ chơn lông và cho nghiệp lực; nên ở kiếp giữa này con người còn lưu giữ lại những chủng tử ấy, tự nhiên chẳng gián đoạn. Qua 7 ngày sau thì cơn đói lớn ấy một lúc đã biến mất. Tất cả ác quỷ đều bỏ đi. Lúc ấy tất cả chúng sanh muốn có y phục, ăn uống v.v... liền nghĩ đến là có đầy đủ. Mua thuận gió hòa, âm dương tốt đẹp, mỹ vị sanh ra, thân hình khả ái, tướng tốt trở lại. Tất cả những thiện pháp tự nhiên sanh khởi. Thanh lương tịch tĩnh, an lạc chẳng bệnh, đại bị nhập tâm. Do đại bị nên đại từ nhập tâm. Do đại từ nên chẳng có ý não hại. Do ý chẳng bị não hại nên được gặp nhau và sanh tâm hoan hỷ; sanh tâm nhẫn thọ và sanh tâm yếm ly, cùng tương ưng gìn giữ, chẳng thể rời bỏ xa lìa; giống như tương ái thân hữu dài lâu chẳng gặp nhau. Nhẫn hay tụ tập, sanh ra tâm hoan hỷ và tâm nhẫn thọ. Sanh

tâm chẳng chán nản cùng duy trì và chẳng xa lìa. Lúc ấy con người gặp nhau, lại cũng như thế. Do nguyên nhân tương ái và nhớ nghĩ nên nam nữ cùng ở với nhau. Đây là tiền kiếp những người có thọ mệnh 10 tuổi. Hậu kiếp là nhân dân từ đó mà sanh. Thọ mệnh dài lâu, hình thái đẹp đẽ, uy đức tối thắng. Thần lực tự tại, đời sống đầy đủ. Thọ mạng đến 20.000 tuổi. Lúc ấy chúng sanh như công đức này tự nhiên thành tựu. Vì sao có việc này ?

Vì hay thực hành pháp bình đẳng, làm việc thiện là kết quả vậy. Lúc ấy con người cùng với các thiện pháp đều tương ưng, thân, khẩu, ý đều làm việc lành. Sau khi xả bỏ thân mệnh rồi sanh vào đường lành và thiên đạo. Khi xả bỏ thân mệnh ở cõi trời lại sanh vào làm người. Khi sanh vào loài người rồi tự nhiên hiền lương, tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành những việc lành tốt. Xa rời sự sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Chẳng có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ pháp tà kiến và tu hành chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa Môn, Bà La Môn, Thân Hữu cùng các bậc Tôn Trưởng. Đồng với các pháp tương ưng. Nghiệp này có thể cảm được sự sống lâu, không bệnh, hình thể đoan chánh, thân có uy đức. Hay sanh vào gia đình giàu có, trí tuệ rộng lớn. Như thế những nghiệp lành này ngày đêm sanh trưởng. Lúc ấy con người nương vào nơi phước đức, sanh ra vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mệnh, thường sanh vào thiên đạo. Cho đến ở nơi đường lành này được dài lâu như thế ở kiếp đầu và do sự đói khát không còn nữa và kiếp tiếp theo 20.000 năm nữa. Ở giữa kiếp này có một tuổi thọ mà con người do nơi 20.000 năm tuổi trước sinh ra. Người này thọ mệnh thật lâu, hình sắc đẹp đẽ, uy đức cao tốt. Thần lực tự tại, đời sống đầy đủ. Thọ mệnh đến 40.000 tuổi. Lúc ấy chúng sanh như thế là do sự thành tựu tự nhiên của công đức. Vì sao có việc này ?

Chính là việc làm bình đẳng và làm các việc thiện là kết quả vậy. Lúc ấy loài người cùng với các thiện pháp được tương ưng, thân khẩu ý đều là những việc thiện. Khi xả bỏ thân mệnh này rồi liền sanh vào đường lành và thiên đạo. Khi xả bỏ thọ mạng ở cõi trời rồi liền lại sanh vào cõi người. Khi sanh trong cõi người thì tự nhiên hiền lành, tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức. Tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường làm những việc tốt đẹp. Xa rời việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Chẳng có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ tâm tà kiến, tu hành theo chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn, Thân Hữu và các bậc Tôn Trưởng và cùng tương ưng với các pháp lành. Do nghiệp này chiêu cảm mà chẳng có bệnh, được hình tướng đoan chánh, thân thể có uy đức. Hay sanh vào nhà giàu có, được trí tuệ lớn. Như thế các pháp lành mỗi ngày được sanh và tăng trưởng. Lúc ấy con người nương vào nơi phước đức để thực hành và tăng trưởng vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thân mệnh liền sanh vào cõi Trời. Ở nơi cảnh thiện lành ấy dài lâu như thế cho đến giữa kiếp thứ 3.

Thọ mạng của kiếp thứ 2 là 40.000 tuổi. Kế đến con người từ 40.000 tuổi mà sanh ra. Thọ mạng của con người lúc ấy dài lâu, đẹp đẽ, uy đức cao cả. Thân lực tự tại, đời sống đầy đủ và thọ mạng lúc ấy là 60.000 tuổi. Lúc ấy con người tương ưng với các pháp lành. Thân, khẩu, ý đều làm những việc thiện. Khi xả bỏ thân mệnh rồi, lại sanh vào đường lành, hoặc cõi Trời. Khi xả bỏ thân mệnh ở cõi Trời rồi liền sanh vào cõi người. Khi sanh vào cõi người rồi tự nhiên lành thiện. Tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức. Tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường làm những việc tốt đẹp. Xa rời việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Chẳng có tâm tham dục, chẳng có tâm sân nhuế, xả bỏ những pháp tà kiến và tu hành theo chánh

pháp. Cung kính cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn, Thân Hữu và các bậc Tôn Trưởng. Cùng với các thiện pháp tương ứng. Nghiệp này có thể cảm ứng đến việc sống lâu, không bệnh, hình sắc đoan chánh, thân thể uy đức, sanh vào trong nhà giàu có, có trí tuệ lớn. Như thế những pháp lành mỗi ngày được sanh trưởng. Lúc ấy con người nương vào phước đức để làm và sanh ra vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thân mệnh liền sanh vào cõi Trời. Ở trong cõi thiện lành ấy dài lâu. Như vậy gọi là đời sống trong kiếp thứ 3.

Tuổi thọ lần thứ 3 này 60.000 tuổi. Loài người từ chỗ 60.000 tuổi này mà sanh ra, đời sống dài lâu, thân hình đẹp đẽ, uy đức thù thắng. Thần lực tự tại, cuộc sống đầy đủ. Thọ mệnh lúc ấy là 80.000 tuổi. Như vậy ở trong kiếp ấy, người ở cõi Diêm Phù Đề này sanh ra những chúng sanh có tuổi thọ dài lâu. Lâu nhất là 80.000 năm và người nữ lúc ấy 500 tuổi mới đi lấy chồng. Lúc ấy con người có 7 loại bệnh như đại, tiểu tiện, lợi hàn, nhiệt, dục tâm, đói, già. Như thế ở tất cả các quốc gia đều giàu có sung túc. Chẳng có oán tặc và giặc cướp. Các châu, quận, huyện, ấp, người, thôn xóm lại cùng nghe tiếng gà gáy. Canh tác tuy ít mà thu hoạch lại nhiều. Lúc ấy con người thọ dụng cái quả ít, hay dùng quả lành của đời trước; nhà cửa, xe cộ, y phục, tài bảo, cuộc sống đầy đủ sung túc. Sự thọ dụng ấy suốt cả cuộc đời cũng chẳng hết. Lúc ấy con người ở yên thọ hưởng, chẳng phải tâm cầu. Thọ mạng 80.000 tuổi trụ một A Tăng Kỳ cho đến khi chúng sanh tạo ra thập ác. Từ đó khởi lên 10 con đường ác và do nguyên nhân ấy mà thọ mạng con người chỉ còn 10 tuổi. Cứ độ 100 năm lại giảm xuống 10 tuổi. Ở tuổi cuối cùng 10 tuổi thì không còn giảm nữa. Lâu nhất là 80.000 tuổi và ít nhất là 10 tuổi. Nếu Phật không ra đời thì lần lượt như thế. Nếu Phật ra đời và trụ lại ở chánh pháp thì thọ mệnh của chúng sanh không bị giảm. Tùy theo chánh pháp giảm mà thọ mệnh lại giảm dần.

Đức Thế Tôn đã nói như thế và ta (A Nan) đã nghe.

Phật nói
LUẬN A TỶ ĐÀM
VỀ VIỆC THÀNH LẬP
THẾ GIỚI



Quyển thứ 10

- *Trần, Tây Ấn Độ Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, ngày 7 tháng 7 năm 2005, nhân mùa An Cư Kiết Hạ, Phật lịch 2549.*
- *Thứ tự Kinh văn số 1644, quyển thứ 32, thuộc Luận tập Bộ Toàn của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, từ trang 173 đến trang 225.*



ĐẠI TAM TAI

Phẩm Hỏa Tai

Thứ hai mươi lăm

Đức Thế Tôn dạy rằng: Một Tiểu Kiếp gọi là một kiếp. 20 Tiểu Kiếp lại cũng gọi là một kiếp. 40 Tiểu Kiếp lại cũng có tên là một kiếp. 60 Tiểu Kiếp cũng có tên là một kiếp. 80 Tiểu Kiếp có tên là một Đại Kiếp.

Vì sao một Tiểu Kiếp gọi là một kiếp ?

Lúc ấy Tỳ Kheo Đề Bà Đạt Đa ở trong địa ngục thọ quả báo đã xong, Đức Phật nói là trụ thọ một kiếp. Như thế một Tiểu Kiếp có tên là một kiếp.

Vì sao 20 Tiểu Kiếp lại cũng có tên là một kiếp ?

Như ở cõi trời Phạm Thiên Hạnh có thọ mạng là 20 Tiểu Kiếp. Đối với chư thiên này Phật nói trụ thọ của họ là một kiếp. Như thế 20 Tiểu Kiếp lại có tên là một kiếp.

Vì sao 40 Tiểu Kiếp lại gọi là một kiếp ?

Như tuổi thọ của cõi trời Phạm Chúng là 40 Tiểu Kiếp thì Phật nói trụ thọ ở đó là một kiếp. Như thế 40 Tiểu Kiếp lại có tên là một kiếp.

Vì sao 60 Tiểu Kiếp gọi là một kiếp ?

Như tuổi thọ ở cõi trời Đại Phạm là 60 Tiểu Kiếp, Phật bảo trụ thọ ở đó là một kiếp. Như thế 60 Tiểu Kiếp lại gọi là một kiếp.

Vì sao 80 Tiểu Kiếp gọi là một Đại Kiếp ?

Phật bảo kiếp ấy thế giới tan hoại; kiếp ấy thế giới tan hoại rồi trụ; kiếp ấy thế giới khởi thành. Kiếp ấy thế giới khởi thành rồi trụ trong A Tăng Kỳ thì gọi là Kiếp. Lúc thế giới tan hoại A Tăng Kỳ gọi là Kiếp. Thế giới tan hoại rồi trụ A Tăng Kỳ gọi là Kiếp. Thế giới khởi thành A Tăng Kỳ gọi là Kiếp. Thế giới khởi hành rồi trụ, tan hoại.

Ở đây có 3 nguyên nhân. Một là do lửa mà tan hoại; hai là do nước mà tan hoại và thứ ba là do gió mà tan hoại. Như thế Đức Thế Tôn đã dạy:

Này các Tỳ Kheo! Nguyên nhân của sự tan hoại ấy có 3 loại. Một là do lửa tan hoại; hai là do nước tan hoại; ba là do gió tan hoại.

Này các Tỳ Kheo! Sự tan hoại trên cao có 3 loại. Một là trời Thắng Biển Quang; hai là trời Biển Tịnh và 3 là trời Quảng Quả. Đức Phật lại nói rằng:

Này các Tỳ Kheo! Sự tan hoại ở trên cao ấy có 3 loại. Một là cõi trời Thắng Biển Quang; hai là trời Biển Tịnh; ba là trời Quảng Quả.

Vì sao mà từ cõi trời Thắng Biển Quang cho đến Biển Tịnh và trời Quảng Quả là 3 loại tan hoại cao ?

Này các Tỳ Kheo! Khi lửa đốt tan hoại thì tất cả chúng sanh nơi hạ giới tu theo đệ nhị thiên liền sanh lên cõi trời Thắng Biển Quang. Khi nước làm tan hoại thì tất cả chúng sanh dưới đất tu đệ tam thiên, sanh lên trời Biển Tịnh. Khi nạn gió làm tan hoại tất cả chúng sanh ở dưới đất thì kẻ tu đệ tứ thiên sanh lên trời Quảng Quả. Đức Phật nói rằng lửa

thiên đột tan hoại là do sự tan hoại của trời Thăng Biến Quang. Thủy tai tan hoại là do sự tan hoại của trời Biến Tĩnh. Phong tai tan hoại là do sự tan hoại ở cõi trời Quảng Quả.

Lại nữa các Tỳ Kheo! Sự tan hoại có 2. Một là chúng sanh nơi thế giới ấy tan hoại; hai là chính thế giới tan hoại. Trong 10 Tiểu Kiếp chúng sanh thế giới tan hoại; kể đến 10 Tiểu Kiếp chính thế giới tan hoại.

Phật bảo các Tỳ Kheo! Sự tan hoại ấy đầu tiên là bắt đầu từ sự tan hoại ở cõi trời Thăng Biến Quang, nguyên nhân ở đệ nhị thiên. Lúc đó người ở cõi Diêm Phù Đề thọ mệnh 80.000 tuổi và người nữ đến 500 tuổi mới đi lấy chồng. Lúc ấy loài người có 7 loại bệnh như: Đại, tiểu tiện, lợi hàn, nhiệt, dâm dục, đói, già. Lúc ấy tất cả các quốc gia đều giàu có an lạc, chẳng có oán tặc và cũng không có trộm cắp. Các châu, quận, huyện, ấp, nhân dân, thôn xóm lại cùng nghe được tiếng gà gáy. Canh tác tuy ít mà thu hoạch lại nhiều. Lúc ấy loài người thọ công, dụng quả ít. Dùng những thiện nghiệp ở đời trước; nên quả nhiều. Nhà cửa, xe cộ, y phục, tài bảo đời đời như ý đầy đủ. Lúc đó có 2 cảnh giảm xuống. Một là sân nhuế; hai là ý bách não. Cả 2 loại này lớn mạnh. Một là chẳng sân nhuế; hai là ý chẳng bức bách. Lúc ấy loài người giảm lia 10 điều ác, tu hành thập thiện, ở yên hưởng nhàn chẳng cần tìm cầu. Hoặc tụ tập nơi đình quán; hoặc ở nơi nhà; hoặc chỗ đông người, hoặc dưới gốc cây. Nói như thế này mà truyền đi các tuyên bố:

Rằng ngày xưa con người sanh ra ở kiếp thế ô trước. Nguyên nhân do ngũ dục trần tham dục tăng mạnh; hoặc cha mẹ con cái cùng nhau tranh giành. Huynh đệ tỷ muội, thân hữu, quyến thuộc tự đánh đá nhau, hà huống là người khác. Lúc ấy con người khởi lên tranh tụng rồi sau đó cho đến dùng tay để đánh; hoặc dùng gạch ngói; hoặc dùng cây gậy.

Cho đến giáo mác dùng để gây sợ hãi cho đến sát hại lẫn nhau. Do nguyên nhơn này mà ngũ trần khởi lên nhiều loại xấu ác. Cho nên ngũ trần liền được bỏ đi; như thế tăng ác và tích chứa dục trần. Nhiều loại rõ nói ngũ trần sai trái. Lúc ấy con người suy nghĩ ngũ trần quá sung và hạ giới bị quấy nhiễu, quán vô giác quán, định vi diệu công đức. Tu tập nhị thiên sau khi xả bỏ thọ mệnh rồi liền sanh lên cõi trời Thắng Biên Quang. Lúc ấy dục giới chur thiên biến thân. Giống như con Tê Giác ngày đêm 3 lần đi khắp thế giới ra lệnh và nói rằng:

Này Thiện Nam Tử! Thiện Nữ Nhơn! Vô giác quán định, tôi vi diệu lạc. Cho nên các người tu hành ở nơi đó, lúc ấy con người ở đầu đêm, cuối đêm nghe lời nói rồi hoan hỷ vui vẻ, xả trừ tạp sự, nhiếp tâm tọa thiền, quán dục trần sai trái; quán vô giác quán định có đại công đức. Tức thời sau khi xả mệnh ở nhị thiên thì sanh lên cõi trời Thắng Biên Quang. Lúc ấy con người thường hay làm vui cho kẻ khác là công việc chính. Hoặc ca, hoặc múa tới lui; hoặc múa dao kiếm; hoặc đánh trống thổi kèn; hoặc xướng ca tán tụng; hoặc nghiêm sức thân kia. Như thế con người và các ca khúc, thi thơ truyền đạt.

Ngày xưa khi con người sanh ra trong kiếp đời ô trược. Nguyên nhơn là do tham trước ngũ dục trần càng tăng. Hoặc cha mẹ con cái cùng đánh đá nhau; huynh đệ tỷ muội, thân hữu, quyến thuộc tự cùng đánh đập nhau, hà huông là người khác. Lúc ấy sau khi con người khởi lên việc đấu tranh với nhau rồi, lại dùng tay để đánh nhau; hoặc dùng gạch ngói; hoặc dùng gậy gộc cho đến dao gậy để khùng bổ nhau. Rồi sát hại lẫn nhau nhơn đây mà ngũ trần khởi lên các việc ác. Cho nên ngũ trần tuyên ưng thí xả. Như thế càng tăng ác và chứa dục trần. Nhiều loại hiện lên nói ngũ trần mất mát. Lúc ấy con người nghĩ rằng ngũ trần quá xung đột và chạy trốn

hạ giới, quán vô giác quán, định vi diệu công đức. Tu tập nhị thiên, sau khi xả bỏ thọ mệnh, liền sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy chư thiên từ Thắng Biến Quang xuống đi khắp thế giới bằng cách tàng hình. Rồi ra lệnh cho các thiện nam tử, thiện nữ nhen rằng:

Vô giác quán định, diệu lạc tịch tịnh. Cho nên các người tu hành và sống ở nơi đây. Lúc ấy con người ở đầu đêm cuối đêm khi nghe tiếng nói chư thiên liền hoan hỷ vui vẻ khởi tin, tâm vui. Tất cả cư gia, thôn ấp, quận châu, cho đến người của nước lớn đều khởi tâm tinh tấn, quán sát hạ giới dục trần mắt mắt; quán nhị thiên công đức, tu tập nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mệnh liền sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy có kẻ xuất gia ngoại đạo chỉ bày cho tất cả cư gia, thôn ấp, quận châu cho đến người ở những nước lớn liền bảo vô số quyền thuộc của người xuất gia vây quanh rồi lần lượt du hành đi khắp nước và rao nói những lời như trên.

Xưa kia có người sinh ra trong kiếp đời ô trược. Nhen việc tham đắm ngũ dục trần và muốn tăng thêm hoặc cha mẹ con cái cùng đấu tranh với nhau; huynh đệ tỷ muội, thân hữu, quyền thuộc cùng đánh đá nhau, hà huông là kẻ khác. Lúc ấy sau khi con người khởi lên sự đấu tranh với nhau rồi, liền dùng tay để đánh nhau hay bằng gạch đá, hoặc bằng gậy gộc, cho đến dao gậy để tạo ra sự sợ hãi cho nhau, cho đến việc giết hại. Nhen đó mà ngũ trần khởi lên nhiều loại ác. Cho nên ngũ trần tuyên ưng thí xả. Như thế càng tăng ác và tích chứa những dục trần, hiển nói dục trần sai trái. Lúc ấy con người suy nghĩ ngũ trần quá xung đột nên chạy khỏi hạ giới, quán vô giác quán, định vi diệu công đức, tu tập nhị thiên, sau khi xả bỏ thân mệnh liền sanh tâm cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy chúng sanh trong địa ngục liền suy nghĩ rằng: Ngày xưa khi còn sống chúng ta đã tạo các nghiệp bất thiện cho nên ta bây giờ phải đến đây thọ khổ. Do ý này mà

đôi với ngục tốt chẳng sanh tâm oán hận. Lúc ấy chúng sanh nơi địa ngục không có cảnh giới của tâm sân nhuế; không có ý bức bách nào hại, tự nhiên sanh trưởng tăng đủ tâm lành. Do ở nơi túc nghiệp đời trước và hậu báo này là nghiệp lành, xả bỏ địa ngục và thọ sanh vào nhơn gian làm người. Khi sanh vào làm người rồi liền nghĩ rằng dục trần quá xung đột sai trái nên quán nhị thiên công đức, tu tập nhị thiên. Sau khi xả bỏ mạng sống rồi sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Khi ấy những chúng sanh bị đọa nơi địa ngục nghĩ đến ngục tốt như thế này: "Chúng ta bởi vì tự tạo các nghiệp ác nên mới sanh vào chốn này. Những tội nhơn đây là do nhơn ác đã tạo ra nên đến đây thọ khổ. Chúng ta làm sao mà làm cho những chúng sanh kia khởi lên sự tàn hại được". Liền đó sanh ra không sân hận và cũng chẳng bức bách, tự nhiên sanh trưởng đầy đủ tâm lành. Do ở đời trước nghiệp thiện vẫn còn. Sau khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sanh vào cõi người. Khi sanh vào loài người rồi liền nghĩ nghĩ ngũ trần quá xung đột, quán nhị thiên công đức tu tập nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mệnh lại sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang.

Lúc ấy có những chúng sanh thuộc thủy sản như rùa, cá, ba ba v.v... đối với tất cả đều sanh tâm từ chẳng có ghét bỏ, chỉ ăn những rau cỏ dưới nước và những vật chết tự nhiên mới lấy ăn. Cho đến có thể tự đói khát mà chết, chứ không muốn sát hại kẻ khác để ăn thịt. Chẳng có sân nhuế, chẳng có bức bách. Lúc ấy sanh trưởng các tâm lành, tâm thương chúng sanh. Do đời trước như thế; nên hậu báo là nghiệp lành. Sau khi xả bỏ thân mệnh rồi, lại sanh trong cõi người. Khi sanh trong cõi người rồi suy nghĩ về ngũ trần quá xung đột; nên muốn rời khỏi hạ giới, quán vô giác quán, định vi diệu công đức, tu tập nhị thiên. Sau khi xả bỏ thân mệnh rồi lại sanh vào cõi trời Thắng Biến Quang.

Lại có những chúng sanh trên đất liền như sư tử, hổ báo, mèo, chồn v.v... cũng sanh tâm từ bi chẳng ăn thịt, khi đói thì ăn cỏ, khát thì uống nước sạch. Nếu có vật chết tự nhiên mới ăn thịt. Thà rằng đói mà chết, chứ không sát hại vật khác để tự cứu mình. Chẳng sân nhuế, không có ý bách hại. Lúc ấy sanh tâm lành và tâm yêu thích. Do đời trước như vậy; nên hậu báo là những việc lành. Sau khi xả bỏ thân mạng rồi, sanh vào cõi người. Khi sanh vào cõi người rồi liền suy nghĩ ngũ trần quá sai trái; nên muốn chạy khỏi hạ giới, quán vô giác quán, định vi diệu công đức, tu tập nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mệnh rồi sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Tất cả con đường ngạ quỷ liền sanh tâm thương tưởng và tất cả có thể sanh ra việc lành như trước đã nói. Sau khi xả bỏ thân mệnh rồi, được sanh vào cõi người. Khi đã được làm người rồi liền suy nghĩ ngũ trần sai trái, quán vô giác quán, định tu tập nhị thiên. Sau khi xả bỏ thân mệnh rồi, lại sanh vào cõi trời Thắng Biến Quang. Những chúng sanh ở cõi A Tu La cũng như thế.

Lúc ấy người ở cõi Tây Cù Già Ni (Tây Ngưu Hóa Châu) ở nơi đất nước của họ cũng tu tập nhị thiên. Sau khi đắc được nhị thiên rồi, từ đó sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Nếu kẻ thọ sanh ở cõi Diêm Phù Đề mà được nhị thiên lại cũng sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Người ở cõi Đông Tỳ Đề Ha (Đông Thắng Thần Châu) hoặc tại nơi đó tu tập nhị thiên. Kẻ kia từ đó sanh vào nhị thiên ở cõi thiên. Nếu đến cõi Diêm Phù Đề để tu tập nhị thiên thì cũng từ đây sanh lên cõi trời thứ 2. Người ở Bắc Uất Đan Việt (Bắc Cu Lô Châu) sau khi xả bỏ thân mệnh rồi, liền sanh lên lục dục thiên. Hoặc tại cõi thiên tu tập nhị thiên rồi sanh vào nhị thiên; hoặc từ cõi trời thứ 6 sanh vào Diêm Phù Đề tu tập nhị thiên, lại cũng sanh vào cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy Tứ Đại Thiên Vương Thiên, cõi trời thứ 33, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên,

Tiên Hạnh Thiên, Phạm Chúng Thiên; hoặc tại những cõi trời này tu tập nhị thiên, sau khi xả bỏ thân mệnh rồi, lại sanh vào cõi trời Thắng Biến Quang. Hoặc từ cõi trời sanh vào cõi Diêm Phù Đề, tu tập nhị thiên, lại sanh vào cõi trời Thắng Biến Quang.

Này các Tỳ Kheo! Lúc bấy giờ tất cả các địa ngục đều trống rỗng. Tất cả những con đường súc sanh cũng chẳng còn. Tất cả đường quỷ thần cũng lại như thế. Tất cả đường A Tu La cũng lại rỗng không. Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Diêm Phù Đề, Đông Thắng Thần Châu và Bắc Cu Lô Châu tất cả đều trống rỗng. Tứ Thiên Vương Thiên, cõi trời thứ 33, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, Phạm Tiên Hạnh, Phạm Chúng tất cả đều trống rỗng. Tất cả chúng sanh lúc ấy ở trong 1.000 thế giới đều chẳng còn. Chỉ còn có Đại Phạm Vương. Như thế do nhơn duyên lần lượt tất cả chúng sanh trong thế giới đều tan biến hết. Như thế cả 10 Tiểu Kiệp trôi qua.

Này các Tỳ Kheo! Lúc bấy giờ thế giới được bao bọc bởi khí tan hoại, kế tiếp là tứ đại tan hoại và lửa đốt lên tan hoại. Lúc ấy cả thời gian dài trời chẳng mưa một giọt, chẳng rơi một hạt nào. Thế rồi ở cõi Diêm Phù Đề cây cỏ thuốc và tất cả những hạt mầm đều bị khô queo, lần lượt cháy hết, chẳng thể sanh lại được.

Này các Tỳ Kheo! Tất cả những pháp hữu vi như thế là vô thường, như thế là chẳng thường hằng, chẳng là nơi an ổn, ngắn dài thay đổi, phá hoại, chẳng thể cứu tế, thật chẳng có chỗ để nương vào.

Này các Tỳ Kheo! Do nghĩa này mà biết rằng các pháp hữu vi đều bị xung đột. Cho nên hãy mau ly dục và mau xả bỏ.

Này các Tỳ Kheo! Trải qua thời gian dài lâu như thế ở nơi cõi này có mặt trời thứ hai xuất hiện. Đối với thế gian có tướng hình tròn, nóng và sáng hơn gấp đôi mặt trời cũ. Do đây mà mặt trời ở cõi Diêm Phù Đề tắt cả hồ ao và những lạch sông nhỏ đều khô queo chẳng còn nước gì cả.

Này các Tỳ Kheo! Tất cả các pháp hữu vi như thế đều vô thường, như trước đã nói, hãy nên xả bỏ.

Này các Tỳ Kheo! Lại trải qua một thời gian dài lâu như thế ở nơi đây lại có một mặt trời thứ 3 xuất hiện; có tướng hình tròn và nóng gấp bội so với mặt trời thứ 2. Do mặt trời này mà ở cõi Diêm Phù Đề những sông sâu hồ lớn đều cạn hết chẳng còn một giọt nước.

Này các Tỳ Kheo! Tất cả các pháp hữu vi như thế đều vô thường, đầy đủ như trên đã nói, nên phải xa lìa.

Này các Tỳ Kheo! Trải qua một thời gian dài thì có mặt trời thứ 4 lại xuất hiện, có hình tròn và nóng gấp đôi mặt trời thứ 3. Do mặt trời này mà ở cõi Diêm Phù Đề nơi hồ A Na Bà Đạt và Mạn Đà Kỳ Ni, sông ở giữa 7 rừng và 4 con sông lớn như thế những con sông sâu, lớn chảy nhanh vào biển lớn. Chẳng còn một giọt nước nào sót lại.

Này các Tỳ Kheo! Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, đầy đủ như trước đã nói; nên phải xả bỏ.

Này các Tỳ Kheo! Trải qua một thời gian dài lâu như thế mặt trời thứ 5 lại xuất hiện. Có hình tròn sáng và nóng gấp đôi mặt trời thứ 4. Do mặt trời này mà nước biển trong ngoài đều giảm xuống 100 do tuần; rồi giảm xuống 200, 300, 400 cho đến 1.000 do tuần, tất cả nước biển đều giảm. Lần lượt giảm đến 2.000, 3.000, 4.000 cho đến một vạn rồi 2 vạn cho đến 6 vạn do tuần của nước.

Này các Tỳ Kheo! Lúc đó chỉ còn nước biển ở sâu độ 7 đala; hoặc 6 đala, hoặc 5, hoặc 4, hoặc 3, hoặc 2, hoặc 1 đala.

Này các Tỳ Kheo! Như thế ngoại trừ nước biển hoặc sâu 7 tầm như thế lần lượt giảm xuống cho đến 1 tầm.

Này các Tỳ Kheo! Như thế trừ nước biển. Cho đến trán của người; hoặc dạ, hoặc ngực, lưng, hông, đầu gối, cẳng chân.

Này các Tỳ Kheo! Ngay như lúc ấy, trừ nước biển ra, chẳng chìm được vật gì.

Này các Tỳ Kheo! Tất cả các pháp hữu vi như thế đều vô thường, đầy đủ như trước đã nói, phải nên xả bỏ.

Này các Tỳ Kheo! Trải qua một thời gian dài như thế, mặt trời thứ 6 lại xuất hiện. Có tướng hình tròn, sáng và nóng gấp đôi mặt trời thứ 5. Do mặt trời này mà thế giới đại địa, trong ngoài biển lớn cho đến núi Tu Di đầu tiên lên khói, khói tụ lại rồi che khuất, giống như nấu bếp, đầu tiên ra khói; khói tụ tập lại rồi che cả đất và biển lớn cho đến núi Tu Di. Do mặt trời thứ 6 này bị che khói lại cũng như vậy.

Này các Tỳ Kheo! Các pháp hữu vi đều vô thường, đầy đủ như trước đã nói, phải nên xả bỏ.

Này các Tỳ Kheo! Trải qua một thời gian dài lâu như thế thì mặt trời thứ 7 xuất hiện. Hình tròn, sáng và nóng gấp đôi mặt trời thứ 6. Do mặt trời này mà thế giới đại địa, biển lớn trong ngoài cho đến núi Tu Di tất cả đều phát hỏa thiêu tất cả. Ngọn lửa xuyên suốt một thời gian dài chẳng dứt.

Này các Tỳ Kheo! Núi Tu Di Sơn Vương kia cũng bị ngọn lửa lớn đốt cháy suốt một thời gian dài, ngọn cao cả hằng trăm do tuần. Tất cả đều tiêu hủy; hoặc 200, 300 cho đến 1.000 do tuần và ngọn lửa cũng cháy cao như thế. Lúc ấy bên ngoài tứ đại và tất cả bị lửa tự nhiên phát khởi, thế giới, trời đất đều bị thiêu đốt, phát ra một ngọn lửa lớn. Rồi sức nóng ấy hút nước ở dưới giếng như đồng bị lửa thiêu đốt rồi để một ít nước lên là nguội và thế giới đại địa này trở thành tánh lửa. Hút nước lại cũng như thế. Giống như dầu để đốt đèn, tất cả đều cháy hết, chẳng còn chút tro. Như thế đại địa và trong ngoài biển lớn cho đến núi Tu Di tất cả đều phát hỏa và ngọn lửa lúc ấy cũng giống như vậy. Tạo thành một ngọn lửa và thiêu đốt tất cả. Chẳng còn một thứ gì cũng lại như thế.

Lúc ấy vòng đất tất cả đều chìm chìm; nước và gió 2 vòng tất cả lại thiêu mất và ngọn lửa này nổi lên trên vòng nước cho đến xứ Đại Phạm Vương. Lúc ấy Đại Phạm xả bỏ thọ mệnh và nơi ở để sanh lên cõi trời Thắng Biển Quang. Lúc ấy đất đai ở Đại Phạm cung điện khắp nơi đều có ánh sáng tròn đầy xem ra dễ thương, chẳng che giấu, màu sắc thuần trắng, nhỏ nhiệm, thanh khiết một lúc thiêu rụi chẳng thể còn gì. Chỗ Phạm Vương ở vốn yên ổn là vì do lửa không có trong một thời gian dài. Tất cả vòng bao bọc bên ngoài thế giới tan hoại cũng hết đi trong một thời gian dài, trải qua 20 Tiểu Kiếp; lại tiếp đến 20 Tiểu Kiếp, lại tiếp theo 1.000 thế giới khác, chẳng có sở hữu, giống như một hang động đen ngòm; bên trên chẳng có gì che và kéo dài 20 Tiểu Kiếp.

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Lúc ấy thế giới lại muốn khởi thành. Pháp thế gian đầu tiên khởi lên nơi thế giới. Nếu có chúng sanh nào đã sanh nghiệp lâu dài thì hay cảm đến quả báo của Đại Phạm. Xả bỏ báo trước rồi lại nhập vào cõi

âm. Nhơn ở cõi sắc giới tứ đại hòa hợp và nơi đất ở Đại Phạm cung điện tự nhiên đột khởi. Ánh sáng trắng quang minh chiếu sáng các nơi, sắc tướng viên mãn, quán vô yếm tức, tâm thường yên vui, ở nơi có người. Đó là do ngày xưa chúng sanh đã tạo nghiệp; nên có thể cảm đến chỗ ở khả ái, đẹp đẽ. Nhơn ngày xưa nghiệp ấy cảm đến cõi sắc giới tứ đại và tứ đại tạo ra sắc. Nhơn nghiệp ngày xưa và sắc giới 4 đại cung điện; tức thành sắc giới tứ đại. Ở nơi cung điện này lại cũng do nhơn duyên như thế. Ở đời trước đã tạo các nghiệp và làm tăng thượng duyên.

Phật bảo các vị Tỳ Kheo rằng: Như thế ở chỗ của Đại Phạm Vương có nhơn, có duyên được khởi lên và thành tựu. Gốc của các pháp vốn là do nhân duyên mà khởi, mà trụ xứ của Phạm Vương như là một trong 4 cõi trời vậy. Lúc ấy Phạm Vương đang ở nơi trung âm, thấy được nơi này và khởi tâm dục ái muốn ngồi ở nơi đó, tức thời khởi lên niềm ưa thích nên thọ sanh và ở nơi đó riêng mình là 10 Tiểu Kiếp. Vui vẻ với đồ ăn, y phục, nương vào sự hỷ lạc mà ở. Ý sanh hóa thân và tự nhiên sáng sủa. Tự tại mà trú quá 10 kiếp rồi. Phạm Vương này khởi lên tâm dục ái, khởi lên tâm chẳng an và suy nghĩ rằng: Nguyên cùng với các chúng sanh đến ở với ta. Khi ấy Phạm Vương đã nguyện xong rồi, thì chúng sanh ở nơi nhị thiên khi nghiệp đã hết và xả bỏ thọ mạng, liền thọ sanh cùng với Phạm Vương và các chúng sanh ấy thấy Phạm Vương này, gốc gác là ở đây một mình; nên đã chấp vào đó. "Ta xưa đã sanh trên đó rồi, thấy Đại Phạm này ở riêng một mình và bây giờ từ trên xuống đây cũng thấy ở riêng cùng với xưa chẳng khác". Lại nổi lên sự chấp trước. Người này là Phạm Vương, đã làm đã sanh ở chỗ tối tôn quý. Do chỗ đầu tiên tạo tác chúng sanh và người này thành thân lực tự tại, sau đó sanh ra và sẽ sanh làm người cha thứ nhất. Chúng ta ngày nay đều từ đây mà sanh. Vì sao có việc này ?

Ta từ xưa đến nay thấy ở đây độc nhất sanh ra trước. Lúc ấy Phạm Vương mới tư duy rằng: Ta là Đại Phạm tạo tác, sanh ra chỗ tối cao quý. Chúng sanh đầu tiên, do chỗ tạo tác, ta được thành thần lực tự tại, đã sanh sẽ sanh và ta là cha. Tất cả thế gian đều từ ta hóa sanh. Vì sao như thế ?

Do ngày xưa ta khởi tâm như thế này: Nguyên cho chúng sanh kia cùng đến ở với ta và theo nguyện của ta mà họ liền đến. Ta ở đây đầu tiên đã thấy họ sanh đến đây. Ở đây là Đại Phạm Vương cùng với các chúng sanh. Thọ mạng thật lâu dài, hình sắc đẹp đẽ. Có danh xưng lớn, có thần thông lớn và đại uy đức. Ngoài ra các Phạm Chúng thọ mạng lại ngắn; hình sắc, tên gọi, thần lực, uy tín tất cả chẳng bằng chỗ ở của Phạm Vương và tất cả Phạm Chúng lần lượt đầy khắp. Gốc gác của pháp ấy là khi thế giới mới khởi lên, như sắc giới tứ đại và tứ đại chỗ tạo ra sắc. Chỗ ở riêng của Phạm Vương cung điện và đất đai tự nhiên hiện ra. Màu sắc thuần trắng, vi diệu tinh khiết; ánh sáng khả ái, thấy kẻ không nhân, chỗ chưa có người là chúng sanh. Xưa kia do đã tạo nghiệp; nên có thể cảm đến sự khả ái, chỗ ở đẹp đẽ và do nguyện như ngày xưa tạo nghiệp ấy; nên cảm đến cõi sắc giới tứ đại và tứ đại đã tạo ra hình sắc. Nguyên như do nghiệp đời trước và sắc giới tứ đại cung điện, tức thành sắc giới tứ đại. Đối với cung điện này lại cùng như cùng duyên. Đời trước đã tạo các nghiệp và hằng làm tăng thượng duyên.

Phật dạy: Nay các Tỳ Kheo! Như Độc Phạm cung điện, có như, có duyên được khởi, được thành. Gốc gác của mọi pháp đều do nhân duyên khởi lên và cõi Độc Phạm này như đây mà lần lượt đầy khắp. Gốc gác bốn tánh của các Phạm Thiên làm cho thế giới sanh khởi. Do sắc giới tứ đại và tứ đại tạo ra sắc. Cung điện của cõi trời Phạm Thiên Hạnh và đất tự nhiên sanh khởi. Hiện lên màu sắc thuần trắng, vi diệu, tinh khiết, sáng sủa, khả ái, xem qua chẳng chán. Chỗ ở

chưa có người là chúng sanh. Ngày xưa đã tạo nghiệp rồi có thể cảm đến sự khả ái thắng diệu trụ xứ. Nhơn nghiệp ngày xưa cho nên cảm đến sắc giới tứ đại và tứ đại là chỗ tạo ra sắc. Nhơn nghiệp ngày trước và sắc giới tứ đại cung điện, liền thành sắc giới tứ đại. Đến nơi cung điện này lại cũng nhơn, lại cũng duyên, do đời trước tạo các nghiệp và hay làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Như thế cõi Phạm Thiên Hạnh có nhơn, có duyên mà được khởi lên và thành. Các pháp gốc gác là do nhơn duyên mà khởi. Ở cõi trời Phạm Thiên Hạnh và tất cả ở cõi trời này lần lượt đầy khắp. Bản tánh của các pháp tự nhiên mà thế giới này khởi lên. Nhơn dục giới tứ đại và chỗ tạo tác của 4 đại ra sắc. Tha Hóa Tự Tại Thiên cùng các cung điện và chỗ ở tự nhiên khởi lên, hiện ra vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Bốn báu hợp thành chói sáng khả ái, thấy chẳng muốn xa lìa. Ở đó chưa có người gọi là chúng sanh. Do ngày trước tạo các nghiệp có thể cảm đến sự khả ái, thắng diệu trụ xứ. Nguyên nhơn ở đời trước cho nên có thể cảm đến dục giới tứ đại và tứ đại là chỗ tạo tác ra sắc. Lại do nhơn duyên đời trước vì nghiệp nên đã tạo ra dục giới tứ đại cung điện, liền thành dục giới tứ đại. Đối với cung điện này lại cũng nhơn, lại cũng duyên. Do đời trước chỗ tạo nghiệp làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Như thế các cung điện của cõi trời Tha Hóa Tự Tại lại có nhơn, có duyên nên được khởi thành. Gốc gác của các pháp là do nhơn duyên khởi. Đây là cõi trời Tha Hóa Tự Tại, tất cả chư thiên dần dần đầy khắp. Bản tánh của chư thiên như thế và các pháp của thế giới lại khởi lên. Nhơn ở dục giới tứ đại và tứ đại sở tạo ra sắc.

Hóa Lạc Thiên, cung điện và đất tự nhiên sanh khởi, hiện ra vàng, bạc, lưu ly cùng với pha lê, gồm 4 chất báu tạo

thành ánh sáng dễ thương, xem không thấy chán. Chỗ ở chưa có người là chúng sanh. Do xưa đã tạo các nghiệp nên có thể cảm sự khả ái, và trú xứ đẹp đẽ. Nhơn xưa do nghiệp nên có thể cảm đến dục giới tứ đại và tứ đại tạo ra sắc. Lại nữa nhơn nghiệp ngày trước và dục giới tứ đại cung điện này lại nhơn, lại duyên. Đồi trước đã tạo nghiệp hằng làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Nay các Tỳ Kheo! Ở nơi cõi trời Hóa Lạc có nhơn, có duyên nên được khởi thành. Gốc của các pháp đều do nhân duyên khởi. Đây là trụ xứ của cõi Hóa Lạc. Tất cả chư thiên lần lượt đầy khắp. Bốn tánh các pháp khi muốn khởi lên thế giới này là do dục giới tứ đại và tứ đại tạo tác ra sắc. Đầu Suất Đà Thiên cung điện và xứ sở tự nhiên khởi lên. Hiện ra vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Bốn chất báu tạo thành ánh sáng khả ái, xem không thấy chán. Chỗ chưa có người ở là chúng sanh. Ngày xưa đã tạo các nghiệp rồi có thể cảm thọ sự khả ái và trú xứ đẹp đẽ. Nguyên nhơn ngày trước do nghiệp cho nên có thể cảm ứng đến dục giới tứ đại và tứ đại ấy tạo tác ra sắc. Lại nữa nguyên nhơn nghiệp ngày xưa và dục giới tứ đại cung điện, liền thành dục giới tứ đại. Đối với cung điện này lại cũng nhơn, cũng duyên. Đồi trước đã tạo tác các nghiệp và hay làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Nay các Tỳ Kheo! Như thế ở cõi Đầu Suất Đà Thiên cung điện và đất ở đó lại có nhơn và có duyên khởi thành. Gốc của các pháp là do nhân duyên sanh khởi. Đây là trụ xứ của cõi trời Đầu Suất, tất cả chư thiên lần lượt đầy khắp; bốn tánh của pháp tự nhiên và thế giới lại sanh khởi. Nhơn ở dục giới tứ đại và tứ đại tạo tác ra sắc. Cung điện ở cõi trời Dạ Ma và cõi Thiên đều tự nhiên sanh khởi, hiện ra vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Gồm 4 chất báu hợp thành ánh sáng đẹp đẽ, xem không chán. Ở đó có người là những chúng sanh, ngày xưa đã tạo các nghiệp có thể cảm đến sự dễ

thương và trụ xứ đẹp đẽ. Nguyên nhơn các nghiệp ngày xưa có thể cảm đến dục giới tứ đại và tứ đại tạo tác ra sắc. Lại nữa nguyên nhơn nghiệp từ xưa và dục giới tứ đại cung điện liền thành. Dục giới tứ đại cung điện đối với cung điện này lại cũng nhơn, lại cũng duyên. Đời trước đã tạo ra nghiệp và hằng làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Đây là cõi trời Dạ Ma có nhơn, có duyên nên được sanh khởi thành. Bồn lai của các pháp là do nhơn duyên khởi. Trụ xứ của cõi Dạ Ma này tất cả chư thiên lần lượt đầy khắp. Lúc ấy Dạ Ma Thiên nhớ lại rằng: Ngày xưa lúc ấy thế giới cũng như con người ngủ quên trong mộng và khi được thần thông rồi liền nhớ đến đời trước ở cõi trời Dạ Ma, nhớ thế giới ngày trước cũng lại như vậy. Lúc ấy chư thiên liền suy nghĩ rằng: Ta bây giờ đến đây để xem lại hạ giới. Nghĩ rồi cùng nói: Chúng ta cùng đến xem nơi kia ở ngoài trời. Có lời đáp rằng: Ta cũng đồng đi.

Lúc ấy chư thiên có nói kết các bạn lại rồi giảng ra bữa khắp cùng đi và nói rằng: Ngày xưa nơi đây có núi Tu Di. Ở trong núi ấy có thành Thiện Kiến Thiên. Ở xứ này có hồ Nam Đà Bảo, lại cũng có vườn Nam Đà Bảo. Ở xứ này cũng có ao Chất Đa La và vườn Chất Đa La cùng các loại xe. Xứ này có hồ Ác Khâu và vườn Ác Khâu. Xứ này có hồ Tạp Hoa và vườn Tạp Hoa. Xứ này có nước Ba Lợi Chất Đa dày 4 ức 8 vạn do tuần. Rộng 12 ức 3.450 do tuần. Chu vi 36 ức 1 vạn 350 do tuần. Thật là to lớn chẳng gì sánh được. Bên trên mặt nước có một nơi gọi là Đại Vị Kiếp. Đầu tiên cảm khởi ngày đêm rồi dày thêm xoay chuyển kiên cố. Giống như ngâm sữa đông lạnh, dày cao che khuất lên trên và đại vị địa giới tối sơ khởi lên cũng lại như vậy. Đại địa giới này nhiều lần khởi lên dài lâu rồi đầy khắp tất cả. Dày 2 ức 4 vạn do tuần. Rộng 12 ức 3.450 do tuần. Chu vi 36 ức 1 vạn 350 do tuần. Ở nơi đây khó nói được sự to lớn ấy. Ở dưới đất này

sâu 1 ức 6 vạn toàn do vàng thật hợp thành. Bên trên 8 vạn vàng, bạc, đồng, thiếc v.v... cùng 7 giới tạp thành. Lúc đó địa giới mềm mại tùy thời. Giống như chất sữa đông vón thành từng mảnh. Đất này mềm mại cũng lại như thế. Đất này xây ở giữa, nương theo nghiệp tăng thượng duyên của chúng sanh. Bốn phương gió thổi khốc liệt và bên trong biển khởi thành núi Tu Di. Có gió mang đất, có gió tụ thành, có gió thổi ngay và tạo thành hình Tu Di. Có gió tạo ra 4 đỉnh núi Tu Di, mở thành Thiên Kiến và dần khởi lên thành Thiên Kiến, tạo ra hồ Nan Đà và vườn Nan Đà, tạo ra hồ Chất Đa La và vườn Chất Đa La. Hồ Chúng Xa và vườn hồ Ác Khâu. Hồ Tạp Hoa và vườn cây Ba Lợi Chất Đa. Cho đến vườn Câu Li La La và biển Do Càn Đà, núi Do Càn Đà, núi biển Y Sa Đà, núi biển Khư La Tỳ, núi biển Thiên Kiến, núi biển Mã Nhĩ, núi biển Tỳ Na Đa, núi biển Ni Dân Đà và ở trong tứ thiên hạ các châu lục tạo thành và các biển cả khởi lên Thiết Vi Sơn. Như thế các cây và vườn Câu Tỳ La La, ở đây ngày xưa có đá Bàn Trụ Kiếm Bà La Bảo và ở nơi đây ngày trước có Thiên Pháp đường; nơi đây ngày xưa có biển lớn; nơi đây có núi Du Càn Đà và biển Du Càn Đà. Ở trong đây có núi Y Sa Đà và biển Y Sa Đà. Ở trong đây có núi Khư La Chi và biển Khư La Chi. Nơi đây có núi Thiên Kiến và biển Thiên Kiến. Có núi Mã Nhĩ và biển Mã Nhĩ. Ở trong đây có núi Tỳ Na Đa và biển Tỳ Na Đa. Ở trong đây có núi Ni Dân Đà và biển Ni Dân Đà. Ở trong đây có tứ thiên hạ và trong đây có châu lục đất đai và bên ngoài là biển lớn. Ở trong đây có núi Câu Kha Bà La. Đây là cõi trời Dạ Ma, thân hình cao lớn bay đi nhanh nhẹn. Do đi nhanh cho nên đung vào vùng gió. Bởi vì phong luân này là gió Na La Diên làm vùng căn bản và gió này thổi rất mạnh cho đến muốn thổi đâu thì thổi, muốn đây thì đây, tất cả đều tùy ý. Bề dày 9 ức 6 vạn do tuần; bề ngang 12 ức 3.450 do tuần. Chu vi 36 ức 1 vạn 350 do tuần. So với chỗ này không có gì sánh nổi. Gió này cứng mạnh, vật chẳng thể xâm vào. Nếu người có cầm gậy Chấp

Kim Cương của Na La Diên Lục cũng không thể đẩy gió này bằng đao trượng mà tự làm cho phong luân chẳng bị tổn hại. Ở trên không trung của phong luân có nước mưa chảy lớn như lâu đài; hoặc như trục xa; hoặc như bánh xe ngày đêm chẳng dừng nghỉ, như nước sông dâng cả ngàn năm. Nước này tụ lại chung quanh gió, có tên là Nhiếp Trì. Ngày đêm thường khởi lên làm cho nước chẳng thể tan. Như thế thủy giới tăng dần chưa nghỉ. Nước này càng ngày càng tăng muốn đến cứ đến, đầy cả khắp nơi rồi khởi thành thế giới do nghiệp đời trước mà cảm đến sức mạnh của gió tạo thành và lại còn có gió bên ngoài bao vây mà khởi thành.

Tây Ngưu Hóa Châu và Đông Thắng Thần Châu lại có gió bốn phương bốn góc tạo thành. Bắc Cu Lô Châu lại có gió như tiếng Tỳ Bà mà thành. Ở Nam Diêm Phù Đề gió tạo thành núi, kể đến là tạo thành đỉnh núi. Khi gió thổi thì thành ngay thẳng hoặc một bên, hoặc thành tướng núi, hoặc bằng hoặc cao. Lại có gió khởi lên một bên rất nhanh và tạo tiếp thành bên kia. Tướng núi có hình như núi. Còn bên kia thì bằng phẳng. Lúc gió thổi thì đánh sâu vào nhau và quay trở lại, liền ra khỏi thành núi, rồi có đá có động. Có gió gây nên thật sâu phía dưới rồi mới trở ra. Phía sau núi bị hỏng là do gió này khởi lên vậy.

Đất đai trong bốn cõi trời hoặc sâu, hoặc cao, hoặc có nơi hiển hiện cao 8 vạn do tuần; hoặc có nơi sâu xuống 4 vạn do tuần. Lại cũng có nơi cao 4 vạn do tuần, sâu 2 vạn do tuần. Lại cũng có nơi cao 2 vạn do tuần, sâu 2 vạn do tuần. Lại cũng có nơi cao 1 vạn do tuần, sâu 5.000 do tuần. Lại cũng có nơi cao 5.000 do tuần và sâu 2.500 do tuần. Lại cũng có nơi cao 2.500 do tuần và sâu 1.200 do tuần. Lại cũng có nơi cao 1.250 do tuần và sâu 625 do tuần. Lại cũng có nơi cao 625 do tuần và sâu 312 do tuần rưỡi. Đây là do nhân duyên mà khí thế giới khởi lên, tạo tác để thành tựu.

Lúc ấy 2 loại giới khởi lên tạo thành. Nghĩa là đất, lửa và mưa gió nổi lên, thổi cho lửa tiêu đi thành đất. Gió hay khởi và thổi tất cả vật tạo thành chỗ cứng cáp. Sau khi cứng cõi rồi, tất cả các loại quý giá đều hiện ra, rồi bị mưa rót xuống nặng hạt thấm dần vào vòng rồi cho đến trục xe hoặc như suối phun vô số nước, đầy cả thành Thiện Kiến và hồ Tiệm Na Đà; hồ Chúng Xa, hồ Ác Khẩu, hồ Tạp Hoa. Biển trong lớn Do Càn Đà, biển Y Sa Đà, biển Khư La Tí, biển Thiện Kiến, biển Mã Nhĩ, biển Tỳ Na Đa, biển Ni Dân Đà; ở giữa tứ thiên hạ có các châu lục đất đai, bên ngoài có biển lớn. Do nhân duyên này mà tất cả thế giới nước đầy khắp. Đối với cõi trời Dao Lợi và trời Tứ Thiên Vương khi xả báo ở cõi trời thọ sanh vào đây, lại có chư thiên thọ mạng đã hết phước; nên từ trên cõi trời bị đọa xuống tứ thiên hạ và thọ sanh vào cõi người.

Lúc đó con người vui với đồ ăn, y phục mà sống. Ý sanh hóa thân, tự nhiên sáng sủa an lạc mà ở và hay vào hư không. Lúc ấy mặt trời và mặt trăng chưa xuất hiện và trên trần thế cũng chưa có sao. Ngày đêm chẳng phân biệt; năm tháng, 4 mùa, 8 tiết không rõ, nam nữ không phân biệt, lại không cha mẹ, huynh đệ, tỷ muội, vợ chồng con cái; chẳng có người ở và chủ. Một lòng thọ dụng tự tại an lạc. Cũng chưa có tên gọi và loại chúng sanh. Lúc ấy thì nước từ từ chảy giảm dần xuống, biển lớn lúc thì tăng lúc giảm khai mở nhiều sông nên nước giảm từ từ. Có đất đai phì nhiêu cung cấp nhiều vị ngon ngọt. Sanh trưởng trên đất nhiều sắc hương, xúc, vị, khả ái, đầy đủ như mật ong. Chẳng đắng, chẳng chua, đất đai phì nhiêu cho các vị cũng như thế. Lúc đó các mùi vị ngon đầy cả, lại có một người ngửi thử hương vị này khởi lên tâm đắm trước rồi chỉ nhớ vị ấy đã ngửi, biết rằng ngọt ngào như mật nên ăn và người khác thấy người này ăn đồ ngon ấy không hề gì nên giao chuyển cho nhau ăn. Khi con người ăn những vị ngon trên đất rồi thân thể cứng

cáp và nặng từ đó về sau. Cho nên không thể phi hành trên hư không như trước nữa.

Lúc ấy ánh sáng đẹp đẽ nơi thân lại mất. Khi ánh sáng mất rồi liền sanh tối tăm gốc gác như cũ. Do vậy mà tứ đại thiên hạ bị che tối. Mặt trời mặt trăng lúc đó lại xuất hiện trong cuộc đời dưới thế. Sáng mai lại hiện ra sao và từ đó ngày đêm phân chia rõ ràng. Khi ngày đêm phân chia rồi nửa tháng, một tháng hiện diện. Nửa tháng, một tháng có rồi thì 4 thời, 8 tiết cùng với năm tháng tất cả đầy đủ. Như thế, thế gian này được hình thành. Như thế trải qua 60 Tiểu kiếp. Lúc ấy chúng sanh ăn mùi vị của đất đai, nương vào đất mà sống lâu dài. Trong ấy chúng sanh ăn mùi vị nhiều thì hình dung trở nên xấu xí, thiếu uy đức và ít lực thần thông. Nếu trong đây chúng sanh ăn mùi vị ít thì thân thể dễ thương, có uy đức, thần lực tự tại. Do nhân duyên ấy mà tất cả sắc hình của chúng sanh có tốt xấu. Do sự tốt xấu này mà sanh tâm hơn thua. Do tâm này mà tạo nên lời nói: "Ta hơn người, người chẳng bằng ta". Lúc ấy các ác pháp bắt đầu hoành hành ở thế gian. Do sự hơn thua này mà ở đất các vị, sắc, hương từ đây không còn nữa.

Lúc ấy con người hòa hợp tụ tập lại ưu não, khổn khổ rồi khóc lóc và biết rằng pháp ác đã xuất hiện nơi thế gian. Nguyên do từ hình vóc mà sanh kiêu mạn và hủy báng người khác. Do ác pháp này mất thì ta mới được lại, bất khả tư nghị sắc, hương, xúc v.v... Lúc ấy con người ăn những đồ ngon và nói rằng: Thật là giống ngày xưa ta đã ăn mùi này rồi, rồi nhớ nghĩ sâu não cho đến bây giờ, tất cả đều quên hết. Chẳng còn người nào nhớ để nói lại. Khi vị này mất rồi lại có vị khác tên là Địa Bì, sắc, hương, vị, xúc tất cả đều ngon ngọt như mật ong. Lúc ấy con người đều đến để ăn; nương vào đồ ăn này mà lớn và được ở lại nơi đời. Ở trong đó có nhiều người tham mùi vị nên đã ăn nhiều, nên người ở

Địa Bì hình dung xấu xí, uy đức mỏng manh và ít thần thông. Lực chỉ có nơi những chúng sanh ăn mùi vị ít, nên hình dung khả ái, thân có uy đức, thần lực tự tại. Do nhân duyên này mà tất cả chúng sanh có hình tướng tốt xấu. Do sự tốt xấu này mà sinh ra tâm hơn thua. Do tâm này mà nói rằng: "Ta bây giờ hơn người, người chẳng bằng ta". Do pháp ác này lần lượt vào đời để tính hơn thua. Do vậy ở Địa Bì sắc hương từ đây mà mất.

Phật nói
Luận A Tỳ Đàm Về Việc Thành Lập Thế Giới
Hết quyển 10

*Dịch xong vào lúc 23 giờ ngày 8 tháng 7 năm 2005
nhân Khóa tu Gieo Duyên lần thứ 7 tại Chùa Viên
Giác, Đức Quốc.*

*Ngày này cũng là ngày tịnh khẩu và niệm Phật suốt
24 tiếng đồng hồ.*

*Đồng thời cũng là lễ bế mạc của trại Huấn Luyện
Huyền Trang 2 của Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại
Âu Châu.*

Cùng Một Tác Giả

1. Truyện cổ Việt Nam 1 & 2 *	Nhật ngữ	1974, 1975
3. Giọt mưa đầu hạ *	Việt ngữ	1979
4. Ngõ ngang *	Việt ngữ	1980
5. Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975 *	Việt & Đức ngữ	1982
6. Cuộc đời người Tăng sĩ *	Việt & Đức ngữ	1983
7. Lễ nhạc Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1984
8. Tình đời nghĩa đạo *	Việt ngữ	1985
9. Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1985
10. Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc	Việt & Đức ngữ	1986
11. Đường không biên giới *	Việt & Đức ngữ	1987
12. Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức	Việt & Đức ngữ	1988
13. Lòng từ Đức Phật *	Việt ngữ	1989
14. Nghiên cứu giáo đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II, III	dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ	90, 91, 92
17. Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc	Việt, Anh Đức ngữ	1993
18. Giữa chốn cung vàng *	Việt ngữ	1994
19. Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
20. Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
21. Vụ án một người tu	Việt ngữ	1995
22. Chùa Quan Âm (Canada)*	Việt ngữ	1996
23. Phật Giáo và con người *	Việt & Đức ngữ	1996
24. Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9	Việt & Đức ngữ	1997
25. Theo dấu chân xưa * (Hành hương Trung quốc I)	Việt ngữ	1998
26. Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1998
27. Hội kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma	Việt & Đức ngữ	1999
28. Vọng cổ nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)	Việt ngữ	1999
29. Có và Không	Việt & Đức ngữ	2000
30. Kinh Đại Bi (dịch từ Hán văn ra Việt văn)*	Việt & Đức ngữ	2001
31. Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thân Thông Biển Hóa Kinh	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2001
32. Bhutan có gì lạ?	Việt ngữ	2001
33. Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì - dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	Hán văn ra Việt ngữ	2002
34. Cảm tạ xứ Đức	Việt & Đức ngữ	2002
35. Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003,2004)	Việt ngữ	2003
36. Bản sự kinh	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2003
37. Những đoàn văn viết trong 25 năm qua	Việt & Đức ngữ	2003

- | | | |
|---|-----------------------------------|------|
| 38. Phát Bồ Đề Tâm kinh luận | Dịch từ Hán văn sang
Việt ngữ | 2004 |
| 39. Đại Đường Tây Vực Ký | Dịch từ Hán văn sang
Việt ngữ | 2004 |
| 40. Làm thế nào để trở thành một người tốt | Việt ngữ | 2004 |
| 41. Dưới cội bồ đề | Việt ngữ | 2005 |
| 42. Hải Thòa Táp Bồ Tát Hỷ Luân | Dịch từ Hán văn sang
Việt ngữ» | 2005 |
| 43. Bồ Đề Tư Lương luận | Dịch từ Hán văn sang
Việt ngữ | 2005 |
| 44. Phát nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới | Dịch từ Hán văn sang
Việt ngữ | 2006 |

Chú thích : (*) hết

Sẽ xuất bản năm 2006

- | | |
|----------------------------------|----------------------------------|
| 45. Giai nhân và Hòa Thượng | Việt ngữ |
| 46. Thiên Lâm Tế Nhật Bản | Dịch từ Nhật ngữ ra
Việt ngữ |
| 47. Luận về con đường giải thoát | Dịch từ Hán văn sang
Việt ngữ |

Quý vị muốn download những bài giảng pháp của Thượng Tọa Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover thì xin vào trang :
www.phatgiaowi.de ; www.quangduc.com ;
www.viengiac.net ; hoặc www.lotuspro.net